L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

BÀN VỀ SỰ TĂNG LƯƠNG CHO CÁC VIÊN-CHỨC TÒNG-SỰ

CHÁNH-PHỦ BẢO-HỘ

Mấy năm nay sự sinh-hoạt đắt-đỏ, vật-giá cái gì cũng cao, các viên-chức tòng-sự Chánh-phủ Bảo-hộ, lương-bổng thật là không đủ cho sự chi-tiêu. Trong khi nhiều người theo cái phong-trào mới, kẻ đi buôn-bán, người mở công-nghệ, làm nên giàu-có, thời các ông làm việc Nhà-nước, tháng-tháng chỉ có món lương nhất-định, nhất-nhất các việc đều trông vào đó, mà khoản gì cũng đắt hơn trước gấp hai, thật đã qua một cái cảnh khó-khăn eo-hẹp, xưa nay chưa từng thấy bao giờ. Cứ lấy số lương trung-bình là ba bốn chục bạc một tháng, mà làm thế nào đủ tự-cung cho mình, cung-cấp cho vợ-con, có khi lại phải phụng-dưỡng cha mẹ nữa, mà lại giữ được cho trọn cái phong-thể con người trung-lưu trong xã-hội, thật là một vấn-đề khó lắm thay! Tiết-kiệm lắm mới từng-tiệm đủ, hơi xa-hoang là đâm ra nợ-nần: bởi thế mà trong gia-đình, trong xã-hội, thường diễn-xuất ra lắm cái cảnh bi-thương, phải có ngọn bút nhà tiểu-thuyết mới tả cho hết được...

Cái tình-cảnh ấy, Chánh-phủ không phải là không biết đến. Nhưng Chánh-phủ phàm thi-thố việc gì phải suy trước tính sau, nhất-cử nhất-động là có ảnh-hưởng sâu-xa lắm, muốn thêm khoản chi-tiêu này thời lại phải tìm-kiếm khoản thâu-nhập khác cho tương-đương, cho nên chậm-trễ bấy lâu mà chưa ra tay cứu-tế. Từ khi quan Toàn-quyền Long sang trọng-nhậm Đông-dương thời ngài chú-ý nghiên-cứu ngay về cái vấn-đề tăng lương-bổng cho quan-lại Tây Nam. Nhưng trước khi tăng lương-bổng, phải biết lấy tiền ở đâu để đương cho đủ cái khoản chi-tiêu mới ấy. Lập-tức ngài định tăng các thuế xuất-cảng nhập-cảng, ngày 17 Mars ký nghị-định tăng thuế xuất-cảng về thóc-gạo gấp ba lần trước, định các thuế thương-chánh trước vẫn tính bằng quan tiền tây nay phải tính ra bạc, lại tăng thuế nhập-cảng các thứ rượu tây: các khoản đó công-cộng mỗi năm có thể thêm cho số thâu-nhập của Đông-dương tới 6, 7 triệu bạc. Ngài đã tìm được cách thêm tiền cho số chi-thu được dư-dũ, liền đặt hội-đồng

để giải-quyết cái vấn-đề tăng lương-bổng. Ngày 1er Avril, các viên trị-sự Hội « Khai-trí tiến-đức » lên yết-kiến ngài ở phủ Toàn-quyền, ngài đã ngỏ lời rằng việc tăng lương-bổng ấy sắp nghị xong, và có lẽ người An-nam lại được trước người Đại-Pháp, vì thuộc về người bản-xứ thời quan Toàn-quyền có quyền nghị-định ngay, còn thuộc về người Đại-Pháp thời phải đợi lệnh bên Bộ mới được. Quả-nhiên ngày 14 Avril mới rồi, quan Toàn-quyền đã ký một tờ nghị-định định bắt đầu từ ngày 1er Mai 1920 phàm các viên-chức bản-xứ tòng-sự các sở công của Chánh-phủ Bảo-hộ, thuộc về thượng-hạng, trung-hạng hay là hạng tùy-phái (*personnel indigène des cadres supérieur, secondaire et subalterne*) đều được tăng lương-bổng cả, chiếu theo như sổ-mục đã định. Đại-khái các lương mới tính tăng theo cái tỉ-lệ như sau :

Lương nào tự dưới cho đến 300 $ một năm thời được tăng lên 50 phần trăm (50 %), nghĩa là tăng lên một nửa.

Tự hơn 300 $ trở lên thời tăng theo như thế này :

Tự 301 $ cho đến 800 $, tăng 30 phần trăm (30 %),

Tự 801 $ cho đến 1500 $, tăng 10 phần trăm (10 %),

Tự 1501 $ cho đến 2000 $, tăng 6 phần trăm (6 %).

Nay cứ so-sánh lương cũ với lương mới thời biết rõ mỗi hạng mới hơn cũ là bao nhiêu.

	LƯƠNG CŨ	LƯƠNG MỚI	SỐ TĂNG BAO NHIÊU	TỈ-LỆ TĂNG BAO NHIÊU
Hạng Thư-ký	300 $	450 $	150 $	50 %
	360	528	168	46,6 %
	420	606	186	44,2 —
	480	684	204	42,5 —
	540	762	222	41,1 —
	600	840	240	40 —
	660	918	258	39 —
	720	996	276	38,3 —
	780	1074	294	37,6 —
	840	1144	304	36,1 —
	1000	1320	320	32 —
	1200	1540	340	28,3 —
Hạng Tham-biện	800 $	1100 $	300 $	37,5 —
	900	1210	310	34,4 —
	1000	1320	320	32 —
	1200	1540	340	28,3 —
	1400	1760	360	25,7 —
	1600	1976	376	23,5 —
	1800	2188	388	21,5 —
	2000	2400	400	20 —

Xét cái biểu như trên thời biết rằng càng lương nhỏ cái tỉ-lệ tăng lại càng cao, và lương càng to cái tỉ-lệ lại càng thấp đi: lương 300 $ một năm thời được tăng 50 phần trăm, nghĩa là tăng hầu gấp rưỡi, mà lương đến 2000 $ một năm thời chỉ được tăng 20 phần trăm (20 o/o) mà thôi: đó là Chánh-phủ có ý muốn vị những người lương ít, lấy rằng sự ăn-tiêu đắt-đỏ là chung cả mọi người, càng người ít lương càng phải giúp, tưởng cũng là chu-chí lắm vậy. Nay xét các lương mới thời đem sánh với các lương cũ cứ bình-tĩnh mà nói không phải là không hậu, nên lượng biết cho lòng quyến-cố của Chánh-phủ làm được thế đã là hết sức vậy. Chắc rằng nếu tăng hơn được nữa thời mới thật là xứng-đáng, mới thật là phỉ lòng các viên-chức ta, nhưng thiết-tưởng các ông cũng phải biết cho rằng tuy cứ lấy riêng lương từng người mà xét thời sự tăng đó là vô-kỷ thật, chưa đủ đối-phó với sự ăn-tiêu đắt-đỏ bây giờ, nhưng gồm cả lại mà tính thời thành một món tiền to biết bao nhiêu. Các ông có biết tổng-số các viên-chức bản-xứ tòng-sự Chánh-phủ Đại-Pháp ở suốt cõi Đông-dương ta là bao nhiêu không? Chắc nhiều ông không nghĩ đến và không biết số đó nhiều là chừng nào. Theo sổ thông-kê của Phủ Toàn-quyền thời tổng-số các viên-chức bản-xứ tòng-sự các sở công của Chánh-phủ Đại-Pháp, ở khắp năm xứ Đông-dương (Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ, Cao-miên, Ai-lao), và thuộc về khắp các ngạch (ngạch tòa sứ, ngạch công-chánh, thương-chánh, học-chánh, y-tế, v. v.), là hơn 20.000 người! Nay cứ lấy trung-bình mỗi người tăng mỗi năm là 200 $ thời tổng-cộng có tới 4.000.000 $ không? Bốn trăm vạn đồng, tưởng cũng là một món tiền to vậy. Cứ tính mỗi người thời cho là không bao nhiêu, mà tính gồm cả thật là một gánh nặng cho tài-chánh Đông-dương vậy.

Công việc to lớn như thế, trách nào Chánh-phủ trước khi quyết-định còn phải trù-trừ, và sau khi quyết-định rồi có lẽ cũng còn chưa được thỏa lòng hi-vọng của người ta cho lắm. Nhưng chắc các viên-chức ta là những người hiểu việc cả, dẫu có chưa được thập-phần mãn-nguyện, tưởng cũng biết hàm-ơn Chánh-phủ đã hết sức mà quyến-cố đến bọn mình như vậy.

Và cứ bình-tĩnh mà xét, như ta đã nói trên kia, lương mới này không phải là không hậu. Ta không nên so-sánh người ta với người Tây, vì người Tây cách ăn-ở khác người mình, sự tiêu-phí cũng nhiều hơn người mình, và đi ra xứ ngoài phải sung-sướng hơn ở nước nhà thời người ta mới chịu đi, đó

cũng là những lẽ đương-nhiên vậy. Nhưng có một nước ở ngay trong cõi Á-đông này, tình thế cũng gần giống như nước ta, mà văn-minh đã theo đòi kịp Thái-Tây, tức là nước Nhật-bản; ta có so-sánh nên so-sánh với người nước ấy, xem Chánh-phủ nước ấy đãi các quan-lại hậu bạc thế nào. Cứ xét trong « niên-thư » (*annuaire*) của Nhật-bản gần đây, thời thấy lương các quan-lại Nhật-bản cũng không hậu gì hơn lương quan-lại của ta mấy, đại-khái sàn-sàn như vậy mà thôi. Tỉ như một viên quan quận-tưởng (*local governor*), tức ngang với bậc tổng-đốc đầu các tỉnh ở nước ta, lương mỗi năm tự 3700 cho đến 4500 viên (*yen*), mỗi một viên giá kém đồng bạc ta một ít, thời xét ra cũng chẳng cao hơn gì lương các quan tổng-đốc ta mỗi năm được 3600 $. Một tòng quan án đệ-nhất-cấp (*judges and procurators of district courts*), tức ngang với chức phủ-huyện ta kiêm quyền thẩm-phán, lương mỗi năm trung-bình là 1200 viên, một tháng 100 viên, thời có hơn gì lương các quan phủ-huyện ta. Mà ở Nhật-bản chắc là cái tệ-tập hối-lộ không có thịnh-hành như ở nước mình, quan-lại lương bao nhiêu thời được bấy nhiêu mà thôi, không thể trông mong vào bổng ngoại như quan-lại nước ta. Ấy là lương các quan, xét đó thời khả-tưởng được lương các tư-lại thế nào. Nay lại xét đến lương các giáo-viên trường sở-đẳng, tức ngang với hạng giáo-học trường Pháp-Việt ở ta, thời thấy lương hai bên cũng không chênh nhau mấy tí : giáo-viên chính-ngạch thời được chừng 40, 50 viên một tháng, mà trợ-giáo thời được từ 15 đến 30 viên một tháng. — Nói tóm lại thời người dân Nhật-bản cách sinh-hoạt cũng như ta, sự ăn-dùng cũng giống ta, mà lương bổng các quan-lại Nhật-bản không khác gì quan-lại ta, thời biết rằng lương-bổng quan-lại ta cũng không phải là bạc chi cho lắm. Cái « sinh-hoạt tỉ-lệ » (*standard of life*) của người dân hai nước không hẹn mà hợp nhau như vậy, thời đủ biết cái tỉ-lệ ấy thật là chánh-đáng lắm. Và cứ xét ngay các lương mới theo như cái biểu trên kia, thời một người đỗ tốt-nghiệp trường trung-học ra (như Trường Bảo-hộ Hà-nội, trường Quốc-học Huế), tuổi chừng 20, 22, bắt đầu vào làm việc Nhà-nước được ngay 450 $ một năm, nghĩa là ước 36 $ một tháng, thời cứ cách sinh-hoạt như bây giờ tưởng cũng là đủ cho sự ăn-tiêu vậy. Còn người nào có học qua trường Đại-học, chừng 3, 4 năm tốt-nghiệp ra, tuổi ước 24, 25, được bổ tham-biện, lương đầu tiên được ngay 1100 $ một năm, ngót một trăm đồng một tháng, tưởng cũng là phong-lưu vậy.

Nói tóm lại, thời Chánh-phủ phen này tăng lương cho các viên-chức ta, thật là làm một sự rất chánh-đáng, các viên-chức ta nên hàm-ơn Chánh-phủ và nhất là cảm-tạ quan Toàn-quyền LONG vậy.

Năm ngoái Chánh-phủ Bảo-hộ Bắc-kỳ đã định tăng lương cho quan-trường ta, năm nay Chánh-phủ Đông-dương lại tăng lương cho các viên-chức các hạng tòng-sự Nhà-nước Đại-Pháp, thế là quan-lại ta ai ai cũng đều được thỏa lòng cả. Duy có hạng những thày tơ-lại (thừa-phái, v.v.) ở các nhà quan ta, thời tuy Chánh-phủ Bảo-hộ đã có định lại ngạch phân-minh hơn trước, nhưng lương vẫn còn ít lắm, tình-cảnh rất đáng thương, mong rằng Chánh-phủ đã thi-ân thời nên thi-ân cho khắp và tăng thêm lương cho hạng ấy được nhờ.

Lại đến cái vấn-đề tăng lương-bổng cho quan-trường ở Trung-kỳ, cũng chưa biết đến bao giờ giải-quyết được. Trong các xứ Đông-dương, Trung-kỳ là xứ nghèo hơn nhất, tài-chính thường quẫn-bách, không đủ mà chi-tiêu. Nhưng lỗi đó tại ai ? Chính tại quan-trường Trung-kỳ, chỉ biết bác-tước dân, mà không biết theo thời cải-cách để cho sự sinh-hoạt trong dân-gian được mở-mang rộng-rãi thêm ra. Và quan-lại ở Trung-kỳ nhiều quá, không kể những viên-chức có phận-sự nhất-định, còn những người phụ-thuộc ở ngoài không biết bao nhiêu mà kể, mượn cái phẩm-hàm xuống để mà gửi mình ăn báo ở chốn công-môn; nay muốn tăng lương-bổng cho quan-lại thời trước hết phải giảm sổ quan-lại đi đã, theo cái công-lệ của các nước văn-minh rằng phàm việc gì cũng chỉ nên dùng ít người mà chọn lấy những người được việc, nhưng những người ấy phải đãi cho hậu và nghiêm-cấm không được làm sự nhũng-nhiễu ; nhưng sự cải-cách ấy ở đâu làm thời dễ mà ở Trung-kỳ làm rất khó vậy.

* * *

Trên kia đã nói rằng phép lý-tài phàm thêm ra khoản chi-tiêu nào thế-tất phải thêm ra một khoản thâu-nhập tương-đương, nghĩa là muốn tăng lương cho quan-lại, thời phải tăng thuế đến nhân-dân, cả cái vấn-đề là ở đó. Muốn giải-quyết cái vấn-đề ấy thật là khó thay. Vì quan-lại vẫn muốn được lương hậu, mà nhân-dân vẫn muốn được thuế nhẹ, làm thế

nào mà điều-hòa được cả hai đàng? Bởi vậy nên hiện nay Chánh-phủ đương nghiên-cứu cách sửa-sang lại sự lý-tài ở Đông-dương thế nào cho công-quĩ được dư-dũ mà nhân-dân khỏi phải chịu thuế nặng quá. Cứ như bây giờ thời thuế vẫn nặng cho người nghèo mà nhẹ cho kẻ giàu, Chánh-phủ đánh sưu-thuế gì rút lại cũng là người hạ-dân nhà quê phải chịu phần nhiều hơn mà kẻ giàu-có không phải thiệt-thòi mấy. Cách lý-tài khéo là phải làm thế nào cho người giàu phải nộp thuế nhiều hơn người nghèo, kẻ phú-hộ phải gánh vác nhiều hơn đứa cùng-đinh mới là công-bằng. Chánh-phủ vẫn hiểu lẽ đó, nhưng dân-tình ta có lắm điều u-ẩn, Chánh-phủ không thể biết hết được. Phận-sự những người đại-biểu cho dân, phận-sự những ông nghị-viên đã được bầu-cử để nay mai ra thay mặt dân ở nơi Tư-vấn-hội-nghị, là phải đem những điều u-ẩn ấy mà bộc-bạch cho Chánh-phủ biết, cùng xem-xét bàn-bạc những cách sửa-đổi thế nào cho sự sưu-thuế trong dân-gian được công-bằng hơn và thỏa-đáng hơn bây giờ, như thế cũng là giúp được việc lý-tài cho Nhà-nước mà trừ được sự tệ-hại cho nhân-dân. Việc lý-tài ấy hiện bây giờ là một vấn-đề quan-trọng lắm, như trên kia đã nói, và nhân sự tăng lương cho quan-lại, lại càng cần-cấp phải giải-quyết cho mau. Giải-quyết cái vấn-đề ấy thì chỉ có cách hoặc tăng thuế, hoặc đặt thuế mới, hoặc chỉnh-đốn lại thuế cũ, dẫu dùng cách nào cũng phải thi-hành cẩn-thận, cho khỏi phiền-hại đến dân. Hiện năm nay thời sở bổn triệu bạc tăng lương cho các viên-chức ta là trông vào thuế thương-chánh, thuế xuất-cảng nhập-cảng như trên kia đã nói, nhưng các khoản ấy không có nhất-định, tùy mùa-màng tốt-xấu, tùy sự xuất-nhập buôn-bán mà mỗi năm có nhiều ít khác nhau, không thể trông cả vào đó được. Rút lại chỉ có thể chắc-bằng ở sưu-thuế trong dân-gian mà thôi ; cho nên cái vấn-đề sửa-sang chỉnh-đốn việc sưu-thuế là một vấn-đề rất cần-cấp và rất quan-trọng cho sự lý-tài của Chánh-phủ vậy. Vấn-đề ấy giải-quyết phải hay là sai, có quan-hệ đến sự lợi bệnh của dân ta lắm lắm. Các quan-lại cùng viên-chức ta đương vui mừng được tăng lương-bổng, có nghĩ xa đến thế không ?

N.-P.

SỰ GIÁO-DỤC TRONG GIA-ĐÌNH

ĐẠO DẠY CON

Phép giáo-dục có thể phân ra làm hai cách : 1º là có khoa-học để dạy cho biết, 2º là có phương-pháp để tập cho quen. Đến như việc giáo-dục trong gia-đình, thuộc về phạm-vi khoa-học thì ít, mà thuộc về phương-pháp tập-quen thì nhiều ; cho nên những người có chức-trách về việc quản-lý con trẻ, không cứ tinh-thâm khoa-học cho lắm, chỉ lấy cái phương kinh-nghiệm của mình cũng làm cho đạt mục-đích được.

Đàn-bà là chủ trong gia-đình, đứng vào địa-vị giáo-sư cho con trẻ : nếu không có phương-pháp gì để giúp đường kinh-nghiệm, làm sao cho đủ bổn-phận mình ? Vả con trẻ lúc còn ở nhà với cha với mẹ, nghĩa là chưa đến tuổi cho vào học-hiệu, cũng như hạt cây mới nẩy, cần phải có người che-chở vun-sới ; nếu cứ để mưa dầm nắng táp, dù có giống tốt thể nào cũng phải vàng úa cằn-cọc mà không nẩy-nở lên được.

Người ta không biết uyên-nguyên giáo-dục là tự gia-đình, cứ mong ủy-thác đức-tính con trẻ cho ông thày, thực là một sự vu-khoát. Ôi ! đàn bà là người trực-tiếp với con trẻ, tinh nết con hay con dở đều ở tay người đàn-bà ; cho nên muốn vì nước-nhà dưỡng-dục lấy nhân-tài, để mưu đường hạnh-phúc trong cuộc tương-lai, trước phải vì các gia-đình gây lấy nền mẫu-giáo.

Đàn bà nước ta, xưa nay hồ hết là chưa có giáo-dục, việc dạy con cứ nhà nào theo thói quen nhà ấy, không có lấy đâu làm chuyên-khoa, cũng không lấy gì làm phương-pháp ; con hiền, con ngu, con thiện, con ác, đều là nhờ bẩm-tính tự-nhiên. Có nhà áp-chế con trẻ quá mà con vẫn hư, có nhà phóng-túng con trẻ quá mà con cũng khá, đều là không có tài-năng tri-thức về đường giáo-dục trong gia-đình.

Dù nay đã có phôi-thai nữ-học, song chưa được hoàn-toàn, thì việc giáo-dục phổ-thông cũng vì thế mà chậm trễ. Vì thế, chúng tôi dịch-thuật một thiên « Đạo dạy con » này, chủ-ý thuật những phương-pháp phổ-thông để cung-cấp cho những nhà có trách dạy con biết đường ăn ở để dưỡng-thành nhân-cách cho con trẻ. Việc giáo-dục con trẻ có hai phương-diện : 1º là thân-thể, 2º là tinh-thần. Về đường thân-thể chủ cho con trẻ được khỏe mạnh, như đã nói trong sách vệ-sinh. Đây chúng tôi chỉ chuyên nói về đường tinh-thần, để sửa-sang đức-tính cho con trẻ. Chỉ chọn những câu giản-dị dễ hiểu làm thí-dụ, còn những nghĩa cao-sâu bí-áo chưa dám nói đến. Sau hết có dịch thêm một thiên nói về « tính-chất đàn bà », để kể cho hết cái thông-bệnh của đàn-bà đối với việc dạy con. Xin các nhà độc-giả hãy lưu-ý mà xem, và để đàn bà thường đọc, tưởng cũng giúp cho việc gia-đình giáo-dục lắm.

Dịch-giả chí.

I

Nói về phận-sự đàn-bà

1º — *Giúp chồng nuôi con là phận-sự đàn-bà.* — Bẩm-thụ tự-nhiên, từ thể-cách cho đến tính-tình, đàn-bà vốn khác với đàn-ông : Đàn-ông lực-lượng mạnh-bạo, phải gánh vác công việc bên ngoài, đàn-bà yếu-ớt nhu-mì, phải đảm-đang công-việc nội-trợ. Vậy giúp chồng nuôi con là phận-sự đàn-bà, không còn nghi-nghĩa nữa.

Đang buổi văn-minh tiến-hóa, có người nói : « Đàn-bà chẳng những giúp chồng nuôi con, còn phải lo việc doanh-sinh nữa, cho nên ngày nay đàn-bà Âu Mỹ đều đua nhau tranh-cạnh vào việc mưu-sinh càng ngày càng thịnh, đến nỗi có người không chịu lấy chồng, không chịu sinh con, để tranh dành với đàn-ông trong đường kinh-tế, đường chính-trị, cũng là một cái văn-minh lưu-tệ. » Cứ lấy lẽ phải mà nói, đàn-bà cứ làm cho hết phận-sự mình cũng đã là đủ. Muốn cho đàn-bà giữ hết bổn-phận, phải có giáo-dục, muốn có giáo-dục phải có giáo-khoa, để làm tiêu-chuẩn.

Hạnh-phúc trong gia-đình được xum-họp vui-vẻ là nhờ tay đàn-bà ; con trẻ sinh ra dù có chất tốt thể nào, hễ không được người mẹ biết dạy, cũng không được thân-thể khỏe mạnh, đức-tính hoàn-toàn. Vậy biết đàn-bà không có giáo-dục, không làm được hết bổn-phận. Như thế chẳng những hỏng một thân mẹ, mà hại cả đến con, thực là một sự không may cho xã-hội.

2º — *Thế nào là hiền-mẫu.* — Việc giáo-dục con trẻ phải đủ hai mặt : trong là đức-tính, ngoài là thân-thể. Việc giữ-gìn cho thân-thể con trẻ được mạnh khỏe, đã dạy trong các sách vệ-sinh, còn về đức-tính con trẻ phải có tập-luyện tự lúc tấm-bé cho đến trưởng-thành, phải lưu-tâm từng việc, chú-ý từng điều, không nên sao-lãng một chút nào, mới có ngày nên công được.

Công-việc đàn-bà giúp đỡ người chồng đã là khó nhọc ; khó nhọc bao nhiêu, sau được vẻ-vang bấy nhiêu. Đến việc dạy con lại càng khó-nhọc hơn nữa, đến ngày con khôn con khá, thì mẹ càng được hả lòng phỉ chí. Quí-hóa thay ! là cái nghĩa-vụ đàn-bà ! Đã lấy giọt máu đỏ sinh con, lấy giọt sữa trắng nuôi con, lại tổn-phí bao nhiêu tinh-thần tâm-lực về việc giáo-dục cho con ; đối với nhân-loại, đối với xã-hội, đối với nước-nhà đều có công cao đức lớn !

Chốn gia-đình ấy là nơi chế-tạo ra nhân-tài, kẻ ra làm quan phù đời giúp nước, kẻ đi tu-hành giảng đạo truyền giáo, cho đến kẻ ra làm nghệ này nghiệp khác, phát-minh ra các học-thuật mĩ-thuật, nên những kẻ có tài có đức, tạo phúc cho loài người, lập công với xã-hội, mà tạo-nhân thực tự khi tấm-bé từ trong tay mẹ mà ra. Cho nên những nhà có đàn-bà mà không biết dạy con để cho con yếu con hư, chẳng những là sự vô-phúc trong gia-đình, còn hại lây đến xã-hội.

Vậy đàn-bà phải sửa-sang đức-hạnh cho nên người hiền-thuận, để làm gương cho con ; nhất là khi con đã có trí khôn mình phải giữ ý-tứ từng việc làm lời nói ; như thế mới gọi là hiền-mẫu.

3º — *Giữ bản-phận mình.* — Bản-phận đàn-bà là giúp chồng nuôi con như đã nói trong tiết trước, thực là điều Trời đã phú-thác riêng cho mình. Thân-phận đàn-bà ở đấy, sự-nghiệp đàn-bà ở đấy, hạnh-phúc trong gia-đình cũng ở đấy, lọ là còn phải cầu đâu. Mấy nhà phú-quí cứ giữ thói kiêu-căng, không chịu khó-nhọc. Lúc con còn nhỏ, giao việc bú-mớm ẵm-bế cho vú sữa con đòi ; lúc con lớn khôn, giao việc giáo-dục cho thầy học. Tưởng thế đã là hết đạo sinh-thành, còn con hay con dở là nhờ cái tư-chất

nó. Như thế gọi là dạo cầm-thú : biết đẻ mà không biết nuôi.

Có kẻ lấy nê còn phải gánh vác công này việc khác, không có lẽ chỉ chăm-chăm một việc dạy con. Sao không nghĩ giáo-dục với tảo-tần thì việc nào khinh việc nào trọng. Vả chăm chỉ cho con được thân-thể tráng-kiện, đức-tính hoàn-toàn, lại là một cái công-đức lớn-lao trong nhân-loại. Bởi đó mà suy, trong xã-hội nào có lắm người ốm-yếu tàn-tật, lắm người tội-ác xấu-xa, cũng là vì đàn-bà không biết giữ bản-phận.

Có người nói : « Con trẻ lúc mới 5, 6 tuổi, còn đồng-tinh, chưa đủ trí khôn mà thì giáo-dục. » Ấy là điều lầm quá. Phải biết rằng việc dạy trẻ như kẻ trồng cây, lúc cây còn non dễ uốn dễ nắn. Chăm-chỉ bón sới, thì cây công-eo thế nào cũng nên ngay-thẳng tươi-tốt. Phương-ngôn có câu rằng : « *Bẻ không vin, cả gẫy ngành* »

II

Nói về đàn-bà phải làm thế nào cho hết phận-sự

1° — *Giáo-dục con trẻ cứ theo cái trình-độ giáo-dục của người mẹ* — Việc giáo-dục con trẻ quan-hệ ở người mẹ đã nói như chương trên ; vậy người mẹ phải có tư-cách thế nào cho xứng-đáng? Phần nhiều người đàn-bà không biết phận-sự mình là gì ; dù có biết cũng không trọn-vẹn ; cũng là vì học-thuyết xưa nay có nhiều điều khuyết-điểm. Như nói : « Chưa có ai học nuôi con rồi mới lấy chồng ». Bằng nhường cho việc nuôi con là sự tự-nhiên như loài cầm-thú. Cũng có khi đất sỏi mà sinh trạch vàng, người khôn không cứ nòi giống, song phần nhiều con nhà không có giáo-dục là con nhà hư. Kẻ thấy con hư con dại không biết trách mình vụng dạy, chỉ oán trời phủ-bẩm bất-lương, cũng là một điều khả-quái.

Có người bẻ-bác cho đàn-bà rằng : « Đàn-bà là chủ trong nhà, còn có công này việc khác, không có lẽ cứ cả ngày ngồi kèm đứa con để giảng đạo-đức, sửa tính-nết ; chẳng qua phải có ít nhiều học-thức, có tính-nết thành-thực, lấy đạo từ-huệ mà nuôi con. Tư-cách đàn-bà như thế là đủ. » Việc giáo-dục có đâu giản-dị như thế. Trình-độ giáo-dục của người thụ-giáo cứ theo với trình-độ giáo-dục của người thi-giáo làm chứng. Tri-thức người mẹ càng cao, thì phép giáo-dục càng lương-hảo. Nếu tinh-tình từ-thiện, mà tri-thức hẹp-hòi, dù muốn thì giáo-dục mà phải đứa con ngu-ngoan, hẳn có nhiều chỗ chướng-ngại.

Có người lại bẻ-bác cho đàn-bà rằng : « Đàn-bà chỉ nên có lòng từ-ái để mà nuôi con, chẳng lo phải khôn-ngoan cho lắm mới là mẫu-đạo. Vì đức từ-ái của mẹ đủ làm cho cảm-hóa lòng con. » Lời nói ấy lại càng không có kinh-nghiệm. Xưa nay những người lành quá hay hóa ngu, không biết phán-đoán nết ở việc làm của con trẻ. Có người nịch-ái quá, con dở vẫn nghĩ là con hay ; có ai kể tính hư nết xấu của con, lại tìm điều mà che-chở. Cũng vì lòng yêu con quá làm cho u-ám cả lương-tâm. Điều ấy những bậc cao-minh cũng hay mắc phải, huống-chi là kẻ tầm-thường.

2° — *Người mẹ và người cha đều có quan-hệ về việc giáo-dục cho con trẻ.* — Đức-tính có cương như : cương là có can-đảm, có quyết-đoán, như là có ôn-hòa, có tri-thức ; luyện-tập cho con trẻ đủ hai đức ấy mới là người hoàn-toàn. Tình-tình đàn-bà có như mà không có cương, phải nhờ tinh-tình cương-nghị của người chồng mới cảm-hóa cho con trẻ được. Hãy xem một câu thi-dụ như sau này :

Một hôm, mẹ dem con ra chơi vườn, thấy con sâu trên cây dơi xuống đất.

Mẹ bảo con giết con sâu cho nó khỏi hại cây cối. Đứa con thấy con sâu quằn-quại không dám giết. Mẹ bảo con lấy miếng đất phủ lên con sâu mà sẻo. Đứa con tưởng đến lúc con sâu phải sẻo, sẽ vãi ruột ra mà chết, lại ghê chân không dám sẻo.

Lấy một việc ấy mà suy, thì biết những con nhà mồ-côi cha, tính-tình sao cũng nhu-hòa mà thiếu bề cương-nghị. Vì cảm-hóa tính-tình người mẹ nhiều hơn. Cho nên cha mẹ dạy con mỗi người phải có một vẻ : Cha dạy con lấy điều cương-nghị, mẹ dạy con lấy nết ôn-hòa. Việc giáo-dục lấy mẹ làm chủ mà cha làm phụ.

3° — *Cha mẹ phải hòa-hợp với nhau luôn.* — Mẹ dạy phải nhờ có cha giúp, đã nói như tiết trước, thì cha mẹ phải hòa-hợp với nhau luôn, mới cảm-hóa con trẻ được. Đàn-ông với đàn-bà mỗi người một tính, muốn cho hòa-hợp luôn luôn thật là khó. Có khi hai bên trái ý vì việc gì, lại đem con ra mà giằn-vặt. Mặt giận người cha, nước mắt người mẹ, đã đủ làm cho cảm-động lòng con. Nếu cha mẹ biết nghĩ đến điều ấy, phải tìm thế mà tránh những sự bất-bình trong gia-đình, phải cẩn-thận từng lời nói từng ý ở, chớ để sinh mất lòng nhau là hơn.

Có nhà nhân việc nhỏ-mọn sinh ra phong-ba, những tiếng quát-tháo gầm-thét, tiếng đập giường vỗ ghế, đã làm cho con trẻ thất-kinh. Có khi cha mẹ lại đem những điều thị-phi khúc-trực kể-lể với con. Ấy là một sự buồn cười thường thấy trong những nhà vô-giáo. Có nhà nhân việc dạy con vợ bảo thế này, chồng bảo thế khác, làm cho con trẻ không biết nghe ai, như thế lại là một cái ác-cảm hơn nữa.

Thí dụ : Một hôm trong lớp học, thầy giáo đang giảng về luân-lý : « Người trong một nước cũng như một nhà, phải thương yêu nhau, hòa thuận nhau. Các em hãy xem, trong một nhà, mà anh em cha mẹ hòa-thuận với nhau thì vui-vẻ là dường nào ! » Vừa nói xong nghe có tiếng phàn-nàn một bên rằng: « Thưa thày, thế mà thày mẹ con ở nhà ngầy-ngà với nhau luôn — Thày giáo sửng-sốt mà nói : — Có đâu, Thày mẹ em nói chơi thế mà thôi. — Thưa thày, thật là cãi nhau luôn. Cha con đỏ mặt tía tai mà nói, mẹ con dân-dấn nước mắt mà khóc. » Thày giáo chưa nói, lại nghe thấy một bên khác nói : « Thưa thày, nhà con cũng vậy. Sáng hôm nay khi con đi học về, con thấy mẹ con hãy còn chưa giậy, cũng vì một cơn cãi cọ từ tối hôm qua. » Giáo-hóa trong gia-đình như thế, còn lấy luân-lý nào mà giảng-dụ cho con trẻ !

4° — *Cha mẹ phải dạy lấy con.* — Tiết trên đã nói, cha mẹ phải đồng-tâm hợp-ý mà dạy con, không có thể để người ngoài thay quyền ấy được. Cổ-nhân có nói : « *dịch tử nhi giáo* », nghĩa là để con mình cho người khác dạy mà mình dạy con người, vì sợ lấy hình-phạt mà dạy thì hại mất ân-nghĩa cha con. Cũng là điều bất-đắc-dĩ, là sự bất-hạnh trong gia-đình. Giả như : con mồ côi cha, mẹ không biết dạy, bấy giờ phải mượn tay người khác, cũng là một sự tòng-quyền, mà việc giáo-dục chắc là không được trọn-vẹn.

Những con nhà không cha không mẹ thất-giáo đã đành, còn những nhà gia-phong hủ-bại, đem tính hư thói xấu tiêm-nhiễm cho con trẻ, có khác gì nuôi cá trong ao tù, còn mong biến-hóa làm sao được.

Con trẻ sẽ nên nhân-vật thể nào là việc tương-lai không ai biết đâu mà liệu trước. Chỉ biết việc dạy con là nghĩa-vụ của cha mẹ ; mình đã trách-nhiệm phải làm không lấy lẽ gì mà suy-ủy cho người khác.

5° — *Những điều người ta hiểu lầm về việc giáo-dục.* — Nuôi con phải dạy,

không buông rông thả dài được, đã là một lẽ rõ ràng. Thế mà lắm người chấp-nê cái nghĩa « tự-nhiên » cũng là một điều lầm lớn. Nhân thuật mấy điều như sau này.

Có người nói : « Tính-chất con trẻ là phú-bẩm tự-nhiên, không nên uốn-nắn cho lắm. Như người trồng cây gieo giống, chỉ nên bón sới vun mầm, che mưa che nắng, đến khi cây lớn tự-nhiên nẩy lộc ra hoa. Con trẻ đến tuổi khôn tự-nhiên biết nghĩ ; bao nhiêu những điều lầm-lỗi lúc nhỏ, đều bỏ đi lúc nào không biết. Vì con trẻ có tính tự-phụ, tự-ý và cố-chấp, chỉ đến khi đã lớn từng trải đã nhiều, mới bỏ hết tính ấy đi được. Nếu muốn ra sức đè-nén, uốn-nắn cho vào khuôn, chẳng qua làm khổ con trẻ, mà thực không có ích gì. » Lời nói ấy tự-hồ có lẽ, mà thực là lầm. Buông rong thả dài là sự có hại cho con trẻ.

Nhiều nhà cũng theo chủ-nghĩa ấy. Mình có 5, 6 đứa con cứ để long-lao phóng-khoáng ; suốt cả ngày reo cười kêu khóc, người ngoài lấy làm tạo-nhiễu, mà cha mẹ lại nhận là cảnh vui. Thường bảo người ta rằng : « Nên để con trẻ cử-động hoạt-bát, thỏa tính tự-nhiên, mới phát-đạt được. » Lại có người nói : « Theo phép nghiêm-túc trong nhà, mà phải đe-nẹt con trẻ trong những lúc cử-động, mà sự thực không có ích gì ; vì con trẻ có tính hiếu-động, nếu cứ kiềm-thúc vào trong khuôn-phép làm cho tinh-thần ngu-dốt lại là một sự hại cho con trẻ. » Nói tóm lại, việc giáo-dục con trẻ như kẻ đỡ người say : đỡ bên đông lại ngã bên tây ; đỡ bên tây lại ngã bên đông. Kiềm-thúc quá thì tinh-thần không được phát-đạt, phóng-túng quá thì tinh-tình không được thuần-cẩn. Tùy-nghi thao-túng là tại lòng ta ; theo hẳn một nghĩa nào cũng có tệ.

III

Nói về phải dạy con thế nào cho biết phục-tòng cha mẹ

1° — *Phục-tòng là đầu mọi nết.* — Con trẻ chưa đến tuổi đi học, ở nhà đã phải có giáo-dục, mà làm cho con trẻ biết phục-tòng giáo-dục thì thực là một sự rất khó. Vì những kẻ thành-nhân còn chưa biết điều thiện nên theo, điều ác phải tránh : huống chi con trẻ biết đâu giáo-dục là điều có ích mà phải phục tòng. Cho nên tập cho con trẻ biết vâng lời, thì trăm nết đều nên, mà cha mẹ không còn phải đốc-thúc cho con trẻ vui lòng làm thiện. Như thấy vật gì rơi xuống đất, con trẻ tự biết nhặt lên, không đợi ai phải bảo. Suy ra các việc đều vậy, phải làm cho con trẻ tập giữ tính thành, không phải miễn-cưỡng, thì việc giáo-dục mới có kết-quả được. Bởi đó mà xem thì nhân-đức phục-tòng thực là cơ-sở các đức tốt khác của người ta, không còn hồ-nghi nữa.

2° — *Cách chữa con trẻ hay quấy hay khóc.* — Con trẻ đang lúc lên 2, 3 tuổi, dở tính dở nết, muốn dạy cho biết vâng lời thật là khó. Song biết dùng phương-pháp cho thích-đáng, thì cũng là một sự dung-dị và tự-nhiên.

Thí dụ : Khi con còn bú, con khóc thì mẹ xoa đầu vỗ lưng, ru cho con nín. Nín rồi lại khóc, thì mẹ lại ru ; con còn khóc nữa, thì mẹ phải cho con bú. Bú rồi lại khóc, bất-đắc-dĩ mẹ phải bế con mà đi quanh nhà. Mẹ lắc mãi thì con phải chớ, sữa ra ướt áo, thì mẹ phải thay. Bấy giờ sợ con cảm-hàn lại còn khóc hơn nữa. Ấy, cũng vì một điều vụng dại, mà sinh ra lắm nỗi khó lòng ; còn muốn cho con phục-tòng sao được. Vậy khi con khóc chỉ nên xem xét chi kỹ cái áo cái lót, chỗ ăn chỗ nằm, có chướng-ngại gì chăng. Nếu đã chu-tất rồi, chỉ nên để cho

con trẻ tự khóc tự nín ; không nên bộn-rộn, không nên thấy con khóc thì cho bú, làm cho mất chừng độ của con trẻ đi.

Con trẻ nhân có bệnh mà khóc thì mặt phải có biến-sắc. Nếu không, là trái ý thường mà khóc, chỉ cho khóc mệt là phải ngủ yên. Lâu lâu con trẻ biết ý : hay khóc mẹ không cho bú. Ấy là một cách tập cho con trẻ biết vâng lời. Chớ lấy lòng từ-ái mà làm mất nết con, sẽ sinh ra khó dạy khó bảo.

3º — Mắng con dạy con ít lời là hơn. Con trẻ chưa biết thưa biết nói, song nghe tiếng nói nặng nhẹ, trông nét mặt lành dữ, cũng biết ý là giận hay là mừng. Thí dụ : Người mẹ đối với con có nét mặt nghiêm-nghị, tiếng nói dữ-dội, thì con trẻ biết ngay là mẹ mắng, liền thồn-thức mà khóc. Đối với con cùng nét mặt vui cười, giọng nói âu-yếm, thì con trẻ biết ngay là mẹ yêu, liền hớn-hở mà cười. Nếu giọng nói và nét mặt người mẹ cứ thay đổi luôn, chợt mừng chợt giận, như thật như giả, thì con trẻ phải bối-rối thất-thố, như thế dủ làm cho mất tinh-linh của con trẻ.

Cho nên khi đe-nẹt hay sai-bảo con trẻ việc gì thì người mẹ phải có giọng nói và nét mặt cho rõ-ràng. Đã nói rồi phải để lặng-lẽ cho lâu, chờ cho con trẻ hiểu ý, rồi mới đổi giọng nói hay nét mặt. Con đã lớn cũng nên dùng cách ấy, vì những người ít nói lắm, mà con trẻ càng hay kính hay sợ.

Vui tai không gì bằng tiếng đàn tiếng hát, nghe lắm cũng nhàm, huống chi là người lắm điều nói dai, nghe lắm khó chịu, sinh ra phải chống cãi lại, mà mất thói vâng-lời ; đi vì thế dạy con không nên nói lắm.

4º — Con trẻ hay nghịch ác phải trừng-trị thế nào. — Có con trẻ hay nghịch ác. ai cũng lấy làm phiền-não. Song nghĩ ra cho kỹ, con trẻ chơi nghịch là vì ngồi dỗi sinh buồn. Nếu có việc phải làm luôn thì còn lúc nào dỗi mà nghịch ác được. Những cách vui chơi có ích mà không nguy-hiểm.

Con trẻ đã có việc làm còn hay nghịch ác cũng là sự thường, không nên trách phạt cho lắm ; vì con trẻ hay nghịch là hiếu-động hiếu-kỳ, không phải là tính độc-ác. Con trẻ hay nghịch đánh vỡ bát vỡ chén, cha mẹ đập đánh là không biết tính con. Con trẻ hay nghịch chỉ nên đề-phòng cho khỏi hư khỏi hại. Giận bảo không nghe, chỉ nên sẽ đánh vào tay cho biết nhớ.

Đà cấm con trẻ điều gì, phải cấm cho hẳn, không nên lúc cấm lúc không. Như cái hỏa-lò là chỗ cấm con trẻ không được đến gần. Nếu lúc có lửa thì cấm, lúc tắt lửa thì không, sợ con trẻ không biết lúc nào là nóng lúc nào là lạnh mà sinh ra hồ-đồ, có khi cấm rồi lại phạm.

Muốn cho con trẻ vâng lời, cũng phải dùng cách sửa phạt. Có nhà nuông con quá, con 3, 4 tuổi chưa dám đánh đập, để cho vô-lễ vô-phép, không biết sợ cha sợ mẹ ; đến khi lớn lên, dù muốn sửa phạt, cũng đã mất nết đi rồi. *Bẻ không vin cả gẫy ngành*, thành ra con nhà thất-giáo. Cho nên dạy con phải lưu-ý từ ngày còn nhỏ, trừ những lúc trong mình có tật, phải đe-nẹt dần-dần cho vào khuôn vào phép.

5º — Không nên hay thưởng cho con trẻ vâng lời. — Có người hay thưởng cho con trẻ nức lòng mà theo lời dạy bảo, như thế cũng là một điều có tệ. Vì làm cho con trẻ có tham của thưởng mới chịu vâng lời, mà sinh lòng vụ-lợi, đã mất tính thuận-tòng lại mất lòng cao-thượng.

Hẹn cho con trẻ phải vâng lời, hay bắt ép con trẻ phải vâng lời, cũng là một sự tệ, vì con trẻ miễn-cưỡng, thì là mất cái ý tri-thành. Vậy con trẻ

không vâng lời người mẹ chỉ nên lãnh-đạm cả ngày, không hỏi không nói ; chờ cho con trẻ biết ý năn-nỉ xin lỗi, mẹ cũng chưa chịu làm lành. Chờ đến hôm sau, thấy con trẻ đã thật lòng hối-quá ; bấy giờ mới tỏ lòng vui-vẻ mà khen con. Con trẻ từ đó mới thực lòng cảm-hóa.

6° — *Không cho con trẻ có thói vật nài và làm nũng.* — Con trẻ muốn việc gì cứ vật-nài cho được, đã vật-nài được một lần, thì lần sau không chịu khuất-ý mình mà theo ý cha mẹ nữa, mà mất thói thuận-tòng đi. Còn con trẻ làm nũng, muốn sao không được vậy, thì mặt ủ mày châu, nước mắt dài nước mắt vắn. Bấy giờ mẹ thương con phải chiều ý con, như thế cũng làm cho con trẻ mất thói phục-tòng cha mẹ. Cho nên người mẹ đã định ý thể nào, phải bắt con theo như ý ấy ; dù con nàn-nỉ thể nào cũng không đổi ý. Như thế mới kiên-chí phục-tòng cho con trẻ được. Vả lúc con trẻ vật nài, hay làm những giáng mị-duyệt, hay nói những giọng đáng thương. Giả-trá nhất-thời cho đạt mục-đích. Những quan-niệm xấu-xa ấy để lưu vào óc cho con trẻ thực là một điều nguy-hiểm cho cuộc tương-lai.

7° — *Phải cho con trẻ tự-do mà làm việc bổn-phận.* Con trẻ không biết biện-biệt điều phải điều chăng, chỉ cứ bảo sao nghe vậy, cũng không qui-hóa gì cái phục-tòng ấy. Phải cho con trẻ tự-biệt thị-phi lợi-hại, gặp việc cứ tự-ý mà làm, không chờ cha mẹ phải bảo. Cha mẹ chỉ nên đề-phòng những chỗ nguy-hiểm ; có lầm có lỗi thì mình chỉ bảo mà thôi. Như thế, tự-nhiên con trẻ gặp việc biết tìm đến cha mẹ mà hỏi điều hơn điều thiệt.

Có nhà dạy con một cách nghiêm-nhặt quá, cặn-kẽ từng tí, chỉ-bảo từng điều, không cho con trẻ tự-ý tự-lực một điều gì, như thế làm cho con trẻ mất cái tinh-thần tự-do, mà ra người dút-dát dần-độn. Ấy là cái tệ bắt con trẻ phục-tòng thái-quá.

IV

Dạy con thể nào cho có tính thành-thực

1° — *Quang-minh chính-đại.* — Chương trên đã nói cách tập-luyện cho con trẻ có đức phục-tòng, còn phải tập cho có đức thành-thực mới nên người trọn-vẹn. Hoặc vì tham tiếng khen mà vâng lời, hoặc vì sợ trách-phạt mà vâng lời, đều là sự giả-dối, không phải thành-thực. Hay nói câu nịnh-nọt, hay làm việc dấu-diếm, đều làm cho mất tính thành-thực. Vậy cha mẹ đối với con trẻ phải tỏ ra một vẻ quang-minh chính-đại. Nghĩa là không tác-vi, không miễn-cưỡng, không cho con trẻ thấy ý gì là ám-muội giả-trá. Khi con trẻ đã tập nên một tính quang-minh chính-đại, thì việc giáo-dục đã dỡ được quá nửa, không còn điều gì là khó nữa.

Trước một con trẻ, không nên nói những câu hoang-đường, không cho con trẻ nghe những truyện ma-quỉ. Vì tự người nói đã biết là sự không thực, mình cứ nói cho vui ; mà tự con trẻ nghe cứ in vào tư-tưởng. Người mẹ đối với người nhà đã đành phải nói những lời chân-thật ; mà đối với người ngoài cũng không nên khẩu-thị tâm-phi. Nếu có bất-bình với ai mà khi trước mặt người ấy phải làm điều hỉ-hả, thì trước mình cũng không nên tỏ cho con trẻ biết ý bất-bình. Sợ con trẻ thấy mình sau trước khác nhau mà sinh ra nghi-hoặc. Cách giao-thiệp ở đời, thường phải dùng những thủ-đoạn ấy, sợ để con trẻ tiêm-nhiễm một khi một tí, mà mất tính thành-thực đi.

Cho nên những con nhà thị-tỉnh người ta gọi là nhà lịch-thiệp so với

nhà chân-quê thì đức-tính khác nhau nhiều lắm.

Con trẻ hay sợ cha mà nhờn với mẹ ; có điều lầm-lỗi, cứ năn-nỉ với mẹ để che-chở với cha. Mẹ thương con tất phải tìm điều nói dối, ấy là giắt con trẻ vào đường khi-trá. Vậy khi con có lỗi, cứ nên nói thật, chỉ liệu kế mà xin khoan-giảm trách-phạt cho ít nhiều. Như thế cũng đã tỏ ra lòng từ-ái. Tự-nhiên con trẻ biết kính cha yêu mẹ, mà vẫn giữ được cái tính vô-khi.

2. — *Không nên gạt chuyện con trẻ.* — Con trẻ hay nói chuyện ngô-nghê thật-thà không có ý-vị thú-hứng ; chuyện không có hại gì, cũng chẳng nên cấm-đoán. Ấy là sự thật-của con trẻ, trong lòng nghĩ làm sao miệng nói ra làm vậy.

Người ta có nói : « Hay nói là người nông-nổi. » Ấy là nói những người đã lớn hay biện-bác, hay lợi-khẩu. Còn con trẻ đang lúc mở trí, phải cho linh-lợi bạo-dạn ; không nên trầm-trầm mặc-mặc mà mất cái tinh-thần hoạt-bát con trẻ đi. Thí-dụ con em chơi nghịch, con chị đi mách : dù nói thật cũng không nên nghe. Vì chị mách em đã không có tình-ái, và muốn cho mẹ yêu chị hơn em lại là một thói hèn-hạ. Khi con trẻ nói những chuyện thêm đặt, không có ý nghĩa, cũng không nên nghe ; vì sợ con trẻ sinh ra tính hư-ngụy.

3. — *Con trẻ hay giả dối phải sửa phạt thế nào.* — Khi tra xét con trẻ vì việc gì, không nên lục-vấn quá ; vì những khi bối-rối, con trẻ hay tìm điều để nói dối. Có người cứ hỏi con trẻ những câu khó trả lời, không xét như thế là quá lượng cho con trẻ. Có người nộ-nạt mà hỏi, làm cho con trẻ khiếp sợ, phải theo ý người lớn mà trả lời. Như thế khác gì đem cái hạt giống giả-dối mà ương vào óc con trẻ. Có người trước hết dỗ ngọt để con trẻ thú lỗi mình, rồi giở mặt mà hình phạt. Ấy là một sự quyền-gian, không phải là một nhà giáo-dục ; vì con trẻ đã mắc một lần, về sau không dám nói thật nữa.

Vậy khi con trẻ có lỗi, sự đã quả-nhiên, cứ đem ra mà phạt, không còn phải hỏi nữa. Nếu sự thuộc hồ-nghi chỉ nên làm thinh, cho con trẻ biết hối biết sợ.

Có người dùng đạo nhu-hòa để cảm-hóa con trẻ : dỗ cho con trẻ nói thật thì tha hết mọi tội. Nếu gặp tay con trẻ gian-ngoan, cứ làm điều nghịch ác, chắc rằng khi thú thế, thế nào cũng được tha. Như thế cũng không bỏ được tính gian-dối.

Khi dẫn-dụ cho con trẻ cũng không nên nói : thế nào là gian, thế nào là dối, vì con trẻ lúc nói dối, chẳng qua tìm điều che-chở lỗi mình, vốn chưa biết thế nào là gian, thế nào là dối. Từ khi nghe lời giảng-dụ, lại sinh ra một tính hiếu-kỳ. Như nhà bác-học phát-minh được một nghĩa gì, liền đem ra mà thí-nghiệm. Như thế cấm con trẻ nói dối, mà lại hóa ra xui con trẻ nói dối. Vậy khi giảng-dụ cho con trẻ chỉ nên nói : « Thế này là chân-tình, thế này là lẽ thật. »

4° — *Chớ cho con trẻ nghe những chuyện hoang-đường.* — Lấy đạo-đức dạy con trẻ cho nên người chân-chính, vốn là một việc rất khó. Biện-bác cho con trẻ nghe những lẽ làm người không nên giả-dối, sao bằng lấy sự thực mà tập cho con trẻ quen những thói ăn ngay ở lành. Như thế mới là phép giáo-dục. Vậy phải đem những thói hay việc thẳng bày diễn ra trước mắt con trẻ. Còn những sự hoang-đường quái-đản, cùng sự khôi-hài, phải tránh đi cho hết. Trong trí-khôn con trẻ không có một vật gì là không minh-minh bạch-bạch, trong như gương, phẳng

như nước, như thế gọi là *thiên-chân*. Bởi vậy cho con trẻ nghe những chuyện hoang-đường, thật là vô-ích mà có hại. Trừ những lúc con trẻ chưa đủ trí khôn mà phân-biệt hư thực, mới đem sự thực mà thêm đặt cho vui tai và mở tư-tưởng. Còn khi con trẻ đã đến tuổi đi học (8 tuổi), đã có trí khôn suy xét, thực không nên cho nghe chuyện hoang-đường.

Có người nói : « Tính con trẻ hay tưởng-tượng, như cưỡi gậy làm con ngựa, gấp giấy làm thằng người, đều là sự tưởng-tượng của con trẻ. Vậy chuyện cổ-tích người ta bày vẽ cho con trẻ cũng là có ý mở tư-tưởng cho con trẻ. » Song phải biết : con trẻ hay tưởng-tượng cũng là nhân những điều mắt đã trông tai đã nghe. Như : khi cưỡi cái gậy tre làm con ngựa thì tưởng-tượng con ngựa đá, con ngựa cất, con ngựa tế, con ngựa kêu. Đều là sự thật có ý-thú cho con trẻ. Còn câu chuyện hoang-đường như thần-tiên, như ma-quỉ, chẳng những làm cho con trẻ mơ-màng như trong giấc chiêm-bao, lại sinh ra nghi-hoặc sợ-hãi. Thực có hại cho tính thành-thực của con trẻ. Vả lại nói câu chuyện hoang-đường, con trẻ đã nghi cho cha mẹ hay nói dối. Cha mẹ đã nói dối, thì muốn cho con thành-thực làm sao.

Dạy con trẻ thế nào cho nên người liêm-chính

1° — *Không tham của người, giữ gìn của chung.* — Không lấy của không phải của mình, không xâm phạm đến quyền-lợi của kẻ khác, ấy là bổn-tính người liêm-chính. Trong tư-cách người ta cũng lấy liêm-chính làm cao-thượng hơn cả. Muốn dưỡng-thành cái tính ấy cho con trẻ, phải tập cho thành thói quen tự khi tấm-bé. Như con trẻ có mượn đồ vật gì của kẻ khác, phải bảo giữ-gìn cẩn-thận hơn là của mình. Đồ vật trong nhà, không cứ đồ quí hay đồ mọn, của cha mẹ hay của chị em, cũng không được tự-tiện mà lấy. Trong vườn hoa có cây hoa trái quả, cũng không được vin được bẻ ; vì của chung mọi người, thì một người không được dùng riêng.

Nhiều người đàn bà có tính tự-tư tự-lợi, khi đưa con vào chơi vườn nhà ai, hay chỗ công-viện nào, cứ để cho vin cành bẻ quả. Có khi chính tay mình cũng hái hoa bẻ lá để làm gương cho con trẻ bắt chước. Những trẻ có tính gian hay tắt-mắt của người, lúc lớn sinh ra gian-giảo trộm cắp, cũng vì từ trong gia-đình đã tiêm-nhiễm những thói xấu ấy.

Còn những con trẻ hay lấy than lấy gạch vạch vẽ vào cánh cửa tường vôi hay phá phách đồ vật ở đình điếm hay công-sở khác cũng bởi cái giáo-dục xấu ấy mà ra. Những người không có ý-tứ, đi đâu tắt-mắt được vật gì đem về khoe-khoang với người nhà, cũng là làm gương xấu cho con trẻ mất thói liêm-chính.

2° — *Cách cư-xử trong nhà phải cho nghiêm-nhặt.* — Tính liêm-chính có tập mới quen, mà cách tập quen phải bắt đầu tự lúc cư-xử trong nhà. Phải cho con trẻ phân-biệt của mình của người. Người trong nhà cũng không được xâm-phạm của nhau. Giả như cái khăn cái chén của cha mẹ thường dùng, cái giường cái ghế chỗ cha mẹ thường ngồi ; nhất-thiết cấm con trẻ không được đã-động đến. Từ việc nhỏ-nhặt trong nhà đều có qui-tắc nhất-định. Lại phải thỉnh thoảng xem xét, hễ sai thì phạt thì đánh, dù thẳng-nhặt quá cũng không hề gì. Phải biết rằng con nuông là con nhà hư.

3º — *Không được xâm-phạm đến quyền-lợi kẻ khác.* — Tiết trên đã nói phải cho con trẻ biết phân-biệt của kẻ này kẻ khác, phải kính-trọng của chung, ấy là nói về những đồ vật. Còn đến quyền-lợi của người ta cũng không được xâm-phạm, mới là người liêm-chính. Giả như cái thư để trên bàn, dù đã bóc rồi, không phải của mình, cũng không nên ngó đến. Vì xem thư là quyền-lợi của người có thư. Đến như đọc cái nhật-ký, mở sổ tay hay là mò móc những việc bí-mật của kẻ khác, đều là phạm đến quyền-lợi của người ta. Dù một miếng giấy, một ngòi bút, chớ cho là của nhỏ-mọn mà hồ-đồ, ấy là hòn đá thứ nhất để xây lên cái nền liêm-chính của con trẻ.

Con trẻ bắt được vật gì của ai, về nhà mừng rỡ khoe-khoang ; không cứ vật nhỏ hay vật lớn, người mẹ phải bắt trả lại cho người có của. Đem những chuyện người liêm-chính thuở xưa nói cho con trẻ nghe. Không nên kể những chuyện nhân liêm-chính mà được người ta cảm ơn, sợ con trẻ lại sinh ra lòng vụ-lợi. Việc liêm-chính là việc phận-sự của mình ; người ta khi làm việc phận-sự tự mình được thỏa lòng, và được mọi người tôn kính, ấy là phần thưởng qui hóa hơn.

VI

Phải dạy con trẻ thế nào cho có lòng tự-tín

1º — *Phải có lòng tự-tín.* — Tự-tín nghĩa là mình biết sức mình, mình biết giá mình. Sức mình làm được thế nào, giá mình nên làm thế nào, đã biết thì làm, không hồ-đồ, không du-dự, không sợ tiếng người khen chê, không theo ý người xui giục. Người đã có lòng tự-tín, hay mạnh-mẽ, hay vững-vàng, mà làm được các điều nghĩa-vụ của mình ở trong gia đình và trong xã-hội.

Lòng tự-tín bởi đạo-đức, bởi học-vấn mà ra, thật là một cái giá-trị rất quí của người ta, những kẻ kiêu-căng hay cậy mình và khinh người, gọi là tự-đắc, không phải là tự-tín. Người tự-tín chịu được mọi điều khuất-nhục, mà người tự-đắc gặp phải nghịch-cảnh thì ngã lòng ngay. Người tự-tín dù đắc-ý hay thất-ý cũng coi làm thường, mà người tự-đắc lúc lên lên bổng, tưởng mình là thánh-thần, lúc xuống xuống chìm, không còn khí-tiết gì nữa. Tự-tín là cứ lấy việc làm hợp với đạo-lý là vẻ-vang. Tự-đắc là cứ lấy việc làm phấn-sức bề ngoài làm danh-dự. Tự-tín với tự-đắc khác nhau là thế.

Con trẻ lúc còn tấm-bé đã dưỡng-thành cái tinh-thần tự-tín, rồi sau mới có thể chịu giáo-dục cho nên người. Vậy phải có phương-pháp thế nào để luyện nên cái tinh-thần tự-tín ấy.

2º — *Phải cho con trẻ có lòng tự-giác để phán-đoán thị-phi.* — Sự giáo-dục con trẻ là gì ? Là khải-phát lương-tri lương-năng cho con trẻ, tự biết điều phải nên theo, điều dở nên tránh, làm điều hay không phải là vụ-lợi, tránh điều dở không phải là sợ uy. Như thế gọi là tự-giác. Lấy lòng tự-giác mà thuận-tòng giáo-dục của cha mẹ, gọi là chí-thành. Con trẻ tự lúc gia-đình giáo-dục đã có những đức tốt ấy, lúc lớn có học-vấn, có từng-trải mới nên một người có bản-lĩnh.

Lòng tự-giác của con trẻ chưa được phát-đạt, thì chưa đủ sức mà phán-đoán thị-phi, gặp việc hay trù-trừ, vậy người mẹ phải tùy cơ mà mở trí cho con trẻ. Giả như : Có hai vật gì, trước đã cắt nghĩa cho con trẻ về tính-chất và công-dụng khác nhau trong hai vật ấy, rồi cho con trẻ chọn lấy một vật, phải quả-quyết không trù-trừ, đã lấy vật này không được đổi lấy vật khác. Người ta chỉ vì một tính di-du không quyết mà sinh ra thất-bại cũng

nhiều, cho nên cái tệ ấy phải chữa ngay từ lúc tấm-bé.

3o — *Phải tập cho có lòng kiên-nhẫn.* — Hết mọi việc trước có khó rồi sau mới dễ ; con trẻ phải tập chịu khó cho quen. Khi làm việc gì, dù khó thể nào cũng phải mạnh-mẽ mà làm cho được. Con trẻ bắt đầu làm việc gì, phải giục-giã để làm cho xong, không được bỏ dở nửa chừng, hay là đổi ý nghĩ. Dù việc làm không nên, cũng nên yên-ủy cho khỏi nản chí, không nên hối-hận, phải bắt đầu việc sau để bù việc trước.

Những con trẻ yếu-ớt, hiếu-động, làm việc hay hồ-đồ, không có sức quyết-đoán. Bấy giờ người mẹ không nên đoán hẳn rằng : « Con không đủ sức mà làm việc ấy », vì lời nói ấy không khác gì như lời xui con trẻ dút-dát khiếp-sợ, không bao giờ cho phấn-phát tinh-thần lên được.

Dù kẻ có ý-khí mạnh-mẽ thế nào, nghe những lời bi-ai than-thở, cũng phải hồi-tâm tăng-trí ; huống chi là con trẻ. Cho nên đã thấy con trẻ có ý ngại-ngùng phải nhắc-nhỏm cho biết gắng-gỏi. Người ta hễ đã có lòng quả-quyết, thì không còn việc gì là khó.

Tinh-thần người ta càng ma-luyện bao nhiêu lại càng vững-chãi ; mà càng khoan-dong quá lại càng bạc-nhược, lại giảm dần cái tư-cách mạnh-bạo đi. Cho nên những người thần-kinh dễ cảm, thể-chất yếu-đuối, tính-tình lười biếng, hay phải thất-tình nó cảm-xúc. Cũng là vì lúc thiếu-niên cha mẹ cưng-yêu quá mới kết-quả ra như vậy. Những người đã chịu cho một người khác bảo-hộ, thì không còn có ý-khí lực-lượng gì mà đề-chế với tình-dục bên trong, và chống-trả với phong-trào bên ngoài. Cũng như cái cây vẫn nhờ có đồ chống đỡ cả tứ-phương bát-diện, đến khi trơ-chọi một mình, thì gió thổi đổ ngay.

4o — *Phải cho con trẻ tự biết nhận lấy nghĩa-vụ mà làm.* — Lòng tự-tin tự-giác của con trẻ phải nhờ có phương-pháp đoàn-luyện mới nên hoàn-toàn được. Thế-gian thấy nhiều người ân-cần về việc dạy con, khuyên điều lành, dăn điều ác, giảng-dụ hết mọi đường mọi lẽ, chẳng qua như một người lên đàn giảng thiện, thiên kinh vạn quyển, cũng là những lời nói không.

Vậy muốn cho con trẻ lấy tri-thức mà phát-sinh ra lòng tự-tin tự-giác, người mẹ phải tùy cơ thí-nghiệm. Nhất là những lúc con trẻ đã phạm điều cấm-giới, phải để cho biết mình là không phải mà sinh ra lòng hối-quá, bấy giờ tùy tiện dụ-dịch bằng lời khen lao. Con trẻ đã biết theo điều lành, tránh điều dữ, lâu lâu thành ra thói quen, nhận lấy nghĩa-vụ mà làm, không đợi phải ai khuyên-bảo thúc-giục, như thế mới gọi là tự-tiến tự-giác.

Người ta cũng hay lấy thưởng phạt mà giúp việc giáo-dục con trẻ. Đến khi con trẻ đã có trí khôn, đã biết biện-biệt phải trái, chỉ nên thấy con làm điều phải thì mừng, làm điều dở thì lo ; ấy là một cách thưởng-phạt vô-hình, đủ làm cho con trẻ vững lòng tự-tin. Cũng không nên khen chê con trẻ trước mặt người khác, sợ con trẻ có lòng mộ-danh mà giảm cái lòng tự-tin.

5o — *Phải cho con trẻ tự biết giá-trị mình.* — Khi con trẻ đã biết điều phải điều chăng, đã có lòng tự-tin tự-giác, người mẹ phải nhờ những cơ-hội ấy mà luyện-tập cho con trẻ vào đường thực-nghiệm thì lòng tự-tin tự-giác ấy mới vững bền và mở-mang hơn ra được. Giả như con trẻ có tính lo-đỉnh suất-lược, khi đã biết vâng lời cha mẹ mà sửa tính nên người chăm-chỉ chắc-chắn, bấy giờ thử cho con trẻ cái quyền giám-đốc đàn em. Con

thấy mẹ tin-dùng, tự sinh lòng danh-dự, càng phải sửa tính sửa nết để làm mô-phạm cho đàn em. Lại như con trẻ hay ăn vụng, khi đã biết vâng lời cha mẹ mà nên người thanh-khảnh, bấy giờ thử cho con trẻ lấy cái quyền quản-lý đồ ăn. Con trẻ được mẹ tin-dùng, tự-nhiên sinh ra lòng danh-dự, càng phải giữ mồm giữ miệng cho nên người nết-na.

Khi người ta thấy mọi người không tin-dùng, thì tự sinh ra đọa-lạc, mà khi đã thấy có người tin-dùng, thì lòng đạo-đức cũng nhân đó mà tăng-tiến. Cho nên cha mẹ thấy con hư con hèn, không nên nói ra những lời thất-vọng. Vì một lời bỉ-bác của cha mẹ làm cho con trẻ ngã lòng, không còn mong hối-quá tự-tân được nữa.

6° — *Mẹ dạy con phải lấy mình làm mô-phạm.* — Thường khi con trẻ làm điều không phải mà vẫn cưỡng-biện là mình phải ; bấy giờ phải có sự thực để làm chứng-cứ, mới khuất-phục lòng con trẻ được. Nói tóm lại, người mẹ phải lấy mình làm mô-phạm, còn bao nhiêu đạo-lý giảng-giải chẳng qua là một đoạn hư-văn.

Con trẻ cũng có sức quan-sát của con trẻ, có tài phán-đoán của con trẻ. Nếu người mẹ nói phải mà làm không phải, lại chỉ để cho con trẻ lấy làm khẩu-thực, mà chống điều lỗi mình. Bấy giờ cái uy-tín của người mẹ không còn có trong trí khôn đứa con trẻ nữa.

Vì thế, khi mẹ dạy con, phải để con trẻ coi mình như thần-minh, mỗi lời nói, mỗi việc làm, không còn có lầm-lỗi. Bấy giờ lòng tín-ngưỡng của con trẻ đối với những lời giáo-dục của người mẹ như bóng theo nêu, như vang theo tiếng.

VII

Phải dạy con trẻ thế nào cho có tinh-thần miễn-lệ và trật-tự

1° — *Con trẻ phải theo qui-tắc mà làm việc.* — Biết giữ qui-tắc mà làm các công-việc trong nghề-nghiệp mình, là điều cần thứ nhất của người ta. Nếu mẹ tập cho con thói quen ấy, không khác gì để cho con một cái cơ-nghiệp lớn.

Con trẻ có tính kỳ-dục, hay làm những việc trò chơi. Nếu việc không có hại gì cũng không nên cấm đoán, làm cho mất thú-hứng con trẻ đi. Con trẻ nghịch ác, nguyên-nhân cũng là vì ngồi không hay buồn. Lúc con trẻ đang chơi đang nghịch, người mẹ không nên can-thiệp mà nói : « Lý do thế này, thế này, thì làm thế không phải. » Những lời nói ấy thật không xứng-đáng cho con trẻ. Biện-biệt lý-do, tất phải đợi đến khi khôn lớn. Con trẻ đang vui lòng mà làm việc gì, chỉ nên để tự-do kén-chọn ; phải giữ cho có chừng-mực, không được quá-độ làm cho mất qui-tắc.

Người ta có tính hiếu-động, không muốn ngồi không ; cho nên mỗi ngày phải cho con trẻ có việc thường, có chừng-độ, có thì-khắc, như thế mới khỏi buồn quá và khỏi chán quá.

Việc bất-đắc-dĩ mà làm thì làm được ít, việc bởi lòng ham muốn mà làm thì làm được nhiều. Vì thế, mẹ dạy con, phải tìm những việc con trẻ có thể ham muốn, mới sinh thú-hứng cho con trẻ.

2° — *Làm việc gì phải cho nên việc ấy.* — Vừa làm vừa chơi là thú-hứng của con trẻ, cho nên chọn việc làm cho con trẻ, phải ngụ có một ý vui chơi. Như thế con trẻ đã được có ích-lợi lại được thú-vui, mà sinh ra tinh-thần miễn-lệ. Khi con trẻ đã làm việc gì phải săn-sóc cho xong việc ấy ; nếu việc làm bỏ dở, là vì không phấn-miễn

tinh-thần. Vì thế lúc chọn việc cho con trẻ cũng phải lựa việc có vừa sức cho con trẻ hay không.

Con trẻ đến tuổi đi học, trừ việc nhà-trường, lúc ở nhà, cũng phải bắt làm việc khác, muốn cho hai việc đều được trọn-vẹn, phải cân nhắc ở tay người mẹ.

Việc thường trong nhà, phần nhiều về việc con gái. Còn việc con trai tùy tuổi lớn nhỏ, như sới đất tưới cây, xếp sách quét tủ, hoặc theo ý con trẻ chọn việc mà làm không được bôi-bác, không được miễn-cưỡng. Khi con trẻ đã làm việc xứng-ý, người mẹ cũng không nên thưởng cho vật gì, vì sợ con trẻ lại sinh ra ỷ vụ-danh vụ-lợi.

3o — *Việc trong nhà cần cho con gái.* — Dạy con gái tập việc ở trong nhà lại là sự cần hơn. Vì trong việc vui chơi, đều là việc dự-bị trong phận-sự về sau cho con gái. Giả như : con trẻ hay ẵm em, hay đi chợ bán hàng giả, hay lấy nồi cho thổi cơm. Nhân lúc ấy dạy con trẻ cắt áo may quần, dạy thu xếp những đồ vật buồng the, dạy lĩnh-lược những công việc bếp nước ; có từng-thứ cho quen, có ngăn-nắp cho thạo.

Vào nhà ai có con gái đã lớn (7, 8 tuổi) mà thấy trong nhà quần-áo bề-bộn, đồ-vật ngổn-ngang, biết ngay việc giáo-dục thất-nghi của người mẹ.

Có người tính nhanh-trai quá ; thấy con trẻ làm việc lóng-cóng chậm-chạp, thì tranh lấy làm. Như thế chẳng những sai đạo dạy con mà lại làm cho con hư nữa.

Tập cho con gái làm công việc trong nhà phải lấy người mẹ làm mô-phạm. Việc làm phải có thứ-tự : việc dễ làm trước, việc khó làm sau, việc cần dạy trước, việc chơi dạy sau ; cũng phải dạy việc khéo nghề khôn.

Việc nhà trường không nên làm thay cho con trẻ. Con trẻ chưa hiểu, chỉ nên giảng-giải một lần : nếu làm còn sai, chỉ nên giành lại lần nữa.

4o — *Phải chữa những tính suất-lược và không khuôn-phép của con trẻ.* — Những con trẻ linh-lợi hoạt-bát phần nhiều hay khinh-suất, không kheo khuôn-phép, làm việc hay chóng chán, nửa chừng bỏ dở ; một lúc làm hai ba việc ; việc này chưa xong đã sang việc khác ; muốn khoảnh-khắc thành-công, không có tính nhẫn-nại. Nếu người mẹ không chú-ý những chỗ ấy mà uốn-nắn lại, tương-lai con trẻ ấy sẽ thành ra một người khinh-bạc, không đại-dụng được. Muốn chữa những tính xấu ấy cũng phải dùng thủ-đoạn rất nghiêm.

Tính con gái hay nhiệm-nhặt, không thô-suất như con trai. Cho nên việc giáo-dục trong gia-đình, người mẹ phải chú-ý ở con trai hơn là con gái.

Người ta phải chia thời-khắc mà làm việc, thì mới không có lúc vội quá, cũng không có lúc dỗi quá. Những người làm việc nhiều, ấy là những người có nhiều thì-khắc ; những người có nhiều thì-khắc, mới là người biết dùng thì-khắc. Vậy con trẻ lúc làm việc và lúc chơi lúc nghỉ, phải chia thời-khắc cho nhất-định. Đã có thời-khắc nhất-định, phải bắt giữ cho nghiêm. Chớ cho con trẻ có nhiều thời-giờ dỗi, dù không có việc làm chính-đáng, cũng phải cho việc chơi-bời. Vì con trẻ dỗi nhiều, tất sinh ra phóng-túng lười-biếng, thân-thể đã không được hoạt-động, mà tư-tưởng cũng thêm trì-trệ.

Không khó coi gì bằng khách đến nhà để con trẻ đứng đực trước mặt khách. Bấy giờ mẹ phải đuổi ngay con trẻ ra khỏi nhà khách, và chỉ việc cho con làm. Những con trẻ thiện-tư

hoạt-bát, không chờ cha mẹ bảo, tự biết sinh việc mà làm. Khi không sẵn việc mà làm, người mẹ cũng nên bày chuyện ra mà nói, để thêm tinh-thần suy-nghĩ.

Trước đã nói việc làm không nên bỏ dở, nếu thì-giờ đã quá, chỉ nên cho nghỉ, rồi lại bắt kế-tiếp mà làm cho xong. Có câu cách-ngôn : « Việc phải làm hôm nay, chớ để lại đến mai », cũng nên viết trên chỗ ngồi, để làm cảnh-sách.

5° — *Phải giữ trật-tự cho quen.* — Trong nhà mỗi vật có một chỗ để, mỗi việc có một thời-giờ, gọi là trật-tự ; không thế gọi là vẫn-loạn. Muốn cho con trẻ giữ được trật-tự, phải tập mới quen. Người mẹ phải xem xét cho nghiêm những đồ vật và việc làm của con trẻ, không cho có một chút gì là lơ-đễnh và luộm-thuộm. Giả như đồ chơi con trẻ chơi rồi phải để vào chỗ nó. Con sách quyển vở không được chồng-chất lên nhau Việc con trẻ phải làm, không cho đầy-tớ vú-bố làm thay. Việc làm đã rồi, phải cất-dọn chỉnh-tề, mới được đi ăn đi ngủ. Con gái đã lớn phải cho biết may biết vá. Đồ mặc bởi mình lơ-đễnh mà ra hư-hỏng, phải để cho tàn-tệ mới cho đổi thay ; cho biết không hay giữ gìn bất-tiện là thế.

Có thói quen trật-tự cần cho con gái hơn là con trai ; vì hạnh-phúc một đời của người đàn-bà, quan-hệ ở điều ấy. Thế-gian bao nhiêu đàn-bà tính hư nết xấu, đều là những người không biết chỉnh-lý việc nhà.

Tính xấu-hổ của con gái thường nhiều hơn con trai : thường lấy mặc áo bẩn để đầu bù làm mất danh-giá. Vậy nhân cái tính ấy mà tập cho con gái có thói trật-tự cho quen, cũng là một cái phương-pháp rất tiện. Quần-áo cho gọn-gàng, đứng ngồi có ý-tứ, không mặc đồ rách, không để mình trần, không để mặt nhọ, không để tóc rối ; ăn ở một cách diêm-dúa đã quen, tự-nhiên mất thói lơ-đễnh mà ra người ngăn-nắp.

Con gái 11, 12 tuổi, nội việc trong mình đã biết tự-lý lấy, người mẹ chỉ nên giám-đốc bên ngoài. Đến từ 13, 14 tuổi trở đi, lại phải theo mẹ để giúp đỡ các việc về phụ-đạo.

VIII

Phải dạy con thế nào có tính tiết-kiệm

1° — *Thế nào là tính phá-hoại của con trẻ.* — Con trẻ hay đổi tính : chơi chán vật này lại thay sang vật khác. Cho nên hay phá-hoại đồ chơi đồ dùng mà không biết tiếc. Đồ chơi không biết cái gì là quí là tiện, thích thì lấy, không thích thì bỏ đi. Có khi yêu tiếc một mảnh đồ chơi đã phá, còn hơn là cái đồ khác còn nguyên-tuyền.

Phá-hoại vốn là tính tự-nhiên của con trẻ. Nhân thế mà khai-đạo cho con trẻ biết phá cái này lại chế ra cái kia, cũng là một cách giáo-dục có thú-hứng cho con trẻ.

Tính phá-hoại ấy cũng phải có kiềm-thúc, mới khỏi sinh ra tính phá của. Phải cho con trẻ biết : một cái đồ nhỏ-mọn, cũng phải tốn phí bao nhiêu khó-nhọc mới làm nên. Khi con trẻ đã phá-hoại mất một vật gì, không nên thế ngay một vật khác. Để cho con trẻ tự sinh lòng hối tiếc, bấy giờ mới biết trân-trọng đồ chơi của mình.

2° — *Phép sửa những tính biển-lận và tính hoang-phí của con trẻ thế nào.* — Muốn cho con trẻ biết giữ đồ chơi hay đồ dùng, phải tập cho con trẻ có tính tiết-kiệm. Không biết tiết-kiệm gọi là hoang-phí. Tiết-kiệm thái-quá lại hóa ra biển-lận. Hoang-phí biển-lận đều là thiên-tính. Con trẻ lúc sơ-

sinh chưa có tri-thức. Khi đã lớn, lần lần chẳng thiện ra tính phí của, thì lại thiện ra tính tham-lam, ăn thừa-mứa-chứa-chan, cũng không muốn cho ai xâm-phạm. Con trẻ có tính tham-lận thật là đáng ghét. Người mẹ phải thừa-cơ dụ-dịch cho con trẻ có tư-tưởng lạc-quan. Thấy ai vui mình cũng vui, thấy ai mừng mình cũng mừng, lòng bác-ái ngày một phát-sinh, thì cái tính tham-lam lâu ngày một tiêu-hóa. Con trẻ hay tiêu-phí, nên cho tiền bỏ ống, cho biết một đồng tiền là ít, mà tích-lũy ngày ngày thả g thang thì thành ra một món tiền to. Hễ con trẻ đã có hi-vọng tương-lai, thì tự-nhiên biết yêu tiếc đồng tiền, mà mất dần cái thói hư-phí. Con trẻ không biết giữ của ; thường lấy đồ chơi của mình cho con trẻ khác mà không tiếc. Một là không biết lai-lịch cái vật ấy đã có bao nhiêu gian-nan mới kiếm ra được ; hai là vì lòng rộng-rãi, chịu bớt sự ham-muốn của mình để mua lấy lòng vui của người. Những tính-chất ấy còn hơn là tính bỉ-lận. Song người mẹ cũng phải xét-nét cho tường, cấm con trẻ không được tự-tiện cho ai vật gì mà không có đồng-ý của cha mẹ.

3° — *Phải cho con trẻ biết giá đồng tiền là qui và biết đạo dùng tiền.* — Dưỡng-thành cái tính kiệm-ước cho con trẻ là sự rất cần trong đạo giáo-dục. Đồ ăn đồ chơi no đủ rồi phải tàng-trữ để dành, hay là chia cho các em, không nên phao-phí bỏ dơi bỏ vãi. Khi con đã lớn phải cho có món tiền riêng. Tiêu-dùng việc gì phải có sổ-sách. Nhân thế mà người mẹ có thể quan-sát những phép dùng tiền của con trẻ, nhân thể mà giảng-dụ cho con trẻ biết sự vô-ích mà tiêu việc có ích.

Con trẻ có tính hoang-phí thì nhiều, mà biển-lận thì ít. Chỉ vì tiêm-nhiễm những thói tham-lận của người mẹ : như lúc so-kè từ đồng tiền hột gạo, kèo-cò từ phần thiệt phần hơn ; ai cho một vật gì cũng đánh giá, cho ai một vật gì cũng kể-lể.

IX

Phải dạy con trẻ thế nào cho nên thói quen lễ-nhượng

1° — *Chớ làm bộ giả-mạo.* — Ai trông thấy con trẻ có lễ phép, cũng biết là con nhà có giáo-hóa, mà sinh ra lòng yêu-mến qui-trọng. Song lễ-mạo ấy tất phải bởi trong lòng có lễ-nhượng mà ra, từ ở trong nhà cho đến lúc ra ngoài, từ lúc một mình cho đến chỗ đông người đều giữ lễ phép ấy, mới gọi là con nhà có lễ phép. Còn những cách giả-mạo hình-thức bề ngoài dù làm cho người ta biết là sự phấn-sức hư-văn không còn có ý-nhị gì nữa.

Giả như : con trẻ đứng trước một người khách lạ thì cúi đầu chắp tay, tập nói những câu văn-pháp như người lớn ; khi ra khỏi mặt khách, thì vênh-váo nhăn-nhở ; không khác gì bắt con thú vật ra làm trò, thực có dụng-nghi mà không có ý-thức gì cả.

Gần đây thế-giới xu-hướng về đường văn-minh, tình-trạng trong gia-đình và việc giao-tế trong xã-hội đều phải biến đổi, không còn mấy người chú-ý đến sự dưỡng-thành lễ-nghi cho con trẻ. Hồ-hết đua tranh những nghi-tiết trang-sức bề ngoài. Phải biết rằng cái tốt đẹp tự-nhiên của con trẻ là tự lòng khiêm-nhượng mà phát-biểu ra lúc cử-động bên ngoài. Như thế không có giáo-dục của người mẹ tiêm-nhiễm từ trong gia-đình, chưa dễ một ngày mà nên công được.

2° — *Lời nói việc làm phải có phép-tắc.* — Con trẻ biết giữ lễ-phép từng lời nói từng việc làm lâu lâu thành ra thói quen. Cũng như đồ vật ở trong khuôn-mẫu mà ra không lúc nào sai-lệch đi được. Như thế mới gọi là phép-tắc.

Muốn cho con gái biết giữ lễ-phép, không gì bằng khải-phát cái lòng tu-sỉ. Con gái không cho ở chung với những người thô-tục ; khi thay áo cũng phải lấy sự hở mình cho người ta trông thấy làm xấu hổ ; khi nói một lời vô-ý, cũng phải biết là thẹn-thò, dù lúc còn đồng-ấu cũng phải cho tự biết cẩn-thận.

Con trai khác với con gái, chỉ biết có lòng tu-sỉ, chưa đủ ra người lễ phép. Khi con đã lớn đã đi ra ngoài, quyền giám-đốc thuộc về người cha. Con trẻ trông thấy một việc vô-lễ, nghe thấy một lời vô-lễ, bạn-bè với một người vô-lễ, đều đủ tập-nhiễm cho ra con nhà vô-lễ. Cho nên giám-đốc trong nhà về quyền người mẹ, giám-đốc bên ngoài về quyền người cha ; phàm có một vật gì đủ làm ác-tập cho con trẻ, phải trừ bỏ ngay không được dung-túng.

3° — *Lễ-nghi của người lớn có ảnh-hưởng đến con trẻ thế nào.* — Tri-thức con trẻ còn thật-thà chưa lý-hội được những ý-nghĩa về lễ-nghi của người lớn thông-hành trong xã-hội. Trông thấy những lúc ứng-thù đều là hư-ngụy, đủ khiến cho con trẻ mất thói thành-thực, tập thượng hư-văn, ấy là những lúc người mẹ phải chú-ý. Giả như : nhân việc thù-ứng mẹ con hỏi chuyện nhau : « Người ta lúc gặp nhau, hay nói những câu chúc-tụng ý-nghĩa là gì ? » — Mẹ nói : « Ấy là thói quen trong xã-hội, lúc giao-tế cùng nhau, phải dùng những câu thù-tạc như thế. » Con nói : « Thế thì những câu thù-tạc không có ý-nghĩa gì cả hay sao ? » — Mẹ nói : « Thật thế, trong thói quen những điều không có ý-nghĩa cũng nhiều, vô-luận việc gì đã thành thói quen, lâu lâu mất cả chân-ý. » — Con nói : « Thói quen đã không còn ý-nghĩa sao không bỏ đi ? » — Mẹ nói ; « Những câu chỉ có hình-thức, không còn ý-nghĩa cũng nên bỏ đi, song bỏ những câu này phải dùng câu gì khác ? » — Con nói : « Bỏ hẳn không dùng những câu thù-tạc ấy nữa lại càng tốt hơn. » — Mẹ nói : « Tuy-nhiên, xưa nay không cứ nước nào, lúc thù-tạc vãng-lai đều dùng những câu lề lối ấy để tỏ lễ-ý cùng nhau không bỏ đi được ». — Con nói : « Những người đã không hợp-ý với mình hà-tất phải thù-ứng ». — Mẹ nói : « Ở đời có nhiều người vốn không hợp tôn-chỉ với mình mà thói quen bắt buộc không bỏ những cách thù-ứng ấy đi được.. Tuy-nhiên những lời làm cho người ta vui lòng và chúc sự hạnh-phúc cho mọi người, cũng là sự nên có trong nhân-đạo. Vậy ta chỉ nên sẵn lòng kỳ-phúc cho mọi người mà phát ra những lời thù-tạc, đã thích-hợp lễ-pháp, lại không trái với lương-tâm là hơn cả. »

Xét những lời vấn-đáp bên trên, thì biết giảng-giải cho con trẻ những ý-vị chấn-chỉnh về lễ-nghi, là một việc rất khó.

4° — *Con trẻ phải tỏ lòng tử-tế với hết mọi người.* — Con trẻ chưa từng thế-vị, chưa hiểu nhân-tình, vô-luận đối với người nào bậc nào, đều có một ý thành-thực, muốn cho con trẻ tỏ lòng tử-tế với mọi người cũng là một điều dung-dị. Chỉ phải lược-bảo cho biết một hai câu lễ-nghi phổ-thông trong lúc giao-tiếp. Cư-tâm đã sẵn có một niềm đốc-thực, đối với mọi người lại có lễ-văn, ấy là một người biết lễ.

Lọ là dạy con nói cho đủ giọng, cử-động bắt-chước như người lớn, mới là lễ-mạo, chẳng qua lại thêm cho người chán ghét. Người đời có thói nịnh người giầu, khinh kẻ bần-tiện. Thấy người áo tốt cho là giầu-sang, nói những giọng xiểm-nịnh, thấy người áo xấu cho là nghèo-hèn, nói những giọng kiêu-căng. Đang lúc nhi-đồng phải hết sức chữa ngay những thói ấy. Những nhà cha mẹ đối-đãi với đầy tớ một cách hà-khắc, sai khiến người

làm cùng giọng kiêu-ngoa, cũng là một cái ác-tập cho con trẻ mất cái quan-niệm lễ-nhượng.

5º — *Lễ-ý cốt ở khiêm-nhường.* — Muốn phán-đoán sự giáo-dục hay dở của nhà nào, chỉ xem hình-dung và lời nói những con trẻ trong nhà thì thật hơn cả. Giả như con trẻ lúc sai bảo đầy tớ của cha mẹ dùng những lời ngạo-mạn, đủ biết là con nhà không có giáo-dục. Vì lễ-tiết cốt ở điều khiêm-nhường, mà con nhà giáo-dục tất phải có khiêm-nhường ; đối với mọi người đều phải có lễ-mạo cho xứng-đáng, mà phải lấy tự-khiêm tự-tốn làm gốc.

Có nhà chiều con hết mọi sự yêu-cầu, lại cho con nhỏ được nhiều hơn và trước hơn là con lớn. Tự biện-hộ rằng con trẻ còn dở tính không chấp-trách lễ-phép được ; như thế đã mất cái thứ-tự trưởng ấu, lại dưỡng-thành cái tính bội-mạn cho con trẻ.

Có nhà lúc tân-trưởng đang ngồi nói chuyện, con trẻ cũng dám nói leo ; thấy ai có vật gì cũng xem cũng mó ; léo hẳn ngồi trên, chọn mắt mà nhìn khách. Cha mẹ trông thấy, cũng cứ điềm-nhiên. Có nhà cha mẹ quát mắng, con trẻ cũng cứ chân-chân không biết sợ hãi. Trong nhà không may có những con trẻ như thế, chẳng những làm cho mất lòng khách mà mất cả cái vui hòa-lạc trong gia-đình nữa.

6º — *Những điều phải chú-ý để dưỡng-thành cái tính khiêm-nhường của con trẻ.* — Lúc cư-xử trong gia-đình, thực có nhiều cơ-hội để người mẹ chú-ý dưỡng-thành cái tính khiêm-nhường của con trẻ. Lệ như : 1º Đến lúc ăn, người lớn ngồi đủ, con trẻ mới ngồi sau, món đồ ăn người lớn lấy trước, con trẻ lấy sau ; con trẻ có đòi hỏi vật gì, phải đưa mắt mà cấm-chỉ cho hẳn. 2º Con trẻ giả bộ khiêm-nhường, ai cho vật gì, miệng nói từ chối, mà trong lòng muốn vô-cùng ; ấy là một cách khi-trá đáng ghét. Người mẹ phải bảo thật, của đáng cho, thì cho ngay của đã từ rồi sau xin lại cũng không cho nữa. Ấy là cái thủ-đoạn để trừng-trị những thói giả dối. 3º Con trẻ hay có thói lành-tranh cũng can-dự vào việc nhà, tranh quyền với người lớn. Nếu mẹ không nghiêm-cấm, còn khoe con có tài-chi hơn người, sau tất nên người kiêu-căng, để cho mọi người ghen ghét. 4º Hầu tân-trưởng, có hỏi mới được thưa ; có thưa cũng phải lựa lời khiêm-tốn. Người mẹ không nên khoe con thông-minh, hay thóc-mách những chuyện bí-mật của người khác. Tóm lại con trẻ cử-động có điều trái đức khiêm-nhường thì phải dạy bảo ngay Nếu một lần dung-túng cho con, sau nên khoe trí cậy tài, có khi kháng-biện với cả cha mẹ, mà ra con nhà bất-tốn.

X

Phải dưỡng-dục thế nào cái quan-niệm đồng-tính của con trẻ.

1º — *Hoán-khởi ái-tình của con trẻ là nhờ người mẹ có lòng từ-ái.* — Con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ, một người xoay mặt vào vách, cả nhà mất vui. Từ loài vật cho đến loài người vốn có cái cảm-tình đồng-loại. Cảm-tình thiết mật gọi là ái-tình. Chẳng may người ta có nhiều tính-đức bạc-nhược khác, như lòng tự-lợi, lòng ghen-gỗ, làm cho cái nhiệt-độ cảm-tình ngày một lạnh-lẽo, mạch nước cảm-tình ngày một khô-khan. Ái-tình con trẻ lại càng yếu-ớt, phải có bồi-dưỡng thế nào mới phát-đạt lên được.

Con trẻ không yêu ai hơn là yêu mẹ, cũng vì lòng mẹ không yêu ai hơn là con. Có khi bỏ hết mọi sự vui sướng, quên hết mọi sự đau khổ, để chú-ý vào một thân con. Vậy cái tình người mẹ thực là gần cảm-giác chuyền-đệ

với tình con. Cho nên trong gia-đình cha mẹ hay xung-đột với nhau, cũng cảm-xúc lòng con ; vợ chồng hay lạnh-nhạt với nhau, cũng cảm-xúc lòng con ; chủ nhà đối với đầy tớ hay hành-hạ, cũng cảm-xúc đến tình con trẻ ; đối với những người khốn khó không thương không sót, không động lòng, cũng cảm-xúc đến tình con trẻ. Phàm mọi điều ác-cảm trong gia-đình đều có ảnh-hưởng đến tính-tình con trẻ trong vô-hình vô-ảnh. Người ta nói rằng : Mẹ bạc-tình không bao giờ có con chung-ái.

Gia-đình là một cái học-hiệu để luyện-tập những đức-tính cho con trẻ, mà thực-tế cốt ở hai chữ ái-tình. Bởi lòng tôn-kính mà sinh ái-tình gọi là chân-ái. Vì thế kẻ làm cha mẹ phải có một cái tư-cách đáng tôn đáng kính, để quan-cảm cái lòng chân-ái của con. Không nên lộ ra trước mặt con trẻ một chút cử-động nào để cho con trẻ coi thường coi nhẹ.

2° — *Anh em chị em phải thân yêu nhau luôn.* — Tiết trên đã nói mẹ phải là người có tình-ái, mới dưỡng-thành ái-tình cho con trẻ. Song mẹ yêu con quá thành ra nịch-ái, lại là có tệ. Người mẹ đối với các con không nên nịch-ái cũng không nên thiên-ái. Phải chú-ý những điều này : một là mẹ yêu các con không nên có kẻ hơn người kém ; hai là chớ cho con trẻ yêu mẹ hơn là yêu cha ; ba là anh em chị em không nên ghen ghét nhau.

Chương trên có nói khi con đã lớn phải cho lĩnh quyền giám-đốc đàn em, để thí-nghiệm cái lòng tự-tín tự-giác. Song tài-năng trí-thức người con lớn có hơn hẳn đàn em, mới lĩnh được trách-nhiệm ấy. Có người mẹ làm biếng giao cho con lớn quản-lý con nhỏ, cho mình dảnh tay mà làm việc khác ; không xét đến tư-cách con trẻ, thực là một cách phá-hoại hòa-bình. Làm cho con lớn nộ-nạt con nhỏ, con nhỏ kháng-cự con lớn ; tao-nhiễu cả ngày chỉ những mách-mao vu-siểm, anh em chị em coi nhau như hằn thù, không còn có quan-niệm tương-thân tương-ái gì nữa.

Khi anh em chị em có điều xung-đột với nhau, người mẹ không nên xử-đoán hay là sửa-phạt con này trước mặt con khác ; chỉ nên đứng giữa bắt hai bên tự tương hòa-giải. Nhân lúc ấy mà thống-trách anh em chị em không có lòng kính-ái, khiến cho tự biết lỗi mình. Người mẹ cũng không nên nghe con này mách-mao con khác. Vì sự mách-mao hay sinh ra bởi lòng ghen ghét, mà mất cái ái-tình của anh em chị em đi.

3° — *Phải uốn-nắn những tính hay hờn hay gắt của con trẻ.* — Con trẻ có tình-tính ôn-hòa mới sinh ra ái-tình. Vậy ái-tình bởi thiên-tính, không phải là bởi giáo-dục. Tuy-nhiên lấy thủ-đoạn giáo-dục mà uốn-nắn được những tính tháo-bạo của con trẻ, tự-nhiên thành ra ôn-hòa. Con trẻ thường nhân những việc trái ý nhỏ mọn, cũng gào khóc dẫy-dụa, người mẹ vội-vàng chạy đến giỗ-giành tâng-nặng, cho con nguôi cơn hờn ; ấy là cách dưỡng-thành cái tính tháo-bạo của con trẻ. Chỉ nên chấn-tĩnh thong-dong, cho con trẻ biết tháo-cấp cũng vô-ích ; bấy giờ tùy thế khuyến-giới. Vì con trẻ có bệnh mà sinh tháo-cấp thì cho uống thuốc ; vì thiên-tính mà tháo-cấp, thì phải áp-chế, không nên dung-túng. Nếu con trẻ mười phần cứng đầu cứng cổ, hay bù-lu bù-loa, chỉ nên cấm chỉ mọi người không nhìn không hỏi, cho con trẻ nếm qua cái mùi sầu muộn trong cảnh cô-độc. Bấy giờ mới nghĩ đến cái lạc-thú đồng-quần, tự phải nén mình mà nhường kẻ khác. Ấy cũng là một cái thủ-đoạn uốn-nắn tính-tình tháo-cấp của con trẻ.

Những lời khuyên răn cùng cách sửa phạt đều là thứ thuốc ngoại-trị

để lấy hiệu-nghiệm một thời ; còn muốn gây giống ái-tình vào trong lòng con trẻ, phải dùng thứ thuốc trị trong ; Thuốc trị trong là gì ? là một nhà hòa-khí ; trông người nào cũng có mặt hả-hê, nghe tiếng nào cũng là lời âu-yếm, khiến cho con trẻ lấy điều mất lòng cha mẹ anh em là trọng-hệ, được mọi người thân-mục làm vui lòng, từ đó manh-nha ái-tình một ngày một một lớn.

4° — *Phải tu-luyện đồng-tình cho nên chân-chính.* — Bẩm - sinh cùng một tính, phát-hiện cùng một tình, hay cảm nhau, hay yêu nhau, gọi là đồng-tình ; như thấy người vui cũng vui, thấy người buồn cũng buồn. Nhất là những người thiên-tính nhu-hòa như đàn-bà con gái thì cái đồng-tình lại càng nùng-hậu lắm. Trừ phi giáo-dục bất-lương hãm-hại lòng người vào đường tà-tích, bấy giờ mới có những sự tàn-nhẫn bất-nhân, tự-tư tự-lợi. Có giáo-dục tu-luyện, thì đồng-tình cứ theo nghĩa-vụ mà làm, ấy là tình chính ; không có giáo-dục tu-luyện, thì đồng-tình cứ theo ý riêng mà làm, ấy là tình thiên. Giả như có người bệnh nhiệt phiền khát, thầy thuốc cấm không được uống nước. Kẻ coi bệnh thấy khát quá thương mà cho uống, vì thế người bệnh càng nặng hơn. Ấy là vị đồng-tình mà hóa ra phụ-tình. Cho nên đồng-tình có kinh tu-luyện, dù cách ở như vô-tình mà thực bởi đa-tình.

Có người ngộ-nhận hai chữ đồng-tình lại sinh ra nhiều điều tệ-hại: như con có điều quá-thất vị đồng-tình mà dung-thứ không trách-phạt. Vì thế mà con cũng nên hư nên dại. Lại như thấy bạn mắc phải những điều khuất-khúc, vì đồng-tình mà sinh ra phẫn-nộ xúc - phạm đến kẻ khác. Muốn cứu bạn có khi lại làm hại cho bạn. Cho nên hay ẩn-nhẫn hay là hay nóng-nẩy đều là cái bệnh đồng-tình không có tu-luyện.

5° — *Trong đồng-tình phải có chân-thú.* — Người ta nhân những lúc ghen-gồ, lúc oán-giận, lúc vị lợi, lúc xuất-lược mà mất dần cái quan-cảm đồng-tình. Cho nên muốn tu-luyện cái tính đồng-tình của con trẻ, phải nhận những điều hỉ nộ ai lạc của kẻ khác, mà chỉ bảo cho con trẻ ; khiến cho phát-hiện cái tính đồng-tình. Chẳng những đối với loài người, đối với loài vật cũng nên có tính đồng-tình ấy.

Cái lương-tri lương-năng của loài người càng phát-đạt thì cái tính đồng-tình càng cao càng thâm. Cho nên cùng đối với một vật nào mà phát-hiện cái tính đồng-tình, người văn-minh thâm mà kẻ dã - man thiển, người văn - minh cao mà kẻ dã - man thấp ; cũng vì trình-độ tu-luyện cao thấp khác nhau, mà phẩm-chất đồng-tình cũng phân hơn kém. Giả như những sự đắc thất nhỏ mọn, những lúc ly biệt tầm-thường, cũng sụt-sùi giọt-lệ, mê-mẩn tâm-thần ; lại như thấy con sâu cái kiến đau-đớn quần-quại, cũng giọt ngắn giọt dài, như thương cha sót mẹ. Ấy đều là nhi-nữ-thường tình, lại khiến cho người ta cười là không có chân-thú.

Quan-cảm đồng-tình không phải là kêu lên tiếng nói ra mồm, cho nên giọng sầu tiếng khóc vị tất là thâm-tình mà nuốt tiếng ngậm cười thực có vô-cùng cảm - khích. Gặp những người quan, quả, cô, độc những sự oan uổng, khốn khó, ấy là tài-liệu cho người mẹ tu-luyện đồng-tình cho con ; nếu không có sự thực, cũng nên đem việc cũ ra mà bàn để gợi mối đồng-tình cho con trẻ.

6° — *Đa-tình đa-cảm không phải là đồng-tình.* — Những người tính-chất đa-tình đa-cảm, hay ưu-uất, hay bất-bình, gặp việc hay phiền - não, đối

cảnh hay lưu-liên, ấy là thiên-tính, không phải là đồng-tính. Nguyên-lai cái thiên-tính ấy phần nhiều bởi thân-thể không được phát-đạt mà ra, những người có bệnh phổi, bệnh hư-nhược, hay thấy có thiên-tính ấy. Phàm thấy con trẻ hay nghi-kỵ, hay buồn rầu, hay để lòng những điều nhỏ mọn, hay bồi-hồi những việc đâu đâu ; người mẹ nhất-diện phải thuốc thang điều-bổ, nhất-diện phải giảng giải cho biết cái tư-tưởng sai lầm.

Tu-luyện đồng-tính của con trẻ đã khó như thế, mà những cơ-hội làm cho con trẻ mất cái quan-cảm đồng-tính cũng nhiều. Người mẹ có trách-nhiệm về việc dạy con phải biết. Giả như con trẻ đang chơi, thấy con nhà láng giềng chạy đến, người mẹ vội-vàng bảo con giấu đồ chơi đi. Ấy là vì trân-trọng một cái đồ chơi của con, mà làm cho con trẻ mất cái cảm-tình đồng-lạc. Lại như thấy con trẻ đánh mèo ghẹo chó, hay là giết hại sâu bọ, người mẹ đã không ngăn cấm, lại ra ý vui cười, như khen con mạnh-bạo. Ấy là vì không muốn trái-ý con, mà làm cho con trẻ mất cái cảm-tình bác-ái.

(Còn nữa)

NGUYỄN BÁ-HỌC

MỘT SỰ THÍ-NGHIỆM ĐÃ NÊN CÔNG

BÀN VỀ CUỘC DIỄN-KỊCH CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Ngày chủ-nhật 25 tháng tư năm 1920 sẽ thành một ngày đáng kỷ-niệm trong lịch-sử Hội « Khai-trí tiến-đức », trong lịch-sử nghề tuồng ở nước ta, và trong lịch-sử quốc-văn An-nam ta nữa. Cái kết-quả ngày hôm ấy sau này thế nào thời hiện chưa đoán trước mà biết được. Nhưng cứ cái ảnh-hưởng ngay bây giờ cũng khả-tưởng được sự kết-quả về sau có lẽ to-lớn lắm, và sau này Hội « Khai-trí » phát-đạt được, nghề tuồng ta cải-lương được, quốc-văn ta thành-lập được, ngày hôm ấy cũng có dự một phần to. Vậy thời ngày 25 tháng tư làm việc gì mà trở nên một ngày quan-trọng như vậy ?

Ngày 25 tháng tư năm 1920 là ngày người An-nam khởi-diễn lần thứ nhất một bài hài-kịch trong « cổ-bản » (*répertoire classique*) Pháp dịch ra tiếng An-nam, ở tại nhà hát lớn Hà-nội, Hội « Khai-trí tiến-đức » chủ-trương để trợ-quyên vào Hội « Kỷ-niệm Đông-dương » bên Đại-Pháp. Bài kịch ấy là một bài kịch của ông MOLIÈRE là ông thánh-sư trong nghề hài-kịch nước Pháp về thế-kỷ thứ 17, người dịch là ông NGUYỄN VĂN-VĨNH là một nhà tây-học có tiếng ở Bắc-kỳ, và người diễn là một bọn tài-tử vì nhiệt-thành về sự cải-lương nghề tuồng ở nước ta mà dám đánh bạo đảm-đương một việc rất mới-lạ, xưa nay chưa ai khởi-xướng ra bao giờ, thật là một cuộc « không-tiền chi diễn-kịch », nếu làm nên thời sau này chắc có người tiếp-ứng, nếu làm không nên thời có lẽ trong lâu năm nữa việc « không-tiền » vẫn lại hoàn là một việc « tuyệt-hậu » vậy. Coi đó thời sự thí-nghiệm này không phải là một việc thường, được thua rất là có quan-hệ về sau lắm ; lúc khởi-hành không ai ngờ làm được, vì bao nhiêu cái khó hình như dấu sức lại để mà đố cái tài sáng-khởi, cái chí kiên-nhẫn của người mình : khó ở sự phiên-dịch bài tuồng tây ra lời ta thế nào cho khỏi mất cái tinh-thần của nguyên-bản ; khó ở sự kén chọn những tay tài-tử thế nào cho

có đủ tư-cách xứng-đáng với các vai tuồng ; khó ở cách ăn-mặc, cách bài-trí thế nào cho hợp với thời-đại, vì bài tuồng này là một bài tuồng tự ba trăm năm về trước, thể-cách không giống như bây giờ ; khó ở giáng-bộ, khó ở giọng nói, khó ở cách thao-luyện thế nào cho mỗi người không những là nhập-diệu được cái vai mình phải đóng mà lại thấu-triệt được cái thâm-ý của tác-giả, khiến cho đến khi ra trò bấy nhiêu vai đều hòa-hợp với nhau mà diễn thành một cái trò hồn-nhiên như một, hiển-nhiên như thực, không còn có mâu-thuẫn, có gián-cách một chút nào ; ngoài bấy nhiêu cái khó lại còn phải có cái gan không ngã lòng nản chí, cái bạo dám hạ-thủ quyết làm. Thế mà làm thành được, không những không mắc-miu tí gì, mà lại được trọn-vẹn khắp cả, khiến cho dư-luận hai nước đều đồng-thanh mà tán-tưởng, nhất-luật mà vỗ tay, thời đó chẳng là một sự danh-dự tối-cao cho đảng thiếu-niên tân-tiến của ta, đó chẳng là một cái hạnh-phúc rất đáng cho tiền-đồ sự tiến-hóa dân ta ư ? Bởi vậy nên ký-giả muốn kỹ-thuật sau đây tường-tất về đầu-đuôi cuộc diễn-kịch mới rồi, và giải-thích cái ý-nghĩa đối với Hội Khai-trí, đối với nghề diễn-kịch và đối với quốc-văn ta sau này thế nào.

* * *

Ông Nguyễn Văn-Vĩnh khởi-dịch mấy bài hài-kịch của Molière đã tự ba bốn năm trước, đăng trong *Đông-dương tạp-chí*. Chủ-ý ông là muốn đem những bài ấy ra diễn trên tuồng ta, để giúp vào sự cải-lương nghề diễn-kịch nước mình, nên cách ông dịch là thoát-dịch, cốt giữ lấy ý và cốt lấy lời cho lọn tiếng ta, có thể cho con hát ta diễn ra được, không câu-nệ đúng như nguyên-văn. Trong bấy lâu ông đã cố-ý tìm kiếm xem có thể nào đem những bài kịch tây ấy cho phường tuồng ta diễn được không. Nhưng xét ra thời khó lắm, phường tuồng cũ của mình là một bọn rất hủ-lậu, phàm cái gì mới lạ, ra ngoài qui-củ của họ, thời họ không hiểu là gì, mà cũng không chịu theo. Xưa nay chỉ quen hò-hét múa-may, ngâm-nga than-vãn, nếu phải diễn tự-nhiên như sự-thực, nói tự-nhiên như lời thường, giáng-bộ đi-đứng tự-nhiên như người thường, « diễn kịch » mà không phải là « mần tuồng », thời họ chịu không thể sao làm được. Nếu miễn-cưỡng mà làm thời vẫn cái giọng tuồng nó lộ ra, không thể nào làm cho mất đi được. Vậy thời muốn cải-lương lối tuồng của mình theo phép diễn-kịch tây, thế-tất phải mượn đến những tay tài-tử vị một cái tư-tưởng hay mà ra công thí-nghiệm, chớ không thể nhờ ở bọn nhà nghề được. Đã biết như thế, nhưng kén-chọn được những tay tài-tử cho xứng-đáng không phải là việc dễ : có không người nhiệt-thành về sự cải-lương mà có đủ tư-cách ra diễn tuồng trên sân khấu, có người có tư-cách diễn được mà không dủ bạo-dạn ra đường-đột trước nơi công-chúng ; lại có người sợ thiên-hạ bình-phẩm, vì nghề tuồng xưa nay vẫn coi là một nghề đê-tiện. Sau nữa, không có dịp gì mà khởi-hành một sự thí-nghiệm mới-lạ như vậy, dịp ấy phải là một dịp trịnh-trọng to-tát đủ khiến cho quốc-dân chú-ý vào, lại phải là một dịp nhân vì việc khác mà làm việc này, để hoặc sự có không thành, cái danh-dự những người chủ-trương cũng không vì đó mà tổn-hại. Dịp ấy mãi đến năm nay mới thấy trình-bày ra sẵn-sàng. Hội « Khai-trí tiến-đức » mới thành-lập được một năm, định sang năm thứ hai này mở một cuộc hội lớn để làm cách quảng-cáo cho quốc-dân biết và khoáng-trương cho Hội được to-tát ra. Hội đương tìm cách mở một cuộc vui chơi cho có đặc-sắc, xứng-đáng với mục-đích của Hội mà lại ích-lợi cho xã-hội nước mình. Ông thì bàn nên mở hội theo lối cũ : cờ

người, đánh vật, chọi chim họa-mi, thi thơ lấy giải, v. v., gồm cả những cách vui-chơi tiêu-khiển của người mình để mời người qui-quốc đến xem, cũng là một dịp cho người hai nước thông-đồng mà cảm-giác lẫn nhau. Ông thì bàn nên mở một cuộc chợ phiên để khuyến-khích cho các nhà kỹ-nghệ buôn-bán trong nước. Sau xét ra những cách ấy đều phí-tổn nhiều, mà có lẽ không được hợp với mục-đích khai-trí tiến-đức của Hội cho lắm. Bấy giờ ông Vĩnh nguyên có chân trị-sự trong Hội, mới nhớ đến cái chí cải-lương diễn-kịch của ông, bèn bàn với hội-đồng xin diễn một bài hài-kịch của Molière mà ông đã dịch. Các ông trị-sự Hội tuy biết rằng việc khó thật mà cũng đồng-thanh tán-thành cho ông Vĩnh, cố giúp cho làm được, vì việc này mới thật là một việc có đặc-sắc, thật là hợp với cái chủ-nghĩa của Hội Khai-trí-tiến-đức. Lại nhân dịp bên Pháp có điện sang xin với Chánh-phủ Đông-dương mở một cuộc lạc-quyên để giúp vào Hội « Kỷ-niệm Đông-dương », là một hội đặt ra để bảo-tồn phần-mộ cho những lính và thợ bên ta sang tùng-chinh cùng làm việc bên Pháp mà chẳng may bị chết trong khi chiến-tranh, Hội Khai-trí bèn định liền mở cuộc diễn-kịch để giúp vào việc thiện ấy. Như vậy thời cái cơ-hội đã thật là tốt lắm rồi, cái dịp to-tát và trịnh-trọng để cho bọn mình ra tay mà thí-nghiệm một sự trước kia chưa ai dám làm bao giờ, đã sẵn-sàng đó rồi ; bây giờ chỉ còn tìm phương-kế mà thực-hành cho trọn-vẹn mà thôi. Nhưng đến phần này mới là phần khó.

Ông Vĩnh bàn với Hội xin diễn một bản tuồng của Molière cũng là đánh bạo mà dề-xướng ra một việc tự mình vẫn biết rằng khó lòng làm cho thành được. Nhưng may gặp được cơ-hội tốt, ông cố ra sức cho toại cái chí bình-sinh. Hội giao cho ông kinh-doanh việc đó. ông gặp được ngay hai ông Trịnh Văn-Hợi và Nguyễn Đình-Thông, là hai tay du-học ở Đại-Pháp về, rất nhiệt-thành hăng-hái, cam-đoan xin giúp ông cho đến được mới nghe. Thế là bọn tân-tài-tử ta nhóm thành từ đó. Nhưng trong mấy bản tuồng Molière mà ông Vĩnh đã dịch ra quốc-ngữ thời bấy giờ chưa định rõ là diễn bản nào, trước định diễn bài *Le Bourgeois gentilhomme* (Trưởng giả học làm sang), sau mới định hẳn là bài *Le malade imaginaire* (Bệnh tưởng). Ông Vĩnh muốn phấn-lệ anh em tự nhận đóng vai Argan (tức Nũng-công) là vai chính và nặng nhất trong bài ấy, và để vai Béralde (tức Nịu-công) cho ông Hợi, vai Cléante (tức Cậu An) cho ông Thông. Cho hay thanh-khí lẽ hằng, xui cho kẻ hữu-chí lại gặp người đồng-chí : Ông Phạm Văn-Duyệt, hội-viên Hội « Khai-trí », cũng là một người sốt-sắng về sự cải-lương diễn-kịch như ông Vĩnh. Nghề tuồng cổ ông rất sành, đã nhiều phen ra diễn chơi trên các rạp hát Hà-nội ; nghề tuồng mới ông cũng hiểu, đã từng soạn mấy vở kịch theo lối hài-kịch Âu-châu, chỉ ông chỉ muốn đem ra diễn thử cho công-chúng xem mà khổ vì chưa được gặp người đồng-chí. Ông nghe thấy Hội sắp mở cuộc diễn-kịch mới, ông lấy làm cổ-võ lắm, tình-nguyện xin giúp vào một vai, và quả-quyết rằng thế nào việc làm cũng thành. Thế là bọn tài-tử lại thêm được một tay nữa, mà thật là một tay cự-phách vậy. Ông Vĩnh biết giá-trị ông Duyệt, xin nhường cho ông đóng vai chính là vai Nũng-công, và cố tìm các vai khác cho đủ bộ. Đến đấy mới xuất-hiện ra một cái vấn-đề rất khó giải, là vấn-đề các vai đàn-bà. Vai đàn-ông đã là những tay tài-tử, thời vai đàn-bà phải là những bậc giai-nhân, vì cuộc diễn-kịch này là một cuộc tiêu-khiển thanh-nhã của bọn thượng-lưu với nhau, nếu phải mượn đến tay nhà nghề cùng sánh vai với người phong-thể thời e không

tiện và sợ giảm mất cái giá-trị đi chăng. Nhưng bậc giai-nhân ở nước ta bây giờ thời con nhà khuê-các được mấy người là am-hiểu những lề-lối văn-minh ; con gái nhà tử-tế mà ra diễn tuồng trên sân khấu thật là một sự phong-tục ta chưa công-nhận vậy. Song đàn-bà con gái ta mà đã từng có chút học-thức mới, biết am-hiểu lề-lối mới, thời có lẽ chỉ có hạng các bà-giáo cô-giáo cùng hạng nữ-học-sinh bây giờ, hoặc có thể giúp vào việc công-ích này được chăng. Ông Vĩnh cùng anh em giao-thiệp thương-thuyết trong hai tuần lễ, không thành kết-quả gì ; mỗi lần hội-đồng hỏi đến tin-tức về khoản đó tất trả lời : « Món ấy, món nọ không xong, hoặc phải chờ đợi it lâu, hoặc có sự gì ngăn-trở, thử giao-thiệp món khác vậy, v. v.... ». Rút lại thời xem ra bà nào cô nào cũng có ý muốn giúp mà không thể thoát-li được cái quyền áp-chế của phong-tục. Đến kỳ hội-đồng sau cùng, cử-tọa đều quyết-nghị nhờ đến các cô trong bọn nhà nghề vậy, tưởng là bất-đắc-dĩ phải dùng cái kế đó là kế cùng, ai ngờ kế cùng ấy chính là kế rất lương-hảo. Vì các cô nhà nghề dù thế nào cũng bạo-dạn hơn người thường, quen ra nơi công-chúng, bây giờ đem ra tập-luyện lối mới cũng dễ hơn. Vả lại việc là việc thí-nghiệm, cốt lấy kết-quả về sau, nếu kén được mấy vai đào giỏi có thể luyện cho thành tài để giúp được cho sự cải-lương về sau, thời lại càng hay lắm. Ở Hà-thành có rạp « Sán-nhiên-đài » là rạp vừa hát tuồng vừa hát chèo, lối chèo của ta là lối gần giống với lối hài-kịch tây hơn cả, các cô đào ở Sán-nhiên chắc là có tư-cách diễn tuồng mới được. Trong bọn có Cô Tửu và Cô Ba-Tuất chịu ra giúp đóng hai vai Toinette (tức con Nhài) và Béline (tức Nũng-bà), hai cô nhờ có ông Trần-Phềnh là một tay danh-họa ở Bắc-kỳ lại vừa là một người nhiệt-thành về nghề diễn-kịch, chỉ dẫn cho, ra công học-tập, đến sau phải thành, nhất là Cô Tửu đóng vai con Nhài một cách rất dĩnh-ngộ, người Tây đến xem cũng phải khen là tài. Trong bài *Bệnh-tưởng* có bốn vai đàn-bà con gái, thời thế là đã tìm được hai vai rồi, còn một vai Angélique (tức Cô Lan) và vai Louison (tức Cô Cúc) thời may sao gặp được Bà Kao ở « Kinh-kỳ-hí-viện » và con gái nuôi bà là cô Liên, mới có 12 tuổi, đóng thật là xứng-đáng Trong bọn tài-tử thời ngoài ba ông Duyệt đóng Argan (Nũng-công), Hợi đóng Béralde (Nịu-công), Thông đóng Cléante (Cậu An), đến chính ông Vĩnh đóng Diafoirus (Lang Ế), ông Vượng đóng Thomas Diafoirus (Ế-sinh), ông Ngạn đóng Purgon (Đại-hoàng tiên-sinh), ông Quang đóng Fleurant (Nhân-ngôn tiên-sinh), ông Lục đóng Bonnefoi (Chân-tín tiên-sinh). Thế là giai-nhân tài-tử đã đủ bộ rồi, nay phải ra tập cho xứng vai vậy.

Song nghề tuồng tây không phải là một nghề dễ, cứ có nhiệt-thành mà đủ làm được đâu. Nghề nào cũng có thuật, mà cái thuật này là gồm vô-số những cái khóe, tuy nhỏ-nhặt mà rất cần, có đủ cả mới khiến được cho người xem tuồng tưởng-tượng như trông một cảnh thực, hễ thiếu một khóe nào thời lộ ngay cái giả-dối ra. Vậy thời có tài-tử giai-nhân cũng chưa đủ, lại còn phải cần một người quản-lý sáng việc, để chỉ bảo cho những lối-lăng mánh-khóe, để chia cắt các phần việc và trông nom quản-trị cho khỏi lầm-lẫn, cho có trật-tự. Đã gặp dịp thời gặp dịp mãi : may sao gặp được ông Rény là quan Chánh sở Đạc Điền Bắc-kỳ, cũng là một tay « tài-tử » trong Hội « Âm-nhạc » tây có tiếng ở Hà-nội, ông rất sành những khóe diễn-kịch, lại là người siêng-năng đôn-đốc khác thường, ông chịu nhận cái phần việc khó-nhọc nặng-nề là việc đốc-suất bọn tài-tử

ta, trong hơn một tháng trời tất-tâm tất-lực, sau này việc thành được, công ông thật có một phần to.

Các vai đã chia đâu vào đấy, bắt đầu tự đầu tháng tư tây, khởi tập-diễn ngay ở nhà Hát Tây, trước còn mỗi tuần lễ vài ba lần, rồi đến tuần lễ sau cùng thời ngày nào cũng tập luôn từ tám giờ tối đến 12 giờ đêm. Mấy bữa đầu còn lúng-túng ngượng-ngập lắm, nào người giọng không được, nào người giáng chửa in, ông quản-lý bắt-bẻ từng tí, chữa-sửa từng li, như thày giáo cầm tay sửa giọng cho học-trò vậy. Đến khi công đã thành, thiên-hạ đến xem lấy làm vui-thú, khen cho một tiếng « được », hồ dễ mấy người đã lượng được cái công-phu khó-nhọc trong lúc tập-tành ! .... Nhưng ngay tự mấy buổi đầu có mấy vai đã rõ hẳn là được rồi, là vai Nũng-công (ông Duyệt), vai con Nhài (Cô Tửu) và vai Cô Cúc (Cô Liên), mỗi ngày một thấy thêm hay lên, chớ không còn khuyết-điểm gì nữa. Đến gần ngày « đại-tập » (*répétition générale*) thời vai nào cũng là xứng-đáng cả. Bữa đó Hội có mời vài trăm người toàn người nhà cùng bà con những người có đóng tuồng và các nhà báo tây đến xem thử, thời hết thảy đều đồng-thanh khen-ngợi và quyết-đoán rằng bữa sau thế nào cũng được « toàn-thắng ».

Chính-nhật là ngày hôm sau 25 tháng 4, quả được « toàn-thắng » thật, quan Toàn-quyền, các quí-quan và người Tây đến xem đều lấy làm kinh-dị, nói không ngờ rằng người An-nam diễn tuồng tây được hệt, được khéo như vậy, không ngờ rằng nhập-diệu được cái tinh-thần của bài kịch tây đến bậc ấy. Các bậc tài-tử giai-nhân ta bữa ấy thật là phô hết nghề hay tài giỏi, bao nhiêu cái giỏi cái hay mấy bữa trước chưa lộ ra, hôm nay hình như theo dịp vỗ tay của công-chúng mà nẩy nở ra như hoa như gấm vậy.

Ông Duyệt thật là một vai Nũng-công tuyệt-phẩm : vai này đủ cả hỉ, nộ, ai, lạc, gồm được hết cái tình-cảm của người ta, rõ là một ông lão khờ-dại thật-thà mà bụng ngay dạ thẳng, khiến cho người ta đáng giận mà lại đáng thương, tức cười mà không đến nỗi khinh-bỉ : vai rất khó, vì phải đủ khóe mới làm được, thế mà ông Duyệt diễn được hoàn-toàn, thật đáng khen lắm. — Thứ đến Cô Tửu, quả-thị là một con Nhài hoạt-bát linh-lợi, khôn-ngoan tai-quái không ai bằng, đa-mưu đa-trí, nghiễm-nhiên làm chủ-động trong bài tuồng, một tay bày mưu lập kế, gây ra không biết bao nhiêu việc, tựa-hồ như nhạo-báng chủ mà kỳ-thực là thương-yêu chủ, tựa-hồ như điên-đảo giảo-quyệt, mà kỳ-thực là trung-hậu thuần-lương. Nhiều ông Tây lấy vai này làm giỏi nhất, mà lạ rằng Cô Tửu không từng sang Tây bao giờ, không từng được biết những con nhài con nụ bên ấy thế nào, mà diễn vai ấy được hệt như thế. — Bà Kao thời được cái tiếng hay quá, trong vắt mà buồn sao, giọng não-nùng bi-đát, giọng này mà ca-vãn thời khiến cho người ta rơi lụy được, nhưng tưởng vào một bài hài-kịch như bài này có lẽ không hợp chăng, thế mà thành ra lại hợp với vai cô Lan như in vậy; là vì truyện tuy là truyện hài-hí mà vai cô Lan này là một vai bi-sầu nhất: con gái chung-tình gặp được người tri-kỷ tưởng được cùng nhau kết duyên Tần-Tấn, thế mà lại phải ông bố dở hơi, người gì ghẻ hiểm-độc, còn gì buồn bằng, cho nên cái giọng buồn của bà Kao xen vào trong một bài hí-kịch lại càng nền lắm. — Cô Liên thời diễn cái, đoạn bố hỏi dò con út, thật là ngộ-nghĩnh ai cũng phải chịu là tuyệt-diệu. Khen thay mới có mười-hai tuổi đầu mà đã có biệt-tài như thế, sau này tất trở nên một vai đào có giá-trị. — Cô Ba Tuất đóng vai Nũng-bà, vai này là một con người nham-hiểm độc-ác, dễ khiến cho

thiên-hạ ghét, thế mà cô cũng khéo lộ được cái tâm-địa gian-tham, cái diện-mục xú-nế, thật là xứng vai lắm. — Ông VĨNH thời rõ ra ông Lang Ế, mặt dung-ý ngồi đối chuyện với ông lão lẫn, nói năng gẫy-gọn khúc-triết, trẻ hoe như ngồi tính đơn thuốc vậy. Ông VƯỢNG thời làm anh ngốc thật khéo, giọng bộ được cả, thật là một vai xuất-sắc. Ông HỢI thời nền lắm, nghiễm-nhiên ra một nhà trưởng-giả về đời vua LOUIS thứ 14 : cách ông ăn-mặc theo y-phục đời bấy giờ, người Tây lấy làm khen lắm. Ông THÔNG thời rõ ra một cậu công-tử đa-tình, có văn-tài, có lịch-thiệp, lúc ông họa thơ với Cô Lan khéo lắm. Ông NGẠN đóng thày Đại-hoàng, người lớn tiếng to, lúc thét mắng đủ làm cho thất-đảm ông bệnh giả : khéo. Ông QUANG đóng thày Nhân-ngôn, ra trò có vài phút, nhưng cũng có bộ vênh-váo, rõ ra giáng anh nhà nghề tự-đắc. Ông LỰC đóng vai luật-sư cũng xứng lắm, cách ông ăn-mặc rất gọn-ghẽ và hệt với y-phục đời bấy giờ, quan Toàn-quyền đã phải khen rằng trông ông phảng-phất như hình ông MOLIÈRE vậy. — Nói tóm lại thời vai nào cũng là xứng-đáng cả, và mấy vai nặng nhất lại là mấy vai được hơn nhất.

Ngoài bài diễn-kịch lại còn phụ thêm mấy trò nữa, như ả-đào Thái-hà-ấp múa bài-bông và hát chúc-thọ, các ông hội-viên Hội Trí-hòa đánh đàn tàu và đàn ta, phường tuồng rạp Quảng-lạc ăn-mặc áo-xiêm chỉnh-tề đi diễu trên sân khấu, bấy nhiêu trò là để thay vào những trò múa hát sau mỗi hồi trong nguyên-kịch ; đủ làm cho cuộc vui tối hôm ấy thật là hoàn-toàn. Vả thiên-hạ mới nghe thấy mở cuộc diễn-kịch mới đã hoan-nghênh cổ-võ lắm ; nhà hát tây có chừng một nghìn chỗ ngồi, mà người đến xem tới nghìn rưỡi, phải để ghế phụ thêm, lắm người phải đứng ; thế mà vẫn còn nhiều người phàn-nàn không được xem, Hội phải định diễn một lần thứ hai nữa.

Bữa sau các báo Tây ở Hà-nội Hải-phòng kỷ-thuật về cuộc diễn-kịch ấy đều đồng-thanh ngợi-khen là được cả.

* * *

Thế là sự thí-nghiệm đã nên công vậy. Sự thí-nghiệm ấy thế nào ? Sự thí-nghiệm ấy là muốn thử xem nghề tuồng ta có thể cải-lương được không ; lại muốn thử xem quốc-văn ta đã thành-lập chưa.

Thuộc về sự cải-lương nghề tuồng ta, thời cuộc diễn-kịch vừa rồi đã chứng rằng người An-nam ta có thể diễn theo lối tuồng tây được. Nhiều người nhân đó nói rằng nên kíp-kíp soạn ngay vở tuồng mới, luyện lấy một phường tuồng mới, mở ra một rạp hát mới, và ra tay cải-lương nghề diễn-kịch ta tức-thì. Ký-giả thiết-nghĩ rằng không nên vội-vàng như thế. Muốn cải-lương nghề diễn-kịch theo như cách-thức của Thái-Tây, phải có những người soạn kịch thạo các phương-pháp của Thái-Tây mới được ; dẫu không có được những bậc như MOLIÈRE, cũng phải có những tay học trò ông MOLIÈRE xứng-đáng mới được. Nước ta hiện bây giờ đã có ai là người sành về lối tuồng mới, đủ mà soạn những bài kịch mới chưa ? Quyết rằng chưa. Cho nên chỉ sợ những người thật thông-hiểu chưa có, mà lại chỉ xuất-hiện ra những tay MOLIÈRE nỏi, thời không những không lợi mà lại có hại cho sự cải-lương vậy. Cái tật người nước mình là cái tính a-dua, thấy ai khởi-xướng ra cái gì cũng ùa theo mà thường-thường không hiểu là gì, không làm nên chi cả. Có người độc miệng đã bình-phẩm bọn văn-sĩ nỏi ta rằng : « Bọn đó như sầm nắm gậy, như đười-ươi bắt ống, chớ có vội xướng-suất ra cái gì mới rồi họ nắm ngay lấy, gỡ ra không được. Năm trước có người dịch mấy bài đoản-thiên tiểu-thuyết của Tây, rồi từ đó xuất-hiện ra không biết hằng-hà sa-số nào là đoản-

thiên tiểu-thuyết, ngày nào trong nhật-báo cũng có, mà bài nào cũng vô-vị như bài nào. Ngày nay xướng ra lối diễn-kịch mới, chỉ sợ nay mai lại xuất-hiện ra vô-số là bài kịch mới, bài nào cũng lố-lăng như bài nào...» Lời nói tuy quá-khắc mà không phải là không đúng vậy.

Bây giờ ta đã quyết-chí theo đòi lối diễn-kịch tây thời thiết-tưởng nên nghiên-cứu cho thâm, rồi hẵng tự-ý làm. Mà nghiên-cứu lối diễn-kịch tây thời còn chi bằng lấy những nhà danh-kịch nước Pháp về thế-kỷ thứ 17 như ông MOLIÈRE làm mô-phạm? Văn-học Pháp về thế-kỷ 17 đã gọi là «văn-học cổ-điển» (*littérature classique*), nghĩa là có thể làm mẫu cho đời sau được, mà văn-chương cổ-điển của Pháp lại có một cái tính-chất đại-đồng (*un caractère universel*), nghĩa là không phải chỉ biểu riêng cái tinh-thần một nước Pháp, mà lại hợp với tính phổ-thông của cả nhân-loại, dẫu người đời nào nước nào cũng có thể lấy đấy làm kiểu-mẫu, làm mực-thước được. Tức như các nhân-vật trong bài *Bệnh-tưởng*, dẫu cách ăn-mặc là người nước Pháp về thế-kỷ thứ 17, mà tưởng chuyển-dịch sang nước nào, y-phục theo An-nam hay theo Nhật-bản, cũng đến thế mà thôi, cũng nhân-tâm ấy, bả thiên-lý nào? Bởi thế nên ký-giả thiết nghĩ rằng trước khi cổ-động việc soạn kịch mới, hẵng nên nghiên-cứu cho thâm các vở kịch đã nổi tiếng trong «cổ-bản» Pháp, và ai có tài riêng nên dụng công dịch ra tiếng ta cho quốc-dân được thưởng-giám. Đó cũng là một cách cải-lương, mà cải-lương chắc-chắn hơn.

Thuộc về quốc-văn thời cuộc diễn-kịch vừa rồi đủ chứng rằng quốc-văn ta đã thành-lập rồi đó. Vàng hay thau phải đem ra thử lửa mới hay; văn-chương phải đem ra đọc ra diễn ở giữa nơi công-chúng mới biết là văn-chương hữu-dụng hay là văn-chương vô-dụng. Nếu văn-chương chỉ là một món để ngâm-nga rung đùi riêng một mình, thời là văn-chương vô-dụng mà không thể sống được ở đời này. Nếu văn-chương đem ra tuyên-diễn ở giữa đám đông người mà cảm-kích được người ta, chuyển-di được lòng chúng, thời là văn-chương hữu-dụng mà có thể sinh-tồn được trong thế-giới hoạt-động cạnh-tranh này. Văn quốc-ngữ ta bữa trước đem ra «thử lửa» như thế đã là được rồi, người mình cùng người ngoài đã công-nhận là ta có quốc-văn rồi đó, còn hay hay-là dở là bởi cái công tập-luyện về sau. Nhưng muốn tập-luyện cho nên công thời phải đem tiếng ta ra mà nói mà diễn ở chỗ đông người cho quen đi, cho nên nghề diễn-thuyết là một nghề người mình rất phải tập vậy.

Cuộc diễn-kịch vừa rồi có ảnh-hưởng đến nghề tuồng, đến quốc-văn của ta, trên đã nói; nhưng lại vừa ích-lợi cho Hội «Khai-trí tiến-đức» nhiều nữa. Hội mới thành-lập muốn dùng một cách quảng-cáo cho quốc-dân được biết, thời việc diễn-kịch ấy thực là một cách quảng-cáo rất có hiệu-lực, mà rất có ý-nghĩa vậy. Từ nay có ai hỏi Hội «Khai-trí» chủ-nghĩa là thế nào, định làm những việc gì, thời ai cũng rõ rằng Hội «Khai-trí» chủ-nghĩa là thế ấy và muốn xướng-suất ra những việc có ích-lợi cho quốc-dân về đường trí-thức, về đường đạo-đức, giúp cho sự tiến-hóa của dân vậy. Người Đại-Pháp trước kia đối với Hội này vẫn có bụng hoài-nghi, đối với bọn thượng-lưu mình ít có lòng quyến-cố, từ nay đã thấu rõ cái tư-tưởng hành-vi của bọn mình rồi, chắc cũng vui lòng mà giúp mình cho đạt tới cái mục-đích. Nào những bậc nhiệt-thành về sự cải-lương tiến-hóa trong nước ta nghĩ sao?

PHẠM-QUỲNH

CÁC VIỆC LỚN ÂU-CHÂU TỪ SAU KHI CHIẾN-TRANH ĐẾN GIỜ

Từ khi thôi chiến-tranh đến giờ, các việc lớn xảy ra ở Âu-châu, phân-vân phồn-tạp, nhà sử-học chưa thể lý-hội cho biết cái chân-tướng được. Việc xảy ra mau quá, nay thế này mà mai đã đổi khác rồi, sớm thế kia mà tối đã biến hình ngay, điện-báo truyền đi như chớp loáng, phút có mà phút không, đương lúc bấy giờ dẫu người có tài trác-kiến cũng không sao mà dự-tưởng được cái kết-quả ra thế nào. Song tuy nhà sử-học chưa thể phán-đoán cho đích-xác được, mà nhà ký-sự có thể lần-lượt biên-chép lấy các việc để lưu làm tài-liệu cho sử-học về sau. Bởi thế nên gần đây những sách ký-sự về lịch-sử Âu-châu trong khoảng một năm sau khi đình-chiến xuất-bản đã nhiều lắm. Ta tưởng nên ước-lược mà dịch-thuật ra đây để cống-hiến cho các nhà học-giả trong nước ta có lưu-tâm quan-sát đến những việc lớn trong thiên-hạ, những việc ấy không phải là không có quan-hệ đến cái đại-thế của nước mình, người mình không thể mang-nhiên mà không biết vậy.

1. — Nước Đức mới

1. — Sau khi ký tờ đình-chiến ngày 11 tháng 11 năm 1918, là công-nhận quân Đồng-minh được chiến-thắng và quân nước Đức phải thất-bại, bấy giờ các quân-đội của Hiệp-thương (*l'Entente*) mới tiến lên giữ ở bờ sông Rhin là nơi giáp-giới nước Pháp với nước Đức.

Song cách đấy mấy tuần lễ, dân Đức đã thoát-li được cái ách của Đức-hoàng là cái thiên-tai đã làm cho nước ấy khốc-hại bấy lâu, thoát-li được cái nạn sự chiến-tranh, không phải quân ngoài xâm-nhập mà trong nước thì giữ được bình-yên, coi trong dân-gian đã thấy có khởi-sắc. Nhiều tỉnh-thành cắm cờ để mừng đón quân-lính ở trận-tiền về ; đại-để thời nhân-dân vẫn giữ công-việc như thường, không ngờ rằng nước mình phải chiến-bại, ai nấy chỉ mong an-cư lạc-nghiệp mà giữ cho trong nước được hòa-bình. Quốc-dân đều một lòng nguyện-vọng như thế, thời việc cải-tạo cũng dễ. Lập-tức đặt một lâm-thời-chánh-phủ, cử Ebert làm giám-quốc, rồi sửa-soạn bầu một quốc-hội. Ở đất Bavière có đảng Kurt Eisner muốn phản-đối, Ebert dẹp yên được. Lại có Liebknecht là đầu đảng cách-mệnh xưng-danh là đảng « *Spartacus* » muốn khởi loạn, Ebert rồi cũng khu-trừ xong. Thế là trong nước đã tiệm có hòa-bình trật-tự vậy.

2. — Ebert *đối với đảng cách-mệnh* « *Spartacus* » (tháng 12 năm 1918). — Nguyên đảng *Spartacus* là một chi-phái của đảng quá-kích (*bolchevisme*) Nga ở Đức, vẫn hết sức vận-động để phá-đổ lâm-thời-chánh-phủ, ngày 5 tháng 12, chiếm-cứ được mấy chợ ở quanh thành Berlin, bữa sau đại-hội-đồng các đảng-viên, lập thành một đám đông kéo vào kinh-đô, bị quân Chánh-phủ cản-trở, hai bên đánh nhau chết mất 1200 người, rồi quân cách-mệnh tan mà lui về. Bấy giờ có một bọn lính thủy và lính bộ, đứng trước Uy-liêm-cung (*Wilhelmstrasse*) cũng vận-động, nhưng đòi đặt « hội Lập-hiến » (*Constituante*) và tuyên-nhận cho Ebert làm giám-quốc Dân-quốc Đức.

Liebknecht vẫn cổ-động trong đảng cách-mệnh, khuyến-kích bọn thợ bãi-công. Bấy giờ nhân có lính Vệ-binh (*la Garde*) vừa ở trận-tiền về, Chánh-phủ Ebert muốn lợi-dụng để chấn-loát nhân-tâm, bèn truyền cho quân-

lính ngày 10 tháng 12 đi diễu trong các phố-phường lớn thành Berlin.

Được ít lâu thời các ủy-hội (*comités*) của bọn lính và bọn thợ trong nước họp thành Hội-nghị. Hội-nghị ấy có 440 người, khi hội-đồng thời bị đảng cách-mệnh của Liebknecht và Rosa Luxembourg đến quấy-nhiễu, nhưng cũng vẫn bàn-bạc được và quyết-nghị trao quyền hành-chánh cho lâm-thời-chánh-phủ có sáu người cầm quyền, cho kỳ đến khi họp thành hội Lập-hiến ; lại đặt một trung-ương-hội-nghị (*conseil central*) có 27 hội-viên, định giờ làm việc cho thợ trong các công-xưởng mỗi ngày là 8 giờ, thu các mỏ trong nước làm công-sản (*socialisation des mines*), rồi giải-tán.

Bấy giờ mới mở cuộc vận-động về việc bầu-cử, đảng cách-mệnh cố làm cho sự vận-động rất kịch-liệt. Nhân bọn quân cuối cùng ở trận-tiền về Berlin, ngày 24 Liebknecht và Ledebour xui ban thủy-quân đóng ở cung vua nổi loạn ; quân nổi loạn xung-đột với một sư-đoàn kỵ-binh, rồi ngày 25 vào cướp phá nhà báo *Vorwaerts* là một cái báo cơ-quan của Chánh-phủ. Đảng Liebknecht mỗi ngày một thắng-thế. Nhưng may Ebert nhờ có quân vệ-binh giúp, ngăn-cầm được bọn khởi-loạn ; không những thế, trong lâm-thời-chánh-phủ có sáu người, ba người thuộc về đảng « thiểu-số » (*les minoritaires*) là phần trong đảng xã-hội có khuynh-hướng về chủ-nghĩa quá-kích, là Haasse, Dittmann và Barth, thời ngày 27 ba người ấy đều xin từ-chức trao quyền lại cho hai người khác thuộc về đảng « đa-số » (*majoritaires*) là phần ôn-hòa hơn, hai người ấy là Noske và Wissel. Thành ra Chánh-phủ có năm người : Ebert, Scheidemann, Noske, Landsberg và Wissel; bấy giờ cử bá-tước Brockdorff-Randzau thay Bác-sĩ Solf làm tổng-trưởng bộ Ngoại-vụ.

3. — *Đảng « Spartacus » thua và* Liebknecht *bị giết* (tháng giêng năm 1919). — Tuy vậy cũng chưa yên-ổn hẳn. vì ngày mồng 5 tháng giêng Liebknecht lại diễn-thuyết thúc-giục bọn khởi-loạn, và viên cảnh-sát sảnh-trưởng Eichhorn thì về bè với bọn đó, vào cướp nhà báo *Vorwaerts* và nhiều nhà báo khác nữa ; trong thành-phố súng cối-xay súng-máy bắn đi-đùng. Quan Chánh-phủ Scheidemann cố trị bọn Cách-mệnh mà không được. Ngày mồng 6, bọn ấy lại cướp sở Giây-thép và sở Hỏa-xa ; Chánh-phủ cố điều-đình cho yên không xong, bèn ra tay quyết-liệt : Noske ra thống-lĩnh cả các quân còn trung-thành với Chánh-phủ ; một sư-đoàn võ-bị chỉnh-tề tự Potsdam tiến lên Berlin ; ở Kinh-đô thời sự sinh-hoạt bị đình-đốn cả. Ngày hôm ấy kịch-liệt lắm, hai bên đánh nhau dữ quá. Đảng cách-mệnh phải lui, trước đã chiếm được nhiều nơi công-sở phải bỏ mà chạy. Nhân thế mà ngày mồng 8 đánh nhau lại càng hăng lắm, nhưng Chánh-phủ được các quân trung-thành hết sức giúp, không chịu giảng hòa, tuyên đặt quân-luật (*état de siège*). Một trung-đội (*bataillon*) khinh-bộ-binh (*chasseurs*), quân kỵ của vệ-binh, bọn lính thủy ở Kiel, cũng tập-hợp dưới quyền Noske ; ngày mồng 9 đảng cách-mệnh phải khu-trục ra phía đông thành Berlin. Tuy vậy, ngày mồng 10 vẫn còn đánh nhau ở quanh nhà báo *Vorwaerts* ; đến ngày hôm sau thời đảng cách-mệnh chịu thua, Ebert thắng-thế cho trát bắt từng xốc. Liebknecht và Rosa Luxembourg là hai người đầu đảng cách-mệnh bị bắt, điệu đến cung *Eden*, ngày 16 tháng giêng bị am-sát ở đấy.

4. — *Hội Lập-hiến Đức.* — Ngày 19 tháng giêng thời bầu-cử Hội Lập-hiến, bình-tĩnh lắm, nhờ có bảy sư-đoàn (*divisions*) đủ cả súng đại-bác và súng cơ-quan đàn-áp. Bầu-cử đó đắc-lợi cho Chánh-phủ. Chánh-phủ bèn cử quan Quốc-vụ-

tổng-trưởng PREUSS khởi-thảo một đạo Hiến-pháp cho nước Đức. Bấy giờ mới càng rõ rằng đảng cách-mệnh không có thế-lực gì to lắm, chẳng qua là cái phong-trào bạo-động nhất-thời mà thôi. Ngày mồng 6 tháng hai, Quốc-hội họp ở Weimar, xét tình-hình thì biết ngay rằng nếu bấy giờ có đảng nào xướng cái câu : « Ta nên quyết-liệt với Berlin » (*Los von Berlin !*) nữa, thời toàn-hội chắc là đồng-lòng phản-đối và quyết-chí bảo-tồn lấy cái nền thống-nhất của nước Đức, có lẽ lại hát câu ca : « Phồ thiên chi hạ, duy Đức độc tộc » (*Deutschland uber alles*) mà đáp lại vậy. Chính EBERT đã nói rõ-ràng rằng : « Các nước Hiệp-thương không có đẩy ta vào chốn cùng-đồ được ; hiện nay thuộc về xã-hội-chủ-nghĩa, nước ta là đi đầu thế-giới. Tôi xin có lời chào mừng nước Áo có dân Đức ở nay mai sẽ sáp-nhập vào nội-địa Đức, bấy giờ nước Đức ta sẽ được hoàn-toàn và thống-nhất vậy. » EBERT được bầu làm Giám-quốc Dân-quốc Đức (*president du Reich allemand*), bèn trao cho SCHEIDEMANN tổ-chức tòa Nội-các (có năm người : BROCKDORFF-RANTZAU, NOSKE, ERZBERGER, DAVID) ; FEHRENBACH nguyên làm nghị-trưởng Nghị-hội Đức trước (*Reichstag*) được bầu làm nghị-trưởng Quốc-hội. SCHEIDEMANN tổ-chức Nội-các xong, giãi-bày chương-trình đại-khái như sau này : quyền trung-ương cho mạnh ; ký hòa-ước cho mau, lấy mười bốn khoản của ông WILSON làm căn-cứ ; nếu Đồng-minh bắt hòa-ước áp-chế thời cự lại mà không nhận ; khôi-phục các thuộc-địa ; yêu-cầu cho các tù-binh được hồi-quốc lập-tức ; yêu-cầu cho nước Đức vào Hội Vạn-quốc ; xướng liệt-cường phải bãi-binh suốt cả.

Tuy vậy đảng cách-mệnh vẫn còn náo-động chưa thôi, hốt-nhiên lại khởi lên kịch-liệt : ngày 21 tháng hai KURT EISNER là quan đầu Chánh-phủ đất Bavière bị ám-sát, nhân đó phát ra một cái phong-trào cách-mệnh lần thứ hai, lần này thời rõ theo về mặt quá-kịch. Đảng cách-mệnh lập lên một hội-nghị có thợ, lính, và dân nhà-quê. Vả bấy giờ giữa là lúc cái phong-trào quá-kích đương tràn khắp nước Đức, từ đồng-bằng nước Nga cho đến bờ sông Rhin ; đâu đâu cũng thấy nổi loạn, cũng thấy bãi-công (*grèves*), cũng thấy bạo-động, thậm-chí Chánh-phủ mới phải bị vây ở trong thành Weimar. Song, ở Halle, ở Eisenach, ở Berlin, ở Weimar, quân Chánh-phủ vẫn chống-cự lại, và tiến lên Munich ; thành ra NOSKE dùng quân đất Prusse để trị bọn cách-mệnh đất Bavière, đó cũng là gây ra một sự bất-bình cho dân Bavière vậy.

2. — Mấy lần tăng hạn đình-chiến

1. — *Ở Đông-phương.* — Chính tướng Đức LUDENDORFF đã phải thú-nhận rằng tướng FRANCHET D'ESPEREY (người Pháp) đánh được trận đất Macédoine tức là đẩy nước Đức vào nơi thất-bại ngay tự bấy giờ. Đức-Áo đã bị thua thì cửa Đông-phương rộng mở cho quân Đồng-minh.

Ngày mồng 10 tháng 11 năm 1918, chiếc khu-trục-hạm của Pháp hiệu *Mangini* tới Constantinople ; ngày 15 các hạm-đội Đồng-minh đóng trong eo-bể Bosphore, ngày 22 thời tướng FRANCHET D'ESPEREY đỗ tàu ở Constantinople, có thủy-soái AMET và các tướng BUNOUST, TOPART và WILSON cùng với Tham-mưu-bộ tổng-tướng của Thổ-nhĩ-kỳ là DJEVAL PACHA ra nghênh-tiếp.

Ngày 24 tháng 11 thời cái tình-hình ở các hàng trận như thế này : hạm-đội và quân-đội của Đồng-minh chiếm-cứ cửa Dardanelles, thành Constantinople và bể Hắc-hải, Quân Ý giữ đất Tyrol ; quân Tắc giữ cả đất Ưu-ngô-Tư-lạp (Yougo-Slavie), ở đấy thời ngày mồng 1 tháng 12 Quốc-dân Hội-nghị họp tại Agram (Hội-nghị có những đại-biểu của các dân Serbes, Croates và Slovènes thuộc về nước

Áo cũ) dâng ngôi vua cho hoàng-thái-tử Alexandre nước Tắc. Quân của tướng Chrétien thời giữ đất Bảo (Bulgarie) ; ba sư-đoàn của Pháp và tám sư-đoàn của Lỗ-mã-ni (Roumanie) thời giữ đất Hongrie và đất Transylvanie; một sư-đoàn Pháp giúp cho quân Triết-khắc-Ti-lạp (Tchéco-Slovaques) tiến lên thành Prague ; quân Ba-lan (Polonais) thời giữ ở Cracovie. Chiếu theo tờ hiệp - ước thành Belgrade ngày 13 tháng 11 của quân-đoàn Đông-phương (*armée d'Orient*) ký với nước Hung-gia-lợi (Hongrie), thời quân-đoàn của tướng Đức Mackensen (8 vạn người) đáng lẽ đến ngày 19 tháng 11 phải rút về Đức cho hết, mà quá ngày ấy chưa thấy rút về, tướng Henrys coi quân nước Tắc (Serbie) và tướng Berthelot coi quân nước Lỗ (Roumanie) bèn đòi giam-cấm quân Đức lại. Ngày 31 tháng 12 kỵ-binh của sư-đoàn Jouinot-Gambetta đến vây bắt Mackensen làm chiến-tù, ở Foth gần Budapest.

Ba tháng sau, tướng Pellé (người Pháp) thống-lĩnh quân Triết-khắc-Ti-lạp, và tướng Anselme (cũng người Pháp) thời nhân vì quân quá-kích tiến lên dữ ở phía nam nước Nga ngày 14 tháng 3 phải triệt-quân ở thành Odessa và đất Crimée về.

Vả trong suốt khi Hội Hòa, ở Đông-bộ Âu-châu vẫn nhiễu-loạn, không lúc nào được yên, hiện bây giờ cũng còn chưa khỏi loạn, và có lẽ tình-thế còn cứ phân-vân như thế mãi, chưa mong cho mau hòa-bình được.

2. — *Thi-hành ước đình-chiến và tăng-gia hạn đình - chiến.* — Trong tháng 12, mấy ông vua cùng quốc-trưởng các nước Đồng - minh sang thăm nước Pháp để mừng cuộc chiến-thắng và dự-bàn trước về việc giảng-hòa : vua George V nước Anh, vua Albert I nước Tỉ, quan Giám-quốc Wilson nước Mĩ, vua Victor-Emmanuel II nước Ý ; thành Paris nghênh-tiếp một cách rất trọng-thể. Nhất là khi nghênh-tiếp quan Giám - quốc nước Mĩ, cách cử-chỉ của ngài giản-dị, lời diễn-thuyết của ngài cao-thượng-nhân-dân thật là vui-vẻ và cảm-động vô-cùng.

Chiếu theo điều-ước đình-chiến, ngày mồng 10 tháng 12, nhà Đại-Pháp-Ngân-hàng (*Banque de France*) nhận giữ cho Đồng-minh tiền bồi-khoản 320 triệu bằng tiền vàng của Chánh-phủ « Sô-viết » (*Gouvernement des Soviets*, là chánh-phủ cách-mệnh nước Nga) phải nộp cho Đức sau khi hòa-ước Brest - Litovsk (là hòa-ước nước Nga chịu thua nước Đức). Sự thi-hành điều-ước đình-chiến không phải là không khó-khăn : như theo lời ước thời nước Đức phải nộp cho Đồng-minh 15 vạn chiếc hỏa-xa (*wagons*), thế mà đến giữa tháng 12 Hội-đồng nhận đồ (*Commission de réception*) mới nhận được có 2000 chiếc mà thôi.

Ngày 13 tháng 12 hạn đình-chiến thứ nhất đã hết, hai bên ký ước tăng thêm ra một hạn nữa cho đến ngày 17 tháng giêng sau, 5 giờ sáng, ước ấy ký trong buồng khách hỏa-xa (*wagon-salon*) của quan Thống-tướng Foch đỗ ở Trèves. Theo ước mới ấy thời tự Cologne cho đến địa-giới nước Hòa-lan, Đồng-minh được quyền chiếm-cứ một dải đất trung-lập rộng là 10 cây-lô-mét ở trên hữu-ngạn sông Rhin (tức là vùng lưu-vực sông Ruhr) ; phàm « hỏa-xa dụng-cụ » (*matériel de chemin de fer*) phải nộp cho Đồng - minh thời hạn trong một tháng phải nộp cho hết ; nước Đức phải đoan hoàn lại những đồ mĩ-thuật, những văn-tự cùng công-văn bút-lục mà quân Đức đã cướp lấy ở các miền bị chiếm-cứ và ở hai châu Alsace-Lorraine ; sau nữa cấm nước Đức phàm những đường hỏa-xa, mỏ, rừng trong nước, không được bán, nhường, cầm-đợ cho ai.

Ngày 12, 13 và 15 tháng riêng 1919 các quan thủ-tướng và quốc-vụ-tổng trưởng của các nước Đồng-minh hội-đồng ở trong buồng giấy quan PICHON ở Ngoại-vụ-bộ nước Pháp để dự bàn các khoản trước khi họp Hội Hòa. Hội-đồng ấy hoặc họp thành « Chiến-vụ cao-đẳng hội-nghị » (*Conseil supérieur de Guerre*), hoặc họp thành « Ngoại-giao-hội-nghị » (*Conférence diplomatique*). Trong khi hội-đồng có định nhiều khoản mới để thêm vào ước đình-chiến, như: chuyển tiền trữ-kim bằng vàng (*reserve d'or*) của nhà « Đức-quốc ngân-hàng » (*Reichsbank*) ở Berlin ra Francfort: dùng đội tàu buôn của Đức để chở lương-thực cung-cấp cho các nước tiếp-cận với Đức và cho nước Đức; bắt Đức hoàn lại ngay lập-tức những « công-nghệ dụng-cụ » (*matériel industriel*) mà quân Đức đã cướp ở các miền bị chiếm-cứ; chở mấy sư-đoàn (do tướng HALLER thống-lĩnh) để sang đóng ở cửa Dantzig và đất Ba-lan. Trong khi hội-đồng lại định số những đại-biểu của các nước Đồng-minh cử ra Hội Hòa và tuyên-bố những tên các đại-biểu ấy: như nước Pháp thời được năm người đại-biểu là những quan CLÉMENCEAU, PICHON, KLOTZ, TARDIEU và CAMBON.

Ngày 16 tháng giêng hạn đình-chiến thứ nhì đã hết, quan Thống-tướng FOCH lại tới Trèves để tang thêm hạn một tháng nữa, và thêm vào tờ ước ít nhiều điều-khoản mới. Số « hỏa-xa dụng-cụ » của nước Đức phải nộp thêm trong tháng 12 chưa nộp được hết, nay phải lấy những đồ « canh-nông dụng-cụ » (*matériel agricole*) nộp thế vào: 400 bộ máy cầy chạy bằng hơi nước, 6.500 cái cầy, 6.500 cái cầy kiểu « brabant » (*charrues brabants*), 6.500 cái máy gieo hạt (*semoirs*), 6.500 cái máy san phì-liệu (*distributeurs d'engrais*), 2.500 cái máy gặt (*faucheuses*), bấy nhiêu cái máy phơi cỏ (*faneuses*) và máy lượm (*moissonneuses-lieuses*), v. v. Nước Đức lại phải hoàn lại những đồ công-nghệ và canh-nông dụng-cụ mà quân Đức đã cướp ở các miền bị chiếm-cứ. Đồng-minh được quyền chiếm giữ một nơi đầu-cầu thứ tư ở trên sông Rhin nữa, trước thành Strasbourg, ngày 27 tháng giêng tướng HIRCHAUER (người Pháp) đem quân đến đóng đấy. Lại ủy-hội của Đồng-minh coi các khoản đình-chiến thuộc về hải-quân đi khám các cửa bể của Đức thấy có 61 chiếc tàu-ngầm đã làm xong và 125 chiếc đương làm, bèn bắt nước Đức phải nộp hết những chiếc đã làm xong và phá hết những chiếc còn đương làm giở; sau nữa nước Đức phải để cho Đồng-minh dùng cả đội tàu buôn trong nước.

Trong tháng hai ước đình-chiến lại tang hạn một lần thứ ba nữa ở Trèves. Quan Thống-tướng FOCH chỉ-định cho nước Đức một cái giới-tuyến về miền Posen ở mặt đông, quân Đức không được đóng ra ngoài đường ấy. Lần thứ ba này thì ước đình-chiến không định hạn.

3. — Công-việc của Hội Hòa

Ngày thứ bảy 18 tháng giêng, 3 giờ chiều, quan Giám-quốc POINCARÉ nước Pháp khai Hội Hòa ở dinh Ngoại-vụ-bộ, tại phòng « Đồng-hồ » (*salon de l'Horloge*) ở từng dưới. Bên tay phải ngài có quan WILSON, bên tay trái quan LLOYD GEORGE. Cử-hội đều đứng để nghe bài diễn-thuyết của quan Giám-quốc Pháp. Trong bài diễn-thuyết ngài kể sự khốn-cực của nước Pháp, cái tội ác của nước Đức, công tham-chiến của nước Mĩ, cùng là sự cần phải thiết-lập ra một cái trật-tự mới cho thế-giới tự-do mà đặt ra Hội Vạn-quốc (*Ligue des nations*). Diễn-thuyết xong rồi, quan Giám-quốc lui về, nhường cho quan CLÉMENCEAU ngồi. Quan WILSON bàn với hội-nghị bầu quan CLÉMENCEAU làm hội-chủ.

Ngoài kỳ hội-đồng khai-hội ấy, các đại-biểu lại thường họp riêng để trao-đổi ý-kiến ; định số đại-biểu của các nước, chia ra làm hai hạng : một hạng những nước có lợi-quyền chung, một hạng những nước có lợi-quyền riêng. Ngày 22 tháng giêng định sai một phái-bộ sang Pologne (bộ-trưởng là ông Noulens). Quan Wilson và Lloyd George thời bàn đạt giấy mời cả các chánh-phủ hiện đương tranh-giành nhau ở nước Nga và ở đất Tây-bá-lợi-á (Sibérie) để hội-họp lại mà điều-đình thương-thuyết với nhau ở đảo Pinkipo, trong biển Marmara. Vì bấy giờ cái tình-thế ở nước Nga nguy-kịch lắm : quân hồng-binh (*armées rouges*) của đảng quá-kích bọn Lénine và Trotsky nhiều tới 50 vạn người, và nhiều nơi đánh quân nghĩa-binh của hai tướng Denikine và Koltchak phải thua.

Tuy vậy, dẫu không có nước Nga, cũng phải dựng cho thành cơ-sở một Hội Vạn-quốc ; ngày 25 tháng giêng Hội Hòa bèn họp đại-hội-đồng lần thứ hai, quan Giám-quốc Wilson diễn-thuyết nói rằng : « Bọn ta họp nhau ở đây là để đặt cuộc hòa-bình cho thế-giới, ta phải làm thế nào cho không phải là chỉ được đẹp lòng các Chánh-phủ, mà phải cho được thỏa-nguyện các dân-tộc vậy.» (1) Quan Lloyd George (nước Anh), Orlando (nước Ý), Léon Bourgeois (nước Pháp) cũng thay mặt Chánh-phủ các nước ấy tán-thành vào sự lập Hội Vạn-quốc, và diễn-thuyết nói một lòng trông-mong và tin-cậy ở Hội sau này. Song giữa khi ấy thì về mặt Đông, hai dân Ba-lan (Polonais) và Triết-khắc (Tchéco-Slovaques) khởi-binh đánh nhau, tranh nhau về cái hạt Teschen ở đất Silésie nước Áo, mà tướng Đức Hindenbourg thì đương tập-hợp quân-đội, để định chiếm lại đất Posnanie của người Ba-lan.

Xong rồi Hội Hòa, từ bấy giờ gọi là « Hội-nghị mười ông » (*Conseil des Dix*) — mười ông là ông Clémenceau, Wilson, Lloyd George, Orlando, Hymans, Venizelos, Bratiano, Pachitch, Trumbitch, Mazarick — lại đặt thêm ra những hội-đồng (*commissions*) và tiểu-hội-đồng (*sous-commissions*) để giúp việc, mới bàn đến sự chia các thuộc-địa của Đức, xét về những trách-cứu trong khi chiến-tranh, những khoản bồi-thường, biên-tập một bộ quốc-tế-luật-lệ cho lao-động-giới (*législation internationale du travail*), nghe những lời yêu-cầu biện-thuyết của các đại-biểu dân Triết-khắc, dân Lỗ-mã-ni, dân Tắc, dân Hi-lạp, dân Ả-rập ; còn sự hội-tập các Chánh-phủ Nga để hiệp-nghị ở đảo Prinkipo thì không thành, từ khi mới khởi-xướng ra cũng đã biết như thế rồi. Nay đến cái cách làm việc của các đại-biểu ở Hội Nghị-hòa, thời cũng nhiều người chỉ-nghị bài-bác lắm ; trước khi chưa định xong địa-giới các nước là cái vấn-đề quan-trọng hơn cả, Hội Hòa đã làm ngay cái hiệp-ước về Hội Vạn-quốc (*pacte de la Société des Nations*) có 26 điều, đặt ra một tòa « quốc-tế thư-phòng » (*secrétariat international*) thường-chực, một tòa « chấp-hành hội-nghị » (*conseil exécutif*), những hội « phái-viên hội-đồng » (*sessions de délégués*), mà chẳng đặt ra cách binh-phòng thế nào để đủ giữ-gìn bênh-vực cho những nước có ký-ước, và thứ nhất là nước Pháp có quan-hệ vào đấy hơn cả.

Rồi đến các báo đồng-thanh mà chỉ-nghị về cách Hội Hòa làm việc chậm quá. Kỳ-thực thời những ông đại-biểu ở Hội Hòa đều là quan đầu Chánh-

(1) « Nous sommes ici pour assurer la paix du monde, notre œuvre doit satisfaire non point les gouvernements, mais les peuples. » (Président Wilson).

phủ của các nước, ngoài việc nghị-hòa lại còn phải trông-nom việc nước mình nữa, cho nên công-việc của các ông nặng-nề quá. Lại các ông đại-biểu không có một cái chánh-sách chung đối với nước Đức, nước Áo, nước Nga. Có nhiều cái vấn-đề ngày hôm nay đã giải-quyết rồi, ngày mai lại xuất-hiện ra một phương-diện khác. Thuộc về công-việc Hội Hòa vào khoảng cuối tháng ba 1919 có người đã bình-phẩm mấy câu rất đích-đáng : « Về mặt Nga thời đất Finlande không thấy nói đến nữa. Còn về số-phận những tỉnh cũ của nước Nga ở quanh bờ bể Baltique mà nay muốn độc-lập, như Esthonie, Livonie, Courlande, Lithuanie, thời Hội Hòa xử-trí một cách cẩu-thả quá. Địa-giới nước Pologne về phía tây thời đã định thế này, rồi lại đổi ra thế kia, rồi lại định lại như cũ. Đường thông-qua Dantzig vẫn chưa mở cho quân của tướng Haller đi. Quân đất Ukraine vẫn vây thành Lemberg, chẳng sợ gì những lời điện nạt-dọa của các quan nghị-hòa. Ở Posen thì người Đức cứ hoành-hành, hình như ngạo-mạn cả phái-bộ của Đồng-minh. Châu Schleswig vẫn đợi đặt « thứ-dân đầu-phiếu » (*plébiscite*) để cho yên-phận biết rằng từ nay thuộc về nước Đức hay là nước Đan-mạch. Lại cái vấn-đề cửa sông Escaut, vấn-đề quận Luxembourg, vấn-đề sông Rhin, vấn-đề sông Sarre, vẫn còn phân-vân chưa giải-quyết. Lại nước Ý và nước Ưu-ngô (Yougo-Slavie) hai bên giao-thiệp càng ngày lại càng găng, mà nước Triết-khắc (Tchéco-Slovaquie) thì bị bí-tắc cả bốn bề, không biết thò ra đâu mà thở được. Nước Lỗ-ma-ni và nước Tắc thời tranh nhau đất Banat, vì các phần chia không được ổn. Đất Macédoine và đất Thrace thời rối như bòng-bong, và đất Tiểu Á-tế-á (Asie mineure) thì hình như không ai nói đến nữa. Về phía Đông thời quân quá-kích tràn vào hướng Odessa ; cái hạt quá-kích đã gieo vào đất Hongrie và hiện đương mọc mầm. Như thế thời hàng trận về phía Đông gián-đoạn rồi, mà hàng trận về phía Tây thời binh đã bãi, Thành ra cái thế-lực của Đồng-minh bây giờ lại kém mà cái thế-lực của nước Đức có hơn hồi mới ký đình-chiến, ngày tháng 11 năm ngoái. »

Ngoại-giao-tổng-trưởng nước Pháp Pichon và thủ-tướng nước Anh Lloyd George bị Nghị-viện hai nước chất-vấn, đều từ chối không chịu nói rõ những việc quyết-nghị của Hội Hòa Bấy giờ Hội Hòa chỉ có bốn ông chủ-trương mọi việc, gọi là « Hội-nghị bốn ông » (*Conseil des quatre* : Clémenceau, Wilson, Lloyd George, Orlando), đương giải-quết về vấn-đề các mỏ than trong lưu-vực sông Sarre, vấn-đề đóng quân trên sông Rhin, vấn-đề thường-hoàn và bồi-khoản ; nhưng thuộc về vấn-đề thành Fiume thì ông Wilson và ông Orlando hai người công-nhiên không đồng-ý nhau, ông Orlando đòi thành Fiume cho nước Ý, mà ông Wilson thì cố giữ thành ấy cho nước Ưu-ngô. Ông Orlando được cả dư-luận nước Ý đồng-thanh tả-đản, tuy không quyết-tuyệt với Hội Hòa, nhưng xin cáo về Rome mấy hôm.

Nói tóm lại thì đại-đề « Hội-nghị bốn ông » có ý quá theo ông Wilson, muốn giữ cho trọn cái dân-tộc chủ-nghĩa (*théorie des nationalités*) mà không xét kỹ đến cái tình-hình thực-tế của mỗi nước.

4. — Hòa-ước Versailles (28 tháng 6 năm 1919)

1. — *Trao hòa-ước cho bộ sứ Đức.* — Cuối tháng 4 bộ sứ Đức có Bá-tước Brockdorff-Rantzau đứng đầu có giấy mời đến Versailles. Bấy giờ trong công-giới nước Pháp đương náo-động, từ phía đương bãi-công. Ngày mồng 1 tháng 5 là ngày hội của

đảng thợ theo về phái xã-hội, bọn đó nhân ngày ấy muốn bạo-động, nên có lắm chỗ xảy ra nhiều việc không yên. Người Đức đã mong rằng thế nào nước Pháp cũng mắc phải cái « vạ quá-kích », và đã mừng thầm. Song kỳ-thực thời nước Pháp không có bị ngập vào cái phong-trào quá-kích, và các Đồng-minh thời tuy thế nào cũng vẫn giữ được đồng lòng với nhau: nước Đức bị thất-vọng vậy.

Đến ngày thứ tư mồng 7 tháng 5 đại-biểu Đồng-minh đông-đủ cả, họp đại-hội-đồng ở điện Trianon (cung Versailles) trọng-thể lắm; đúng 15 giờ rưỡi thì sáu viên sứ Đức dẫn vào Hội. Quan Clémenceau làm tọa-chủ diễn-thuyết mấy lời, nói với bộ sứ Đức rằng: « Nay đã đến cái giờ nặng-nề phải đem ra tính sổ đây. » (*L'heure est venue du dur règlement de comptes*). Bá-tước Brockdorff-Rantzau là đầu bộ sứ Đức lĩnh lấy bản hòa-ước, đáp lại rằng: « Chúng tôi biết rằng quân-đội chúng tôi đã bị thua, chúng tôi biết rằng ở chốn này cái lòng ố-kỵ đối với chúng tôi mạnh là dường nào, và chúng tôi vừa nghe được những lời yêu-sách kịch-liệt của các thắng-quốc bắt chúng tôi là bại-quốc, là bên có tội phải trả, phải đền. ».

Xong rồi bộ sứ Đức cầm lấy bản điều-ước đi ra, cử-tọa đều chú-mục vào nhìn. Điều-ước ấy có 440 điều, công-nhiên phá-đổ cái thế-lực của nước Đức.

2. — *Các điều-khoản bắt nước Đức phải chịu* (7 tháng 5 năm 1919). — Nước Hoa-kỳ châu Mĩ, nước Anh cùng các thuộc-địa, nước Pháp, nước Ý và nước Nhật, là năm nước đồng-minh và hiệp-thương lớn, đứng đầu trong điều-ước; rồi đến các nước Belgique, Bolivie, Brésil, Chine (Tàu), Cuba, Equateur, Grèce, Guatémala, Haïti, Hedjaz (nước A-rập mới lập ở Tiểu-Á-tế-á), Honduras, Libéria, Nicaragua, Panama, Pérou, Pologne, Portugal, Roumanie, Serbie, Croatie, Slovénie, Siam, Tchéco-Slovaquie và Uruguay, đứng bậc nhì, cùng với năm nước lớn trên kia họp thành phe Đồng-minh, đứng một bên trong hòa-ước, bên kia thời nước Đức, hai bên chiếu các lẽ rằng: nước Đức có lời xin, các nước Đồng-minh và hiệp-thương đã thuận cho ký đình-chiến ngày 11 tháng 11 năm 1918, để sửa-soạn hòa-ước ký sau; nay các nước đồng-minh và hiệp-thương cũng một lòng ước-ao cho sự chiến-tranh thôi đi, và muốn gây cho thành một cuộc hòa-bình vững-bền chánh-đáng, sự chiến-tranh kia vốn không phải là các nước đồng-minh khởi ra, nhưng bất-đắc-dĩ mà phải hoặc trực-tiếp, hoặc gián-tiếp can vào, vì căn-nguyên nó là ở tờ tuyên-chiến của nước Áo gửi cho nước Tắc ngày 24 tháng 7 năm 1914, và tờ tuyên-chiến của nước Đức gửi cho nước Nga ngày mồng 1 tháng 8, năm 1914 và cho nước Pháp ngày mồng 3 tháng 8, năm 1914, cùng ở sự nước Đức vô-cớ xâm-nhập vào đất nước Tỉ; — vì các lẽ đó hai bên có cử toàn-quyền đại-biểu (trong điều-ước kê rõ tên cả đại-biểu các nước) để ký-nhận điều-ước như sau, điều-ước ấy ngày nào thi-hành thời sự chiến-tranh thôi từ ngày ấy, và trừ những trường-hợp riêng trong điều-ước đã định, còn thời từ ngày ấy các nước Đồng-minh cùng với nước Đức lại có thể tục-giao như trước. (1)

3. — *Hội Vạn quốc*. — Đầu hòa-ước là tờ hiệp-ước về Hội Vạn-quốc. Hiệp-ước ấy lập ra là để đặt phương-pháp cho các nước giúp-đỡ bênh-vực lẫn nhau và giữ-gìn phòng-bị cho mỗi nước được hòa-bình yên-ổn, đại-khái theo mấy cái mục-đích như sau này: hạn-chế sự chiến-tranh, các nước phải bắt-buộc thế nào rồi mới được khai-chiến

(1) Đoạn này là lược-dịch lời phủ đầu trong điều-ước.

với nhau ; việc ngoại-giao của các nước phải công-minh, không được âm-mưu, và phải lấy chính-nghĩa danh-dự làm chủ ; các nước phải nghiêm theo vạn-quốc-công-pháp và phải tôn-trọng những điều-ước đã ký.

Có chân Hội Vạn-quốc là : những nước có ký tờ hiệp-ước Hội Vạn-quốc, cùng những nước có giấy mời nhập-hội về sau, trong hạn hai tháng sau khi đem hiệp-ước ra thi-hành, và phải công-nhận cả các điều-khoản trong ước. Ngoại-giả thời phàm quốc-gia nào, hay là thuộc-địa nào có quyền tự-trị, cũng có thể xin vào Hội được, miễn là phải có đủ chứng-cớ thành-thực với chủ-nghĩa của Hội và phải có hai phần ba những nước có chân Hội ưng-nhận mới được. Theo đó thời nước Đức không phải là có chân Hội Vạn-quốc từ lúc đầu, và nước ấy từ nay muốn vào Hội thời phải có hai phần ba những nước có chân Hội trước ưng-nhận cho mới được, và phải có đủ chứng-cớ rằng mình thành-thực xin tuân-theo các luật-lệ của vạn-quốc, nhất là về sự hạn-chế các võ-bị về lục-quân và hải-quân.

Hội-sở của Hội Vạn-quốc định ở thành Genève (nước Thụy-sĩ). Hội hoạt-động bằng những cơ-quan như sau : một hội-đồng các đại-biểu những nước có chân Hội ; một hội-nghị có chín hội-viên (năm người thay mặt năm nước lớn đứng đầu trong hòa-ước và bốn người thay mặt bốn nước khác do Hội-đồng cử) ; một tòa thư-ký (*secrétariat*) thường-chực đặt ở Hội-sở.

Cái mục-đích thứ nhất của Hội Vạn-quốc là giữ-gìn cho cuộc hòa-bình, nên sự võ-bị của mỗi nước phải hạn-chế cho đủ dùng về việc phòng-bị trong nước mà thôi, và có tùy theo cái địa-thế của mỗi nước. Chương-trình sự hạn-chế ấy do hội-nghị định và phải trình cho các chánh-phủ xét, các chánh-phủ đã thuận-nhận hạn-chế đến đâu rồi thời khi nào muốn ra ngoài hạn ấy, phải có Hội-nghị ưng mới được; chương-trình ấy mỗi mười năm phải sát-hạch lại một lần. Các nước có chân Hội Vạn-quốc cam-đoan rằng sẽ thông-báo cho Hội biết cái đích-số võ-bị về lục-quân và hải-quân của mình, không được giấu-giếm gì.

Các nước có chân Hội Vạn-quốc đoan-kết lẫn với nhau rằng hễ nước nào bị nước khác vô-cớ đến xâm-lấn thời các nước kia sẽ cứu-viện để giữ cho lãnh-thổ hoàn-toàn và chánh-thể độc-lập, theo như hiện-tình khi ký-ước này.

Khi xảy ra việc chiến-tranh, hay là khi có cái nguy sắp chiến-tranh, thời Hội Vạn-quốc phải dùng phép « trung-tài » (*arbitrage*) hay là dùng thủ-tục gì khác, để cố ngăn-ngừa mà giữ lấy sự hòa-bình trong các nước. Khi ấy thời hễ có một nước nào có chân Hội xin, Tổng-Thư-ký Hội phải lập-tức đạt giấy mời Hội-nghị họp. Dẫu không dùng đến phép « trung-tài », Hội-nghị cũng cứ xét việc phân-tranh thế nào và làm tờ báo-cáo.

Nếu tờ báo-cáo ấy toàn-hội đều nhận cả thời các nước có chân Hội phải đoan rằng hễ nước nào cũng tuân-theo lời kết-luận trong tờ báo-cáo thời không được ai khai-chiến với ai cả. Nếu toàn-hội không đồng nhận thời mỗi nước được tự-do hành-động. Khi hai nước có sự phân-tranh với nhau, mà chỉ có một nước là có chân Hội, hay là hai nước cùng không có chân Hội cả, thời Hội Vạn-quốc cũng cứ mời hai nước theo luật-lệ chung. Nếu ưng thuận thời Hội cứ theo thủ-tục thường mà làm. Nếu không ưng thời Hội-nghị có thể hết sức dùng các kế-hoạch để ngăn-ngừa cho được sự chiến-tranh. Khi nào một nước có chân Hội Vạn-quốc không theo điều-ước mà tự-tiện gây ra sự chiến-tranh thời tiện-thị coi là nước ấy đã phạm lỗi và khai-hấn với cả

các nước khác trong Hội. Các nước ấy bèn lập-tức tuyệt giao-thiệp về đường buôn-bán, đường tài-chính với nước kia, và hiệp quân-lực lại để bắt nước kia phải tuân theo điều-ước.

Hội-nghị của Hội Vạn-quốc phải soạn một cái dự-án lập ra một tòa « Vạn-quốc thẩm-phán viện » (*Cour de justice internationale*) để thường-chực mà xét-xử những sự phân-tranh trong các nước.

Phàm điều-ước gì mà trái với hiệp-ước Hội Vạn-quốc thì phải bãi-bỏ. Song những quốc-tế-hiệp-ước, như là các điều-ước trung-tài (*traités d'arbitrage*), các hiệp-ước địa-phương (*ententes régionales*), như « Mạnh-la-chủ-nghĩa » (*doctrine de Monroe*) của châu Mĩ, thời không có trái với hiệp-ước Hội Vạn-quốc.

Trong hiệp-ước Hội Vạn-quốc lại có dự-định những phương-pháp để cai-trị các thuộc-địa cùng địa-hạt nhân việc chiến-tranh đã thoát-li được cái chủ-quyền của các nước cai-trị trước, mà nhân-dân chưa đủ tư-cách tự-trị được : quyền bảo-hộ những dân ấy sẽ trao cho những cường-quốc địa-thế gần đấy và có kinh-lịch trong việc khai thuộc-địa.

4.— *Địa-giới của nước Đức.*— Địa-giới mới của nước Đức theo hòa-ước định như sau này :

Giáp với nước Tỉ (Belgique) : — theo phía đông-bắc hạt Moresnet, phía đông hạt Eupen, phía tây hạt Montjoie (là đường địa-giới cũ), phía đông-bắc hạt Malmédy cho đến quận Luxembourg.

Giáp với quận Luxembourg : — đường địa-giới năm 1914.

Giáp với nước Pháp : — đường địa-giới tháng bảy năm 1870 (nghĩa là trừ hai châu Alsace-Lorraine trả lại Pháp) tự quận Luxembourg đến nước Thụy-sĩ; về đường thương-chánh thời theo địa-giới hạt sông Sarre.

Giáp nước Thụy-sĩ (Suisse) : — theo địa-giới như bây giờ.

Giáp với nước Áo (Autriche) : — địa-giới năm 1914 cho đến giáp-giới nước Tchéco-Slovaquie.

Giáp với nước Tchéco-Slovaquie : — địa-giới năm 1914 giáp với đất Bohême và đất Silésie cho đến cái khuỷu ở phía đông Neustadt.

Giáp với nước Pologne : — bắt đầu tự cuối đường địa-giới trên kia, đi về phía đông Falkenberg, theo đường phân-giới thượng-bộ và trung-bộ đất Silésie, đi về phía tây đất Posnanie, theo đường sông Bartsch, đường phân-giới hạt Guhrau với hạt Glodau, đường phân-giới Lissa với Fraustadt, đi về phía tây-nam Kopnitz, phía tây Bentschen, mồm bắc hồ Chlop, theo đường phân-giới Schwerin với Birnbaum, cách 8 cây-lô-mét đường xe-lửa Schiedemuhl - Konitz, đi về phía tây và tây-bắc Konitz, đường phân-giới Konitz với Schlochau, đường phân-giới đất Tây-Phổ (Prusse occidentale) cho đến 8 cây-lô-mét ở đông-nam Luenburg, đi về phía đông Hohenfelde, và Chottschow, về mặt bể Baltique ở phía bắc, và về tây-bắc Chottschow.

Giáp với nước Danemark : — địa-giới chưa định, vì có châu Schleswig chưa biết về Đức hay về Danemark, Hội Vạn-quốc rồi phải mở một cuộc « thứ-dân đầu-phiếu » (*plébiscite*) để giải-quyết cái vấn-đề ấy.

Địa-giới của đất Đông-Phổ (Prusse Orientale) thời định như thế này : đường bờ bể Baltique về phía bắc Probbernau, cái khuỷu trên eo-bể Elbing, đường sông Noga, sông Vistule, đường phân-giới về phía nam hạt Marienwerder và Rosenberg.

Địa-giới phân đất Đông-Phổ với Tây-Phổ : đường phân-giới Osterode với Neidenburg, đường sông Skottau, sông Neide, phía bắc Bialutten, đường địa-giới cũ của nước Nga cho đến phía tây Schmalleningken, đường sông Niémen, cánh sông Skierwieth tự đồng-bằng cho đến Kurisches Haff ; đường địa-giới đi ngang sông Kurische Nehrung cách bốn cây-lô-mét về tây-nam Nidden.

5. — *Các điều-khoản về chánh-trị chung cho Âu-châu.* — Các điều-khoản trong hòa-ước về chánh-trị chung cho Âu-châu đại-khái gồm lại mấy mục như sau này :

A) Thuộc về nước Belgique. — Mấy cái điều-ước năm 1839 thuộc về nước ấy sẽ bãi-bỏ, nước Tỉ cùng với nước Hoà-lan và các nước Đồng-minh có thể ký hiệp-ước khác thay vào, những hiệp-ước ấy nước Đức cam-đoan phải công-nhận.

Nước Đức cũng phải công-nhận chủ-quyền của nước Tỉ ở địa-hạt Moresnet là đất hai nước vẫn tranh nhau, ở hạt Moresnet thuộc đất Phổ về phía tây con đường tự Liège đến Aix-la-Chapelle, và ở hai hạt Eupen và Malmédy. Nước Tỉ được tạm quyền cai-trị các hạt ấy, trong hạn năm tháng, nhân-dân được tỏ ý muốn làm dân Đức hay làm dân Tỉ. Rồi Hội Vạn-quốc quyết-định thế nào thời nước Tỉ chịu nhận như thế.

B) Thuộc về quận Luxembourg. — Nước Đức chịu nhận bỏ những quyền-lợi trong các điều-ước thuộc về quận Luxembourg, chịu công-nhận quận ấy là từ nay không thuộc vào phạm-vi thương-chánh (*Zollverein*) của nước Đức nữa, chịu bỏ những quyền-lợi về sự kinh-lý các đường hỏa-xa trong quận, thuận bãi quyền trung-lập của quận ấy, và chịu nhận trước hết-thảy những điều-ước của các nước Đồng-minh ký sau này thuộc về quận ấy.

C) Thuộc về tả-ngạn sông Rhin. — Nước Đức không được để cũng không được xây thành-trì gì trên tả-ngạn sông Rhin, cùng trong một khoảng 50 cây-lô-mét tự bờ sông Rhin. Trong khoảng ấy nước Đức không được đóng quân, không được diễn binh, cũng không được đặt cách gì để dùng về việc động-binh.

Hễ nước Đức phạm vào các điều đó thời tiện-thị coi như là một sự khai-chiến với các nước có ký tên trong hòa-ước và là có ý muốn quấy-nhiễu sự hòa-bình trong thế-giới.

D) Thuộc về lưu-vực sông Sarre. — Diện-tích địa-hạt sông Sarre là 161.000 mẫu tây (*hectares*), và dân-số 647.000 người. Nước Pháp được tạm-lĩnh cai-trị trong hạn mười-lăm năm, hết hạn ấy thời sẽ đặt « thứ-dân đầu-phiếu » cho dân từng huyện một tỏ ý muốn về với Đức hay ở với Pháp. Vấn-đề sông Sarre có quan-hệ đến khoản bồi-thường cho nước Pháp, nay xét thuộc về khoản ấy nước Pháp được lợi những gì.

Bao nhiêu mỏ than ở lưu-vực sông Sarre dù là của Nhà-nước hay của người riêng, từ nay là thuộc về nước Pháp cả, cùng với cả những bộ-phận phụ-thuộc về các mỏ ấy ở trên đất và ở dưới đất, nước Pháp khi lĩnh lấy không phải chịu thuế nợ gì cả.

Nước Pháp được quyền khai-khẩn và kinh-lý các mỏ ấy trong mười-lăm năm, được quyền-lợi hoàn-toàn về đường kinh-tế và về đường pháp-luật. Hiện nay thời tiền-bạc lưu-thông trong hạt là tiền-bạc của Pháp. Chánh-phủ Pháp được tự-do đem dân Pháp sang làm việc, và thợ Pháp có quyền được vào các hội « đồng-nghiệp » của Pháp.

E) Thuộc về hai châu Alsace-Lorraine. — Nước Đức phải trả lại hai châu Alsace-Lorraine đã cướp của

nước Pháp năm 1871 bắt đầu từ ngày 11 tháng 11 năm 1918. Bao nhiêu những bút-lục công-văn thuộc về hai châu ấy cũng phải trao về nước Pháp cả.

Chiếu theo năm 1871 khi nước Đức chiếm-đoạt hai châu ấy không chịu nhận các khoản công-trái của Pháp, cũng không chịu mua lại những nhà-đất cùng tài-sản của Nhà-nước Pháp, nay nước Pháp lấy lại cũng là trắng nợ, không phải chịu-đựng gì cả. Bao nhiêu những tài-sản của Đế-quốc Đức, của Hoàng-tộc Đức, của các vua chúa cũ nước Đức, v. v. tiện-thị chuyển sang làm của nước Pháp, nước Pháp không phải bồi-thường gì cả. Nước Pháp được thu các thuế tự ngày 11 tháng 11 năm 1918.

Thuộc về quốc-tịch (*nationalité*) các dân trong hai châu Alsace - Lorraine thời nước Pháp và nước Đức sẽ ký ước riêng, theo lệ đại-khái như thế này : phải phân-biệt ra hai hạng dân, một hạng công-nhiên phục-hồi quốc-tịch cũ (là những người dân đã mất quốc-tịch năm 1871 cùng con-cháu những người ấy), một hạng những người dân khác cho hạn một năm có thể xin vào quốc-tịch Pháp được.

Về tài-sản của người riêng thời nước Pháp được quyền tịch-ký những tài-sản của người Đức trong hạt hai châu, Chánh-phủ Đức phải đền cho những người bị thiệt-hại. Phàm tài-sản cùng lợi-quyền của dân hai châu ở nước Đức thời nước Đức phải giữ-gìn mà trao lại cho người có của. Theo điều-khoản riêng về sự bồi-thường, thời nước Đức phải đền cho người dân hai châu những tiền bắt nộp và bắt phạt trong khi chiến-tranh.

Chánh-phủ Đức lại phải chịu những tiền trợ-cấp cho dân và cho binh-lính ở hai châu cho đến ngày 11 tháng 11 năm 1918.

Về các đường giao-thông thời định như thế này :

a — Sự giao-thông trên sông Rhin đã định chung ở mục « Các đường sông, đường sắt, cửa sông và cửa biển » trong điều-ước ;

b — Các cầu trên sông Rhin từ nay là của nước Pháp cả ;

c — Cửa Kehl và cửa Strasbourg sẽ hợp làm một, do người Pháp giám-đốc và hội-đồng sông Rhin kiểm-soát trong hạn bảy năm, hạn ấy có thể tăng lên ba năm nữa.

d — Các đường xe-lửa của Nhà-nước Đức kinh-lý, hoặc của Nhà-nước Đức nhượng cho công-ti riêng kinh-lý, từ nay về nước Pháp, nước Pháp không phải trả tiền gì cả.

Về đường kinh-tế thời đại-khái có ba khoản như sau :

a — Những đồ-hàng hai châu đem sang bán bên Đức trong hạn năm năm không phải mất thuế thương-chánh, số đồ-hàng đem bán như thế thời lấy số trung-bình năm 1911-1913 làm định-hạn.

b — Các nhà máy điện bên hữu-ngạn sông Rhin cứ cấp điện cho bên tả-ngạn trong hạn mười năm, số điện ấy thời lấy số cho đến ngày 11 tháng 11 năm 1918 làm định-hạn.

c — Nước Đức không được can-thiệp gì về sự buôn-bán các chất muối *potasse* trong địa-hạt hai châu.

F) Thuộc về phần nước Áo có dân Đức ở. — Nước Đức phải công-nhận và phải tôn-trọng sự độc-lập của nước Áo theo như địa-giới định trong điều-ước ; quyền độc-lập ấy không thể chuyển-dịch được, trừ khi Hội Vạn-quốc quyết-nghị thế nào thì không kể.

G) Thuộc về nước Triết-khắc-Tí-lạp (Tchéco - Slovaquie). — Nước Đức công-nhận quyền độc-lập hoàn-toàn của nước Triết - khắc, kể cả hạt tự-trị của dân Ruthènes ở phía nam núi Carpathes. Đồng-minh định

địa-giới nước ấy thế nào, nước Đức phải y-nhận như thế. Phàm dân Đức ở trong địa-hạt Triết-khắc thời từ nay thuộc vào quốc-tịch Triết-khắc.

H) Thuộc bể nước Ba-lan (Pologne). - Nước Đức chịu nhượng cho nước Pologne các địa-hạt ở bờ bể Baltique cho đến đường địa-giới nước Pologne về phía tây và các đường địa-giới cũ về mặt nước Áo, nước Đức, nước Nga tới sông Niémen (không kể phần đất Đông-Phổ và cửa biển Dantzig từ nay đặt làm một « tự-do-cảng » (*port libre*). Phàm người Đức vãng-lai tự Đông-Phổ (Prusse orientale) sang Pologne, hay là tự Pologne sang Đông-Phổ, nước Pologne phải cho được tiện-lợi như là đối với người trong nước vậy.

I) Thuộc về đất Đông-Phổ. — Trong một khu chạy dài theo đường địa-giới về phía nam đất Đông-Phổ, thời người dân được quyền đầu-phiếu để tỏ ý muốn sáp-nhập về nước Đức hay là nước Pologne. Thể-thức về sự đầu-phiếu ấy đã định trong điều-ước.

6. — *Nói về những quyền-lợi Đức ở ngoài nước Đức.* — Ngoài Âu-châu, phàm những quyền-lợi của nước Đức đối với các nước Đồng-minh từ nay tiêu-duyệt cả.

Bao nhiêu thuộc-địa của Đức phải nhường cho các nước Đồng-minh. Trong các thuộc-địa ấy phàm những động-sản bất-động-sản của Nhà-nước Đức thời chuyển sang cho chánh-phủ nước nào thế quyền nước Đức ở đấy.

Nước Pháp sẽ kê ra một cái sổ những sự tổn-hại của người dân Pháp phải chịu vì quan-quân và tư-dân Đức ở trong thuộc-địa Cameroun và ở các nơi giao-giới thuộc-địa ấy từ ngày mồng 1 tháng giêng năm 1900 đến ngày mồng 1 tháng 8 năm 1914, sổ ấy sẽ đệ trình Hội-đồng bồi-thường (*Commission des réparations*) duyệt, rồi bắt nước Đức phải chiếu đó mà bồi-thường.

7. — *Các điều-khoản thuộc về lục-quân, hải-quân và không-trung-quân.* — *a*) Thuộc về lục-quân. — Hòa-ước bắt nước Đức phải đổi quân-đội ra làm một ngạch binh cảnh-sát và đặt cách ngăn-cấm cho không tổ-chức thành được một cái dân - quân lớn (*grande armée nationale*). Những cách ngăn-cấm ấy đại-khái như sau này :

1. Hạn-chế những số quân-quan và cai-đội và hạn-chế sự chế-tạo những « chiến-tranh dụng-cụ » (*matériel de guerre*), chỉ để vừa đủ dùng cho một ngạch binh cảnh-sát chừng 10 vạn người mà thôi.

2. Bắt bỏ luật « toàn-quốc cưỡng-bách binh-dịch » (*service militaire universel obligataire*), và bỏ những cơ-quan dự-bị việc chiến-tranh.

3. Trong các địa-hạt Đức ở về phía tây một đường giới-tuyến cách 50 cây-lô-mét ở phía đông sông Rhin, cấm không được đặt thành-trì, không được đóng quân-đội, không được kinh-doanh gì về sự động-binh.

4. Hạn-chế các ngạch quân và đồ võ-bị. Trong hạn hai tháng quân-đội nước Đức phải giải-hồi, chỉ được giữ bảy sư-đoàn bộ-binh, ba sư-đoàn kỵ-binh, tổng-số đến 10 vạn người (kể cả quân-quan và trừ-bị) là cùng. Các ngạch binh-lại (*personnel administratif militaire*) (như ngạch quân-lương, vận-tải, v. v.), ngạch hiến-binh (*gendarmerie*) và cảnh-binh (*police*) cũng phải giảm bớt đi.

5. « Đại Tham-mưu-bộ » Đức (*Grand Etat-major allemand*) cùng các bộ-viện giống như thế phải giải-tán hết. Những « chiến-tranh dụng-cụ » ngoài cái số đã hạn-định, phải nộp cho Đồng-minh ; sau này chỉ được chế-tạo trong mấy cái xưởng đã có phép riêng và trong số-hạn đã định ở điều-ước. Phàm

những « chiến-tranh dụng-cụ », nước Đức không được xuất-cảng, không được nhập-cảng.

b) Thuộc về sự tuyển lính và dạy binh. — Luật « toàn-quốc cưỡng-bách binh-dịch » từ nay bãi-bỏ ở nước Đức. Cách tuyển binh-lính và quân-quan thời chọn trong những người tình-nguyện theo quân, binh-lính thời được tình-nguyện mười hai năm luôn, quân-quan được hai-mươi-nhăm năm luôn. Nghiêm-cấm các trường học cùng các hội, bất-cứ hội gì, không được dạy hoặc bàn đến những vấn-đề dụng-binh. Lại nghiêm-cấm không đâu được trù-hoạch về việc động-binh (*mobilisation*).

c) Thuộc về phần đất cấm không được đặt thành-trì, không được tập quân-đội.— Trong những địa-hạt Đức ở về phía tây một cái giới-tuyến cách 50 cây-lô-mét ở phía đông sông Rhin, nước Đức không được đặt thành-trì, không được xây-dựng xếp-đặt chi để dùng về việc động-binh. Những thành-quách pháo-đài hiện còn bây giờ thời trong hạn ba tháng phải giải-võ-trang (*désarmé*), phá-đổ hoặc triệt-hạ đi. Trong phần đất ấy nước Đức không được đóng quân-đội gì cả, cũng không được tập-diễn binh. Hễ phạm vào các điều trên đó thời tiện-thị coi là một sự khai-hấn với các nước ký-ước và có ý muốn quấy-nhiễu cuộc hòa-bình trong thế-giới.

d) Thuộc về hải-quân. — Hòa-ước lại giảm số chiến-hạm của Đức đi nhiều, khiến cho sau này không thể tổ-chức được một cái hải-quân to nữa. Đại-khái định như sau này :

1° — Hạn-chế số chiến-hạm, ngạch lính thủy, định kiểu tàu và cấm không được có tàu ngầm. Hết hạn sáu tháng thời hải-quân của Đức chỉ được có mấy hạng chiến-hạm như sau : 6 thiết-hạm (*cuirassés*), 6 khinh-tiện tuần-dương-hạm (*croiseurs légers*), 12 khu-trục-hạm (*destroyers*), 12 phóng-ngư-lôi-hạm (*torpilleurs*). Quân-đội của các chiến-hạm ấy không được quá 15.000 người, kể cả quân-quan, và tuyển bằng lối « tình-nguyện nhập-quân » (*engagements volontaires*) dài hạn.

2° — Hết thảy tàu ngầm cùng bao nhiêu chiến-hạm ra ngoài số đã định trên kia, phải nộp cho Đồng-minh, chiếc nào còn đương chế thời phải phá đi, còn những chiếc tuần-dương và tàu kèm tàu phụ thời phại giải-võ-trang hết.

3° — Bể Baltique phải mở rộng cho các nước được tự-do đi lại ; bao nhiêu những thủy-lôi thả trên mặt nước phải vớt về hết, và bao nhiêu pháo-đài xây trên bờ bể phải triệt-hạ cả.

4° — Nước Đức không được xây thêm cũng không được chữa - sửa những pháo-đài hiện đã đặt ở trên các bờ bể, võ-trang của các pháo-đài ấy phải trình cho các Chánh-phủ Âu-châu biết.

5° — Hạn-chế sự lợi-dụng các sở Vô-tuyến-điện (T. S. F.) lớn trong ba tháng. Trong hạn ấy, ba sở Nauen, Hanovre và Berlin chỉ được chuyển những điện-tín về việc buôn-bán và đã có kiểm-duyệt rồi mà thôi.

e) Thuộc về « không-trung-quân » (*forces aériennes*). — Nước Đức không được có không-trung-quân, nghĩa là không được dùng tàu bay về việc quân. Hạn trong hai tháng, những quan binh tòng-sự về ngạch tàu bay phải giải-hồi hết. Trong khoảng 150 cây-lô-mét ở phía đông sông Rhin, 150 cây-lô-mét ở phía tây đường địa - giới bên đông, và 150 cây - lô-mét ở phía bắc đường địa - giới phương nam nước Đức, không được đặt « sân tàu bay » (*terrain d'aviation*) cùng xưởng máy bay. Những tàu bay của Đồng-minh thời được quyền bay liệng, bay qua và đỗ ở nước Đức. Sau nữa, bao nhiêu « dụng-cụ » về tàu bay của lục-quân và hải-quân phải nộp cho Đồng-minh hết.

f) Gồm các điều-khoản trên thời hạn cho nước Đức ba tháng để mà sửa đổi luật-lệ trong nước cho hợp với các khoản ấy.

g) Kiểm-soát về sự hạn-chế võ-bị.— Trong hòa-ước định đặt ra những hội-đồng các nước Đồng-minh để sang nước Đức mà kiểm-soát sự thi-hành các điều-khoản thuộc về sự giải-võ-bị (*désarmement*) nước Đức trong bạn đã định.

Đại-đề thời phàm Hội Vạn-quốc đã quyết-nghị cần phải kiểm-tra sự gì ở nước Đức thời nước Đức phải sẵn lòng để cho các phái-bộ được tự-do mà kiểm-tra.

h) Thuộc về các tù-binh. — Những tù-binh cùng người dân Đức bị bắt, thời sẽ giải-phóng cho về nước được mau, tiền phí-tổn Chánh-phủ Đức phải chịu ; chỉ trừ những tên nào phải phạt vì phạm kỷ-luật từ cuối ngày mồng 1 tháng 5 năm 1919 thì không kể. Và sự giải-phóng cho các tù-binh và người dân Đức về nước cũng tùy theo ở sự giải-phóng những tù-binh cùng người dân của các nước Đồng-minh hiện còn bị giam ở Đức.

i) Thuộc về mồ-mả những binh-lính tử-trận. — Chánh-phủ các nước Đồng-minh cùng Chánh-phủ Đức đoan-kết với nhau rằng phàm những mồ-mả các binh-lính của bên nọ chết ở đất bên kia phải trông nom cho tử-tế. Và hoặc có nhà nào xin đem hài-cốt của người mình về nước thời phải cho phép.

8.— *Các điều-khoản về trách-cứu, về bồi-thường, và về tài-chính cùng kinh-tế.*— *a*) Guillaume II là vua cũ nước Đức phải đem ra tố-cáo (*mis en accusation*) trước Vạn-quốc vì đã phạm vào quốc-tế-công-pháp, và phản-bội lời công-ước. Sẽ đem đệ ra một tòa án riêng có năm quan thẩm-phán do liệt-cường cử ra. Đức-hoàng bây giờ hiện trú-ngụ ở đất Hòa-lan, liệt-cường sẽ gửi giấy xin Chánh-phủ Hòa-lan « dẫn-độ » (*extradition*). Những tướng Đức bị cáo vì phạm tội làm trái công-pháp trong khi hành-chiến thời phải đệ ra tòa-án binh của các nước Đồng-minh để xét-xử. Nước Đức xin đoan phải nộp những người bị tố-cáo.

b) Về bồi thường. — Nước Đức phải nhận trách-cứu về các sự tổn-hại của Đồng-minh, phải bồi-thường cho những người dân bị hại về sinh-mệnh, về tài-sản, phải trả những tiền chẩn-tuất cho người bị nạn, cùng cả các khoản Đồng-minh đã trợ-cấp cho nước Tỉ (Belgique) : Đồng-minh sẽ đặt một hội-đồng để kê rõ tổng-số về các khoản bồi-thường và định cách trả thế nào, hội-đồng ấy trước ngày mồng 1 tháng 5 năm 1921 sẽ cho nước Đức biết đích-số. Hội-đồng ấy lại phải kiểm-soát cho các khoản lợi-tức của nước Đức phải dùng hết về sự bồi-thường, và người dân Đức ít ra phải chịu thuế nặng bằng dân nặng thuế nhất trong các nước Âu-châu. Những súc-vật, đồ vật có giá mà quân Đức đã cướp lấy và còn có thể xét nhận ra được, thời nước Đức phải tra cho được mà hoàn lại cho người có của; các khoản tiền-bạc bị cướp cũng phải đền như vậy. Trước ngày mồng 1 tháng 5 năm 1921, nước Đức phải trả trước một khoản 20 ngàn triệu *marks* bằng tiền vàng. Lại phải ký-quĩ cho Đồng-minh một khoản 100 ngàn triệu *marks* bằng tiền vàng và bằng trái-phiếu, một phần khoản ấy sẽ khấu-trừ vào các món nợ phải trả sau này. Ngoài cách bồi-thường bằng tiền, lại còn định mấy cách như sau này nữa : 1° Trả bằng các tàu buôn đương chế, hoặc sắp chế; 2° trả bằng súc-vật, bằng máy-móc, bằng đồ quân-phục ; 3° trả bằng các thứ thuốc nhuộm, các dược-phẩm ; 4° trả bằng than và các chất thuộc về loài than (riêng về phần nước Pháp thời mỗi năm nước Đức phải nộp từ 20 đến 8 triệu tấn than, lại thêm ít nhiều *benzol*, v. v.) ; 5° trả bằng các

đường giây thép ngầm qua bể (*câbles sous-marins*).

c) Các điều-khoản về tài-chính. — Bao nhiêu tài-sản của Đức trước nhất phải dùng để mà trang-trải những khoản bồi-thường, những tiền binh-phí của quân Đồng-minh đóng ở địa-hạt Đức, cùng đại-để các khoản nợ khoản phí khác trong hòa-ước đã định. Những tài-sản của người Đức ở các nước Đồng-minh thời các Chánh-phủ Đồng-minh được tự-tiện thâu-dùng, nước Đức phải bồi-thường cho người có của. Những tài-sản, trái-quyền (*créances*), v. v. của Đức ở nước Nga, nước Tàu, nước Áo, nước Bảo (Bulgarie), nước Thổ (Turquie), sẽ chuyển về các nước Đồng-minh. Nước Đức không được hưởng những quyền-lợi trong hòa-ước Brest-Litovsk (là hòa-ước với Nga) và Bucarest (là hòa-ước với Lỗ-mã-ni). Nước Đức nhượng đất cho nước Đồng-minh nào thời được khấu-trừ một phần nợ đối với nước Đồng-minh ấy, và được đòi nước Đồng-minh ấy phải trả tiền về những công-sản của Nhà-nước Đức trong địa-hạt bị nhường, chỉ trừ nước Pháp đối với hai châu Alsace-Lorraine thời không kể, vì có duyên-cớ riêng tự điều-ước năm 1871.

d) Các điều-khoản về kinh-tế. — Thuộc về thuế thương-chánh, thuế chở đồ-hàng qua địa-hạt Đức và tiền vận-tải trên các tàu biển Đức, thời Đồng-minh được biệt-đãi vào hạng nhất (nghĩa là được trả theo giá nhẹ hơn các nước). Đồ-hàng của châu Alsace đem sang bán bên Đức trong năm năm, đồ-hàng của nước Ba-lan trong ba năm và đồ-hàng của quận Luxembourg trong năm năm, được đặc-cách miễn-trừ thuế thương-chánh. Người dân Đồng-minh buôn-bán ở nước Đức được bảo-hộ riêng đối với sự « cạnh-tranh bất-chính » (*concurrence déloyale*), như giả hiệu hàng, mạo-xưng nơi sản-xuất, v. v. Trong điều-ước lại đặt những khoản-lệ riêng về « quyền sở-hữu » (*droit de propriété*) về công-nghệ, mĩ-thuật và văn-chương, về các khoản giao-kèo và khoản nợ tự trước khi chiến-tranh, về sự thi-hành các án đã kết, v. v.

e) Thuộc về cửa biển, cửa sông, đường nước, đường sắt. — Đồ-hàng của các nước Đồng-minh chở đi qua lại nước Đức được tự-do, không phải thuế thương-chánh cùng thuế-lệ gì riêng cả. Các nhà buôn của Đồng-minh được biệt-đãi vào hạng nhất. Việc giao-thông trên sông Elbe, sông Oder, sông Niémen và sông Danube, sẽ có một hội-đồng các nước kiểm-soát; lâm-thời cả sông Moselle nữa, cũng phải như vậy. Nước Pháp được quyền lấy nước sông Rhin vào các đường sông-đào cống-tưới, và trong cái khoảng sông ấy làm phân-giới hai nước thời được chuyên-quyền dùng sức nước sông cho các nhà máy. Nước Triết-khắc thời được quyền-lợi riêng ở hai cửa Hambourg và Stettin. Đồng-minh cũng được quyền-lợi riêng về sự vận-tải bằng hỏa-xa ở nước Đức. Nước Đức nhận bãi-bỏ cái hiệp-ước về đường xuyên-sơn Saint-Gothard. Sông vận-hà Kiel sẽ mở cho các nước giao-thông bằng-đẳng như nhau, thuế chỉ lấy cho đủ chi-phí và tu-bổ mà thôi.

f) Thuộc về lao-động-giới. — Trong điều-ước có dự đặt ra một cái cơ-quan liền với Hội Vạn-quốc để xem-xét các vấn-đề thuộc về bọn làm công trong các nước, chủ giữ-gìn bênh-vực cho bọn ấy về thân-thể, đạo-đức, trí-thức; vì lao-động-giới (*le monde du travail*) ngày nay có một cái thế-lực rất mạnh, quan-hệ cho sự giao-tế các nước nhiều lắm. Người làm công bây giờ không thể coi như một cái đồ-hàng muốn dùng sao cũng được. Người làm công, kẻ thuê người, phải có quyền được họp-tập thành hội-đảng để giữ-gìn lấy quyền-lợi của mình, miễn là không

trái với pháp-luật Nhà-nước thời thôi. Ngày nay đường sinh-hoạt khó-khăn eo-hẹp, người làm công có quyền được đòi tiền công cho đủ sự ăn tiêu. Thời-giờ làm công thời mỗi ngày tám giờ, mỗi tuần-lễ bốn-mươi-tám giờ là vừa phải, nước nào chưa có lệ ấy phải nên đặt. Mỗi tuần-lễ phải được nghỉ ít ra là hai mươi bốn giờ, nếu được vào cả ngày chủ-nhật thời càng hay. Cấm không được dùng con trẻ làm công; bọn thanh-niên chưa đến tuổi thành-nhân cũng chỉ được dùng có hạn mà thôi, để cho bọn đó được thư-thái mà phát-siển cái tư-cách riêng. Phàm công-việc cùng bằng nhau thời dù đàn ông đàn bà cũng phải trả công như nhau. Người nước ngoài đến làm công ở một nước nào, công-nhiên theo pháp-luật, thời người dùng cũng phải dãi cho công-bằng tử-tế. Mỗi nước phải đặt một hội-đồng, có đàn bà làm hội-viên, để đi thanh-tra các sở dùng người làm công xem có hợp-cách không.

q) Các kế-hoạch dự-phòng. — Trong điều-ước có hai mục riêng định về các kế-hoạch dự-phòng (*les garanties*), đại-khái phân ra năm hạng như sau: 1º Giảm bớt các lục-quân, hải-quân, không-trung-quân của nước Đức theo như số-ngạch đã định trong điều-ước; 2º Giữ cho quân-đội nước Đức phải đúng theo như số-ngạch ấy, không được tăng thêm; 3º Triệt võ-bị (*démilitarisation*) suốt miền tả-ngạn sông Rhin và một vùng năm-mươi cây-lô-mét về hữu-ngạn; 4º Nước Đức phải công-nhận cho Hội Vạn-quốc được quyền kiểm-tra quân-đội trong nước; 5º Quân Đồng-minh được quyền chiếm-cứ miền tả-ngạn sông Rhin cùng các nơi đầu cầu, theo như thể-thức trong điều-ước đã định.

Sự giảm-bớt các quân-đội của Đức trên kia đã nói rõ rồi. Sự triệt võ-bị về tả-ngạn sông Rhin và trong một vùng năm-mươi cây-lô-mét về hữu-ngạn cũng đã nói tượng ở trên. Còn quyền kiểm-tra (*droit d'investigation*) thời trong điều-ước giải-thích như thế này: « Điều-ước này còn thời nước Đức còn phải công-nhận cho Hội-nghị Hội Vạn-quốc được quyền kiểm-tra thuộc về quân-chế (*statut militaire*) nước ấy, quyền kiểm-tra ấy sẽ thi-hành mỗi lần trong Hội Vạn-quốc có một nước đứng xin và quá nửa phần những nước có chân Hội ưng-thuận.»

Quyền đóng quân ở địa-hạt Đức thời định như sau này: 1º Trong mười-lăm năm kể từ ngày ký-ước, quân Đồng-minh được đóng ở tả-ngạn sông Rhin và các nơi đầu cầu về hữu-ngạn; 2º Nếu nước Đức thi-hành đúng các khoản trong điều-ước, thời sẽ triệt dần quân về theo thứ-tự như sau: *a*) hết năm năm thời triệt quân ở đầu cầu Cologne và địa-hạt tả-ngạn về phía bắc một cái giới-tuyến bắt-đầu tự đường địa-giới Hòa-lan qua ngang sông Roer cho đến sông Rhin vào nơi hợp-lưu với sông Ahr; *b*) hết mười năm thời triệt quân ở đầu cầu Coblence và địa-hạt tả-ngạn về phía bắc một cái giới-tuyến bắt-đầu từ nơi giáp-giới ba nước Đức, Hòa và Tỉ, cho đến sông Rhin vào nơi Bacharach; *c*) hết mười lăm năm thời triệt-quân ở hai đầu cầu Mayence và Kehl cùng các địa-hạt khác ở tả-ngạn sông Rhin; 3º Tuy vậy các Đồng-minh vẫn có quyền: *a*) nếu hết hạn mười lăm-năm mà xét ra nước Đức vẫn có cái mưu muốn khởi-hấn, thời có thể đình không triệt-quân vọi cũng được; *b*) nếu trong hạn hay là ngoài hạn mười lăm năm, nước Đức không giữ trọn lời ước, thời chiếu theo ý-kiến của Hội-đồng bồi-thường quân Đồng-minh được chiếm-cứ lại tất cả hay là một phần địa-hạt trên kia; 4º Trái lại, nếu nước Đức thi-hành được trọn cả điều-ước, thời trước hạn mười-lăm năm, Đồng-minh có thể triệt cả quân về được.

5. — Giá-trị của Hòa-ước

Công-việc của Hội Hòa thật là to-tát và khó-khăn lắm. Nước Mĩ và nước Anh, xem ra hoan-nghênh tờ hòa-ước, nhưng ở nước Pháp thời dư-luận có ý không bằng lòng, lấy rằng nước Pháp không được biệt-đãi xứng-đáng với công khó-nhọc trong khi chiến-tranh. Hòa-ước chỉ trả lại cho nước Pháp có hai châu Alsace-Lorraine, nghĩa là chỉ hoàn cái địa-giới năm 1871 mà thôi, không cho được theo địa-giới năm 1814 còn rộng hơn nhiều ; lại không được hạt Landau, không được đường sông Queich ; thành Sarrelouis (trong địa-hạt sông Sarre) thời chỉ được tạm lĩnh mà thôi. Thành ra nước Pháp không thể phục-hồi được hết những địa-hạt đã bị nước Phổ (Prusse) xâm-chiếm mất từ trước. Nhiều người Pháp lấy thế làm không công-bằng và có ý trách bộ sứ Pháp ở Hội Hòa không hết sức yêu-cầu cho nước Pháp được nhiều quyền-lợi hơn, và ngay kỳ đại-hội-đồng thứ nhất không có giải-quyết ngay cái vấn-đề địa-giới là vấn-đề quan-trọng nhất cho nước Pháp.

Đại-đề thời ý Hội Nghị-hòa không muốn phá cái sự-nghiệp của Bismarck (Tỉ-tì-mạch), là cuộc thống-nhất của nước Đức. Áo-Đế-quốc (Empire d'Autriche) là phần để giữ cho cái thế quân-bình của Âu-châu, thì đem phá đi, mà Đức-Đế-quốc (Reich Allemand) là phần vẫn làm nhiễu-loạn trật-tự Âu-châu thì lại giữ lại ; sau khi đình-chiến, Đồng-minh cung-cấp lương-thực cho một nước Đức vẫn thống-nhất ; đến khi nghị-hòa Đồng-minh lại ký-ước với một nước Đức vẫn hoàn-toàn mà lại càng kiên-cố như một « khối dân Nhật-nhĩ-man » (*bloc germanique*) vậy. Nước Đức đổi đế-chính ra dân-chính, trong khi bấy giờ xét ra một vài nơi đã có ý muốn thừa-cơ phân-lìa biệt-lập, như ở đất Palatinat, đất Hanovre ; nếu Đồng-minh có muốn phá cuộc thống-nhất của Đức thì dễ lắm, chỉ việc thừa cái khuynh-hướng phân-lìa (*tendances séparatistes*) đó mà ký ước riêng với từng « bang » (*Etat*) một, không ký-ước chung với cả toàn-thể nước Đức, như thế thời Đức-đế-quốc tất phải tan mà không nghiễm-nhiên đứng thành một cái đại-khối 70 triệu người, toàn có cái chí hăng-hăng muốn báo-thù, lâm-thời có thể làm nguy cho nước Pháp được. Ấy dư-luận nước Pháp xem ra có ý phàn-nàn như vậy.

Đến những điều-khoản về tài-chánh thời khó định sao cho vừa phải được. Đây dư-luận Pháp cũng không bằng lòng, và lấy rằng cái khoản bồi-thường không đủ đền được những sự tổn-hại của nước Pháp. Dư-luận Pháp tưởng rằng bắt nước Đức trả lại bao nhiêu nước ấy cũng có thể trả được ; nhưng phải biết rằng sự chiến-tranh có hại cho bên được mà lại hại cho bên thua nhiều nữa, các nhà ngoại-giao ở Hội Hòa trước khi định các khoản bồi-thường chắc cũng đã cân-nhắc kỹ lắm và đã lượng biết cái sức nước Đức chịu được đến đâu là cùng. Song người Pháp không bằng lòng là vì ngay sau khi đình-chiến quan Thủ-tướng Clémenceau đã có ước-lượng rằng trong hòa-ước thế nào nước Pháp cũng phải được mấy khoản tối-yếu như sau : quân Đồng-minh phải đóng luôn để giữ trên bờ sông Rhin, và nước Đức phải nộp ngay 50 vạn triệu và cấp 30 vạn tù-binh trong ba năm để sửa-sang lại những miền bị tàn-phá, thế mà kết-cục nước Pháp không thu-hoạch được y như thế.

Là bởi rằng hòa-ước này không phải là hòa-ước riêng một mình nước Pháp mà là hòa-ước chung cả với các nước Đồng-minh. Dư-luận nước Pháp đã vậy, còn phải tùy dư-luận các nước Đồng-minh nữa, mà các nước Đồng-

minh thời như nước Mĩ, nước Anh, nước Ý, xưa nay không biết cái nguy-hiểm ở gần nước Đức là thế nào, nên không lấy những kế-hoạch dự-phòng làm quan-trọng ; sau nữa nước Pháp lại phải chịu nề cái thế-lực kinh-tế của nước Mĩ, nề cái oai-quyền chủ-trương của quan Giám-quốc Wilson, nề hai nước Anh nước Mĩ hiệp nhau làm một cái đoàn-thể đồng-chủng đồng-văn (tiếng tây gọi là *bloc anglo-saxon*) để cố giữ lấy cái thế quân-bình ở Âu-châu.

Nói cho đáng thời tuy dư-luận Pháp có ý không bằng lòng, mà Chánh-phủ Pháp cũng khéo giao-thiệp, không có khăng-khăng cố yêu-cầu cho được thỏa cả mọi điều, trong khi nghị-hòa thủy-chung đều giữ một cái thái-độ ôn-hòa, các nước đều lấy làm phục lắm.

Nay ta xét cái giá-trị hòa-ước đối với nước Pháp thế nào, nghĩa là cứ theo trong hòa-ước thời nước Pháp được những lợi gì, gồm lại mà lược kê ra mấy mục như sau này.

A. — *Bồi-thường cho sự thiệt-thòi về trước.*

1. Hai châu Alsace-Lorraine. — Hai châu phục-hoàn về Pháp, sạch các trách-nhiệm về pháp-luật, tài-chánh, kinh-tế, sạch cả các khoản nợ chung. Bao nhiêu công-sản trong hai châu ấy, hoặc là của Đế-quốc Đức, hoặc là của Hoàng-tộc Đức (*biens d'empire ou biens de la couronne*), đều chuyển sang làm của nước Pháp, nước Pháp không phải đền-bồi gì cả. Sức nước sông Rhin, riêng nước Pháp được lợi-dụng. Các đường cầu trên sông Rhin là thuộc về Hội-đồng Đồng-minh coi về sông Rhin cử một người Pháp làm giám-đốc.

2. Lưu-vực sông Sarre. — Những dân vốn giòng-giõi Pháp ở trong địa-hạt lưu-vực sông Sarre bây giờ thời hết hạn mười lăm năm chắc là được phục-hồi về quốc-tịch Pháp ; các mỏ than trong hạt ấy mỗi năm sản được 14 triệu tấn than, từ nay là của nước Pháp.

3. Các khoản thường-hoàn linh-tinh. — Những súc-vật, đồ-dùng, đồ vận-tải, tiền bạc, vật có giá, cùng hết thảy các hạng đồ vật của quân Đức đã cướp lấy ở đất Pháp mà còn thể nhận được, thời nước Đức phải thường-hoàn lại hết. Bao nhiêu những quyền-lợi cùng tài-sản của Pháp ở Đức cũng phải thường-hoàn lại cả, cùng với cả những quốc-kỳ của Pháp mà quân Đức cướp được từ hồi trận năm 1870-1871.

4. Các khoản bồi-thường về vật-chất (*réparations matérielles*). — Bao nhiêu những sự tổn-hại của người dân, nước Đức phải bồi-thường khắp cả. Bao nhiêu những tiền chẩn-cấp trợ-cấp cho quân-lính tòng-chính, nước Đức phải chịu hết. Tiền quân-phí của quân-đội Pháp đóng ở địa-hạt Đức, nước Đức cũng phải chịu. Các nước Đồng-minh sẽ cùng nhau thương-lượng mà kê một cái sổ các khoản bồi-thường, Đức phải chiếu đó mà trả bằng tiền vàng, bằng giấy quốc-trái (tính theo giá tiền vàng), bằng các giá-phiếu của Đức ở ngoại-quốc, bằng súc-vật, bằng đồ-dùng, bằng tàu bể, bằng than, bằng các hóa-chất (*produits chimiques*), bằng các đường điện-báo ngầm qua bể. Ngay bây giờ nước Đức phải nộp một khoản dự-bị là 20 ngàn triệu *marks* bằng tiền vàng trước ngày mồng 1 tháng 5 năm 1921, tiền ấy sẽ trích ra để chi các khoản quân-phí về những quân-đội đóng ở miền địa-giới Đức, và cũng để giúp cung-cấp lương-thực cho nước Đức nữa. Nước Đức lại phải ký trước một khoản 100 ngàn triệu *marks* bằng trái-phiếu tính theo giá tiền vàng, khoản 20 ngàn triệu trên kia trích ra bao nhiêu để chi vào các

khoản bồi-thường thời sẽ khấu-trừ vào khoản 100 ngàn triệu dưới. Ngoài các mỏ than ở lưu-vực sông Sarre là nhượng hẳn cho Pháp rồi, nước Đức lại phải cung-cấp than cho nước Pháp trong mười năm, mỗi năm tự 27 đến 15 triệu tấn, không kể các chất cùng loài với than tính ngoài. Nước Pháp lại được một phần trong sự tịch-biên những lợi-quyền của Đức ở mấy nước Nga, Tàu, Áo-Hung, Thổ và Bảo (Bulgarie). Lại các tài-sản của Đức ở nội-địa và thuộc-địa Pháp, nước Pháp cũng được thâu-lĩnh cả.

Cho được bảo-chứng các trái-quyền ấy, thời nước Pháp được có đặc-quyền đối với hết thảy các công-sản của Đế-quốc Đức và các liên-bang Đức.

Phàm những trái-quyền (*créances*) của người dân Pháp tự trước khi chiến-tranh, bây giờ được đổi theo giá hối-đoái (*taux de change*) trước khi chiến-tranh.

Thuộc riêng về hai châu Alsace-Lorraine, nước Pháp không những được nhận cả các công-sản không phải bồi-thường gì, mà lại được lĩnh cả các khoản trợ-cấp cho người dân và cho binh-lính cho đến ngày 11 tháng 11 năm 1918.

Nếu sau hạn đóng quân mà nước Đức sai ước về các khoản tài-chánh, thời quân Đồng-minh lại được chiếm-cứ tả-ngạn sông Rhin và các nơi đầu cầu như cũ.

5. Các khoản bồi-thường về tinh-thần (*réparations morales*). — Guillaume II là vua Đức cũ phải đem ra tòa án riêng để xét tội. Những người Đức khác có can-cứu trong việc chiến-tranh, Đồng-minh đòi hỏi đến thời nước Đức phải đệ nộp hết, cùng những công-văn cần-dùng để luận tội.

B — *Giữ-gìn cho được yên-ổn về sau.*

1. Lợi về nông-nghiệp. — Nông-nghiệp nước Đức xưa nay được phát-đạt là nhờ có các mỏ muối *potasse* ở đất Alsace dùng để bón ruộng : nay các mỏ ấy thuộc về nước Pháp được dùng, thật là lợi cho nông-nghiệp nước Pháp lắm lắm.

2. Lợi về công-nghệ. — Công-nghệ nước Đức xưa nay mở-mang ra được to-tát như thế là nhờ có than và có khoáng (*minerai*) nhiều. Nay hai thứ ấy đều thuộc về nước Pháp được dùng phần hơn, thật là lợi cho công-nghệ nước Pháp vô-cùng. Nay lược kể các sự lợi cho công-nghệ Pháp như sau này :

a) Than. — Mấy châu-quận ở phía Bắc nước Pháp là nơi sản nhiều than bị quân Đức tàn-phá, nước Pháp thiếu than không đủ dùng cho công-nghệ trong nước. Nên hòa-ước nhường cho nước Pháp các mỏ than trong miền lưu-vực sông Sarre, và trong mười năm bắt nước Đức phải nộp than để cung-cấp cho công-nghệ.

b) Khoáng. — Nước Pháp thu-phục được quân Lorraine thời số sản-xuất về các khoáng-chất sẽ tăng hơn trước được gấp đôi. Sự chế-tạo các gang sắt cũng sẽ được nhiều hơn trước gấp đôi lần.

c) Nghề dệt. — Nghề dệt ở hai châu Alsace-Lorraine thịnh bằng một phần ba của toàn-quốc Pháp trước khi chiến-tranh.

3. Lợi về thương-nghiệp. — Thương-nghiệp Pháp sẽ thoát được cái ách người Đức, bởi các kế-hoạch như sau : tịch-biên các tài-sản lợi-quyền của Đức ở Pháp ; hạn-chế sự buôn-bán Đức ở hai châu Alsace-Lorraine ; không công-nhận luật Delbrück là luật của nước Đức cho phép người Đức được nhập-tịch nước Pháp mà vẫn làm dân Đức. — Ngoại-giả lại còn đặt ra những kế-hoạch tạm-thời, kế-hoạch vĩnh-viễn, để bảo-hộ cho các nhà buôn Pháp.

Những kế-hoạch tạm-thời thời như: trong năm năm đồ-hàng hai châu Alsace-Lorraine vào Đức không phải thuế thương-chánh; trong sáu tháng không được tăng các ngạch thuế thương-chánh hơn trước khi chiến-tranh, hết hạn ấy thời riêng về các thứ rượu chát (rượu vang), các thứ dầu cây (*huiles végétales*), v. v. được thêm một hạn ba-mươi tháng nữa không phải tăng thuế thương-chánh. — Những kế-hoạch vĩnh-viễn thời giúp cho thương-nghiệp nước Pháp được nhiều sự lợi to, như: đồ-hàng Pháp được tự-do tải qua nước Đức; ở các thương-cảng Đức, nhà buôn Pháp được đãi bằng-đẳng với các nhà buôn Đức; thuộc về thuế thương-chánh, nước Pháp được ưu-đãi vào hạng nhất; nhà buôn Pháp được có luật bảo-hộ đối với sự cạnh-tranh bất-chính, và thuộc về các dấu hàng hiện hàng; người Pháp được quyền kinh-lý các bằng chế-tạo của Đức (*exploiter les brevets allemands*) ở Pháp; sông Rhin rộng mở cho các nước giao-thông, quyền quản-trị do một hội-đồng nước Pháp được cử chủ Hội, sông Moselle lâm-thời cũng có thể đặt theo chế-độ ấy; nước Đức nhường cho Pháp một phần những tàu kèm, tàu phụ cùng những đồ dụng-cụ về sự vận-tải các sông hiện ở Rotterdam.

4. Lợi về lao-động-giới. — Các người làm công Pháp dù ở trong nước dù ở ngoại-quốc đều được theo những luật-lệ và hưởng những quyền-lợi riêng về lao-động-giới đã định trong hòa-ước, và sẽ có hội Vạn-quốc bảo-hộ.

5. Lợi về thuộc-địa. — Hết thảy các thuộc-địa, tô-giới-địa, cùng những quyền-lợi riêng của Đức ở các nước bị mất hết. Nước Đức xin bỏ cái hiệp-ước Algésiras về đất Maroc, Pháp từ nay được tự-do hành-động ở đấy. Cái thuộc-địa Đức ở Phi-châu mà hiện nay quân Pháp chiếm-cứ thời sẽ điều-đình với các nước Đồng-minh trao quyền cai-trị cho nước Pháp. Điều-ước Pháp-Đức năm 1911 về đất Congo nay tiện-thị bãi-bỏ.

6. Lợi về đường võ-bị. — Nước Đức hiện nay kém đi mất mười hai triệu dân. Đó đã là một cái lợi cho nước Pháp về đường võ-bị. Trong điều-ước lại định nhiều cách dự-phòng nữa, kể qua như sau này:

a) Hạn-chế quân-bị. — Quân Đức không được quá 10 vạn người, phải tuyển bằng cách « tình-nguyện nhập-quân », kỳ hạn là 12 năm; Đức không được dùng tàu bay về việc quân; hải-quân giảm xuống sáu chiếc đại-thiết-hạm và sáu chiếc tuần-dương-hạm, trọng-lượng đã định; hạn-chế những đồ « chiến-tranh cụng-cụ » và hạn-chế các nhà máy làm những đồ ấy; bãi-bỏ viện Đại Tham-mưu Đức, các cuộc đãi-diễn-binh (*les grandes manœuvres*) và các cơ-quan động-binh (*organes de mobilisation*).

b) Phân-giới tả-ngạn với hữu-ngạn sông Rhin, cách nhau 50 cây-lô-mét. — Trong khoảng ấy, không được đặt thành-trì, pháo-đài, quân-đội gì cả, hễ Đức phạm vào một điều đó thời tiện-thị coi là khởi-hấn với Đồng-minh.

c) Đóng quân ở đất Đức. — Trong mười-lăm năm, phòng nước Đức khởi-hấn, quân Đồng-minh được đóng miền tả-ngạn sông Rhin và các đường đầu cầu sông ấy: Cách-thức đóng quân và triệt quân thế nào, ở trên đã nói tường.

d) Quyền kiểm-tra. — Hội-nghị hội Vạn-quốc được quyền vĩnh-viễn kiểm-tra về quân-chế nước Đức, để xét xem có theo đúng điều-ước không. Quyền ấy thi-hành thế nào trên kia đã nói.

e) Lâm-thời được nước Anh nước Mĩ cứu-viện. — Ngoài các kế-hoạch

dự-phòng đã kể, nước Anh và nước Mĩ lại hứa cùng nước Pháp ký một cái điều-ước cứu-viện, để phòng khi Pháp bị Đức vô-cớ sang đánh, thời hai nước Anh Mĩ sẽ lập-tức đem quân sang cứu-viện.

7. Lợi về đường chánh-trị. — Đại-khái chia ra hai khoản như sau :

a) Các điều-khoản linh-tinh về chánh-trị. — Nước Tí không phải là nước trung-lập nữa. Quận Luxembourg thoát được quyền bảo-hộ của nước Đức. Nước Áo không được tự-tiện sáp-hợp với nước Đức, phải có Hội Vạn-quốc chuẩn-nhận mới được. Nước Đức phải công-nhận quyền độc-lập cho hết thảy các nước do nước Nga cũ mà lập thành ra, phải công-nhận bãi-bỏ tờ hòa-ước Brest-Litovsk cùng các điều-ước khác ký với Chánh-phủ quá-kích nước Nga ; cả hòa-ước Bucarest ký với nước Lỗ cũng phải bãi-bỏ. — Các điều đó là có ý phòng-bị không những cho phần dân Nga còn trung-thành với Đồng-minh và cho cả các nước mới, có tình-nghĩa riêng với nước Pháp, như : Pologné, Roumanie, Yougo-Slavie, Tchéco-Slovaquie.

b) Hội Vạn-quốc. — Tuy theo cái ý-kiến của Chánh-phủ Pháp thời Hội Vạn-quốc cần phải tổ-chức mạnh hơn mới thật là có thế-lực, song cứ hiện như bây giờ cũng đủ khiến cho các nước Đồng-minh trực-tiếp liên-lạc được với nhau, khiến cho các điều-ước của nước nọ ký với nước kia phải công-bố cho thiên-hạ biết, khiến cho sự võ-bị có hạn-chế, khiến cho khi hai nước có sự phân-tranh với nhau thời đã có cách điều-đình hòa-giải được, nói rút lại là khiến cho sự « quốc-tế sinh-hoạt » (*la vie internationale*) có một cái nền-nếp khuôn-phép mới ; như vậy thời đối với những nước thật có bụng hòa-bình như nước Pháp tưởng cũng có thể cho là một cách bảo-hiểm vững-vàng được, rồi sau này còn chỗ nào khuyết-điểm thời sẽ sửa-đổi dần cho được tốt thêm lên.

Hiện Hội-nghị Hội Vạn-quốc đã chuẩn-nhận cho phép nước Anh và nước Mĩ ký điều-ước riêng với nước Pháp để dự-định sự cứu-viện cho nước Pháp sau này nếu nước ấy bị nước Đức vô-cớ sang xâm-lấn, thời đủ biết Hội Vạn-quốc không phải là không có ích-lợi cho nước Pháp, không những ích-lợi về đường phòng-bị, lại ích-lợi về đường chánh-trị nữa, vì sự kết-liên ba cường-quốc lớn với nhau đó tỏ ra rằng ba nước bạn Đồng-minh cũ dẫu việc chiến-tranh xong rồi vẫn đồng-tâm hiệp-lực mà cố ra công giữ cho sự hòa-bình trong thế-giới.

8. Nói về cái giá-trị chung của hòa-ước. — Những điều-khoản trong hòa-ước, các nước ký-ước đều ưng-thuận và công-nhận là hợp với cái mục-đích chiến-tranh của nước Pháp đã từng tuyên-bố từ trước, hợp với mười bốn khoản trong cái « hòa-án » của quan Giám-quốc Wilson mà Đồng-minh đã thuận-nhậu từ tháng mười-một năm 1918, như vậy thời ngoài những sự lợi-ích trên kia, tờ hòa-ước lại còn có một cái giá-trị riêng, giá-trị ấy là tỏ ra rằng trong việc giao-tế các nước với nhau đã lấy sự thành-thực làm trọng, trước sao sau vậy, không có ý thế mà làm trái sự công-bằng để gây ra họa-hoạn về sau, thật là danh-dự cho nước Pháp và cho cả các bạn Đồng-minh vậy.

6. — Sự sửa-đổi trong hòa-ước

1.— *Các khoản yêu-cầu của bộ sứ Đức.* — Sau khi nhận cái dự-án tờ hòa-ước, trong khoảng tháng năm tây, bá-tước Brockdorff là đầu bộ sứ Đức gửi hết thơ ấy sang thơ khác cho quan Chánh

Hội Hòa, đại-khái xin sửa-đổi các khoản trong hòa-ước như sau.

Trước nhất thời ông Chánh-sứ Đức phàn-nàn rằng Đồng-minh định cắt đất của Đức nhiều quá, nào ở Prusse, nào ở Haute-Silésie, nào ở Moresnet, nào trong lưu-vực sông Sarre. Rồi nói đến các khoản bồi-thường và binh-phí thời ông trách rằng Đồng-minh có ý muốn bắt nước Đức vào cái địa-vị chung-kiếp nô-lệ (*esclavage perpétuel*). Sau ông kể về cái tình-thế kinh-tế của nước Đức, về thuộc-địa Đức, v. v. mà than rằng Đồng-minh yêu-sách nhiều quá như thế, không để đường cho dân Đức hưng-khởi lên được, thời thật là cố ý giết chết nước Đức.

Tuy vậy ông cũng nhận rằng nước Đức thế nào cũng phải chịu thiệt-thòi, và cứ như ý ông thời xin như thế này là phải :

1° Giảm quân-đội xuống 10 vạn người ; xin thôi không giữ hải-quân nữa (trong điều-ước còn để cho nước Đức được mấy chiếc chiến-hạm, nay xin thôi) ; xin cho nước Đức vào Hội Vạn-quốc ngay, và chương-trình Hội xin sửa-đổi lại ít nhiều điều ;

2° Xin trả lại hai châu Alsace-Lorraine (nhưng phải hỏi ý người dân trước đã) ; trả lại một phần đất Pologne ; xin đặt ba cửa Dantzig, Kœnigsberg, và Memel làm « tự-do cảng » (*ports libres*), nhưng không cần phải Vạn-quốc bảo-lĩnh ; xin lấy than trong lưu-vực sông Sarre để cung-cấp cho nước Pháp, cho đến ngày các mỏ than ở phía bắc nước Pháp chỉnh-đốn lại xong ; xin nhường lại cho nước Đan-mạch (Danemark) những phần đất châu Sleswig có nhiều dân Đan-mạch ở ; xin cho nước Đức được quyền tự-quyết đối với những dân Đức ở đất Bohême và đất Autriche ; xin Hội Vạn-quốc ủy quyền cho nước Đức cai-trị các thuộc-địa của Đức.

3° Xin trả tiền bồi-khoản cho tới 100 ngàn triệu tiền vàng, 20 ngàn triệu phải trả trước ngày mồng 1 tháng 5 năm 1926, còn bao nhiêu thời trả làm từng kỳ mỗi năm một, tùy theo số lợi-tức của nước Đức trong mỗi năm, nhưng trong mười năm đầu thời không được mỗi năm hơn một ngàn triệu.

Cho được đương nổi các khoản đó thời xin phải để cho nước Đức được tự-do hành-động ở trong nước ngoài nước mới được.

4° Nước Đức xin bằng lòng giúp để khởi-phục lại những miền bị tàn-phá ở phía Bắc nước Pháp, xin cung-cấp than cho nước Pháp trong mười năm, năm năm đầu thời mỗi năm 20 triệu tấn, năm năm sau thời mỗi năm 8 triệu tấn.

Nước Đức lại xin cung-cấp các chất dầu, chất nhuộm, cùng các dược-phẩm.

5° Nước Đức xin cống-hiến đội thương-thuyền trong nước cho Vạn-quốc dùng.

6° Xin thay đền những tàu chạy sông bị tàn-phá ở nước Tỉ và nước Pháp.

7° Xin các nước Đồng-minh tham-dự trong việc kinh-lý các mỏ than.

8° Xin cho đảng thợ được tham-dự những việc quyết-nghị có công-ích cho xã-hội.

9° Xin đặt một tòa-án trung-lập để xét về các trách-nhiệm và phạm-tội về sự chiến-tranh.

2.— *Trả lời của Đồng-minh.*— Ngày 11 tháng 6, quan Clémenceau là Chánh Hội Hòa viết thơ trả lời bộ sứ Đức trọ ở nhà *Hôtel des Réservoirs*, về các khoản xin ở trên, và nói rõ Đồng-minh quyết-định như thế nào.

Sau đây ta cứ theo các chương-mục trong hòa-ước mà kể qua những đoạn nào có sửa đổi.

1° Trước nhất có 18 chương không thay đổi một tí gì, vẫn giữ y-nguyên như trong dự-án trao cho bộ sứ ngày mồng 7 tháng 5 trước. Là những chương sau này ; Hội Vạn-quốc, Nước Tỉ, Quận Luxembourg, Hai châu Alsace-Lorraine, Sự giao-thiệp nước Đức với nước Áo và nước Nga, Cửa Dantzig đặt làm tự-do-cảng, Cửa Memel, Đảo Helgoland, Thuộc-địa Đức, Giao-châu (Kiao-tchéou), Maroc, Egypte, các khoản về hải-quận, Bồi-thường, Trách-nhiệm, Trừng-trị, Dự-phòng. — Các điều-khoản trong mấy chương đó không thay đổi một chữ nào.

2° Ba chương về địa-hạt có thay đổi ít nhiều như sau :

Về lưu-vực sông Sarre. — Hội-đồng cai-trị đặt ngay trong địa-hạt ấy ; khi nào nước Đức muốn chuộc lại các mỏ than thời hội-đồng bồi-thường được quyền trang-trải cái nợ về tiền chuộc ấy, lâm-thời có thể tịch-biên được. Đoạn sửa lại sau ấy thông-tư cho bộ sứ Đức ngày 25 tháng 5.

Về nước Danemark. — Chuẩn theo lời xin của Chánh-phủ Dan-mạch, đặt giới-hạn phía nam cái vùng sẽ phải mở cuộc « thứ-dân đầu-phiếu » *(plébiscite)* lên mấy cây-lô-mét về Bắc.

Về nước Pologne. — Phải mở cuộc « thứ-dân đầu-phiếu » ở đất Haute-Silésie. Sửa lại đường địa-giới một chút.

3° Có bốn chương cái đại-ý thời vẫn giữ như trước, nhưng cách thi-hành có sửa đổi một đôi chút, là những chương này :

Các khoản về võ-bị. — Định lại sự giải-võ-bị nước Đức thuộc về năm thứ nhất sau khi ký hòa-ước.

Các khoản về tài-chính. — Hội-đồng bồi-thường được tùy trường-hợp định đình-hoãn sự thi-hành cái đặc-quyền của Đồng-minh đối với các tài-sản nước Đức thuộc về khoản bồi-thường.

Các khoản về kinh-tế. — Bảo-chứng cho người dân Đức trong sự thi-hành cái « liên-đái trách-nhiệm » thuộc về sự tịch-biên các tư-sản của người dân Đức và người dân các nước Đồng-minh với Đức ; hạn-chế sự thi-hành cái quyền của Đồng-minh được khai-phục những quyền sở-hữu về công-nghệ *(droits de propriété industrielle)* vốn của người dân Đức mà đã từng tiêu-duyệt thời-hiệu rồi.

Các khoản về cửa bể, đường sông, đường sắt. - Tăng một lên ba số đại-biểu Đức ở hội-đồng coi sông Oder ; nhận cho nước Đức được cử đại-biểu ra hội-đồng sẽ lập để đặt thể-lệ về sông Danube ; Đồng-minh thuận bỏ cái quyền được bắt nước Đức đặt đường xe-lửa trong địa-hạt nước ấy (chỉ trừ có một trường-hợp riêng mà thôi).

Đại-khái thời cái đại-ý, cái cơ-quan trong hòa-ước vẫn giữ y-nguyên, chỉ châm-chước cách thi-hành cho được công-bằng mà thôi.

Nói tóm lại thời Đồng-minh thuận rộng cho Đức những khoản như sau này:

1° Cho phép nước Đức sau này được vào Hội Vạn-quốc.

2° Không cho mở « thứ-dân đầu-phiếu » ở hai châu Alsace-Lorraine, mà cho mở ở đất Haute-Silésie.

3° Quân-đội Đức được 200.000 người trong hạn ba tháng, rồi phải giảm dần xuống 100.000.

4° Guillaume II ít ra cũng phải đem ra tố-cáo, không thể không được, vì tội là tội trọng phạm đến Vạn-quốc-công-lý.

5° Hội-đồng bồi-thường không có quyền chấp-hành, không được can-thiệp vào chế-độ nước Đức, và phải bảo-hộ cho dân Đức cũng như bảo-hộ cho dân Đồng-minh.

6° Trong hạn bốn tháng sau khi ký hòa-ước, nước Đức được quyền bàn cách thế nào là thuận-tiện về sự trang-trải các tiền nợ bồi-khoản, sự

khởi-phục các miền bị tàn-phá ; lại được quyền bày đặt các cách bồi-thường thế nào là tiện.

7° Quyền kiểm-tra sẽ hạn-chế thế nào cho vừa phải công-bằng, không có ý hà-hiếp cùng phiền-nhiễu nước Đức.

8° Về việc buôn-bán giao-dịch, trong hạn năm năm, Đồng-minh với nước Đức không có đối-đãi tương-đương (*réciprocité*), trừ khi trước hạn ấy nước Đức được vào Hội Vạn-quốc thì không kể.

9° Thuộc về các cửa bể và các đường sắt, đường sông, thời Đồng-minh định giữ quyền giám-đốc là chủ-ý dự-phòng cho các nước mới lập mà không có đường thông với bể, được quyền giao-thông vận-tải tự-do, khỏi phải ngăn-trở.

10° Thuộc về miền tả-ngạn sông Rhin thời đặt hiệp-ước riêng nước Pháp với nước Đức.

7. — Ký Hòa-ước

1.— *Quốc-hội Đức ở Weimar quyết-nghị thuận ký hòa-ước* (23 tháng 6 năm 1919).— Bộ sứ Đức yêu-cầu sửa-đổi nhiều khoản, Đồng-minh chỉ ưng chữa có ít nhiều như trên, bộ sứ không bằng lòng, chiều ngày 16 tháng 6 bỏ Paris về Đức. Bấy giờ ai ai cũng ngờ không biết nước Đức có chịu ký hay không. Dư-luận bên Đức cũng phân-vân lắm; Chánh-phủ Đức trước vẫn trông mong về sự bạo-động bãi-công của đảng thợ Pháp đã nhiễm vào cái chủ-nghĩa quá-kích và hiện đương bất-bình về sự sinh-hoạt đắt-đỏ, nhưng đến bấy giờ thời đã dần-dần yên-ổn cả. Ông Wilson và ông Lloyd George xem ra cũng không có ý muốn nhượng-bộ như trước nữa ; nhiều tờ báo Đức đã thấy cổ-động khuyên nên ký hòa-ước vậy ; và ở miền sông Rhin thì ngày mồng 1 tháng 6 xảy ra một sự lạ, như mở đường cho một nước Đức mới : là sự tuyên-bố tại thành Coblence một Dân-quốc độc-lập gồm cả các miền sông Rhin (*proclamation d'une République Rhénane*). Đó tức là cái vết thương thứ nhất cho nước Phổ (Prusse), xưa nay vẫn lấy cái quân-quốc-chủ-nghĩa mà áp-chế dân Đức, làm hỏng việc chánh-trị nước Đức. Ngày 20 tháng 6, Scheidemann là tổng-lý Nội-các không thể nào họp được đa-số ở Quốc-hội để ký hòa-ước, phải trình giấy quan Giám-quốc Ebert xin từ-chức cho cả tòa Nội-các. Ngày 21, Ebert lập tòa Nội-các mới, lấy Bauer làm tổng-lý, Erzberger làm phó. Bấy giờ mới có thơ ở Weimar gửi lại quan Chánh Hội Hòa Clémenceau xin giảm cho nhẹ bớt các khoản hòa-ước và nói rằng nước Đức không chịu nhận trách-cứu về việc khai-chiến và không chịu nộp những người can-cứu. Tuy vậy ngày hôm sau là ngày 22, quốc-hội Đức ở Weimar cũng phải quyết-nghị thuận ký điều-ước vậy, nhưng đêm có điện xin một hạn bốn-mươi-tám giờ nữa. Đồng-minh không thuận, Chánh-phủ Đức cùng-bất-đắc-dĩ phải chịu vậy. Nhưng lòng kiêu-căng của người Đức lấy thế làm nhục quá : ngày 22, cả hạm-đội của thủy-soái Von Reuter hãm ở Scapa-Flow trong quần-đảo Orcades, bị bọn lính-thủy giam ở đấy đánh đắm hết ; ngày 23, quân-quan đội Vệ-binh ở Berlin đem những cờ Pháp lấy được năm 1870 đốt ở trước tượng vua Frédéric để khỏi phải trả lại nước Pháp. Tuy vậy chính ngày 23 tháng 6 ấy, vào ba giờ chiều, Bauer là tổng-lý Nội-các ra Quốc-hội coi bộ cảm-động lắm, diễn-thuyết nói rằng cứ cái thái-độ của các nước Đồng-minh, thời chánh-phủ Đức đành phải chịu nhận ký vậy, không thể nào kêu-nài gì được nữa. Phần nhiều nghị-viên giơ tay thuận, cho nội-các được toàn-quyền mà xử việc.

May vừa kịp, vì thống-tướng Foch tự đại-doanh (*quartier général*) ở Kur-

haus de Kreuznach, đã cùng các tướng quyết-định các kế-hoạch sau cùng để khởi một đại-binh 100 sư-đoàn (*divisions*) quân Đồng-minh sắp sửa hạ-lệnh sang nước Đức. Điện Weimar tới nhà *Hôtel des Réservoirs* là nơi bộ sứ Đức ở, vào 5 giờ 35 phút, chỉ vừa còn một giờ rưỡi nữa thì hết hạn đình-chiến.

2.— *Lễ ký hòa-ước ở Versailles* (ngày 28 tháng 6 năm 1919).— Ngày 28 tháng 6 năm 1919 sẽ là một ngày kỷ-niệm lớn trong lịch-sử Vạn-quốc. Hòa-ước ký ở « Pha-lê-điện » (*Galerie des Glaces*) tại cung Versailles là cung Vua Louis XIV khi xưa, giữa nơi mà ngày 18 tháng giêng năm 1871 nước Phổ đã đánh thua nước Pháp, tể-tướng Bismarck làm lễ tuyên-lập Đức-Đế-quốc ở đấy, thật là hợp lẽ tuần-hoàn vậy. Đại-biểu các nước Đồng-minh vào trước, rồi đến các quan to có giấy mời đến dự xem, các nhà báo, các võ-tướng (duy ba ông thống-chế Joffre, Foch và Pétain thời vắng mặt); đến bọn lính trọng-thương và tàn-tật cũng được đặc-cách vào dự Hội cho thỏa cái công lao-khổ chiến-tranh. Cử-tọa im phăng-phắc, trong điện có cái vẻ lặng-lẽ uy-nghiêm như chờ đợi một sự gì quan-trọng phi-thường... Đúng giờ thời thấy hai người đeo kính đi vào, nét mặt xanh ngắt, cử-tọa chú-mục nhìn: hai người ấy tức là hai sứ Đức, đến để cùng với đại-biểu Đồng-minh ký-ước, theo sau có mấy tùy-viên. Một người là ngoại-vụ tổng-trưởng Đức tên là Muller (thay cho Bá-tước Brockdorff đã từ-chức), thuộc vào đảng « dân-chủ-xã-hội » (*parti sozial-demokrate*) nước Đức, một người là Bác-sĩ Bell. Bộ sứ Đức ngồi đâu vào đấy, quan Clémenceau là chánh Hội Hòa đứng lên diễn-thuyết vắn-tắt mấy lời, nói rằng tờ ước ký bây giờ, hai bên đã công-nhận thời là vĩnh-viễn bất-dịch, phải tuân theo cho đúng, không ai được phản-bội. Xong rồi các đại-biểu đứng lên lần-lượt ra ký tên vào mấy bản hòa-ước để ở trên bàn giữa điện. Lúc đại-biểu Đức ký giữa vào 3 giờ 12 phút; khi ký xong cả vừa 3 giờ rưỡi, quan Clémenceau giải hội-đồng ở trong thời ngoài súng đại-bác nổ vang-lừng để báo cho nhân-dân cái tin hoan-hỉ.

3. — *Ước đồng-minh ba nước Pháp, Anh, Mĩ.* — Cũng một ngày 28 tháng 6 ấy nước Pháp lại ký luôn hai cái ước đồng-minh (*traité d'alliance*) với nước Anh và nước Mĩ, hai ước ấy là để dự-phòng cho nước Pháp khi nào bị nước Đức vô-cớ sang xâm-lấn thời nước Anh và nước Mĩ phải lập-tức sang cứu-viện.

Hai ước ấy rất là quan-trọng cho nước Pháp và cho cả thế-giới nữa, vì sự hòa-bình sau này là căn-cứ ở đó. Cho được ký hai tờ ước ấy, nước Pháp trong khi nghị-hòa đã phải chịu thiệt-thòi mất nhiều quyền-lợi đối với nước Đức vậy.

8. — Hòa-ước Saint-Germain

(tức là Hòa-ước với nước Áo, ký ngày mồng 10 tháng 9 năm 1919)

Xong nước Đức, đến lượt nước Áo ngày mồng 2 tháng 6 năm 1919 nhận tờ hòa-ước của Đồng-minh trao cho ở cung Saint-Germain (Pháp). Chánh-sứ Áo là tể-tướng Renner, khi cầm lấy tờ ước có diễn-thuyết một bài, lời-lẽ có ý khiêm-tốn và thành-thực hơn lời diễn-thuyết của Chánh-sứ Đức Brokdorff ở cung Versailles trước.

Sau này xin kể đại-khái các điều-khoản Đồng-minh bắt nước Áo phải chịu.

Đoạn đầu trong hòa-ước thời cũng giống như hòa-ước với Đức, cũng kể-liệt cả tên các nước Đồng-minh như thế. Rồi đến các khoản thuộc về Hội Vạn-quốc, cũng y như bên kia. Các khoản khác thời đại-lược phân mấy mục như sau này.

Địa-giới. — Địa-giới về phía Bắc (giáp với nước Tchéco-Slovaquie). — Theo đường địa-giới cũ phân hai tỉnh Bohême và Moravie với hai tỉnh Haute và Basse Autriche, có sửa lại một đôi tí về miền Gmund và theo giọc sông Morava,

Địa-giới về phía tây và tây-bắc giáp với đất Bavière và nước Suisse vẫn giữ như cũ.

Địa-giới với nước Ý-đại-lợi thời bắt-đầu từ đèo Reschen và đại-để theo con đường chia nước (*ligne de partage des eaux*) ở giữa núi, đi qua đèo Brenner và núi Pizzo Scotre Signori.

Địa-giới với nước Tắc-Qua-Ti-lao (Etat Serbo-Croate Slovène, hay là Yougo-Slavie) thời qua phía bắc sông Drave, rồi tiếp với đường địa-giới Hongrie. Về phía tây thời sẽ định sau.

Địa-giới Áo với Hung vẫn giữ như cũ.

Các điều-khoản về chánh-trị. — Các đường địa-giới nước Bulgarie, nước Grèce, nước Hongrie, nước Pologne, nước Roumanie, nước Tắc-Qua-Ti-lao (Etat Serbo-Croate-Slovène), nước Triết-khắc-Ti-lạp (Etat Tchéco-Slovaque), hiện như bây giờ đã định hay là sau này sẽ định, thời nước Áo phải công-nhận cả. Phàm những quyền-lợi của nước Áo đối với các địa-hạt trước thuộc về nước ấy mà nay tuy đã ở ngoài địa-giới nước ấy rồi, nhưng còn chưa sáp-nhập vào nước nào, nước Áo xin nhường lại hết cả cho các nước Đồng-minh. Sau này Đồng-minh xử-trí các địa-hạt ấy thế nào, nước Áo cũng phải thuận nhận.

Các điều-khoản thuộc về nước Ý hãy còn để lại.

Nước Áo nhận quyền độc-lập hoàn-toàn của nước Triết-khắc-Ti-lạp (Tchéco-Slovaquie), kể cả cái địa-hạt tự-trị ở dưới dãy núi Carpathes. Phàm những quyền-lợi cũ của nước Áo đối với các địa-hạt hiện nay đã kiêm-tính vào nước Triết-khắc, thì nước Áo xin thôi cả.

Nước Triết-khắc nhận sẽ thêm vào trong điều-ước với các nước Đồng-minh những khoản riêng để bảo-trợ cho các phần dân nhỏ khác giống, khắc đạo, hay là khác tiếng (*minorités de race, de religion ou de langage*).

Nước Áo phải nhận quyền độc-lập hoàn-toàn của các địa-hạt trước thuộc về nước Nga, phải thuận bãi-bỏ điều-ước Brest-Litovsk.

Nước Áo phải nhận bãi-bỏ các điều-ước năm 1839 đặt nước Tỉ (Belgique) trung-lập, định địa-giới nước ấy, v. v., và Đồng-minh muốn hiệp-ước để thay đổi các điều-ước ấy thế nào nước Áo cũng xin thuận cả. — Thuộc về sự trung-lập quận Luxembourg cũng vậy. Đồng-minh sau này xử-trí với các nước Turquie, Bulgarie, Danemark thế nào, nước Áo cũng xin nhận.

Nước Áo phải đoan-kết sẽ sửa-đổi chế-độ trong nước cho hợp với tự-do công-nghĩa, phải nhận rằng sự bảo-trợ cho các phần dân nhỏ là một cái trách-nhiệm đối với Vạn-quốc. Phàm người dân trong nước Áo, không phân-biệt là khác giống, khác tiếng hay khác đạo, đều phải đãi bằng-đẳng trước pháp-luật. Song nước Áo cũng được quyền cưỡng-bắt học-trò các trường học tiếng Đức (Áo với Đức vốn là hai nước đồng-văn).

Nước Áo xin công-nhận quyền bảo-trợ của nước Anh ở Egypte, và bao nhiêu quyền-lợi ở Egypte xin thôi hết, cũng xin không can-thiệp gì đến việc Egypte cả. — Thuộc về quyền bảo-hộ của Pháp ở Maroc cũng vậy, và bao nhiêu quyền-lợi theo như trong ước Algésiras cũng xin thôi hết.

Đối với nước Tàu thời nước Áo xin bỏ cả các quyền-lợi và bồi-khoản về việc Quyền-Phỉ (*Boxeurs*) năm 1901, xin trả lại tô-giới Tiên-tsin (Thiên-tân) để Tàu mở cho Vạn-quốc.

Đối với nước Xiêm thời bao nhiêu quyền-lợi của Áo ở nước ấy cũng xin bỏ hết.

Các điều khoản về lục-quân và hải-quân. — Các điều-khoản về lục-quân thời còn để lại chưa định.

Những điều-khoản về hải-quân thời định rằng nước Áo phải nhường cho các nước Đồng-minh tất cả những chiến-hạm của Áo-Hung cũ, kể cả tàu ngầm và các tàu của thuyền-đội sông Danube. Bao nhiêu chiến-hạm và tàu ngầm đương làm dở thời phải phá đi hết. Từ nay trở đi cấm - chỉ không được chế cũng không được mua tàu-ngầm, dù để dùng về việc buôn-bán cũng vậy.

Nước Áo không được dùng tàu-bay về việc quân. Máy-bay tàu-bay của các nước Đồng-minh được quyền tự-do bay và đỗ ở Áo-Hung cho đến ngày mồng 1 tháng giêng năm 1923.

Bao nhiêu máy-bay (kể cả đồ dụng-cụ về khinh-khí-cầu) phải nộp hết cho Đồng-minh trong hạn ba tháng.

Nước Áo phải đoan-kết không được sai phái-bộ đi ngoại-quốc về việc quân, cũng không được cho phép người dân Áo vào tòng-sự trong các quân-đội ngoại-quốc.

Những khoản về tù - binh và về trách-cứu việc chiến-tranh cũng giống như các khoản trong hòa-ước với Đức.

Những khoản về bồi-thường và tài-chánh, còn để lại chưa định.

Các điều-khoản về kinh-tế. — Những khoản sau là thuộc về thuế thương-chánh, về sự vận-tải bằng tàu, về sự cạnh - tranh bất - chính (*concurrence déloyale*), về cách đối-đãi các người dân Đồng-minh có quyền-lợi ở Áo, về các hiệp - ước quan - hệ đến nhiều nước (*conventions plurilatérales*), về các điều - ước hai nước với nhau (*traités bilatéraux*).

Thuộc về các khoản nợ trước khi chiến-tranh, thời trong hạn ba tháng sẽ đặt những sở gọi là «sở bồi-thường» (*chambres de compensation*) để làm môi-giới mà trang-trải các nợ ấy ở nước Áo và ở các nước nào ưng-thuận cách làm như thế, còn cách trực-tiếp trả nợ thời không được dùng ; nợ với nước Đồng-minh nào thời phải trả bằng tiền nước Đồng-minh ấy.

Trong điều-ước lại dự định cách tịch-biên và kiểm-sát những tư-sản của người Áo, cùng sự khởi-phục các quyền sở-hữu về công - nghệ, văn-chương và mĩ-thuật.

Cuối điều-ước thời có mấy điều về các giáo-hội nước Áo ; điều cuối cùng thời nước Áo đoan-kết không được yêu-cầu gì về những việc trước ngày bắt đầu thi-hành điều-ước.

Bản phụ-trương cho điều-ước (20 tháng 7 năm 1919). — Bộ sứ Áo xét dự-án tờ điều-ước trên kia, có kêu-nài nhiều khoản, ông Chánh-sứ RENNER có gửi nhiều thơ cho quan CLÉMENCEAU để nghị-luận các lẽ. Cho được trả lời các thơ ấy thời Hội Hòa có soạn một bản phụ-trương cho điều-ước, ông DUTASTA là tổng-thư-ký Hội ngày 20 tháng 7 trao cho Chánh-sứ Áo cùng với một cái thơ của quan CLÉMENCAEU định hạn cho mười hôm có ưng-nhận hay không phải cho biết.

Đại-khái các điều-khoản trong phụ-trương như sau này :

a) Địa-giới mới. — Đường phân-giới nước Áo với nước Hongrie và nước Tchéco-Slovaquie sửa lại để cho gồm vào địa-giới nước Áo mấy hạt có người dân nói tiếng Đức. — Đặt một cái dầu cầu ở phía Nam Presbourg, trên hữu-ngạn sông Danube. — Đường địa-giới ở miền Gmund sửa lại một ít.

b) Điều - khoản về chánh - trị. — Những địa-hạt của Áo-Hung hiện đã sáp-nhập vào nước Ý hay là định sáp-

nhập vào nước Ý mà địa-giới sẽ phân rõ sau này, thời thuộc quyền nước Ý cai-trị. Bao nhiêu đường xe lửa của Áo-Hung trong mấy hạt ấy chuyển về nước Ý quản-trị.

c) Điều-khoản về võ-bị. — Quân-đội của Áo không được hơn 30.000 người kể cả quân-quan và quân trừ-bị. Quân-đội ấy chỉ được dùng để giữ địa-giới và cảnh-sát trong nước mà thôi. Binh-khí chỉ được có hạn, ngoài số phải nộp cho Đồng-minh. Trong nước chỉ được có một nhà máy làm binh-khí, nhà máy ấy phải là nhà máy của Nhà-nước.

d) Các khoản bồi-thường. — Nước Áo phải bồi-thường về các khoản tổn-hại về chiến-tranh. Đồng-minh sẽ đặt một hội-đồng phụ với hội-đồng bồi-thường định trong hòa-ước với nước Đức để từ nay cho đến ngày mồng 1 tháng 5 năm 1921 kê cho xong cái sổ các khoản nước Áo phải bồi-thường, rồi hạn cho ba-mươi năm phải trả hết. Hiện nay thời hội-đồng sẽ định một « khoản vừa phải » (*une somme raisonnable*) để bắt nước Đức phải trả trong năm 1919-1920, và bốn tháng đầu năm 1921.

Bao nhiêu những tàu buôn, tàu đánh cá của Đế-quốc Áo, nước Áo nhường cho Đồng-minh cả.

Hiện nay thời nước Áo phải nộp bao nhiêu trâu-bò, và trong năm năm bao nhiêu gỗ, sắt và lưu-toan (*magnésie*).

e) Các khoản về tài-chánh. — Đồng-minh được đặc-quyền đối với các tài-sản của Áo.

Cho đến ngày mồng 1 tháng 5 năm 1921, nước Áo không được xuất vàng ra ngoài.

Các khoản nợ trước khi chiến-tranh thời nước Áo, các nước phân-li ở Áo-Hung cũ ra mà nay độc-lập, các nước được kiêm-tính những địa-hạt cũ của Áo-Hung, phải chia nhau mà chịu, lấy những khoản lợi-tức của hỏa-xa, của mỏ và các tài-sản khác làm bảo-chứng. Phần nợ của mỗi nước ấy bao nhiêu, do Hội-đồng bồi-thường định.

f) Các khoản về hỏa-xa. — Những đường hỏa-xa mà Chánh-phủ Áo-Hung trước đã nhượng cho các công-ti kinh-lý, thời nay thuộc về nước nào, công-ti cùng với chánh-phủ nước ấy phải điều-đình mà lập ước với nhau. Nếu điều-đình không xong thời phải đệ ra Hội Vạn-quốc trao cho một tòa trung-tài xét xử.

Hòa-ước đã sửa đổi và phụ thêm như thế, bộ sứ Áo xin ưng-thuận cả, ngày mồng 10 tháng 9 năm 1919, hai bên ký ở tại cung Saint-Germain.

9. — Phong-trào cách-mệnh ở Âu-châu

Trên kia đã nói qua về cách-mệnh Đức, cho hiểu rõ duyên-cớ làm sao mà nước Đức phải xin đình-chiến. Nhưng sự cách-mệnh ấy cũng là kết-quả một cái phong-trào cách-mệnh to, khởi ra tự nước Nga giữa khi chiến-tranh, rồi dần-dần tràn khắp gần cả Âu-châu, ảnh-hưởng đến cả những nước có cơ-sở vững-vàng như nước Pháp nước Anh. Đảng thợ hai nước ấy gần đây bạo-động bãi-công cũng là chịu ảnh-hưởng của cái phong-trào ấy vậy. Nay muốn hiểu rõ lịch-sử Âu-châu trong khoảng hai năm vừa rồi thời cần phải biết cái phong-trào cách-mệnh khởi-thủy thế nào và diễn-man ra thế nào.

1.— *Phong-trào cách-mệnh ở nước Nga.*— Cứ hiện-tình bây giờ thời không thể nào tóm-lược được những việc lớn xảy ra ở nước Nga trong khoảng gần ba năm nay. Sau hồi cách-mệnh tháng ba năm 1917, thời Đế-quốc Nga cũ bị giải-tán ra làm nhiều nước độc-lập. Trong mấy tháng, đất Grande Russie có thử đặt Cộng-hòa-chánh-thể, Lvof rồi đến Kerensky đứng cầm quyền ; nhưng đến tháng mười-một năm 1917 thì cái sóng quá-kích tràn vào đô-thành Petrograd, ngập cả bọn Kerensky cùng các đồ-đệ vô-lực.

Bấy giờ hai tay đầu đảng quá-kích là LENINE và TROSTKY mới vào cướp lấy chính-quyền và ra tay áp-chế. Lúc mới đầu, ai ai cũng nói rằng bọn đó làm quá lắm, không thể lâu được. Thế mà ngót ba năm nay rồi, bọn đó vẫn hoành-hành, làm cho nước nga phải khốn-cực. Dân-gian đói khát, buôn-bán công-nghệ hỏng cả ; dân nhà quê bị hành-hạ quá, không cầy-cấy trồng-trọt gì nữa ; thợ thời đã lâu vẫn bỏ việc không làm. Nước Nga vốn là nước sản-vật thiên-nhiên rất nhiều, mà nay đến cùng-khốn đói-khát, trật-tự đảo-điên cả, thật cũng ghê thay !

Hoàng-tộc Nga cũ bị giết hết ; lại biết mấy nghìn mấy vạn những hạng dân có tư-lực (tức đảng cách-mệnh gọi là bọn « bua-gioa » (*bourgeois*) và coi là những kẻ thâm-thù) cùng những quân-quan bị bóc-lột hết của-cải, còn người thời đem bắn, đem giết, đem đầy, đem giam. Người ta thường trông thấy những viên tướng-tá cũ nay phải đi bán nhật-trình giong ở trong phố, lại những các bà quí-tộc xưa bây giờ phải quét đường ở thành Pétrograd và thành Moscou.

Quan Giám-quốc WILSON đã từng bàn với Hội-Hòa đạt giấy mời bọn LENINE phái người ra đảo Prinkipo trong bể Marmara để cùng với đại-biểu của Đồng-minh thương-thuyết, nhưng việc không thành. Lại mấy lần Đồng-minh định đem quân ra hai cửa bể Odessa (ở Hắc-hải) và Arkhangel (ở Bắc-cực-hải) để thị-uy mà cũng không có hiệu-quả gì cả.

Bọn LENINE và TROSTKY vẫn hoành-hành, không ai ngăn-trở được, không những là quân lính bọn đó đặt thành cơ-đội gọi là « Hồng-vệ-binh » (*Les Gardes rouges*) mạnh lắm, mà cũng bởi địa-thế nước Nga to lớn, chung quanh rặt những đồng không mông quạnh, băng tích tuyết sa, quân ngoài khó lòng mà đem tới nơi được, khó lòng mà chịu thủy-thổ được, lại cũng bởi những bọn phản-đối với đảng quá-kích tuy là những tay tướng cũ của Nga, nhưng quân-đội linh-tinh rải-rác mọi nơi, không tập-hợp thành một cái đoàn-thể mạnh cho có thể chống lại được với quân Hồng-binh. Những bọn phản-đối với đảng quá-kích ấy không phải là ít, phía đông có tướng KOLTCHAK, phía nam có tướng DENIKINE, phía tây có tướng YOUDENITCH, toàn là những tay dũng-mãnh quả-cảm, quyết ra tay phá cho được đảng cách-mệnh để gây lại cái trật-tự cho nước Nga. Nhất-diện lại có những dân-tộc đã thoát-li được ở nước Nga ra mà nay muốn độc-lập, như những dân đất Finlande, đất Lithuanie, đất Ukraine, đất Caucase, các dân ấy đều phản-đối bọn LENINE. Nhưng rút cục lại chẳng đảng nào phá đổ được bọn đó, là bởi không ai đồng-tâm hiệp-lực với ai, dân này ghen ghét dân nọ, tướng nọ không ưa tướng kia, nghi-kỵ nhau hoài, bọn nào cũng sợ bọn khác nhất-thống được nước Nga thời không khỏi áp-chế mình, thành ra kẻ thù chung không đánh nổi, mà thế-lực đảng LENINE càng mỗi ngày mỗi mạnh lên, dân-tình nước Nga lại càng mỗi ngày mỗi khốn thêm, các nước Đồng-minh cũng muốn cứu, nhưng vô-lực, biết làm sao. Cái vận-mệnh nước Nga sau này không biết kết-cục ra thế nào vậy...

2.— *Cách mệnh ở Finlande* (*Phần-lan*).— Nhân Đế-quốc Nga đổ, đất Finlande thừa-cơ tổ-chức thành nước độc-lập, Đồng-minh đã công-nhận rồi.

Đất Finlande trước khi chiến-tranh tuy thuộc quyền nước Nga thống-trị, nhưng vẫn có cảm-tình riêng với nước Đức, sự buôn-bán trong xứ là phần nhiều về tay người Đức cả.

Nên sau khi đất Finlande thoát-li ở nước Nga ra mà độc-lập, nhất là về mấy tháng đầu năm 1918, nước Đức

ra công cổ-động trong chánh-giới và trong quân-giới để cố thu lấy chính-quyền ở Helsingfors (là kinh-đô đất Finlande) vào tay người mình. Sự cổ-động ấy đã kiến-hiệu. Tháng mười năm 1918 một phái-bộ nghị-viên Helsingfors, có hai ông INGMANN và TULLENHEIMO đứng đầu, tự Finlande đi sang thành Francfort (về phía tây nước Đức) để mời ông vương-tước đất Hesse nhận làm vua nước Finlande. Hai ông INGMANN và TULLENHEIMO ở đấy những mấy tuần-lễ, để trình bày các việc nước cho ông « hậu-bổ vua » hay.

Không rè được ít lâu thời quân Đức bị thua, chánh-phủ Berlin phải thoái và Đức-hoàng thời phải bỏ ngôi. Bấy giờ dư-luận ở Finlande đã thấy chán nước Đức mà muốn quay về Đồng-minh.

Tự tháng 12 năm 1918, tướng Đức VON DER GOLTZ cùng với bản-quân đã bỏ Finlande về, việc tôn vương-tước Hesse lên làm vua cũng thôi không nói đến nữa.

Mấy bữa sau thời tướng MANNERHEIM được bàu làm « nhiếp-chính » (*régent*), mới được bàu đã cố muốn thoát-li cái ảm-quyền của nước Đức, và tuyên-bố về phe với Đồng-minh ; tháng giêng sau thời Chánh-phủ Finlande xin với nước Pháp cho võ-quan sang dạy binh-lính trong nước, bao nhiêu võ-quan Đức còn ở Finlande thời thải về hết, và lãnh-sự Phân-lan ở Berlin cũng gọi về, tức là tuyệt-giao với Đức vậy.

Xong rồi, tướng MANNERHEIM lại phải chống-chỏi với đảng quá-kích, giữ cho nước được yên-ổn trong mấy tháng.

Theo lời khuyên của Đồng-minh, tháng ba năm 1919 mở tổng-tuyển-cử: đảng xã-hội thừa-thế chiếm được số nhiều ở Nghị-viện. Hai tháng sau Quốc-hội quyết-nghị hiến-pháp cộng-hòa, hiến-pháp ấy tướng MANNERHEIM duyệt-y vào trung-tuần tháng bảy.

Theo hiến-pháp thời nghị-viện họp ngày 25 tháng 7 để bàu Giám-quốc: lần đầu-phiếu thứ nhất, ông STAHLBERG, thuộc đảng tiến-bộ, nguyên làm quốc-vụ tổng-trưởng, được 146 vé được trúng-tuyển, tướng MANNERHEIM chỉ được có 50 vé mà thôi. Đảng xã-hội, đảng nông-dân (*agrariens*) và đảng tiến-bộ đều không bỏ vé cho ông nhiếp-chính cũ. Vả phần nhiều nghị-viên là người giống Phân-lan (*race finnoise*), không ưng trao một chức trọng trong kỳ-hạn những sáu năm cho một viên tướng Nga cũ mà lại là người giống Thụy-điển (*race suédoise*), giống ấy chỉ là một phần số nhỏ trong số dân đất Finlande mà thôi.

Ấy cái đại-thế của « Phân-lan cộng-hòa-quốc (*République de Finlande*) giữa lúc mới bắt đầu bàu quan Giám-quốc thứ nhất như thế. Ông STAHLBERG là một người có giá-trị, thời chắc rằng nước cộng-hòa mới này đã từng phải nhiễu-loạn trong bấy lâu, từ nay trở đi sẽ được bình-yên thịnh-vượng vậy.

Ta nên biết rằng nước Finlande là một xứ diện-tích 377.000 cây-lô-mét vuông — bằng hai phần ba diện-tích nước Pháp, — dân-số 3.300.000 người, theo về giáo cải-lương phái ông LUTHER, và là một dân văn-hóa đã thịnh lắm.

3.— *Cách-mệnh ở Ukraine* (Úc-kiên). — Tuy đất Finlande bây giờ đã nghiễm-nhiên thành một dân-quốc độc-lập, mà mấy tỉnh đất Ukraine từ khi thoát-li ở nước Nga ra, vẫn còn chưa tổ-chức được thành nước có cơ-sở vững-vàng.

Hiện bờ-cõi nước Ukraine bây giờ là gồm mấy miền rất phong-phú thuộc về Nam-bộ nước Nga khi trước, nghĩa là ba tỉnh Kief, Tchemigoref và Poltava, cùng với mấy xứ thuộc về nước Áo-Hung trước, nghĩa là đất Đông Galicie cho đến sông San, đất Leuki, miền đông-bắc đất Bukovine và đất Hongrie, nói tóm lại cả cái địa-hạt quận Hahtsche-Volodimir cũ.

Nước Ukraine dân-số tới 50 triệu người, thổ-địa phì-nhiêu nhất ở Âu-châu, trước khi cách-mệnh vẫn cung-cấp thóc-lúa, bò, cừu, đường, cho phần nhiều các nước Âu-châu. Về sản-số than và sắt thời đứng vào bậc thứ năm trong thế-giới, lại còn có nhiều những nguyên-liệu khác nữa, như *naphte*, *manganèse*, muối, thủy-ngân. Ông Timochenko là một tay sáng-lập ra dân-quốc mới này đã nói : « Cái tiền-đồ của nước ta thật là rỡ-ràng thay ! » Nhưng chẳng may cho nước Ukraine, địa-lợi phong-phú như thế, tiền-đồ tốt-đẹp như vậy, mà trong nước vẫn cứ nội-loạn luôn, thành ra hỏng-nát cả.

Tự khi dựng thành nước độc-lập, nước Ukraine không bao giờ là khỏi cái vạ nội-hồng. Việc nước phân-vân như mối tơ vò, muốn tóm cái lược-sử trong hai năm gần đây thật là khó lắm. Sau này gọi là kể qua mấy việc lớn đã xảy ra trong khoảng ấy.

Ngay sau khi đế-quốc Nga đổ, thời lập lên một Chánh-phủ phản-đối với đế-chính, nhưng không theo về phái quá-kích, Chánh-phủ ấy có Vinitchenko đứng đầu, tạm-lĩnh lấy quyền cai-trị và tuyên-bố đất Ukraine độc-lập. Chánh-phủ ấy là thuộc về đảng dân-chủ-xã-hội ở Địa-phương-hội-nghị (*rada*) trấn Kief cũ.

Nhưng mấy tháng sau, về cuối năm 1917, Chánh-phủ bị đảng xã-hội-cách-mệnh bách-xúc và muốn mau ký hòa với Đức, bèn sai một phái-bộ ra Brest-Litovsk để tuyên-cáo nước Ukraine độc-lập và xin ký tên vào hòa-ước, hòa-ước ấy tức là hòa-ước của bọn quá-kích Nga ký với nước Đức để thôi chiến-tranh trước Đồng-minh.

Nước Đức nhân đó lại thừa-cơ dùng cái lối âm-mưu xưa này : sai người cổ-động cho bọn nông-dân khởi-loạn, lấy cái chủ-nghĩa quân-phân thổ-địa mà xui bàu tù-trưởng Skoropadski là người vẫn có tiếng yêu Đức xưa nay lên làm Giám-quốc, song cũng không cầm quyền được lâu, đến tháng 12 năm 1918 phải từ-chức.

Đó là những việc xảy ra ở phần Ukraine thuộc Nga, trong khi ấy thời phần Ukraine thuộc Áo-Hung cũng tuyên độc-lập ngay hôm sau ngày đình-chiến là ngày 11 tháng 11 năm 1918. Ngày 3 tháng giêng năm 1919, nghị-viện họp ở Stanislasvow đồng-thanh quyết-nghị xin hợp-nhất hai đất Ukraine. Tám ngày sau thời làm lễ tuyên-bố sự hợp nhất ấy ở thành Kief, từ bấy giờ là kinh-đô nước Ukraine.

Nhưng bấy giờ ngoại-giao lại xảy ra nhiều sự khó-khăn : Cao-đẳng-hội-nghị Đồng-minh (*Conseil suprême interallié*) mới quyết-định rằng sẽ đặt một Chánh-phủ Ba-lan ở đất Đông Galicie. Phái-bộ Ưu-kiên liền kháng-nghị, chứng-minh rằng đất Đông Galicie thật là thuộc về đất Ukraine, và người dân phần nhiều là người Ưu-kiên cả.

Tin đặt quan Ba-lan để cai-trị đất Galicie như xét đánh vào dân Ukraine ; lòng ái-quốc trong dân-gian khởi lên bời-bời, quân lính sắp sẵn cả để nhất-định ngăn cấm không cho người Ba-lan đến. Đồng-minh thấy thế phải đình cả, và sai một phái-bộ tới nơi để xem xét tình-hình. Hiện nay vẫn chưa phân-giải ra làm sao và chưa định rõ đất Galicie là thuộc về Pologne hay là về Ukraine.

4. — *Cách-mệnh nước Đức.* — Trên đầu bài này mới kể về các tình-hình nước Đức sau khi đình-chiến và trước khi ký hòa, chưa nói rõ về cái phong-trào cách-mệnh ở Đức, phong-trào ấy cũng là duyên-do tự Nga mà tràn sang.

Ngày 11 tháng 11 năm 1918, quân Đức không thể đương được sự chiến-tranh nữa, phải xin đình-chiến. Các Đồng-minh của Đức như Bảo, Thổ, Áo cũng đã xin đình-chiến từ lâu rồi.

Như thế là nước Đức thua, nước Đức thua thời GUILLAUME II không thể làm vua được nữa phải thoái-vị; lại sợ quân-lính thất-bại mà uất-phẫn giở giáo lại hại mình chăng, bèn chạy trốn sang Hòa-lan, Chính-phủ Hòa-lan cấm ở cung Amerongen. Vua đã chạy trốn thời Đế-chính đổ; đảng quân trước lộng-lẫy biết bao, đến bây giờ lui về hết. Những người khi xưa cầm quyền-chính ở nước Đức, bây giờ phải nhường chỗ cho những nhân-vật mới, như EBERT nguyên làm thợ yên ngựa, SCHEIDEMANN, DAVID.

Cách-mệnh nổi lên ở Berlin: EBERT lên làm Tể-tướng thay MAX DE BADE, khi ra cầm-quyền có làm một tờ báo-cáo ngày mồng 2 tháng 12 năm 1918, tóm lược cái chương-trình như sau này: « Cách-mệnh Đức không được thành ra chuyên-chế, không được khiến dân phải làm nô-lệ. Phàm chính chuyên-chế dẫu thuộc về hữu-đảng hay là tả-đảng, đều là một sự dân không thể dung được; bọn ta cầu lấy một cái chính dân-chủ lấy công-lý, lấy hiến-pháp làm cơ-sở, đó tức là cái nhiệm-vụ của Quốc-hội sau này vậy ».

Đức-hoàng đã thoái-vị và Cộng-hòa đã tuyên-lập, thời những vua các liên-bang làm chư-hầu cho nước Phổ cũng lần-lượt hoặc nhường ngôi hoặc chạy trốn cả. Vua đất Bavière, đất Wurtemberg, đất Saxe, xin lui về cả, và 19 các vua chúa cùng công-hầu khác cũng theo gương; mấy việc ấy xảy ra ồn lắm, không có nhiễu-loạn gì cả.

5.- *Cách-mệnh nước Áo* (Autriche).- Sánh với các cách-mệnh xảy ra tự khi đình-chiến thời cách-mệnh Áo là yên-ổn hơn cả.

Tự khi nước Áo-Hung trước nhất muốn thôi chiến-tranh, âm-mưu để nghị-hòa, thời cái vấn-đề nước Áo đã giải-quyết từ đấy. Đến lúc GUILLAUME II thoái-vị thời CHARLES I nước Áo-Hung cũng đến phải bỏ ngôi vua hai nước mà lui về, đó là lẽ đương-nhiên vậy.

Sau khi vua Áo thoái-vị thời ở thành Vienne vẫn một Chánh-phủ cầm quyền. Người đứng đầu Chánh-phủ ấy là tể-tướng KARL RENNER, là người giòng-giõi nhà-quê ở miền Unter Tamwirtz. Ông năm nay năm-mươi tuổi, nguyên tòng-sự ở thư-viện nhà Nghị-viện, khi ấy có soạn mấy pho sách về xã-hội-chủ-nghĩa ký tên hiệu là *Synoptikus* và *Karl Springer*. Từ khi ra Nghị-viện thời mỗi ngày một nổi danh-giá mau lắm. Bầu năm 1907, tức thì được suy-cử làm lãnh-tụ đảng dân-chủ-xã-hội ở Nghị-viện.

Khi Đế-quốc Áo-Hung bị đổ, RENNER từ trước vẫn giữ cái chủ-nghĩa khoáng-trương nước Áo, bấy giờ lại theo về phái muốn sáp-nhập nước Áo với nước Đức.

Ngày 12 tháng 11, nhận quyền tể-tướng, có đọc một bài diễn-thuyết quyết Nghị-viện nên đặt chính-thể cộng-hòa cho phần nước Áo có dân Đức ở, có ý muốn mở đường cho sự sáp-nhập vào Đức. Lại định liên-hợp cả ba đảng: « bua-gioa » (là bọn trung-lưu có tư-lực), dân quê và dân thợ để lập làm một nước dân-chủ-cộng-hòa. Các việc lớn ấy ông thường chủ-trương với một người giúp việc có công lại là người bạn ông, ông OTTO BAUER, lĩnh chức Ngoại-vụ-tổng-trưởng trong Chánh-phủ mới. Trong mấy tháng, hai người thường thư-trát vãng-lai rất thân-mật với SCHEIDEMANN và BROCKDORFF-RANTZAU nước Đức.

Song cái mưu sáp-nhập nước Áo với Đức ấy không thành được, là bởi Đồng-minh cản-trở. Nước Đức sau cũng phải thôi, không vận-động sự ấy nữa.

6.— *Cách-mệnh nước Hung* (Hongrie).— Từ ngày quân Áo-Hung bị thua, Chánh-phủ Vienne phải cáo-thoái, nước Hung phân-lìa với nước Áo, thời ở kinh-đô nước Hung là Buda-Pest có tới năm sáu Chánh-phủ kế-tiếp nhau.

Trước nhất là Chánh-phủ của Bá-tước Michel Karolyi tuy lắ theo về phe cách-mệnh mà vẫn ỷ-lại vào các đảng quân-chủ, cầm quyền được năm tháng thời chuyển cho một tòa Nội-các mới thuần về đảng quá-kích, đầu đảng là Bela-Kun.

Bela-Kun cũng là một nhân-vật kỳ trong lịch-sử nước Hung. Vốn làm nhật-báo, vào hạng đồ-đệ của Lenine. Từ khi được cầm quyền cũng chuyên-chế như Lenine, trong mấy tháng trời một mình dám nghịch lại với Đồng-minh, mà Đồng-minh không sao trị được. Sau khai-chiến với nước Triết-khắc và nước Lỗ-mã-ni, một lần trước đã suýt thua to, lần thứ nhì lại cả gan đánh nước Lỗ, không ngờ bị đại-bại.

Quân Lỗ tiến lên kinh-đô, sắp hạ thành Buda-Pest, Bela-Kun bị đồ-đảng bỏ phải từ-chức chạy trốn. Tòa Nội-các khác lập lên, thuộc về đảng xã-hội, tổng-lý là ông Jules Peidl, nguyên làm hội-trưởng hội đồng-nghiệp thợ in.

Nhưng nội-các Peidl lập ngày mồng 2 tháng 8 năm 1919, ngày hôm sau bị đổ, Chánh-phủ đương họp bàn thời linh hiến-binh tràn vào đuổi các quan phải chạy cả.

Bấy giờ đại-công Joseph tự-xưng làm nhiếp-chính nước Hongrie, lấy ông Friedrich là một quan thượng-thư triều cũ làm tổng-lý Nội-các, rồi viết giấy xin Đồng-minh công-nhận cho. Đồng-minh không những không công-nhận, mà lại hạch ông nhiếp-chính bắt phải cáo-thoái ngay, thế là Nội-các Friedrich đổ.

Hiện Hội-nghị Đồng-minh vẫn phải giám-đốc việc nước Hongrie, đợi tổng-tuyển-cử xem đặt chánh-thể ra thế-nào.

7. — *Các cách-mệnh nhỏ khác.* — Sau khi đình-chiến thời địa-đồ Âu-châu thay đổi hẳn: có mấy nước mới xuất-hiện ra: nước Pologne (Ba-lan), gồm ba phần Pologne của Nga, của Áo và của Đức, đặt thành cộng-hòa-quốc, giám-quốc là tướng Pildsuski; nước Tchéco-Slovaquie (Triết-khắc) phần nhiều là đất Bohême của Áo trước, cũng đặt làm nước cộng-hòa, ông Masaryk làm giám-quốc; nước Yougo-Slavie (Ưu-ngô-Ti-lao), gồm những đất có dân Serbes, Croates và Slovènes ở, thành một vương-quốc, hoàng-thái-tử nước Serbie làm vua; lại trong đế-quốc Đức cũ có nước Bavière, nhiều phen muốn độc-lập, mấy lần khởi cách-mệnh, bọn quá-kích đã từng chiếm được chính-quyền, nhưng cũng còn phân-vân chưa ra chính-thể nào.

Lại ở trung-bộ Âu-châu, từ khi chiến-tranh mỗi ngày một biến-cách, chưa rõ tình-hình ra làm sao.

Phần đất Prusse thuộc về lưu-vực sông Rhin, đất Palatinat, ở gần nơi quân Đồng-minh đóng, cũng muốn mượn thế mà thoát-li quyền nước Đức.

Nhưng đó là những sự cách-mệnh yên-ổn, không mấy khi đến lưu-huyết. Ông Bác-sĩ Dorten là đầu đảng vận-động ở miền lưu-vực sông Rhin đã tuyên-bố chủ-nghĩa nói rằng xứ ông chỉ cầu làm một nước độc-lập ở trong nước Đức.

Cho đến quận Luxembourg bé nhỏ như thế mà cũng có cách-mệnh. Bà đại-công Marie-Adélaïde làm nhiếp-chính trước phải thoái-vị, trao quyền cho bà đại-công Charlotte, mới có 23 tuổi.

Nói tóm lại thời cái phong-trào cách-mệnh khởi-điểm tự khi chiến-tranh, thật đã tràn khắp cả Âu-châu như một làn sóng lớn, không đâu là không ngập, những nước cố-cựu như nước Pháp, nước Anh, nước Ý, đầu không đến trật-tự đảo-điên như các nước trên kia mà cái nguồn cách-mệnh cũng đã ngấm-ngầm vào trong sâu lắm vậy.

Thượng-Chi *dịch-thuật.*

KHẢO VỀ LỊCH-SỬ LUÂN-LÝ-HỌC NƯỚC TÀU [1]

Tự-luận

Luân-lý-học với sách tu-thân khác nhau thế nào — Sách tu-thân là trỏ bảo cái khuôn-phép cho người ta thực-hành đạo-đức. Đạo-đức của một dân-tộc là cái tính-chất đặc-biệt của người trong dân-tộc ấy, giáo-điều sẵn có, luyện-tập mãi thành quen, dẫu có lúc phải cái học mới hay cái tục khác nó chuyển-di đi, nhưng nếu không có những bậc chủ-trì phong-hóa thừa-nhận, hay là số nhiều người tín-dụng thời cũng không liệt vào trong sách tu-thân được. Đó là cái phạm-vi sách tu-thân. Luân-lý-học thời không thế, lấy nghiên-cứu học-lý làm đích, phàm những đặc-tính và giáo-điều của dân tộc đều là cái tư-liệu để nghiên-cứu cả, phải so-sánh quán-thông mà qui-nạp vào một cái quan-niệm tối-cao, rồi lại nhân đấy mà diễn-dịch ra làm khoa-điều ; còn về phần lợi-hại nhất-thời, phần nhiều người theo hay không cũng không kể chi. Bởi vì luân-lý-học là cái đường-lối của tri-thức, mà sách tu-thân là chuẩn-đích cho sự hành-vi, nếu cứ lấy cái kiến-giải về sách tu-thân mà trị luân-lý-học, có khi trở-ngại mất đường học-thức tấn tới, nên phải phân-biệt cho rành.

Cái quan-niệm căn-bản về luân-lý sử-học với luân-lý-học khác nhau thế nào. — Luân-lý-học là lấy các khoa-điều luân-lý làm cương ; luân-lý sử-học là phân-biệt học-phái các nhà luân-lý-học ; thể-lệ khác nhau, không cần phải nói cũng rõ vậy. Còn về cái quan-niệm căn-bản thời cũng có chủ-quan, khách-quan khác nhau. Nhà luân-lý-học thời thuộc về chủ-quan, cốt phát-minh cái chủ-nghĩa một nhà ; học-thuyết các nhà khác cùng với chủ-nghĩa mình không hợp, thời biện-bác đi, hay là bỏ đó. Nhà luân-lý sử-học là thuộc về khách-quan, cốt phát-minh những điều yếu-điểm trong học-thuyết của các nhà khác mà suy-xét cho cùng nguyên-ủy, lại chứng-minh cái vết-tích các học-thuyết ấy thừa-trừ nhau thế nào, có điều gì cùng với chủ-nghĩa của mình hợp hay không, thời tuy cũng có thể tham phê-bình một đôi chút, nhưng không tự ý mình hoặc lấy hoặc bỏ mà làm mất cái chân-tướng đi được. Ấy cái quan-niệm căn-bản luân-lý sử-học khác với luân-lý-học là như thế.

Luân-lý-học nước Tàu. — Nước Tàu lấy nho-gia làm đại-tôn của luân lý-học, mà nho gia thời lấy nhất-thiết các khoa-học về tinh-thần-giới là phạm-vi cả ở trong luân-lý. Triết-học, tâm-lý-học, vốn cùng với luân-lý có mật-thiết quan-hệ, các nhà học-giả lấy đó làm cái tiền-đề của luân-lý-học mà thôi. Còn như nói rằng : « Làm chính-trị phải lấy đức », nói rằng : « Lấy hiếu trị thiên-hạ », đó là chính-trị-học cũng phạm-vi ở trong luân-lý. Nói rằng : « Quốc-dân sửa cái nết hiếu để trung-tín, sẵn lòng vì nước thời có thể cầm gậy cũng chống được quân kiên-giáp lợi-binh », đó là quân-học cũng phạm-vi ở trong luân-lý. Bài-bác những giáo khác thời chê là vô-phụ vô-quân, đó là tôn-giáo-học cũng phạm-vi ở trong luân-lý. Bình-phẩm thi-ca văn-từ thường khen những bài ghi chép đạo-đức và có ý quyến-hoài quân-phụ làm hơn, đó là mĩ-học cũng phạm-vi ở trong luân-lý. Cái phạm-vi luân-lý-học nước Tàu rộng như thế, nhưng các sách luân-lý thường hay nói lẫn cả triết-học, chính-trị học, muốn tìm một quyển sách nói thuần về luân-lý-học, thực là không có..

(1) Dịch theo sách *Trung-quốc luân lý học-sử* 中國倫理學史 của ông Sai Chăn 蔡振

Các học-thuyết về luân-lý của nước Tàu dugên-cách thế nào. — Các học-thuyết về luân-lý nước Tàu phát-nhận ra từ cuối đời nhà Chu, lúc bấy giờ *Nho, Mặc, Đạo, Pháp*, bốn phái đều hưng-khởi lên. Đến vua Vũ-đế nhà Hán mới bãi-chuất cả bách-gia, chỉ tôn một đạo Nho, mà từ đấy đạo Nho thành cái luân-lý-học độc-nhất-vô-nhị của nước Tàu. Đến đời Tấn, Ngụy về sau, đạo Phật thâu vào trong nước cũng có ảnh-hưởng đến triết-học, nhưng không đủ lay-chuyển được luân-lý-học. Mới độ vài ba mươi năm nay những bài luận *công-lợi tiến-hóa* của ông Tư-tân-tắc-nhĩ (HERBERT SPENCER), bài luận *thiên-phú nhân-quyền* của ông Lư-thoa (J. J. ROUSSEAU), bài luận *chủ-nhân đạo-đức* của ông Ni-thái (NIETZSCHE), những tân-học-thuyết ấy thâu-nhập vào nước Tàu, thanh-niên xã-hội có tính hiếu-kỳ, hoan-nghênh theo, hình như có cái trạng-thái tân-học xung-đột với cựu-học. Song những học-thuyết mới ấy chửa có mấy người đã nghiên-cứu mà phát-huy ra được, đến như các sách của ông Tì ông Lư cũng chửa có mấy người dịch-thuật được ra hoàn-toàn, cho nên dẫu gọi là tân-cựu xung-đột với nhau, chẳng qua là phần ít mà thôi, chớ ư luân-lý học-thuyết cũng là vô-dữ cả.

Luân-lý sử-học nước Tàu. — Nước Tàu chưa có nhà nào thuần-toàn là luân-lý-học, nên chửa có sách nào thuần-toàn là sử-học luân-lý. Phàm những sách truyền đạo-học của các tiên-nho, những học-án đời Tống đời Nguyên, học-án các Minh-nho đều là triết-học-sử cả, chớ không phải là luân-lý-học-sử. Mới đây có ông Bản-thôn Ưng-thái-lang 本村應太郎 người Nhật-bản, làm ra một quyển sử về luân-lý-học ở Đông-phương, cũng có tì-ích cho các nhà học-giả, những còn có chỗ sai lầm, mà phê-bình cũng có chỗ quá-đáng. Sau lại có ông Cửu-bảo Đắc-nhị 久保得二 làm ra một quyển *Đông-dương luân-lý sử-yếu*, khảo xét cũng đã tường, song cũng còn có chỗ theo cái sai-lầm của ông Bản-thôn. Ông Bản-thôn nói rằng : « Sách sử về luân-lý học Đông-phương, từ xưa chửa có ai làm. Nếu chỉ tường học-thuyết phương Đông, mà không tinh triết-học phương Tây, hay là chỉ chuyên-trị luân-lý-học phương Tây, mà chửa xét hết được các học-phái phương Đông, thời cũng không thể làm ra được sách sử về luân-lý-học ». Lời nói ấy rất phải. Tôi dẫu còn thiển-học nhưng cũng xin lấy sách của hai ông Bản-Thôn và Cửu-Bảo làm gốc, chỗ nào chưa cho làm đích-đáng, thời tra được đến đâu, nhớ được chừng nào, tham-bổ và chính-đính lại, soạn ra sách này, mong giúp được một phần cho các nhà kê-cứu về lịch-sử luân-lý-học vậy.

Sách này chia ra làm ba kỳ : Kỳ thứ nhất là thời-đại sáng-thủy trước nhà Tần ; kỳ thứ nhì là thời-đại kế-thừa vào đời nhà Hán nhà Đường ; kỳ thứ ba là thời-đại lý-học nhà Tống nhà Minh.

I

1. — Tổng-luận

Khởi-nguyên các luân-lý-học-thuyết — Nguyên trước luân-lý chửa có thành học-thuyết nào để làm tiêu-chuẩn dạy bảo người ta thực-hành đạo-đức. Song những hiện-tượng luân-lý vẫn bày tỏ ra ở trong xã-hội, kẻ học-giả mới xem xét nghiên-cứu rồi tổ-chức ra thành một học-thuyết. Từ đời nhà Đường, nhà Ngu, đời Hạ, Thương, Chu bên Tàu, phàm những điều đạo-đức đã thực-hành rồi, mới dần dần kết lại thành ra lý-tưởng, dẫu chửa lập-thành ra thể-chế học-lý gì, song các học-thuyết về sau đều gây ra từ đó. Lý-tưởng lúc bấy giờ nay ta xét trong kinh *Dịch*, kinh *Thi*, kinh *Thư* thời biết. Kinh *Thư* là chép chính-sự, do phương-diện ý-chí mà thuật bày ra cái lý-tưởng đạo-đức. Kinh *Dịch* là bàn về vũ-trụ, do phương-diện trí-thức, bản tự đạo trời mà định cái phạm-vi việc người. Kinh *Thi* là tả tính-tình, do phương-diện cảm-

tình mà bày ra cái thú-vị dạy-dỗ. Ba kinh ấy đều là cái tài-liệu để khảo xét luân-lý vậy.

Văn-hóa đời cổ nước Tàu đến nhà Chu là cực-thịnh, phàm những lý-tưởng đời cổ-tích mới manh-nha ra, đến thời bấy giờ cũng như là bởi nền chất-phác mà thành vẽ-vời ra, tự lúc mờ-mịt mà rạng sáng dần ra. Theo cái xu-thế thời ấy mà tập đại-thành, thâu hết các lý-tưởng lại mà làm ra học-thuyết, là đức Khổng-tử vậy. Đó là đạo nho-học, làm đại-biểu cái căn-bản lý-tưởng của các dân-tộc ở Á-đông này. Còn những người học-giả khác cũng tùy theo cái ảnh-hưởng từng địa phương, cảm-hóa về lịch-sử các đời trước, mà có suy-xét được một lý-tưởng nào mầm-mống ra từ trước, cũng đặt thành ra một học-thuyết riêng.

Học-thuyết các nhà có lúc thịnh lúc suy -- Các học-thuyết xướng lên mỗi phái một khác, đều bảo là không ai hơn, muốn đem ra để trị thiên-hạ, nào là cạnh-tranh nhau, công-kích nhau, gây thành một cái vĩ-quan trong tư-tưởng-giới, thật từ trước đến bấy giờ, từ bấy giờ về sau không bao giờ lại từng thấy. Lúc ấy trừ phái đạo nho ra, lại còn tám phái nữa mà tựu-trung có *Đạo, Mặc, Danh, Pháp* bốn phái ấy là lấy những học-thuyết luân-lý làm phần trọng-yếu. Khi nhà Tần dấy lên, chuộng phái Pháp gia, nhà Hán lên lại hơi chuộng về phái Đạo-gia. Đến vua Vũ-đế theo lời ông Đổng Trọng-Thư và theo cái lý-tưởng sẵn của dân-tộc, chỉ tôn đạo nho, từ đấy các phái học-thuyết khác càng suy dần mãi đi

2. — Tư-tưởng luân-lý mới manh-nha tự đời Đường Ngu, Tam-đại.

Các nền-gốc của luân lý tư-tưởng. Văn hóa nước Tàu căn-nguyên tự tâm-lý là ở cái thói cổ tế Trời : mà tư tưởng về luân-lý là bởi tự « gia-trưởng chế-độ » mà phát-siển ra ; nói rút lại thời cái quan-niệm kính Trời sợ mệnh do đấy mà thành vậy.

Quan-niệm về Trời. — Năm nghìn năm trước, dân-tộc Tàu tự phương tây lại ở lan ra trên bờ-cõi sông Hoàng-hà, dựng nhà làm ruộng, xông-pha với cái khí-hậu khi nóng khi lạnh bất-thường, lúc thời được gội-nhuần ơn mưa-móc của Trời, lúc thời phải khiếp-sợ tai thủy-hạn của Trời, rồi mới suy-nguyên ra bảo là ông Trời xanh-xanh kia tức là một ông thần-linh trí-cao vô-thượng, thường giám-sát nhân-dân mà thưởng phạt chúng ta. Rồi mới suy-diễn thành một cái quan-niệm trừu-tượng (1), không những coi Trời là một ông thần-linh, mà lại nhận Trời là một công-lý rộng-rãi tự-nhiên. Bởi thế mới đem những cái hiện-tượng của Trời khi động khi tĩnh hữu-thường, để làm cái tiêu chuẩn cho loài người ta theo mà làm. Bảo rằng nếu biết lẽ Trời thời phàm việc người có thể bởi đó mà suy ra được hết, đó là do cái lòng tôn-giáo sùng-bái tự-nhiên, mà suy rộng ra thành cái vũ-trụ-luận vậy.

Công-lý về Trời. — Cổ-nhân bàn lẽ trong vũ-trụ có hai cách một là lấy động-lực mà thuyết-minh thời có *âm, dương* ; hai là lấy vật-chất mà thuyết-minh thời có *ngũ hành* : hai thuyết ấy đều bàn về lẽ biến động trong vũ-trụ. Thuyết trên thời lấy hai khí âm dương làm lưỡng-nghi, rồi thành ra tứ-tượng, tứ-tượng rồi diễn ra bát-quái ; đặt phỏng ra tám quẻ để tỏ cái căn-nguyên vật tượng, phàm những hiện-tượng khác, đều bởi tám quẻ biến-động mà thành ra ; bởi thế mới lập hẳn ra cái phép hiện-tượng biến-hóa để ứng-dụng về việc người. Thuyết dưới thời lấy ngũ-hành làm nguyên chất lập-thành ra thế-giới ; ngũ-hành có cái tính tương sinh tương-khắc ; phàm những hiện-tượng trong thế-giới

(1) *Trừu-tượng* 抽象 - Cái gì vốn không có hình-tượng, do tư-tưởng mà nghĩ đặt ra. Quan-niệm trừu tượng là cái quan-niệm thuộc về lý-tưởng, không có căn-cứ ở hiện tượng. - CONCEPTION ABSTRAITE.

vì cái tính ngũ-hành có giống nhau có khácnhau, nên khi tác-dụng vẫn có nhân-quả quan-hệ với nhau, có thể nhân lẽ nọ suy ra biết lẽ kia được, mà việc vị-lai cũng có thể biết trước được. Hai thuyết ấy dẫu có khác nhau, nhưng cũng đều bàn cái nghĩa thiên-lý với nhân-sự cùng một phép tắc, thời cũng in như một. Bởi vì cái chủ-thể của Trời không biết đâu suy-xét cho cùng, nên mới lấy cái quan-niệm đặt phỏng-chừng ra đó mà suy-diễn ra cho ứng-dụng về sự-thực. Ấy người Tàu khi cổ giả bàn lẽ Trời như thế, không giống với các nhà tôn-giáo phương Tây, nhưng thực là đại-biểu một cái quan-niệm tối-cao về luân-lý-học vậy.

Lòng tín-ngưỡng Trời. — Đạo Trời rõ-rệt, cho nên loài người phải có cái nghĩa vụ bắt-chước Trời, như là nói rằng « phải thuận phép Trời », cá lòng tín-ngưỡng như thế, di-truyền đã lâu, dần dà thành ra tính quen. Như trong kinh *Thư* vua tôi răn nhau, động một tí là nói đến Trời, không những là lời nói đã thành quen, cũng là vô-ý lộ ra cái quan-niệm tín-ngưỡng Trời như thế.

Uy-quyền Trời. — Cổ-nhân coi Trời bảo rằng có uy-quyền gì mà sợ? Kinh *Dịch* nói rằng : « Cương, nhu, hai đàng ma-sát nhau, rồi cổ-động thành ra sấm-sét, nhuần-thấm thành ra mưa gió, mặt trời mặt trăng chuyển-vần, có mùa rét, có mùa nắng ; đạo kiền thành con trai, đạo khôn thành con gái, kiền biết khắp cả nguyên-thủy, khôn tác-thành ra muôn vật », đó là nói Trời quản cả muôn vật, nào là phát ra thu vào, nào là điều-hòa chỉnh-lý, động-tác đều có ý thức mà ám-hợp về đạo-đức cả, xem như Trời lợi-ích cho loài người hậu như thế thời biết. Phàm những điều lợi-dụng hậu-sinh cho loài người, đều nhờ Trời cả, nên phải sợ mệnh Trời, thuận đạo Trời. Sợ mà thuận thời Trời cho phúc, mưa gió phải thời, hòa-cốc phong-đăng, phúc thừa đến con cháu. Nếu nhờn Trời mà trái ý Trời, thời Trời hiện ra tai-dị, như là những điềm mặt trời mặt trăng bị tối-tăm, gò núi bị vỡ-lở để răn bảo trước. Nếu không biết hối-cải thời phải bị phạt. Đó là nói cái ý Trời, đã chép cả ở trong kinh *Thi* kinh *Thư* vậy.

Trật-tự Trời. — Bản-chất Trời vốn là đạo-đức, mà tỏ ra mọi việc thời có trật-tự, xem như dưới bậc thiên-thần lại có địa-kỳ, lại có các thần nhật, nguyệt, tinh, thần ; thần núi, sông, rừng, trầm, rồi xuống đến các loài hồ báo, đều thống-thuộc về Trời cả, đó là Trời đã bày cái khuôn trật-tự cho nhân-gian. Kinh *Dịch* nói rằng ; « Trời cao đất thấp, đã định ra kiền khôn ; cao thấp bày ra, đã định ra ngôi quí tiện ». Đó là nói cái nghĩa trật-tự vậy. Đem cái trật-tự đạo Trời, mà ứng-dụng vào xã-hội loài người ta, nếu ăn ở không hợp trật-tự, thời không phải là đạo-đức. Kinh *Dịch* lại nói rằng : « Có trời đất rồi mới có muôn vật ; có muôn vật rồi mới có trai gái; có trai gái rồi mới có vợ chồng ; có vợ chồng rồi mới có cha con ; có cha con rồi mới có vua tôi ; có vua tôi rồi mới có trên dưới ; có trên dưới rồi mới bày ra lễ-nghĩa ». Đó là theo cái lẽ tự-nhiên nó bày ra như thế, nên phải trọng trật-tự ; trọng trật-tự thời trong nền đạo-đức phải có một cái dùng làm mực, tức là đạo *trung*. Đạo *trung* thời phải tùy thời tùy việc, xử làm sao cho không thái-quá không bất-cập, đó là cái căn-bản đạo-đức, mà gia-trưởng-chế-độ chính để giúp thành cái chủ-nghĩa đó.

Gia-trưởng chế-độ. — Dân-tộc ta lúc mới dựng nước, nguyên lấy cái gia-trưởng-chế-độ suy ra mà tổ-chức xã-hội ; dần dần phát-siển làm thành ra phép phong-kiến đời Tam-đại ; sau dẫu biến phép phong-kiến thành ra quận-huyện mà cái tinh-thần gia-trưởng-chế-độ vẫn không bao giờ biến được. Gia-trưởng chế-độ tà cái đạo thực-hành sự tôn-trọng trật-tự, trước tự trong gia-đình, rồi suy ra đến xã-hội. Trong một nhà, người cha là gia-trưởng, rồi đến anh em chị em cứ theo cái thứ-tự lớn nhỏ mà phân-biệt ; rồi suy ra đến tôn-

tộc, hương-đảng ; đến quốc-gia, thời vua là cha dân, mà thần-dân là con vua : trong các bày tôi có người lớn người nhỏ cũng như anh em vậy; danh-vị tuy khác nhau mà đều phải có cái đạo-đức xửa vào địa-vị mình cho phải, đó gọi là đạo *trung*.

Những ngôn, động của các đấng thánh-vương đời xưa. — Đời Hạ, Thương, Chu trở về trước, có nhiều các bậc thánh xuất-hiện ra để làm mô-phạm cho người sau ; dẫu thời ấy chửa am-tường cái phép-tắc khoa học, và ít có tư-tưởng trừu-tượng chửa lập thành ra học-thuyết, nhưng học-thuyết cũng mầm-mống ra từ đó. Việc đời thái-cổ đã xa lắm rồi, còn như ông Phục-Hi làm ra kinh *Dịch*, ông Hoàng-đế là tổ phái đạo-gia, mà xét đến sự-thực thời ngoài cái việc phát-minh về đường lợi-dụng hậu-sinh ra, cũng không lấy gì làm chứng-cứ được nữa. Cho nên đời sau nói đạo-đức chỉ kể từ vua Nghiêu, vua Thuấn, rồi thứ đến vua Vũ Thang, Văn, Võ, Chu-công, những ngôn-động các ông ấy chép ở cả trong kinh *Thư*, có thể xét mà biết được

Vua Nghiêu 堯. — Kinh *Thư* nói rằng : « Vua Nghiêu hay sáng đức lớn, để thân chín tộc, chỉnh-đốn trăm họ, hiệp - hòa muôn nước, lê-dân biến theo đều được yên hòa cả ». Đó là trước sửa mình rồi suy ra đến chín tộc, đến trăm họ, đến muôn nước, khắp cả lê-dân, có lần-lượt thứ-tự như thế, mà đạo tu-thân thời là đạo trung. Cho nên vua Nghiêu truyền ngôi cho vua Thuấn có răn bảo rằng : « *Doãn chấp quyết trung* 允執厥中 », nghĩa là phải tin giữ lấy đạo trung. Đó là đã kinh-nghiệm mà rút lại chỉ một chữ *Trung*, thực là một sự phát-minh lớn về đường đạo-đức lúc bấy giờ, mà cái phép-tắc cũng là tự đạo Trời ; nên đức Khổng-tử có khen vua Nghiêu rằng : « Cao vời-vợi kia chỉ Trời là rộng lớn hơn cả, mà chỉ vua Nghiêu bắt chước được thôi, lồng-lộng vậy, dân không biết khen làm sao cho cùng ! »

Vua Thuấn 舜. - Đến vua Thuấn thời lại lấy cái nghĩa trừu-tượng chữ « Trung » mà thích-dụng vào cái trạng-thái trong tâm-tính người ta, mà cốt nhất là cầu cho thiết-thực. Xem như sai ông Quì 夔 dạy trụ-tử (1) thời bảo rằng : « Tâm-tính trực mà phải ôn-hòa, khoan mà phải nghiêm-nghị, cương mà không ngược-ngạo, giản mà không ngạo-mạn », đó là nói cái phép hàm-dưỡng tâm-tính phải cho đúng vào đạo trung. Còn đến đạo-đức trong xã-hội, thời nói rõ cái nghĩa yêu phải có thứ-bậc, xem như bảo ông Tiết 契 rằng : « Trăm họ không thân yêu, năm bậc không nhún nhường, ngươi làm quan Tư-đồ, phải kính-trọng đem năm điều dạy ra để dạy dân mà phải khoan-hòa ». Đó là phân-biệt năm bậc có năm điều dạy, tùy theo hạng người trong xã-hội quan-hệ về bậc luân-lý nào thời có cái đạo-đức riêng bậc ấy : như là cha con phải có thân, vua tôi phải có nghĩa, vợ chồng phải có phân-biệt, trưởng ấu phải có thứ-tự, bè-bạn phải có tin ; đó là đạo ngũ-luân, mà kỳ-thực cũng là một đạo trung, chỉ tùy từng hạng người quan-hệ khác nhau, mà đặt rõ tên cái đức riêng về bậc ấy. Xem đó thời biết đạo trung dụng ra có hai mặt : mặt trong thời để sửa mình, mặt ngoài thời suy ra để dạy người, mà làm cái tiêu-chuẩn rất đích-đáng cho đạo-đức trong xã-hội. Cái nền tư-tưởng luân-lý sẵn có của dân-tộc nước Tàu đến vua Thuấn là đã có cơ-sở vậy.

Vua Vũ 禹. — Vua Vũ trị-thủy có công lớn, hay cần-kiệm mà lại kính Trời. Đức Khổng-tử có khen rằng : « Như ông Vũ, ta không chê vào đâu được nữa, ăn uống

(1) Trụ-tử 胄子 con trưởng nối dòng nhà vua.

thời kiệm mà đến việc quỉ-thần thời rất hiếu. Áo mặc thời xấu mà đến đồ mũ áo tế thời rất đẹp. Nhà cửa ở thời thấp hẹp, mà đến việc ngòi lạch làm ruộng thời dùng hết sức ». Còn cái quan-niệm về luân-lý của vua Vũ thời ông Cơ-tử 箕子 có thuật ra thiên *Hồng-phạm* 洪範 bảo rằng : Trời cho ông Vũ chín « trù », nói thế cũng hơi vu-khoát. Nhưng vua Vũ thừa sau vua Nghiêu vua Thuấn, mà hay phát-siển được cái tư-tưởng về đường luân-lý, như đã chép ở thiên *Hồng-phạm* ấy, thời điều đó không còn nghi ngờ gì vậy. Thiên *Hồng-phạm* bày ra chín trù, bàn về sự quan-hệ đạo-đức với chính-trị ; rồi bàn rộng ra đến sự giao-thiệp Trời với người ; quan-hệ về đạo-đức loài người là những trù : *ngũ-sự* 五事, *tam đức* 三德, *ngũ-phúc* 五福, *lục-cực* 六極. Phân-biệt những điều hành-động phổ-thông của loài người làm năm việc gọi là *ngũ-sự* là : *mạo, ngôn, thị, thính, tư*. năm việc ấy phải có qui-tắc hạn-chế, như là mạo phải cung-kính mà nghiêm-chỉnh ; nói phải thuận-tùng mà rành-mạch ; trông phải sáng-láng mà biện-bạch ; nghe phải thông-suốt mà mưu-lường ; nghĩ phải sáng-suốt mà tinh-khôn ; đó cũng là bản cái nghĩa chấp-trung, mà chia ra từng khoa từng mục lại tường hơn. Tam-đức : *chính-trực, cương-khắc, nhu-khắc* ; ngũ phúc là : *thọ, phú, khang-ninh, du-hiếu-đức* (1) *khảo chung-mệnh* (2) ; lục-cực là : *hung đoản thiết, tật, ưu, bần, ác, nhược*. Đó là nói cái lẽ Trời người cảm-ứng. Trời có quyền thưởng, phạt, người không thể tránh được, nhân đó mà định ra cái lý-tưởng của loài người về sau vậy

Ông Cao-Giao 皐陶. — Ông Cao-Giao răn ông Vũ lấy chín đức bảo rằng : « Khoan mà phải trang-nghiêm, nhu mà phải đứng-đắn ; cẩn-nguyện mà phải cung-kính ; có tài trị loạn mà phải kính cẩn ; mềm-mại mà có cương-nghị ; thẳng mà ôn-hòa ; giản-dị mà có khuôn phép ; cương-kính mà thực, cường mà phải nghĩa », phàm chín đức ấy cùng với lời ông Thuấn bảo với ông Quì cũng giống nhau, mà điều-mục lại tường hơn. Nói về Trời thời bảo rằng : « Muốn biết ý Trời soi xét thời cứ xem ở như ý dân soi xét, muốn biết uy Trời tỏ ra thời cứ xem ở như uy dân tỏ ra ». Đó là nói Trời người cảm-thông với nhau, ý dân hướng vào đâu tức là lẽ Trời ở đó. Xem đó thời đủ chứng rõ cái lời nói trong thiên *Hồng-phạm*.

Sự cách-mệnh về những đời Thương Chu. — Khoảng đời Hạ, Ân, Chu, việc đại-biến trong luân-lý không gì to bằng việc vua Thang vua Võ cách-mệnh, việc đó dẫu so với cái thói-quen tôn-sùng trật-tự không được hợp, nhưng cổ-nhân gọi vua là thiên-tử, vẫn có ý là lấy Trời thống cả trên vua ; mà cái thông-minh uy sáng của Trời, đều cứ bằng tại lòng dân ; tức như vua Võ-vương bảo rằng : « Dân trông theo vào đâu tức là Trời trông vào đó, dân nghe theo vào đâu tức là Trời nghe theo vào đó », cho nên làm vua mà phải tội với dân, tức là phải tội với Trời ; Thang Vũ mà cách-mệnh là thuận lòng Trời mà ứng theo lòng dân ; so với cái luân lý « quân-thần hữu-nghĩa » cũng không trái vậy.

Sự giáo-dục của đời Tam-đại. — Thương Chu hai đời, nhiều bậc thánh-quân hiền-tướng xuất-hiện. Song những điều ngôn-luận có quan-hệ đến luân-lý-học, cũng không thấy mấy. Như ông Y-Doãn 伊尹 mà thầy Mạnh-tử vẫn khen rằng một tí gì phi-nghĩa phi-đạo ông ấy cũng không thèm lấy, và tự nhiệm gánh vác lấy việc trong thiên-hạ ; Ông Chu-công 周公 chế lễ làm nhạc, là bậc nguyên-huân lập thành ra văn-hóa đời nhà Chu. Song hai ông ấy những câu ngôn-luận đến học-lý thời không thấy mấy. Nhưng đại để đạo-đức người nhà Thương, có thể lấy

(1) *Du-hiếu-đức* 攸好德 = vui muốn sự đạo-đức.

(2) *Khảo-chung-mệnh* 考終命 = già chết được lệnh-chung.

phái Mặc-gia làm đại-biểu được; đạo-đức người nhà Chu có thể lấy phái nho-gia làm đại biểu được; mà chủ-nghĩa luân-lý về ba đời ấy, xem ngay phép giáo-dục thời bấy giờ thì biết. Ông Mạnh-tử 孟子 nói rằng: « Đời Hạ có nhà *hiệu* 校, Thương có nhà *tự* 序, Chu có nhà *tường* 庠, nhà quốc-học thời ba đời đều có cả. » Sách Quản-tử 管子 có thiên *Đệ-tử-chức* chép những lễ phép dạy sái-tảo, ứng-đối, tiến thoái; sách *Chu-quan* 周官 có quan Tư-đồ lấy ba việc dạy muôn dân: một là sáu đức: *trí, nhân, thánh, nghĩa, trung, hòa*; hai là sáu hạnh: *hiếu, hữu, mục, nhân* (1), *nhâm, tuất* (2); ba là sáu nghệ: *lễ, nhạc, xạ ngự, thư, số*. Đó là cách giáo-dục phổ-thông. Còn về chủ nghĩa giáo-dục cao-đẳng, thời chép ở thiên *Đại-học* 大學 sách *Lễ-ký* 禮記 nói rằng: « Đạo người lớn học, cốt phải sáng đức sáng của mình; phải làm mới phong-hóa cho dân; phải ở vào nơi tri-thiện. Người đời xưa muốn sáng đức sáng cho khắp cả thiên-hạ, ắt trước phải trị nước mình; muốn trị nước mình trước phải tề nhà mình; muốn tề nhà mình, trước phải sửa thân mình; muốn sửa thân mình trước phải chính tâm mình; muốn chính tâm mình trước phải thực ý mình; muốn thực ý mình trước phải biết cho đến lẽ; muốn biết cho đến lẽ thời phải xét cho cùng vật-lý. Tự thiên-tử cho đến thứ dân, đều phải lấy sửa mình làm gốc. » Đó là theo cái thứ-tự xa gần từ nhà đến nước, đến thiên-hạ, mà căn-bản cốt ở tu-thân; cái phương-pháp tu-thân thời phải chính-tâm, thành-ý, trí-tri, cách-vật, xem đấy thời biết cái mành-mối học-lý đã rõ ra đó. Bởi vì từ đời Đường Ngu đến đó đã kinh-nghiệm vô-số ra rồi; đến đời nhà Chu mới lập hẳn cái chủ-nghĩa nhất-định như trên kia, ngôn-luận phái nho-học từ đó mới rõ tỏ ra vậy.

3. — Nho-gia

A. — *Khổng Phu-tử* 孔夫子

Tiểu-truyện. — Đức Khổng-tử tên là Khâu 邱, tự là Trọng-ni 仲尼, năm thứ 21 đời vua Linh-vương nhà Chu, ngài đẻ ở ấp Su 陬, làng Xương-bình 昌平, nước Lỗ 魯. Ngài là dòng-dõi nhà Thương; mà nước Lỗ là con cháu sau ông Chu-công, lễ-văn rất thịnh. Cho nên ngài có cái tính-chất-phác-thực hào-kiện như người nhà Thương; mà lại tập-đại-thành hết cả lễ, nhạc, văn-chương các đời trước. Ngài thường đi du-lịch các nước chư-hầu, muốn đem cái đạo của ngài ra để dùng, nhưng không ai tín-dụng. Về mấy năm sau, ngài mới sửa lại kinh *Thi*, kinh *Thư*, định kinh *Lễ*, kinh *Nhạc*, làm bài tán tượng kinh *Dịch*, và làm ra sách *Xuân-thu*, để dạy học-trò cả thảy 3000 người, mà thân-thông lục-nghệ có 70 người. Ngài 73 tuổi mới mất, chính là một ông tổ phái nho-gia.

Đạo-đức của Khổng-phu-tử. — Khổng-phu-tử là bậc thiên-tư thượng-trí, mà lại chăm học không chán, không cứ chuyên học thầy nào, họp hết cả tư-tưởng tiến-hóa tích-lũy từ đời Đường, Ngu, Hạ, Thương, Chu, mãi đến đấy mới nung-đúc lại làm một tân-lý-tưởng. Nghiêu, Thuấn là một bậc người ngài lấy làm mô-phạm đem ra để tỏ cái lý-tưởng của ngài; mà ngài dốc lòng thực-hành đạo-đức lắm, người thường không thể kịp được; phàm nhất-ngôn nhất-động đều chuẩn vào lễ-phép cả; mà lại yêu vui mệnh Trời, dẫu thường gặp khốn-ách mà vẫn không oán Trời không trách người. Dạy học trò thời dần dần khéo dẫn-dụ. Thầy Tăng Điểm thuật chí mình nói rằng: « Tôi muốn dắt năm ba anh học-trò trẻ con và người đã đội mũ, đi chơi tắm mát ở sông Nghi 沂, hóng gió ở nền Vũ-vu 舞雩, rồi

(1) *Hữu* 友 là thuận với anh em. *mục* 睦 là hòa với họ hàng. *nhân* 姻 là tử-tế với thông-gia.
(2) *Nhâm* 任 là nhân từ. *Tuất* 恤 là thương-xót.

vịnh-hát mà trở về ». Đức Khổng-tử ngẫm-ngùi mà khen để tỏ rằng mình cũng đồng-ý. Ngài dạy người là cốt đem cái chủ-nghĩa trung-dung ra để tự mình làm cho người ta bắt-chước ; phàm những học-thuyết dầu chửa tổ-chức thành thống-hệ, song những ngôn-luận còn chép ở sách có thể tìm dò mà xét được.

Nói về « Tính ». — Đức Khổng-tử chỉ khuyên người ta chăm học, chớ không nói trắc-trọng về tâm-tính ; cho nên bảo rằng : « Tính người ta ai cũng gần giống nhau cả, chỉ vì tập nhiễm mỗi đàng một khác rồi mới xa khác nhau ». Lại bảo rằng : « Chỉ có hạng người thượng-trí và hạng người hạ-ngu không thể làm thế nào mà đổi dời tâm-tính đi được ». Lại rằng : « Người sinh ra mà biết ngay là bậc thượng ; học mà mới biết là bậc thứ ; khốn-khổ mà học mãi mới biết lại là bậc thứ nữa ; khốn-khổ mà chẳng học, là bậc hèn nhất ». Đó là nói hạng người phổ-thông có thể học mà biết được. Còn đến như tính thiện hay ác, chửa có nói rõ ra. Song ngài thường nói rằng : « Người ta sinh ra tính vốn thẳng, nếu dối-dá mà sinh-tồn được là may mà tránh khỏi ». Lại thường đọc kinh *Thi* đến câu rằng : « Trời sinh ra người, có sự-vật tất là có phép-tắc, người ta vẫn giữ cái tính thường, chỉ ưa muốn đức tốt », ngài khen lời nói ấy là biết đạo-lý, xem đó thời biết ngài đã khuynh-hướng về cái thuyết tính vốn lành vậy.

Nói về « Nhân ». — Trong lý-tưởng của Khổng phu-tử lấy người hoàn-toàn gọi là thánh-nhân. Đạo-đức của thánh-nhân lấy cái đức mà nói thời gọi là *nhân* 仁, kể cái nết làm thời là *hiếu* 孝, kể cái phương-pháp làm thời là *trung* 忠 và *thứ* 恕. Khổng phu-tử thường nói rằng : « Người nhân ấy có bụng thương yêu người, người trí ấy có trí khôn xét biết người ». Lại nói : « Người trí ấy không điều gì nghi-hoặc, người nhân ấy không điều gì lo-lắng, người dũng ấy không điều gì sợ hãi. » Đó là phân-biệt cái tâm-ý người ta ra làm ba : 1° *Tri-thức*, 2° *Cảm-tình*, 3° *Ý-chí*, mà gọi tên là đức *trí*, đức *nhân*, đức *dũng*. Còn như bình-nhật ngài thường nói nhân là trỏ một người hoàn-toàn nhân-cách, gồm đủ cả mọi đức ; cho nên ngài dạy học-trò mà ai hỏi đến điều nhân thời mỗi người ngài bảo một khác, hay là cùng bảo một người mà mỗi lúc ngài nói một khác, hoặc bảo sửa mình, hoặc bảo trị người, hoặc người nào sở-đoản điều gì thời ngài củ-chính lại, chẳng qua muốn dẫn-dụ cho người ta được toàn-đức mà thôi. Khổng phu-tử thường nói rằng : « Đức nhân có xa ở đâu, bụng ta hễ nghĩ đến nhân thời là nhân đến ngay ». Lại khen thày Nhan Hồi 顏回 hay giữ được điều nhân, ba tháng không trái. Còn các thày học-trò khác hoặc từng ngày hay từng tháng cũng có lúc đến được điều nhân. Đó là bảo ai toàn được đức nhân là người nhân-cách tối-cao, mà người nào lúc nào cũng có thể học cho đến nơi được.

Nói về « Hiếu ». — Đức tốt của người là nhân, mà căn-bản đức nhân là phải thương yêu : nguồn-gốc thương-yêu tự chốn cha con mà ra, cái tình con yêu cha mẹ phát-hiện ra từ lúc trẻ thơ sớm nhất, cho nên Khổng phu-tử lấy nết hiếu thống-nhiếp cả mọi nết. Nói cái cảnh thường thời là phải nuôi phải kính, phải ở với cha mẹ cho phải đạo. Lúc mất rồi thời con phải khéo nối chí và noi theo sự-nghiệp của cha mẹ. Ngộ gặp phải cảnh biến thời sẽ can cha mẹ ; lúc mất thời cáng-đáng công-việc của cha mẹ cho khỏi đổ nát Xem đó thời biết hiếu là cốt phải kế-chí thuật-sự, phàm nhất-thiết những việc sửa mình, tề nhà, trị nước, bình thiên-hạ, đều thống-nhiếp cả ở trong điều hiếu. Cho nên bảo rằng : « Hiếu, trước là để thờ cha mẹ, giữa là để thờ vua, sau là lập-thân. » Đó là chứng rõ rằng cũng bởi cái gia-trưởng-chế-độ mà lập thành ra cái học-thuyết luân-lý vậy.

Nói về « Trung-thứ ». — Khổng phu-tử bảo Tăng-tử rằng : « Đạo ta chỉ có một điều là quán-thông cả ». Tăng-tử lại thích rõ rằng : « Đạo đức Khổng phu-tử

chỉ có một điều trung-thứ 忠恕 mà thôi ». Đó không phải một mình thày Tăng-tử nói; thày Tử-cống có hỏi rằng : « Có một điều gì có thể cứ theo đó mà làm suốt đời được không? ». Đức Khổng-tử cũng bảo rằng : « Chỉ có một điều *thứ*. » Thiên *Trung-dung* trong sách *Lễ-ký* có dẫn lời Khổng phu-tử nói rằng . « Điều trung-thứ không cách xa đạo-lý mấy ». Đó là đủ chứng rằng đạo đức Khổng-tử chỉ có trung-thứ mà thôi. Khổng phu-tử nói trung-thứ có hai nghĩa : một đằng là tiêu-cực, một đằng là tích-cực. Như bảo rằng : « Điều gì người ta gieo cho mình mà mình không muốn, thời suy cái lòng trung-thứ ra cũng chớ gieo cho người ta », đó là cái lòng trung-thứ thuộc về tiêu-cực, yết thành ra cái mệnh-lệnh nghiêm-cách vậy. Như bảo rằng : « Người có nhân ấy, hễ mình muốn thành-lập cho mình thời cũng thành-lập cho người, mình muốn thành-đạt cho mình thời cũng thành-đạt cho người », đó là cái lòng trung-thứ thuộc về tích-cực, diễn ra cái lý-tưởng tự-do vậy.

Học-vấn. — Trung-thứ là lấy cái lòng yêu ghét của mình suy ra bụng người, nhưng cái tiết-độ yêu-ghét của từng người mỗi người một khác, nên phải có tri-thức mới được. Khổng phu-tử nói rằng : « Học mà chẳng nghĩ thời lờ-mờ không rõ, nghĩ mà chẳng học thời áy-náy không yên. « Lại rằng : muốn điều nhân mà chẳng chăm học thời nó che đi mất hóa ra ngu, muốn có tri-khôn mà chẳng chăm học, thời nó che đi mất hóa ra đãng ; muốn điều tin mà chẳng chăm học thời nó che đi mất hóa ra hại, muốn điều thẳng mà chẳng chăm học thời nó che đi mất thành ra táo-cấp; muốn điều dũng mà chẳng chăm học thời nó che đi mất hóa ra loạn, muốn điều cương mà chẳng chăm học thời nó che đi mất thành ra cuồng. » Đó là nói phải cần về việc học vậy.

Hàm-dưỡng. — Trí-khôn người ta có thể xét biết được, mà đến lúc làm thời lại có khi quá khi bất-cập không hợp vào đạo trung, là bởi tại cái khí-chất người ta hoặc thiên về cương hay là nhu. Nên Khổng phu-tử mới lấy kinh *Thi* và *Lễ Nhạc* để dạy người ta hàm-dưỡng tính-tình, bảo rằng : « Phải học Thi để hưng-khởi tính-tình, phải học Lễ để đứng-đắn con người, học Nhạc để cho thành nhân-cách. » Lại bảo rằng : « Học Thi có thể hưng-khởi tính-tình, xem xét vật-lý, biết đạo hợp-quần, biết đường oán-thán. » Lại nói rằng : « Ai mà có trí khôn như Tang Vũ-Trọng, không có lòng tham muốn như Công-Sước, dũng như Biện Trang-Tử, tài nghề như Nhiễm-Cầu, mà lại có lễ-nhạc văn-vẻ thêm vào, có thể thành là nhân-cách hoàn-toàn được. » Đó là cốt lĩnh-hội cái tinh-thần lễ-nhạc, chớ không phải câu-nệ cái nghi-thức vặt, cho nên ngài bảo rằng : « Lễ có phải chỉ ở ngọc lụa mà thôi đâu, nhạc có phải chỉ ở chuông trống mà thôi đâu. »

Quân-tử. — Khổng phu-tử thường lấy những người có thực-hành đạo-đức, để làm mô-phạm cho người ta thời gọi là *quân-tử*, hay là *sĩ*. Có nói rằng : « Người quân-tử có ba điều sợ : 1° sợ mệnh Trời, 2° sợ đấng đại-nhân, 3° sợ lời nói của ông thánh-nhân. » Lại rằng : « Người quân-tử có ba điều răn : khi nhỏ, huyết-khí chưa định, răn điều sắc-dục ; đến khi lớn, huyết khí đương cương, răn ở điều tranh-đấu ; đến khi già, huyết-khí đã suy, răn ở điều tham lấy được ». Lại rằng : « Người quân-tử có chín điều nghĩ : 1° trông nghĩ cho sáng, 2° nghe nghĩ cho thông, 3° nhan-sắc nghĩ cho ôn-hòa, 4° dung-mạo nghĩ cho cung-kính, 5° nói nghĩ cho trung-thành, 6° việc nghĩ cho kính-cẩn, 7° nghĩa ngờ nghĩ phải hỏi, 8° lúc giận nghĩ sợ tai-nạn, 9° thấy của được nghĩ sao cho phải nghĩa. » Lại rằng : « Có văn có chất nhã-nhặn mới là người quân-tử. » Lại rằng : « Người quân-tử nói thời dụt-dè mà làm thời nhanh-nhẹn. » Lại rằng :

« Người quân-tử ghét rằng trọn đời mà không nổi danh tiếng gì. » Lại rằng : « Kẻ sĩ, sửa mình biết xấu hổ, đi sứ ra bốn phương không đến nỗi nhục mệnh vua là bậc nhất ; bậc thứ nữa, thời tôn-tộc khen là hiếu, hương đảng khen là đễ. Còn bậc thứ nữa. thời nói phải tin-thực, nết phải quả-cảm. » Lại rằng : « Bậc chí-sĩ nhân-nhân có khi không cầu sống để hại điều nhân, có khi phải giết mình để thành điều nhân. » Phàm những lời nói ấy cũng tương-tự với lời nói vua Thuấn, vua Vũ, ông Cao-Giao, mà lý-luận lại rõ hơn, rút lại thời chuẩn-đích cũng là cái nghĩa chấp-trung cả.

Chính-trị và đạo-đức. — Khổng phu-tử bàn chính-trị cũng lấy đạo-đức làm căn-bản, như bảo rằng : « Làm chính-trị phải lấy đức, dẫn-dụ dân lấy điều đức, chỉnh-đốn dân lấy điều lễ, tự khắc lòng dân nó biết xấu-hổ mà làm điều thiện. » Quí Khang-tử hỏi chính-trị, Khổng phu-tử bảo rằng : « Chính nghĩa là ngay, ngươi bảo dân lấy điều ngay thẳng, ai dám không ngay. » Đó cũng là cái nghĩa tự đời cổ Đường Ngu truyền lại vậy.

B. — *Tử-Tư* 子思

Tiểu-truyện. — Từ khi đức Khổng-tử mất rồi, nho-học chia làm tám phái ; có hai phái lớn nhất là phái ông Tăng-tử 曾子 và phái ông Tử-Hạ 子夏. Ông Tăng-tử trọng đức-tính, sau lại có ông Tử-Tư 子思, ông Mạnh-tử 孟子 nối theo. Ông Tử-Hạ chuyên-trị văn-học, sau lại có ông Tuân-tử 荀子 nối theo. Ông Tử-Tư tên là Cấp 伋, cháu đức Khổng-tử, học ở ông Tăng-tử ; thường đi du-lịch các nước, phải bị khốn ở Tống. Có làm ra sách *Trung-dung* 中庸 ; mấy năm sau vua Mục-công nước Lỗ đón làm thầy.

Sách « Trung-dung » 中庸. — Sách *Hán-thư* chép rằng : « ông Tử-Tư làm ra 23 thiên sách, mà chỉ có sách *Trung-dung* là truyền ở đời. » « Trung » tức là cái chủ-nghĩa chấp-trung từ đời Đường Ngu truyền lại. « Dung » nghĩa là dụng ra, dụng mà làm ra cho phải. Lời nói ấy cũng bản tự đức Khổng-tử bảo rằng : « Quân-tử trung dung, tiểu-nhân phản trung-dung. » Trong sách *Trung-dung* đều theo lời đức Khổng-tử dạy người ta thực-hành đạo-đức, mà lại lấy cái lẽ triết-lý giảng-giải ra cho rõ, để xét cho biết rằng đạo-đức khởi-nguyên tự đâu. Học-thuyết nho-gia từ đó mới dần-dần khuynh-hướng về đàng nghiên-cứu học-lý.

Suất-tính. — Ông Tử-Tư cho đạo-đức là nguyên ở tính, cho nên nói rằng : « Tự mệnh Trời phó-thác cho là *tính* ; noi theo bản-tính mà làm là đạo ; dạy tu cho phải đạo là *giáo*. » Đó là nói tính loài người ta, bản tự mệnh Trời phó-thác cho, vẫn sẵn có cái khuôn-phép đạo-đức, cứ noi theo bản-tính mà làm, thời tức là đạo-đức. Xem đó thời biết đã khuynh-hướng về cái thuyết *tính thiện* : sau này ông Mạnh-tử nói tính thiện cũng bởi đó mà ra. Cái công-phu suất-tính cho thành-hiệu được, ấy tức là đạo « trung-dung » ; mà muốn thực-hành cái đạo trung-dung ấy cũng rất là khó ; người khá thời hay làm quá-đáng, người hư lại làm không kịp ; nên ông Tử-Tư mới theo lời dạy của đức Khổng-tử lấy cái đạo trung-thứ làm khuôn-phép cho người ta cố gắng mà theo, nói rằng : « Trung-thứ không cách xa đạo-lý mấy, điều gì người ta gieo cho mình mà mình không muốn, thời suy cái lòng trung-thứ cũng chớ gieo lại cho người ta. » Lại rằng : « Trách người làm con phải hiếu thời mình phải lấy hiếu thờ cha ; trách người làm tôi phải trung, thời mình phải lấy trung thờ vua ; trách người làm em phải thuận thời mình phải lấy thuận ở với anh ; trách người bạn phải tin, thời mình phải lấy lòng tin trước ở với bạn. » Đó là lấy cái học-lý mà chỉ rõ cái khuôn-phép trung-dung vậy.

Thành. — Ông Tử Tư bảo người ta cứ suất-tính mà làm là đạo, cho nên phải lấy thành-thực làm cái bản-thể của tính, vậy có nói rằng : « Đức tự Trời cho vốn

thành-thực sáng-tỏ gọi là *tính* ; học để sáng tỏ điều thiện mới thành thực được gọi là *giáo*. » Lại cho cái đức thành-thực có cái sức chủ-động cả trong vũ-trụ, nên có nói rằng : « Thành-thực là cái tính tự lúc sinh-thành vốn sẵn có ; đạo là cái đường-lối người ta phải noi-theo mà làm. Phàm sự-vật gì thủy chung đều phải có lẽ thành thực, nếu không có thành-thực thời không có sự-vật gì cả. Thành-thực không những chỉ thành-lập cho mình mà thôi, còn để thành-lập cho người ; thành-lập cho mình là nhân, thành-lập cho người là trí ; nhân, trí là cái đức sẵn của tính, trong thời thành cho mình, ngoài thời thành cho người, cùng hợp một đạo, cho nên thi-thố ra lúc nào cũng hợp-nghi cả. » Ông Tử-Tư gọi là đức *thành*, cũng như Khổng-tử gọi là đức *nhân*, muốn nói rõ cái công-phu tác-dụng của bụng nhân, thời gọi là thành ; lại nói khoáng-sung cho rộng nghĩa ra, để giải-thích đến cả các việc trong vũ-trụ, bảo rằng nếu đã trí-thành thời hay trọn-vẹn được bản-tính, nhân với trí hoàn-toàn, người với ta dung-hóa, rồi đạt lên đến bậc thánh, khế-hợp với Trời, muôn kiếp không ma diệt được, dẫu là một người nhỏ mọn mà hay sánh cùng trời đất, có giá-trị ở trong vũ-trụ ; phàm những việc tạo nhân kết-quả, tuần-hoàn ở trong vũ-trụ đều dự tính mà biết trước được cả, cho nên nói rằng : « Tâm người ta đã rất thành-thực không còn dối-dá nghi-hoặc, thời điều gì cũng có thể biết trước được : như là nhà nước sắp hưng-thịnh, tất có điềm trinh-tường trước, sắp đến lúc suy-vong tất có điềm yêu-nghiệt trước : phàm những điềm cát-hung hiện ra bởi cỏ thi bói rùa, những lẽ đắc-thất hiện ra chân tay trước mắt, hễ thấy điềm hay thời biết rằng phúc sắp đến, thấy điềm dở thời biết rằng họa sắp đến, đó chỉ là cái tâm rất thành thực, nên biết trước được cơ họa-phúc như thần-minh. » Những người giữ được cái đức thành-thực sáng-láng như thế chỉ có bậc thánh-nhân mà thôi, người thường không thể kịp được. Nhưng người ta muốn cầu cho đạt đến được bậc chí-thành như thánh-nhân ấy thời tất phải học ; ông Tử-Tư lại khuyên rằng : « Cái lẽ bản-nhiên vẫn thành-thực ấy là đạo Trời, còn muốn giữ cái lẽ bản-nhiên thành-thực ấy là việc người. Nếu toàn được lẽ thành-thực như Trời, thời cứ an-hành tự-nhiên không miễn-cưỡng mà phải ; sinh-tri tự-biết không phải nghĩ-ngợi mà được, đó là bậc thánh-nhân thung-dung tự-nhiên mà hợp vào đạo-lý vậy. Còn như người thường muốn toàn cái lẽ thành thực thời phải chọn lấy lẽ phải mà giữ cho vững ; thế cho nên phải học cho rộng, hỏi cho kỹ, nghĩ cho cẩn-thận, biện-bạch cho rõ ràng ; đã biết rõ được điều chí-thiện, thời cứ dốc lòng thành-thực mà làm, không làm được không thôi ; người ta dụng lực một phần mà được thời mình gấp lên trăm phần ; người ta mười phần thời mình gấp lên nghìn phần ; cố học như thế thời dẫu người ngu cũng phải rạng sáng, người nhu-nhược cũng phải tự-cường. » Đó là nói cái công học-vấn phải nhận rõ cái lẽ thành-thực, mà cố chí theo học cho kịp, không phải là không có kiến-thức mà chỉ suất-tính làm liều đâu

Kết-luận — Ông Tử-Tư lấy cái lẽ thành-thực làm căn-bản, mà tính người ta cũng cốt phải thành-thực, rồi lại bàn rộng đến cái lẽ minh thiện thành-thân, bàn rộng cả đến vũ-trụ, mà thứ-tự rất là phân-minh. Chỉ còn cái lẽ tính thiện hay ác và khởi-nguyên thế nào mà sinh ra ác, thời chưa kịp kê-cứu bàn đến ; còn đợi các bậc hiền-giả về đời sau vậy.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU *dịch thuật*

VĂN-UYỂN

HỒNG-ĐỨC QUỐC-ÂM THI-TẬP

II. — Nhân-đạo môn

Tự-thuật

Lòng vì thiên-hạ những xưa âu,
Thay việc trời dám trễ đâu.
Trống dời canh còn đọc sách,
Chiêng sẽ bóng chửa thôi chầu.
Nhân khi cơ-biến xem người biết,
Chưa thủa kinh-quyền xét lẽ mầu.
Buông giủ áo vàng chăng có việc,
Đã muôn sự nhiệm trước vào tâu.

Hán Cao-tổ

I

Vẽ bảy mươi hai cái nốt ruồi,
Gươm vàng ba thước tuốt cầm chuôi.
Trục vào núi Trĩ hươu trồn cỏ,
Đuổi đến sông Ô khỉ ướt đuôi.
Cho tước chẳng quên người sách giỏ,
Phong hầu còn nhớ kẻ khua môi [1].
Bốn trăm nghiệp Hán dài lâu mấy,
Quá Lỗ vì chưng chút đãi-bôi.

II

Một mình khi ẩn núi Mang-dương,
Năm thức mây che điềm đế-vương.
Ngồn-ngộn rồng bay ngàn Bái-ấp,
Đùng-đùng hươu chạy bãi Hàm-dương.
Cất quân nhân-nghĩa yên đòi chốn,
Lấy đức khoan-hòa trị bốn phương,
Chơi-chói gây nên công-nghiệp Hán.
Vì hay thâu đãi kẻ hiền-lương.

Hạng-Vũ

Học thông muôn địch dám ai bì,
Nền bá-vương xưa đã cắm vi.
Mười một phen sua Tần lạnh cáy,
Bầy mươi hai trận Hán tanh mè.
Chẳng dùng Á-phủ tôi xương rắn,
Nên phải Trần-Bình chước éo-le.
Chí-sĩ nay dù bàn-bạc đấy,
Khá ngừng khá tiếc khá mề-nê.

Trương-Lương

Phù Hán công nên lẻn-lẻn ngay,
Xích-tùng tiên-tử nào tìm chơi.
Đền phong khươm-lượm còn từ bệ,
Thành cốc mơ-màng đã tới nơi.
Thuyền tếch Ngũ-hồ đênh một lá,
Công hơn Tam-kiệt nhẫn đôi người.
Thế-gian đâu có thần-tiên hỡi,
Ử hử ông này sa chước ngươi.

Tiêu-Hà

Vả đao-bút-lại bấy nhiên lâu,
Xảy gặp Cao-hoàng phúc bởi đâu ?
Mình quấn đồ-thư hình-thế biết,
Tay cầm mực-thước trí-mưu sâu.
Vận lương trấn-ải no quân Hán,
Phần đất phong-hầu đội tước Châu.
Chư-tướng nhường cho công đệ-nhất,
Tót danh Tam-kiệt ở chưng đầu.

THƠ CÁC CỤ TRONG TRUNG-KỲ

Trùng-cửu chơi Ngự-bình

Năm nay Trùng-cửu khác năm xưa,
Sắm-sửa ra đi lại gặp mưa.
Dạo bước thử xem phong-cảnh cũ,
Chạnh lòng những thấy cỏ cây xưa.
Phủi hòn đá trắng ngồi nhăm rượu,

(1) Có bản chép 4 câu tam, tứ, ngũ, lục như sau :
Trông sang Hàm-cốc hươu co cỏ,
Ngảnh lại Ô-giang khỉ cúp đuôi.
Bái-tướng chẳng nề thằng sách giỏ,
Phong-hầu không sót đứa cào môi.

Bóc vỏ tùng xanh đứng kẹt thơ.
Lên thấu tầng mây quanh nhẩm lại,
Bức tranh sơn-thủy nét xinh chưa ?

TAM-XUYÊN

⁂

Tặng cụ Tam-xuyên

Ba sông phưởng-phất cảnh năm hồ,
Một chiếc thuyền con với một cô.
Lấy chữ « xàng-xê » làm bạn tác,
Rỏ câu « ử-á » lại thày trò.
Trăng hôm gió sớm lời tan-hiệp,
Nước biếc non xanh chuyện nhỏ to.
Ngoài áng công-danh nhiều lạc-thú,
Phong-tình tân-lục đóng thành pho.

MỘNG-PHẬT

⁂

Bão năm Thìn

Năm Thìn tháng tám bữa mồng hai,
Trận bão thình-lình nửa buổi mai.
Mưa xuống ào-ào tuông rách mặt,
Gió vào vùn-vụt thổi vang tai.
Ngoài sân cây đổ đà nghiêng-ngửa,
Bên chái phên hư thấy rụng-rời.
Nghe nói Trường-tiền cầu sắt gẫy,
Nhà tan cửa nát khắp nơi nơi !

Hữu cảm

Thương với không thương nói thủa [đầu,
Làm chi như bợm phỉnh-phờ nhau ?
Khôn hay dời đổi lòng vàng đá.
Chẳng chút phân-phô nghĩa trước sau.
Yêu chuộng nghĩ rằng chưa mấy lúc,
Ghét nhơ rồi lại dễ bao lâu.
Thôi thôi ra rứa làm lơ vậy,
Cũng chớ cưu-mang chất lấy sầu.

AN-THÀNH VƯƠNG

⁂

Không-đề

(mỗi câu có tên một con bài tới)

Vì ai khua *mỏ* khéo phô bày,
Lóng-*đóng* đòi phen trải đắng cay.
Chơi cảnh non *Bồng* chưa đặng mấy,
Gặp cờ nước *bí* khốn toan thay !
Tóc thương *quăn*-quít lời tan hợp,
Múi thảm *dây*-dưa chén tỉnh say.
Bên *gối* chàng Tiêu mường-tượng thấy,
Thấy *đào* như miệng *liễu* như mày.

QUẤT-ĐÌNH

(ƯNG-ÂN, nguyên Bố-chánh Quảng-nam)

Họa-vận

Thiệt là *trò* chuyện những ai bày,
Khua *mỏ* nhiều phen chịu đắng cay.
Lấy thúng úp *rồi* ngao-ngán nỗi,
Mò kim *rún* biển khó-khăn thay !
Lời vàng chưa cạn *gà* xao-xác,
Gối ngọc đương nồng *điệp* đắng say.
Cất-cớ ông Tơ *xe* lắm mối,
Sầu ung lá *liễu* ủ đôi mày.

LẠC-TỤNG

THƠ CỦA CỤ YÊN-ĐỖ

Nước lụt

Tị trước tị này chục lẻ ba,
Thuận ròng nước cũ lại bao-la.
Bóng thuyền thấp-thoáng rờn trên vách,
Tiếng sóng long-bong lượn trước nhà.
Bắc bậc người còn chờ chúa đến,
Đóng bè ta phải rước vua ra.
Sửa-sang việc nước cho yên-ổn,
Trời đất sinh ta ắt có ta.

Than nợ

Quản chi công nợ có là bao,
Nay đã nên to đến thế nào !
Lãi mẹ lãi con sinh đẻ mãi,
Chục ba chục bảy tính nhiều sao !
Ra đường kẻ cả dừng chân hỏi,
Vào cửa người sang ngửa mặt chào.
Quyết chí phen này trang trắng nợ,
Cho đời biết mặt rõ thằng tao !

Phú đắc :

Bà già đã bảy mươi tư,
Ngồi trong cửa sổ gửi thư lấy chồng

Đã chót sinh ra kiếp má đào,
Bảy-mươi-tư tuổi có là bao.

Xuân-xanh sắp-sỉ hàm răng rụng,
Ngày vắng ân-cần mảnh giấy trao.
Chữ « nhất nhi chung » đành đã vậy,
Câu « tam bất hiếu » nữa làm sao.
May mà chim được ông chồng trẻ,
Họa có sinh ra được chút nào !

Vịnh lão-ngưu

Một nắm xương khô một nắm da,
Bao nhiêu cái ách đã từng qua.
Đuôi kia biếng vẩy Điền-đan hỏa,
Tai nọ buồn nghe Ninh-tử ca.
Sớm thả đồng đào ăn đủng-đỉnh,
Tối về chuồng quế thở nghi-nga.
Có người đem giắt tô chuông mới,
Ơn đức vua Tề lại được tha.

THƠ CỦA ÔNG TÚ XƯƠNG

Thi hỏng

I

Mai không tên tớ tớ đi ngay,
Giỗ tết từ đây nhớ lấy ngày.
Học đã sôi cơm nhưng chửa chín,
Thi không cắn ớt thế mà cay.
Sách đèn phó mặc đàn con trẻ,
Thưng đấu nhờ tay một mẹ mày !
« Hầu-tố » « mét-sì » thông mọi tiếng,
Chẳng sang Tàu tớ cũng sang Tây !

II

Bụng buồn còn muốn hỏi năng chi,
Đệ nhất buồn là cái hỏng thi.
Một việc văn-chương thôi cũng nhảm,
Trăm năm thân-thế có ra gì !
Được gần trường-ốc vùng Nam-định,
Thua mãi anh em cánh Bắc-kỳ.
Rõ thực nôm hay mà chữ dốt,
Tám khoa chưa khỏi phạm tràng-qui !

III

Trách mình phận hẩm lại duyên hôi,
Đỗ suốt hai trường hỏng một tôi.
« Tế » đổi làm « cao » nên sự thế,
« Kiên » trong ra « tiệp » hỡi trời ôi !
Mong gì Nhà nước còn thi nữa,
Biết rõ anh em chẳng chắc rồi !
Ví phỏng còn thi mà học mãi,
Tai cơm tốn vải hại mà thôi !

Nam-định Vũ Xuân-Trác
sao lục

HÁT NÓI

Từ-Thức.

Huyện Tống-sơn có chàng Từ-Thức, tính ngang-tàng chí-khí thiếu-niên. Mảng vui chơi thế-giới ba nghìn, lòng chẳng tưởng thóc vàng năm bảy đấu. Dạo chơi khắp Thần-phù hải-khẩu, lại miên-man tới chốn tiên-đường. Được ba năm chênh nhớ quê-hương, giã tiên-chủng chàng về hạ-giới. Chàng đã đi khôn đường trở lại, bèn sắm-sanh quần áo ra đi. Trách chàng Từ-Thức vụng suy, đã lên cõi thọ vè chi cõi trần !

Trách người đơn bạc

Hiên mai thủa vắng, tưởng nhân-duyên nhiều nỗi nực cười. Người giao-viễn, khách trang-đài, trách lòng ở ra lòng biến-cải. Phút chốc tham vàng bỏ nghĩa, chẳng nhớ khi cùng một chuyến đò. Yêu nên gần ghét nên xa, trách

người thế ra lòng đơn-bạc. Lời tâm-sự giao-ngôn thủa trước, mấy trăm năm mà đã chóng quên ; người sao ở thế cho nên !

THƠ MỚI

Sư-cô phá-giới

Cửa bụt nương thân chắc khỏi vòng,
Nợ tình ai biết gỡ cho xong.
Tu hành mặc quách ai kinh kệ,
Duyên kiếp còn vương nghĩa vợ chồng.
Nếm thử mùi đời chay với mặn,
Biết đâu nước Phật có hay không.
Nam-vô giã cảnh từ đây nhé,
Trở lại đeo mang lấy quả bồng.

Vấn-thủy vấn-nguyệt

Dưới trăng trên nước giữa thì ta,
Thử nhận nhau xem cũng một nhà.
Nước đã mấy con, con nước lớn,
Trăng bao nhiêu tuổi, tuổi trăng già.
Tròn tròn khuyết khuyết sao mà thế,
Xuống xuống lên lên mãi dấy à ?
Hỏi mãi có sao mà chẳng nói,
Có chăng ta biết một mình ta.

Chinh-phụ ngâm

(*Thuần nghịch độc*)

Xa-song thấu nguyệt bóng chênh-chênh,
Biết ngỏ cùng ai dể tự-tình !
Ngơ-ngẩn giạ tầm tơ rối khúc,
Vẩn-vơ hồn bướm giấc thâu canh.
Sa-trường chốn ấy thân ngàn dặm,
Chếch lẻ duyên đây thiếp một mình.
Nhà cửa sự-tình bao kể xiết,
Xa đưa mượn nhạn nhắn Tây-thành.

Nước lụt

Cái lụt làm sao lụt lạ-lùng,
Khắp trong sáu tỉnh nước mênh-mông.
Đất bằng lai-láng đồng ra bể,
Cửa Vũ thênh-thang cá hóa rồng.
Thuyền đỗ ngọn tre vui đấy nhỉ,
Chó ngồi bàn độc sướng hay không ?
Trời Nghiêu ví lại sinh ông Vũ,
Cũng phải khơi đào các ngách sông.

Vịnh đồng bạc con gái

Chẳng phải vàng mà chẳng phải thau,
Gái đâu giúp được nước dân giầu.
Tiếng-tăm giấy đất khôn như mại.
Son phấn khen ai khéo mượn mầu.
Liền ruột chị em người bốn bể,
Rộng lưng buôn bán khách năm châu.
Ghê cho gái ấy là gan-góc,
Tờ giấy đang tay xé nát nhầu.

Vịnh phường trèo

Khen ai khéo đặt hội trò trèo,
Chẳng khác trò đời một tẻo-teo !
Son phấn quan tiền lên mặt kẻ,
Áo xiêm viên bạc vềnh râu kèo.
Giáo gươm tuồng rối mà hò-hét,
Trống phách trò chơi cũng dạ reo.
Tưởng tá coi ra phường tứ-chiếng,
Khen ai khéo đặt hội trò trèo ?

Vịnh Thúy-Kiều

Kìa chiếc thuyền ai đợi bến Tiền,
Tài-tình chi mấy để trời ghen.
Nghìn thu mệnh bạc bèo trên nước,
Một tấm lòng trinh bóng trước đèn.
Nửa gối đoạn-trường duyên chị Đạm,
Mảnh tình hội-ngộ nghĩa chàng Kim.
Mười lăm năm ấy bao lưu-lạc,
Nửa bước lầu xanh, nửa bước thuyền.

Vũ Tích-Cống.

CÂU-ĐỐI

Mừng bạn làm Phó-lý

Nhà tiếng là thanh, nhưng cốt-cách,
Chức dù còn nhỏ, cũng công-danh.

Mừng ông Lý

Rỡ mặt hào-hoa, quan công-cử, dân thuận-bàu, gan-góc vẫn dòng nhà tổng lý.

Dự quyền cai-trị, việc binh-lương, kỳ thuế-khóa, giỏi-giang nổi tiếng hội văn-minh.

Mừng Chánh-tổng được sắc

Cửu phẩm thấm nhuần, ơn thánh-chúa,
Mười làng lừng lẫy tiếng dân-quan.

Em gái vợ mừng anh rể làm Chánh-tổng

Trong mười làng, anh đã nên quan,
khuê-khổn nay mừng ra dáng chị.
Ngoài ngàn dặm em chưa gặp bước,
môn-mi chưa đặng chút tình em.

Mừng thợ sơn lên quan-viên tư-văn

Đạo thánh rộng vô-cùng, lễ bạc lòng son ngài cũng thấu.
Tư-văn mừng gặp bước, mũ cao áo rộng trước từ đây.

Mừng người học-trò lên quan-viên tư-văn

Thi-lễ trăm-năm, còn dấu cũ,
Tư-văn một tiệc, gặp xuân này.

Mừng Đô-lại

Đơn lanh chớp mắt, lời văn thép,
Bút dắt mang tai, tiếng lại già.

Vũ Tích-Cống

THƠ VỊNH

Vịnh núi Yên-tử

(*Thuộc huyện Đông-triều*)

Cao-cao đỉnh núi tuyệt trần đời,
Đầu trống canh năm thấy mặt trời.
Rừng quế hoa cười công nhởn múa,
Suối trong nguyệt lặn vượn đùa bơi.
Bể xanh chui lại trong lòng mắt,
Mây biếc luồn qua dưới cánh vai.
Tới cảnh yên-hoa quên thói tục,
An-sinh đâu dấy khách vào chơi.

Vịnh núi Yên-phụ

(*Thuộc phủ Kinh-môn*)

Lên núi Kinh-sơn độ nửa ngày,
Cưỡi bàn thân đã ở trên mây.
Cờ tiên miếu cổ hồ trong đục,
Rượu thánh chùa cao chén tỉnh say.
Quanh lượn bầu trời rành bát úp.
Thẳng xem quả đất chẳng cầu xoay.
Non xanh nước biếc trăng tròn đỏ,
Hoa cỏ mừng người tới cảnh đây.

Nguyễn Hữu-Minh

Vịnh cảnh Ninh-giang

Bấy lâu nô-nức bến Tuần-Tranh,
Khách mới qua chơi đã đặm tình.
Bãi thẳng cây xanh xa thẳm-tít,
Sông vàng nước trắng rộng mông-mênh.
Gió reo sóng rộn còi tầu thét,
Trăng gác vòm cao tiếng trống canh.
Phong-cảnh càng trông càng chẳng chán.
Thợ trời khéo vẽ một tờ tranh.

Trương Công-Tùng

Vịnh ông Trần Hưng-Đạo

Danh còn mãi-mãi với giang-sơn,
Lũ dã-tâm kia mất nghẻ dòm.
Cứu giống Lạc-hồng xa chốn khổ,
Giết loài Mông-cổ chật nơi chôn.
Bia đề Kiếp-lĩnh công còn tỏ,
Oai trấn Đằng-giang giặc hết hồn.
Lừng-lẫy bốn phương tài thượng-võ,
Danh còn mãi-mãi với giang-sơn.

Lê-Hòa

Vịnh bà Triệu-ẩu

Nước nhà gặp phải buổi gian-nan,
Gặp lũ Tôn-Tư quá bạo-tàn.
Vắt chéo giải đào ba thước vú,
Nghênh-ngang lưng tượng một niềm gan.
Đành thân phận gái vì nòi-giống,

Để tiếng anh-hùng với thế-gian.
Tranh miếng đỉnh chung nào những kẻ,
Mặt nào còn ngó lũ tham-quan.

VÔ-DANH.

CA-KHÚC

Hội kỷ-niệm đền Hùng-vương

Gẫm từ thủa thư trời định phận,
Trải đến nay cõi đất mở đường.
Đổi bao nhiêu cuộc tang-thương,
Sử xanh còn chép khoán vàng còn ghi.
Ngang đời Đế-Nghi Bắc-quốc,
Đức Kinh-dương dựng nước Nam-phương.
Đó là đầu mở đế-vương,
Hùng-hiền nối dõi kiền-cương sau này,
Trứng rồng nở trăm trai giống tốt,
Tổ nước Nam cùng một con nhà.
Bề Nam đất nước chia ra,
Nửa phần theo mẹ, theo cha nửa phần.
Hùng-vương nối quốc-quân là cả,
Ngôi trị đời thiên-hạ bình-yên,
Lạc-hầu Lạc-tướng trao quyền,
Lạc-dân dạy-dỗ Lạc-điền mở-mang.
Mười lăm bộ phong-cương nước cũ,
Mười tám đời quân-chủ nối sau.
Sinh-thành công-đức bấy lâu,
Ai ai cũng đội trên đầu vua cha.
Phong-châu nọ ấy là kẻ-chợ,
Ngắm bao nhiêu cảnh lạ thú chung.
Sơn-hà khâm-đái mấy trùng,
Kìa non Tản Đảo, nọ sông Lô Đà.
Tay tả hữu bầy ra long, hổ,
Cũng chầu về đất tổ Hồng-Bàng.
Có thành-thị, có miếu-đường,
Có cây, có đá, ngôi vàng thâm-nghiêm.
Đó một hội ảo xiêm đời trước,
Gây dựng nên non nước vững bền.
Hai nghìn năm lẻ dõi truyền,
Ấy dòng tôn-tổ, ấy quyền đế-vương.
Đã công cả mở-mang trời đất,
Lại ân sâu chứa chất giống nòi.
Non cao, sông lặng đời đời,
Cháu con đội đức, tôi đòi thấm ân.
Hai-nhăm triệu quốc-dân thân-ái,
Bốn nghìn năm tộc-loại lâu bền.
Dẫu Trung Nam, Bắc ba bên,
Vẫn cùng một giống con tiên, cháu rồng.
Trời đất đã mấy đông thay đổi,
Miếu lăng còn hương khói phụng-thờ.
Ấy nền quốc-tế sau xưa,
Trên qua Thục Triệu, dưới thừa Trần Lê.
Lịch số đã đổi về Hoàng Nguyễn,
Vẫn giữ nền tự-điển như xưa.
Ngạt-ngào hương sớm đèn trưa,
Giao cho sở-tại phụng thờ hôm mai.
Xuân thu tế năm hai thịnh-lễ,
Cứ tỉnh-thần vâng lệ kinh-dâng.
Hiển-linh báo-ứng đã từng,
Nghìn thu thông-suất, núi rừng khí thiêng.
Lượng trời đất không riêng che-chở.
Cùng đội ơn quốc-tổ hộ-trì.
Khắp nơi Nam, Bắc, Trùng-kỳ,
Trước thì giúp nước, sau thì phúc dân.
Ngặt vì nỗi xa gần cách-trở,
Bề với rừng đường xá chưa thông.
Dẫu cùng kính mến tổ chung,
Trèo non vượt bể khó lòng tới nơi.
Nay gặp hội cõi đời mở rộng,
Khắp trong ngoài thủy lục đều thông.
Nhác trông cảnh sắc đền Hùng,
Kìa ba từng núi trập-trùng dễ lên.
Sực nhớ lại ba niên thủa trước,
Nặng tấm lòng Quí-quốc trông chung!
Hai nghìn bạc, trích kho công,
Các quan tỉnh-hiến hội-đồng sửa-sang.
Sửa miếu-vũ lại càng tráng-lệ,
Thêm tôn-nghiêm đường-bệ cố-quán.
Trên thì quan, dưới thì dân,
Đối-liên hoành-biển xa gần bái-cung.
Giếng Ngọc-tỉnh càng trong nước phép,
Cây Kim-giao càng đẹp mầu hoa.
Ngẫm xem phong-cảnh rườm-rà,
Tao-nhân mặc-khách gần xa bái đền.
Niềm tôn-ái trông miền nước tổ,
Nghĩa tôn-thân đã đủ ghi lòng.
Vậy nên tỉnh-hiến hội-đồng,
Lục-trình Lễ-bộ tư thông qui-tòa.
Ngày mồng ba tháng ba đại-lễ,
Ấy là ngày hội tế tổ-vương.

Gọi là nhân cuộc lệ thường,
Đặt ra thịnh-hội trang-hoàng tiệc-hoa.
Đầu nhập-tịch kể từ mồng chín,
Cuối tán-đàn cho đến mười ba.
Nào tế-lễ nào sinh-ca,
Năm ngày sập-sã bày ra trăm trò.
Cùng họp mặt họ to cả nước,
Tôi con cùng lạy trước quân-thân.
Yến-anh nô-nức xa gần,
Mỗi năm lại cứ ngày xuân hội đền.
Hàng con cháu dua lên cầu phúc,
Người cầu danh, cầu lộc, cầu tài.
Nhất là cầu giống trăm trai,
Sở-cầu như-ý ai ai cũng hằng.
Cầu tiên phật chi bằng cầu tổ,
Cầu nước nhà của đủ người đông.
Ai ơi, ghi lấy làm lòng,
Ghi lòng nhớ lấy cha rồng mẹ tiên![1]

Phó-bảng LÊ ĐÌNH-SÁN

Câu đối đề đền Hùng-Vương.

Đồ-vương tranh-bá thôi nói chi lịch đổi số trời, bỏi trước xưa trên bốn nghìn năm, nước biếc non xanh, bở cõi ai gây bờ cõi ấy ?

Vấn-tổ tầm-tông nay còn vẫn lăng xưa miếu cũ, kể nhiều ít hai mươi nhăm triệu con đàn cháu đống, cội cành đâu chẳng cỗi cành đây.

Cử-nhân NGUYỄN KỲ-NAM

Bài ca khuyến-hiếu về việc thi-hành tân-luật

(*Diễn nguyên-văn của quan Tổng-đốc* PHẠM VĂN-THỤ)

Quyền pháp-chính chia riêng phận-sự,
Cõi văn-minh cùng giữ lệ chung.
Quan dân một dạ một lòng,
Phúc nhà vận nước còn hòng mai sau.
Ban luật mới bắt đầu canh-cải,
Nghĩ mừng thầm mà lại lo xa.
Từ khi gây dựng nước nhà,
Tùy theo phong-tục đặt ra luật-hình.
Chẳng cứ bậc văn-minh khai-hóa,
Chẳng kỳ dân man-giã ngu hèn.
Chứa bao tâm-huyết gây nên,
Đắp thành bảo-chướng giữ-gìn quốc-dân.
Theo trình-độ dần dần càng tiến,
Tùy thời-nghi thông-biến cải-lương.
Quốc-hồn trung-hậu thuần-bàng,
Xây nền bình-đẳng mở đường tự-do.
Sự tiến-hóa mừng cơ-hội tốt,
Sóng văn-minh nhẩy-nhót từng cao.
Những e mới cũ tương-giao,
Một ly nghìn dặm thế nào khỏi sai.
Ma ăn cỗ đố ai trông thấy,
Quỉ quen mùi vẫn quấy nhà chay.
Ví bằng không khéo đổi thay,
Phép ngày càng nhặt tệ ngày càng hơn.
Sóng này lặng nổi cơn sóng khác,
Lỗ nọ bịt lại toác lỗ kia.
Khác nào nước vỡ tràn đê,
Trầm-luân một kiếp còn gì mà mong.
Sực nghĩ đến thêm lòng áy-náy,
Đồng-bào ta tỉnh giấy mà trông.
Chúc mừng luật mới phổ-thông,
Hương hoa cờ trống nức lòng hoan-nghênh.
Huống đương buổi cạnh-tranh bối-rối,
Sẵn có người chỉ lối đưa đường.
Dắt ta lên chốn pháp-trường,
Văn-minh hạnh-phúc mở-mang dần dần.
Điều-mục đã mười phần tinh-tế,
Giới-hạn lại chia ghẽ nguyên-nhân.
Có hình-thức có tinh-thần,
Linh-hồn đạo-đức là phần tinh-ba.
Sự uỷ-thác về toà đệ-nhất,
Tội tham-tang đến mất dân-quyền.
Hễ ai giả chứng can-liên,
Hễ ai vu-oán tội nên gia-hình.
Pháp-luật dẫu phân-minh đẳng-cấp,
Vẫn còn e pháp-lập tệ-sinh.

---

(1) Bài này đã in thành sách hồi trùng-tu Đền Hùng, nhưng xuất-bản có ít, nay nhân dịp hội Hùng mới tới, lục đăng ra đây, để độc-giả cộng-lãm.

Muốn cho bớt việc tỉnh-hình,
Quan-trường cốt lấy chữ thanh làm đầu.
Sách Lỗ-luận có câu cổ-ngữ,
Đức Khổng xưa ngài tự nói ra :
« Sử kiện ai cũng như ta,
Qui hồ không kiện mới là phần hơn. »
Nhời cổ-huấn vẫn còn ghi tạc,
Nghìn muôn đời bắt chước làm gương.
Dám khuyên trong đám quan-trường,
Đọc kinh sám-hối thắp hương phụng thờ.
Chốn công-đình kiện chưa xét hỏi,
Lúc đêm thanh lòng lại hỏi lòng ;
Tấm lòng gió sáng trăng trong,
Mây mưa quang sạch chút không cát lầm.
Hãy còn nhớ khi làm phủ huyện,
Lắm nhà giầu hay kiện huyên-thiên,
Đơn từ sớm tối đua chen,
Được thua chỉ lấy đồng tiền ganh nhau.
Kiến thấy mỡ quan đâu như vậy,
Lừa ưa nặng dân hãy còn ngu.
Một đời kiện ba đời thù,
Thôi đừng mất của thêm lo vào mình.
Nào há phải kiểu-tình giả cách,
Chỉ mong sao rửa sạch hơi đồng.
Vàng kia đen lấp tấm lòng,
Thừa cơ mới dễ thông đồng làm gian.
Nay gặp buổi mới ban tân-luật,
Thân già này hổ mặt xiết bao.
Cải-lương là nghĩa thế nào,
Lương-tâm cốt giữ làm sao cho tuyền.
Trời phú-thác lấy quyền đạo-đức,
Ai là không vật-tắc dân-gi ;
Bởi lòng tham-dục che đi,
Linh-hồn liêm-sỉ còn gì nữa đâu.
Thân hoạn-nghiệt bấy lâu đã trải,
Chốn pháp-đình lại phải tùy-tùng.
Đem thân làm cái bung-xung,
Ghé đầu chịu bảng thẹn-thùng lắm thay.
Đổi công-chúng tỏ bầy mọi lẽ,
Giải oan-tình xin sẽ đến thưa.
Còn như lễ-vật đón đưa,
Chớ nên theo tục ngày xưa thêm phiền.
Lòng thanh-đạm giữ-gìn trong sạch,
Thần tự-do bộc-bạch chứng-minh.
Pháp-đàn tay kiếm tay hành,
Giải-oan cứu-khổ chúng-sinh được nhờ.
Mượn gươm sắc cắt trừ tội-nghiệt,
Bụng nhiệt-thành ai biết chăng là.
Quản chi cửa miệng vào ra,
Khen ta cũng mặc chê ta cũng đành.
Sự ủy-thác rành-rành cung chứng,
Tội muốn ra cũng chẳng khó gì,
Huống chi kim-cổ dị nghi,
Xưa kia như thế nay thì khác xa.
Kể ngày trước minh tra phải trái,
Trải mấy lần xét lại phân-vân ;
Đến nay dự-thẩm chứng nhân,
Đăng đường phán-đoán một lần là xong.
Chán phiền-nhiễu vui lòng giản-dị,
Cách lợi-dụng bởi thế mà ra.
Những lời cung chứng điêu toa,
Có không không có chẳng qua ảo-trường
Đeo mặt nạ như phường trèo bội,
Chốn công-đình quấy rối lẫn nhau.
Thương thay một cuộc bể dâu,
Nhân-tình phản-phúc biết đâu mà dò.
Lẽ phải-trái mò-hồ chưa quyết,
Sự tin ngờ khẩu-thuyết vô-bằng.
Cốt người giữ phép công bằng,
Tìm phường giải-quyết tỏ đường ngay gian ;
Kia những kẻ vu oan buộc tội,
Vẫn thường hay thoát khỏi lưới trời.
Nếu tin cung chứng mọi lời,
Lắm người sống sót lắm người chết oan.
Bọn ngụy chứng tham vàng bỏ nghĩa,
Sá kể chi những đứa bất-lương.
Đường đường quan tể nhất-phương,
Giữ quyền thẩm-phán chủ-trương việc hình,
Máy sinh sát tay mình nắm chặt,
Cơ họa-phúc giữ mực cầm cân.
Trên thì trời đất quỉ thần,
Dưới thì tai mắt xa gần trông ngong,
Thương vì nỗi dân-phong càng bạc,
Động thừ nhau bởi rác lôi-thôi.
Bởi vì quan-đức suy đồi,
Hung-hăng hách khí đua đòi với nhau.
Lâm đến kiện môi-cầu trăm ngách,

Lấy tiền-tài làm cách hơn thua.
Phải chăng nào biết ganh đua,
Đem thân a-đồ làm bùa hộ-thân.
Của huyết-hãn dần dần hết sạch,
Chỉ quí-hồ thắng-chịch là sang.
Chung-qui tiền mất tật mang,
Như hình ma ám không đường gỡ ra.
Chức Lục-sự trong tòa thẩm-phán,
Nào có quyền quyết-đoán chi đâu?
Ngày ngày hai buổi đi hầu,
Thông-ngôn nha-lại khác nhau chút nào.
Lời dư-luận kể bao sành-sỏi,
Báo *Nam-phong* đã nói rành-rành,
Thế mà luồn-lọt trăm khoanh,
Tưởng như một vị cứu-tinh nam-tào.
Mắc lừa lộn bảo sao nghe vậy,
Dốc lòng tin như cậy trong tay.
Khác nào miệng hổ đưa thầy,
Dân ngu như thế biết ngày nào khôn!
Các phủ huyện nha-môn đệ-nhất,
Phụ mẫu dân thân-mật biết bao.
Mình tân-học những thế nào,
Thừa-lưu tuyên-hóa nghĩ sao cho đành.
Hết bản-phận tuân-hành luật mới,
Mở trí dân tấn-tới văn-minh.
Chớ nên mình chỉ biết mình,
Thịt dân xâu-xé cứ đành ngồi trông.
Kìa những kẻ ăn không vô-bổ,
Cùng với người bóp cổ bào da.
Tham liêm dẫu chẳng cùng khoa,
Chiều hình nghĩ tội cũng là chẳng oan.
Nhớ truyện cũ có quan tại chức,
Suốt một đời giữ bậc liêm-thanh.
Đến khi thác xuống âm-minh,
Diêm-vương kết án gia-hình đao-san.
Viên quan ấy kêu oan chống án,
Ngài đường-đường chỉ phán phân-minh:
Quan là thay mặt triều-đình,
Muôn dân tính-mệnh một mình đảm-đương.
Ngay như phỗng công-đường chễm-chện,
Ngày yểm-tâm mấy chén nước trong.
Ngoài ra lại tệ thông-đồng,
Dân-tình cát-cứ mặc lòng làm thinh.
Giao cắt cổ tự mình ủy-thác,
Nỡ trao tay kẻ khác làm càn?
Ngu-quan vì vớ tham-quan,
Tội nên gia nặng còn oan nỗi gì?
Tuy pháp luật mỗi thì mỗi khác,
Phải theo thời châm-chước biến-thiên.
Nhưng mà đạo-đức cường-quyền,
Muôn đời nghìn kiếp y-nguyên vẫn còn.
Khua mấy tiếng gọi hồn trong nước,
Đồng-bào ta đừng gác ngoài tai.
Nói lời nếu chẳng tin lời,
Ai ơi xin đọc một bài diễn-văn!

Ngạc-đình PHẠM QUANG-SÁN

ĐỀ TRUYỆN CÁC BẬC HIỀN-NHÂN DANH-SĨ NƯỚC PHÁP

XVI

Bà Manh-tơ-nông

Bà Manh-tơ-nông (*Madame* DE MAINTENON) *sinh năm 1635, mất năm 1719 ở Saint-Cyr. Nhà bà vốn theo đạo Cải-lương, sau bà đổi theo về đạo Gia-tô; năm 1652 miễn-cưỡng phải lấy nhà thi-nhân* SCARRON, *là người có bệnh tứ-chi bất-toại, năm 1660 thời góa chồng. Được mật-cử vào cung dạy mấy người con riêng của vua* LOUIS *XIV để với bà* DE MONTESPAN; *rồi sau bà tranh bà* DE MONTESPAN, *đến khi bà phi* MARIE-LOUISE *chết thời làm lễ cưới mật lấy vua* LOUIS *XIV. Bà người thông-minh và tính cương-cường, thường xui vua nghiêm-trị đảng tôn-giáo. Việc triều-miếu bà cũng xử-trí một cách nghiêm-nhặt lắm. Bà vốn hàn-vi mà được lên cái địa-vị cao-trọng như thế, nên nhiều người ghen ghét, khi vua băng-hà, công-tước* ORLÉANS

*lên làm phu-chính, trục bà ra viện Saint-cyr, là một cái nhà trường bà lập ra để dạy con gái các nhà qui-tộc bị nghèo sút, từ đấy bà chuyên về việc giáo-dục mấy năm rồi mất. Bà còn để lại một tập Trát-độc (*Lettres*) về sự giáo-dục, xem đấy thì biết bà là một người rất tinh về tâm-lý-học và có tài văn-chương.*

Mùi dầu trải nếm đến mùi hương,
Qua cửa làng thơ, cửa đế-vương.
Đứng góa vì ai cho cải-tiết,
Nghìn thu còn mấy tập văn-chương.

Nghìn thu còn mấy tập văn chương,
Kìa đất Xanh-xia một phúc-đường.
Dám hỏi những khi chầu bệ Ngọc,
Nghĩ tình-duyên cũ có bi-thương?

XVII

Ông Sịch-ca-rông

Ông Sịch-ca-rông (Scarron) *sinh năm 1610 mất năm 1660 ở Paris, là con một ông nghị-viên. Khi tuổi trẻ, quá mạnh-lãng nên nguyên-khí suy-nhược, thể-lực hao-mòn sớm lắm. Năm 27 tuổi nhân giả-trang đi chơi, phải bị gẫy chân. Ông đã một phen khốn-khó nghèo-nàn về sự kiện nhau với người đi ghẻ. Sau làm rạp tuồng mà được nên phong-vận. Bà Hoàng-hậu* Anne d'Autriche *thấy cái tài-hoa của ông có lòng thương, cấp cho một cái dưỡng-bổng năm trăm « ê-quy »* (écus), *nhưng khi ông làm bài thơ chế ông Ma-gia-ranh* (Mazarinade) *thời Hoàng-hậu không cho nữa. — Năm 1652, ông cầm-thương cô Phờ-ràng-xoa nhà Đô-bi-nhê* (Françoise d'Aubigné) *tức sau là bà Manh-tơ-nông là một gái bồ-côi nghèo khó mà ông kết nghĩa Trần Châu, song vợ chồng ăn ở với nhau được 8 năm thời ông chết. Ông tài lối văn khôi-hài danh-tiếng nổi trong thuở ấy, song tiếc thay ! không bao lâu mà những văn của ông đã xa vào lối thô-tục bất-nhã, rồi ông mỏi-mệt mà thôi không trước-tác nữa. — Ngày nay, không kể những bài thơ « cơ-thời phúng-thế »* (pamphlets) *của ông, thời văn-nghiệp của ông còn lại là : 8 khúc hát* Enéide travestie *giặt giạng khôi-hài hi-tiếu, quyển « Hoạt-kê tiểu-thuyết »* (Roman comique) *ba bản tuồng hỉ-khúc* Jodelet, don Japhet de l'Arménie *và* l'Ecole de Salamanque, *cùng những lối vận-văn khác nữa. — Dầu ông phải bị què-quặt như vậy mà người ông tươi-tỉnh lắm, cái vẻ vui cười của ông đến chết cũng vẫn như hoa xuân hớn-hở.*

Mặt mày hớn-hở như hoa,
Cũng phường hàn-mặc cũng nhà trâm-anh.
Đa-mang chi quá nợ tình,
Xa chưng mạnh-lãng cho mình tổn-thương.
Nghĩ câu bánh đúc không xương,
Trách nào là chẳng tan-hoang cửa nhà.
Trời xanh cho cái tài-hoa,
Phong-lưu có thủa vinh-hoa có ngày.
Thương người mà cũng may thay !
Mai già đào mởn vui-vầy phượng-loan.
Tưởng phường ô-lại tham-quan,
Chê-bai cho được thế-gian thỏa lòng.
Lượng trên dù chẳng lượng cùng,
Cũng nên từ cái đỉnh-chung cho rồi.
Tìm làng văn họp mà chơi,
Khi câu tri-kỷ khi lời tử-chương.
Thú này mới thực khôn lường.
Vội chi nỡ để dữa đường một ai !
Cùng nhau bầy tám năm trời !

XVIII

Ông Von-te

Ông Von-te (Voltaire) *Tàu dịch là Phúc-lộc-đặc-nhĩ là một nhà đại-danh-sĩ nước Pháp về thế-kỷ thứ 18. Học-vấn yêm-bác, tư-tưởng siêu-việt, văn-chương hùng-hồn và lưu-loát, cái ảnh-hưởng của ông không những to lúc đương-thời mà hậu-thế cũng sùng-phục lắm. Đời ông lắm đoạn gian-nan, mấy lần vì làm sách nói bạo phải bỏ vào nhà ngục Bastille. Ông có đi du-lịch nước Anh, nước Phổ, được vua Phổ* Frédéric II *tiếp-đãi trọng-hậu lắm, Trước*

thuật của ông thời nhiều lắm, dễ cổ kim không có nhà văn-sĩ nào làm nhiều sách bằng ông. Văn ông đủ lối : nào diễn-kịch (Zaire, Mérope Mahomet), *nào tiểu-thuyết* (Candide, Zadig, *v. v.*), *nào phê-bình văn-học và triết-học, nhất là triết-học, vì văn-chương ông bao giờ cũng có tư-tưởng rồi-rào ; lối nào ông cũng có tài ngang nhau, không lối nào là kém cả. Về đường triết-học thời cái chủ-nghĩa của ông là cái « nhân-đạo-chủ-nghĩa », ông đem hết cái tài văn-chương của ông mà cổ-động những sự làm cho nhân-cách người ta cao hơn lên, giá-trị người ta tăng thêm lên, giúp cho sự văn-minh tiến-hóa của nhân-quần. Có thể nói ông là một bậc đại-trí đã tô-tạo ra cái thế-giới văn-minh ngày nay vậy.*

Nhục vinh vinh nhục biết bao lần,
Ngẫm cuộc tang thương khéo chuyển-[vần.
Thông tuệ nổi danh từ thủa nhỏ,
Văn-chương trọng giá mãi nghìn xuân,
Khen người có chí nên thành-đạt,
Dận lũ ghen tài khéo bất-nhân.
Sướng quá can chi mà chết dực [1],
Có chăng tuổi hạc đã cao tuần.

THỊNH-CHÂU

ĐOẢN-THIÊN TIỂU-THUYẾT

Trằn-trọc đêm xuân

Trên một cái gác cao ở phố Gia-long trông ra đường, bốn bề kín cửa. Ba gian rộng-rãi, theo lối cổ xưa, giữa kê một cái bàn ngang, chồng-chất những sách Tây sách Tầu, báo mới báo cũ, truyện cổ truyện kim, nào sách triết-học, nào sách chính-trị, nào báo quốc-ngữ, nào báo ngoại-quốc, nào tiểu-thuyết nôm, nào tiểu-thuyết các nước ; đĩa nghiên lọ mực, ống bút hộp ghim, tập giấy viết thư, bề đựng danh-thiếp, ngọn đèn tây trùm cái « a-ba-xua » ngũ-sắc in vào gác, nhìn thấy thế cũng biết ngay rằng chủ-nhân là một nhà văn-sĩ ở nước Việt-nam trong buổi đời nay. Nhận quanh tường thấy tranh chấm phá, đối liễn hoa, cùng những bức ảnh các bậc hào-kiệt vĩ-nhân, thời ta cũng biết ngay chủ-nhân là một người phong-nhã, khảng-khái. Đêm xuân êm-ả, những chậu cây bình hoa hớn-hở, chủ-nhân gặp được bạn tri-giao cùng nhau pha ấm chè hương, khêu ngọn đèn sáng, nói chuyện quốc-văn. Vậy khách tên họ là gì ? — Trần Quốc-Cán sinh-viên trường Cao-đẳng vừa tuần tháng trước hỏng thi tất-nghiệp, vốn người Nam-kỳ. — Mà chủ-nhân là ai ? — Lưu Thời-Dược thiếu-niên tân-văn ký-giả ở Bắc-kỳ. Hai người đối-diện chung nhau một quyển sách, mà cùng ngâm cùng đọc, những tiếng ngâm đọc sen lẫn với những tiếng mưa xuân tí-tách mái ngoài, gió đông lay động lá xấu rào-rào, xe đi người lại, chó xủa gà gáy cùng muôn vàn âm-hưởng ở lưng trời và giữa khoảng trần-gian. Đọc hết văn đến báo, xem xong báo đến truyện, đồng-hồ nhà Thờ Đạo Gia-tô phố Chầm-cầm đã đánh hai giờ khuya, thời vừa xem quyển *Hoa-tiên* đến quẫng Ngọc-Khanh deo mình xuống sông tự-tử. Cũng bởi vì cha mẹ Ngọc-Khanh trước kia đã đính-ước gả nàng cho Lương Diệc-Thương, chàng đi đánh giặc có tin dồn bậy rằng chết. Cha mẹ mới định gả nàng Ngọc-Khanh cho công-tử họ Tiền, không cho nàng giữ tiết. Nàng

(1) Đến tuổi già ông đưa diễn một bản tuồng, được thiên-hạ hoan-nghinh, thích quá mà chết.

đã nói rằng: « Phàm con gái không có hứa mình hai bận, xin để tang chồng mà tòng-nhất nhi-chung. » Cha mẹ không nghe, mà nàng đành phó thác xuống sông theo chàng. Thế nhưng không biết rằng chàng mê người con gái khác là Giao-Tiên, vì đi đánh giặc cứu cha tình-nhân mà bị vây trong trận. Đọc đến đấy thời Trần Quốc-Cán ngừng lại, thở dài mà nói với bạn rằng :

— Khen thay ! Cho người con gái cao-thượng thật, không nỡ hứa với hai người, cốt lấy tiết-trinh làm qui. Đọc truyện này, tôi nghĩ mà lại bồn-chồn tấc dạ. Anh thử nghĩ xem, không biết con gái nước ta bây giờ họ xem truyện này họ có muốn theo gương tốt cổ-nhân không nhỉ ? Thế mà cô ả.....

Nói đến đấy thì ngừng, mặt trái-xoan da đen-đen đổi ra hồng-hồng sam-sám, hai mắt đỏ ngầu lên, chắp hai tay lên gáy, gục đầu xuống bàn mà thổn-thức không nói ra lời. Vốn xưa nay là người ít nói, nhân xem truyện cổ cảm-xúc mạnh quá mà buột miệng ra, nói ra rồi lại nghĩ ngượng, ngượng miệng nên lại chẳng muốn nói ra. Chủ-nhân biết ngay rằng khách tình-duyên lại bị lật-lường chi đây, thôi đêm đã khuya rồi thời hãy mời bạn đi ngủ, để tìm lời khuyên-giải cho nguôi tấm lòng.

Hai người chung gối, chung giường, chung chăn, chung đệm, màn the buông nhủ, hoa cúc hương đưa, cái tình chi-lan nghĩa Lưu-Bình Dương-Lễ dễ đã có vui bằng Lưu văn-sĩ cùng Trần sinh-viên này chửa ? Chủ-nhân cố tìm truyện nói cho bạn khuây mà bạn thời gượng nói gượng đáp, trằn-trọc đến ba giờ rưỡi đồng-hồ nhà thờ khua vang, tiếng gà quanh vùng đã gáy giục mà vẫn chưa thôi nỗi bực-tức. Chủ-nhân im truyện để ngủ, ngủ mà thấy bạn thở ngắn thở dài bên cạnh sao mà nhắm mắt được yên, nên mới liền hỏi ngay rằng : — Vậy thời, chẳng hay ngô-huynh sao mà đa-cảm nhường này. Đáng lẽ tiểu-đệ cũng không dám hỏi chi cái bí-hiểm ở trong lòng bạn mà phạm lỗi thóc-mách không phải, song chỗ đôi ta cái tình « giường treo » « đàn gẩy », Từ, Trần, Chung, Bá sánh tầy, dám phiền ngô-huynh ngỏ nỗi giọc ngang, may ra có phương nào giúp được nhau trong vòng u-uất này chăng ?

Khách thấy chủ-nhân nói vậy, đương trùm đầu trong chăn, thò cổ ra ngoài, ngoảnh mặt đối nhau mà thưa rằng : — Giấu nhau thời không phải đạo bè-bạn thân-yêu, mà nói ra thời mang tiếng bêu xấu người cố-cựu, để trong lòng thời bực-tức khôn mang, thôi thà đeo cái lỗi còn hơn để cái khổ. Thưa với anh, tôi xin thú với anh rằng vì tình mà tiểu-đệ đây ảo-não can-tràng đó mà thôi.

— Trong bài tựa cụ án Trinh để trên quyển *Kiều* rằng : « Tôi vốn đa-tình, cảm người đồng-điệu », tôi xin lấy câu đó mà nói với anh rằng: Cái mê vô-tích mê mê giại, mê giại mà mê mãi chẳng thôi » là tội những kẻ đa-tình ; đã mắc vào thời lụy, đã lụy thời sầu ; tiểu-đệ đây cũng đã nhiều phen rơi lụy vì tình, nghĩ đến những bậc thánh-hiền chính-đính, soi gương mình thẹn cho mình, bị « ngũ-trọc » sai khiến, mà « tâm vi hình dịch », thương vay khóc mướn, cười hão vui phèo. Cụ Khổng-tử đã phải kêu rằng : « Chưa thấy ai hiếu-đức như hiếu-sắc », thời mới biết « thành nghiêng quán đổ tan-tành » là thường, chắc anh lại bị ngỗ liễu đường hoa ai lừa ai dối đó hẳn thôi ?

— Không phải là ngỗ liễu đường hoa, « những con người ấy ai cầu mà chi. » Số là khi tôi mới bước chân lên đất Bắc-kỳ này học cùng với anh ở trường Bảo-hộ cho đến khi học ở Pháp-chánh này, tôi được cái hân-hạnh mà quen biết mấy cậu ấm con

quan lớn Án kia. Lân-la biết đến cả nhà, bà lớn Án coi tôi như vàng nén, trao cho tôi dạy mấy cậu con cùng mấy cô con gái học Pháp-văn. Tôi thành-tâm dạy bảo ai cũng chóng hay cả. Thật tôi thề, tôi mà có đem lòng gì khêu hoa gợi nguyệt để làm bại-tiết người ta thời tôi không phải là người nữa. Tự-nhiên thấy bà lớn Án hỏi tôi đã có vợ chưa. Tôi cứ thực nói rằng còn đợi ở trường Đại-học ra sẽ định, hỏi thăm nhà-cửa tôi cũng bảo thường thường có tiếng mà không có miếng, tuy đeo cái danh thế-phiệt mà cũng chẳng được lộng-lẫy bạc vàng như người, bà liền hẹn gả cô Bảo-Tuệ cho tôi. Nghĩ mình đã lớn, nay mai mãn-hạn ra trường, lại được bà lớn đem mắt xanh mà tặng vị thiên-kim-tiểu-thư, cảm-tình vô-hạn. Đinh-ninh *vinh-qui cùng với vu-qui một ngày*, thời cũng mãn-nguyện. Bởi thế mới liền viết giấy về trình ba má tôi ở Vĩnh-long. Rồi mà rơm lửa gần nhau, cô Bảo-Tuệ cùng tôi thật là hiên Lãm-thúy, vườn Tụ-hiền, cũng đà thề-thốt dưới trăng. Không ngờ rủi tôi bị hỏng kỳ thi tốt-nghiệp vừa rồi, mà bà Án đã đem gả cô ả cho một cậu con ông cự-phú ở tỉnh Hải-phòng rồi.

— Thế đã cưới chưa ?

— Cưới tháng một năm ngoái, đi toàn bằng ô-tô cả ; anh không biết ư ? Để vậy tôi kể nốt anh nghe. Khi bà nhận lời người ta bà lại nói với người bạn tôi rằng : « Tưởng nhà cậu Cán người Sài-gòn thời giầu, chẳng là cũng nghèo. Không đỗ thời làm trò-trống gì ! » Tôi không chấp chi bà cái lỗi quên lời hứa với tôi, mà tôi chỉ nghĩ đến lời bà mà tôi bỉ. Tôi riêng bực vì nỗi cô Bảo-Tuệ, chính cô đã học tôi, đã yêu tôi, đã hẹn-hò với tôi, mà công mình *đắp nấm trồng tranh, ăn quả chẳng được vin cành cũng không* ? Đối với nhà ra người nói phách, đối với bạn ra đứa khoe càn, đem hết tâm-sự kể cả với tình-nhân, mà tình-nhân lại về tay người khác. Mình không muốn phạm tội trăng hoa, quyết định bách-niên giai-lão, mà người khiến mình thành ra kẻ đăng-đồ, trai Trịnh Vệ.....

— Than ôi ! anh tính đại-gia thế-phiệt bây giờ, nói làm chi cho thêm ngứa gan nóng mặt. Phong-hóa suy-đồi rồi ! Nhân-tâm bại-hoại rồi ! Bùn dưới đáy ao đã lên cả mặt nước ao rồi ! Danh-nghĩa bây giờ họ coi là một đồ vất bỏ, bạc vàng ngày nay chúng lấy làm một thứ thánh-thần. Các cô tiểu-thư thời này cũng đến « đồng-tiền », vòng hoan hẫn hột, thấy ai túi nặng là yên. Ngày trước đã có người đăng báo nói « khuê-các » với « hồng-lâu » chỉ khác nhau có cái tiếng gọi, thực là người biết đời lắm. Buổi giao-thời nghĩ lắm nỗi thương-tâm : người trong nước nhặt-nhạnh được răm ba cái bã-giả văn-minh, một vài cái cấu-cặn tự-do, chẳng còn nhìn đến liêm-sỉ nữa. Con gái như cô tiểu-thư ấy thật nhiều, nở mũi ra đã thơ thơ giấy giấy, tình tình ngãi ngãi, kể từ lúc biết xuân cho đến khi xuất-giá, thề-thốt cũng được răm chàng, chung chạ cũng được vài kẻ, giai khôn bây giờ mười người đến tám chín người phải lấy vợ thừa thế-gian. Hỏng từ trên hỏng xuống, trong một nước đã không còn biết danh-dự là cái gì nữa, tài-hoa là cái gì nữa, chí-khí là cái gì nữa, chỉ tối mắt cả vào « xu » mà thôi, thật là một cái nước đảo-điên bại-hoại lắm vậy. Trách chi bà An tham của, giận chi Bảo Tuệ lỗi nghì, đeo làm gì cái khổ-não, xin cùng nhau ta cùng xám-hối cố gọi hồn liêm-sỉ lại, làm sao cho nhân-tâm được thuần-chính, danh-dự được xương-minh, phong-hóa được lương-thiện ; kẻ làm quan người làm sách đôi bên cùng hợp nhau lại ta cùng làm, vất cái tình ái-luyến đi mà thi-hành cái tình ái-quốc, cho non sông hoa cỏ nên vẻ-vang cùng

với hoàn-cầu. Bọn mình mà còn phóng-khí trách-nhiệm, nay than nỗi phụ-tình, mai sầu đương duyên bạc, thời muốn mang quốc-mệnh phó xuống vực nào hở anh ? . . .

Đồng hồ đánh bốn-giờ, hai người trằn-trọc cả hai, không sao yên ngủ, vừa chợp mắt đã thấy tiếng xe rầm đường cái, giấy uống nước, hai người cùng nhau trò-truyện, một lát khách chào chủ lui về.

Chủ-nhân ngồi cất bút làm văn.

MÂN-CHÂU

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Cuộc diễn-kịch ngày 25 Avril. — Trong hàng Avril này việc quan trọng nhất của Hội ta là cuộc diễn-kịch ngày 25 Avril, các hội-viên ở các tỉnh về xem đông lắm. Mục-đích và ý-nghĩa cuộc diễn-kịch ấy thế nào trên kia đã có bài kỷ-thuật tường-và nghị-luận kỹ rồi, tưởng chẳng cần phải nói lại ở đây làm gì. Chỉ nên nhớ rằng cuộc diễn-kịch ấy thật là một sự đắc-thắng to và một cái danh-dự lớn cho Hội Khai-trí ta, sau này khoáng-trương phát-đạt ra được cũng là nhờ buổi hôm ấy nhiều.

Thiên-hạ cổ-võ cho đến nỗi diễn luôn hai lần (ngày chủ nhật 25 Avril và ngày chủ-nhật 2 Mai) mà lần nào người đến xem cũng chật-ních, nhà hát Tây Hà-nội rộng như thế mà không đủ chỗ cho người ngồi, tưởng diễn đến vài lần nữa cũng còn đông khách đến xem. Trong sự cổ-võ ấy, tuy cũng có một phần hiếu-kỳ ở đấy, nhưng cũng là một cái triệu-chứng rằng nghề tuồng nước ta sau này có thể cải-lương theo lối diễn-kịch của Thái Tây được. Như vậy thời Hội ta sẽ được cái vẻ-vang rằng trước nhất đã đứng-khởi-xướng ra một sự rất mới lạ như vậy. Hội làm việc đó thành được là bởi công-phu ông NGUYỄN VĂN-VĨNH phó hội-trưởng, trước đã có công dịch bài tuồng tây ra quốc-văn, nay lại tận-lực họp-tập lấy những tay tài-tử để đem diễn cho thiên-hạ xem. Trong bọn tài-tử đó, phần nhiều ông là có chân Hội ta cả, như ông TRỊNH VĂN-HỢI, ông NGUYỄN ĐÌNH-THÔNG, ông PHẠM HUY-LỰC, còn mấy ông khác như ông VƯỢNG, ông NGẠN, ông QUANG, tuy chưa có chân Hội, nhưng sớm trưa chắc rồi cũng xin vào Hội cả. Trong các vai đàn-bà thời bà KAO là vợ ông NGUYỄN ĐÌNH-KAO, ở Hải-phòng, cũng là hội-viên Hội ta. Lại nhờ có rạp hát Sán-nhiên-đài cho mượn hai vai đào có tiếng của rạp ấy là Cô Tửu và cô Tuất đóng hai vai rất khó trong bài tuồng một cách xứng-đáng và xuất-sắc lắm. Rạp hát Quảng-lạc cũng cho mượn cả phường tuồng ăn-bận quần áo rất ích-sự đề ra diễu trên sân khấu về cuối bài tuồng, làm cho cuộc vui được thêm vui. Lại Hội Trí-hòa (*Société Philharmonique annamite*), là hội các bậc tài-tử ở Hà-thành chơi đàn-hát ta và tàu, cũng phải hội-viên đến giúp về phần âm-nhạc. Đến việc xếp-đặt kinh-lý về cuộc diễn-kịch, thời quí-quan cũng có mấy ông ra tay giúp một các rất tận-lực : quan Đốc-lý PECH thành-phố Hà nội cho mượn nhà hát Tây ; quan Đốc-điền RENY giúp việc quản-lý thật là có công lắm ; quan ba FAUCILLERS giúp việc bôi râu vẽ mặt theo kiểu đời xưa ; bà BLOT giúp mặc quần áo đầm cho các vai đào, v. v. — Nói tóm lại thời trong cuộc mua vui đề giúp vào việc nghĩa này, Hội Khai-trí có một phần, mà những người ngoài cũng các hội ngoài cũng giúp vào lại một phần to nữa, thành ra công-phu là công-phu chung và danh-dự cũng là danh-dự chung của cả người Tây người Nam đã đem công giúm-giúp vào đấy. Hội ta xin có lời cảm ơn cả các ngài và các Hội đã giúp cho làm nên một việc đáng kỷ-niệm như vậy.

Khi báo xuất-bản thời các khoản chi-thu về cuộc diễn-kịch mới rồi chưa kết-toán xong, nhưng ước-lượng thời hai kỳ diễn thâu cả thảy được chừng 3 000 đồng, mà chi-phí mất chừng một nữa. Theo như lời hội-đồng trị-sự đã quyết-nghị thời trừ chi-phí đi, còn bao nhiêu sẽ trợ quyên vào Hội Kỷ niệm Đông-dương ở Đại-Pháp (*Oeuvre du Souvenir Indochinois*), và dành ra một phần cho nhà Phúc-đường của bà Phước Antoine ở Thái-hà-ấp.

Biên-bản kỳ đại-hội-đồng các chủ-trì tán-trợ hội-viên ngày chủ-nhật 25 Avril 1920. — Ngày chủ-nhật

25 Avril, 2 giờ 1/2 chiều, họp đại-hội-đồng cả các chủ-trì tán-trợ hội-viên ở nhà Hội Trí-tri Hà-nội. Những hội-viên có dự hội-đồng là những ông kê tên như sau :

Các ông trị-sự : Hoàng Trọng-Phu, Thân Trọng-Huề, Trần Văn-Thông, Nguyễn Hữu-Thu, Nguyễn Văn-Vĩnh, Phạm Quỳnh, Phạm Duy-Tốn, Lê Văn-Phúc, Đào Văn-Sử, Mai Du-Lân, Choulet, Đỗ Thận, Trần Trọng-Kim, Vũ Ngọc-Oánh.

Các ông tán-trợ và chủ-trì hội-viên : Bạch Thái-Bưởi, Đặng Đức-Cường, Phạm Văn-Thụ, Chế Quang-Ân, Tử Đạm, Nguyễn Hữu-Ích, Cung Khắc-Đản, Trần-Mỹ, Mai Toàn-Xuân, Bùi Đình-Thìn, Hoàng Gia-Luận, Hoàng Hữu-Đôn, Dr. de Fenis de Lacombe, Lương Văn-Phúc, Hoàng Huấn-Trung, Trần Lưu-Thứ, Trần Lưu-Vị, Lê-Cần, Bùi Thiện-Căn, Bùi Thiện-Cơ, Nguyễn Văn-Đào, Phạm Gia-Nùng, Phạm Gia-Thụy, Phạm Văn-Hanh, Hoàng Thụy-Chi, Nguyễn Nghi, Nguyễn Hữu-Đắc, Nguyễn Hữu-Giám, Nguyễn Đức-Thúy, Đỗ Uông, Nguyễn Đỗ-Mục, Ngạc Văn-Đồng, Nguyễn Đức-Đản, Bùi Huy-Tín, Trần Viết-Soạn, Nguyễn Hữu-Cự, Nguyễn Huy-Hợi, Lê Văn-Huệ, Vũ Minh-Châu, Nguyễn Quí-Toản, Lưu Văn-Điểm, Nguyễn Đình-Khôi, Trần Quỳnh, Nguyễn-Chuẩn, Nguyễn Văn-Luận, Phan Kế-Bính, Trịnh Văn-Hợi, Lê Thành-Ý, Trần Nhật-Dũng, Nguyễn Thành, Nguyễn Gia-Huy, Nguyễn Văn-Nguyên, Lương Đình-Vũ, Đào Hoằng-Mai, Phạm Mạnh-Xứng, Nguyễn Đăng-Kính, Phạm Đình-Công, Phan Nhật-Tảo, Nguyễn An-Điệp, Trịnh Xuân-Nghĩa, Trương Minh-Sanh, Vũ Đức-Đôn, Trương Công-Lập, Lê Vũ-Bỉnh, Trần Đình-Quang, Hoàng Quang-Hương, Lê Đình-Tĩnh, Nguyễn Tất-Tế, Trần Ngọc-Điền, Nguyễn Tốn-Khải, Phan Tất-Tạo, Tạ Duy-Tòng, Hoàng Quang-Bình, Lê Hữu-Mai, Nguyễn Thừa-Đạt, Bạch Thái-Sơ, Mạc Đình-Tư, Vũ Công-Thiệu, Nguyễn Lan-Hương (Hương-Kỳ), Hà Duy-Thăng.

Những ông có giấy kiếu : Dương Đức-Huy, Hoàng Đức-Trang, Lê Bá-Tử, Mai Trung-Cát, Nguyễn Như-Khản, Nguyễn Phong, Nguyễn Ngọc-Thư, Nguyễn Quang-Cơ, Nguyễn Văn-Bân, Nguyễn Văn-Thỉnh, Phùng Huy-Bích.

— Chương-trình các việc là :

1° Quan Phó Hội-Trưởng Thân Trọng-Huề diễn-thuyết về Hội Kỷ-niệm Đông-dương và việc bảo-tồn phần-mộ những lính-thợ Đông-dương chết bên Đại-Pháp.

2° Bàn về việc dựng nhà hội-quán.

Trước khi quan Thượng Thân diễn-thuyết thời quan Hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu đứng lên nói mấy lời chào mừng các hội-viên, nhắc lại cái mục-đích của Hội và kể qua về cách tòa trị-sự tổ-chức cuộc diễn-kịch chiều hôm nay ; nhân thể cảm ơn quan Rény là Chánh sở Đạc-điền Bắc-kỳ đã có công to giúp vào việc ấy. Rồi ngài lại bàn với hội-đồng vỗ tay biểu cảm ơn quan Marty là danh-dự hội-trưởng tuy năm nay không giữ chức trị-sự nữa mà vẫn hết sức giúp việc Hội ; lại vỗ tay cảm ơn quan Tuần Ninh-bình Tử Đạm có mặt đấy, đã có công cổ-động trong tỉnh ngài được nhiều người vào Hội. Sau hết quan Hội-trưởng khuyên các hội-viên chiều nên đi xem diễn-kịch để chứng-kiến cho sự thí-nghiệm cải-lương nghề tuồng ở nước ta ; nhân cả hội-đồng vỗ tay mừng ông Nguyễn Văn-Vĩnh là người chủ-trương cuộc diễn-kịch ấy và chính tay đã dịch bài tuồng tây ra quốc-ngữ.

Đoạn rồi đến quan Thượng Thân đứng lên diễn-thuyết. Bài diễn-thuyết của ngài thật là bài diễn-thuyết đầu nhất của Hội. Ngài nói ước chừng hơn một nửa giờ đồng-hồ, đại-khái nói về công-lao những lính và thợ Đông-dương sang tùng-chinh cùng làm việc bên Đại-Pháp, tả cái cảnh-huống những kẻ chinh-phu chinh-phụ, có đọc mấy câu thơ trong *Chinh phụ-ngâm* để dẫn-dụ cái lòng hoài-cảm của người ở nhà thương nhớ kẻ đi xa, lại đọc những lời tưởng-lục của các chiến-binh công-binh đã làm nên công-trạng được quan trên khen ; rồi kể đến tình-cảnh những kẻ chiến-sự đã xong mà không thấy về nước, nằm di-hài gửi chốn quê người đất khách, dầu Đại-Pháp là dân văn-minh vẫn lấy sự thờ người chết làm trọng, nhưng tôn-giáo mỗi dân một khác, cần phải đặt đình-miếu riêng để kỷ-niệm vong-linh những kẻ con em nước Nam đã vì quí-quốc mà tuẫn-tử, nên bên Đại-Pháp có mấy người bụng-dạ tốt nghĩ đến sự đó bèn lập ra một hội gọi là Hội « Kỷ-niệm Đông-dương », trước là để dựng ra một cái đền thờ người An-nam chết vì việc chiến-tranh, sau là để đặt cách bảo-tồn phần-mộ những người ấy ; bởi thế nên Chánh-phủ Đông-dương có mở ra cuộc lạc-quyên, và Hội Khai-trí tối nay diễn-kịch cũng là để giúp vào việc nghĩa ấy. — Quan Thượng Thân nói thong-thả rõ-ràng, giống như ông giáo giảng học ở nhà học-

đường hơn là nhà chánh-trị diễn-thuyết ở nơi nghị-viện, nhiều chỗ lời nói ngùi-ngùi cảm-động, như hoài-vọng ai mà thương-tiếc cho ai: ôi! giọt máu người Nam!... Nói xong, cử-tọa đều vỗ tay mừng.

Hết khoản diễn-thuyết rồi thời bàn đến việc dựng nhà hội-quán. Quan Hội-trưởng trình rằng buổi sớm đã họp hội-đồng chấm cuộc thi các kiểu nhà, lấy được năm cái kiểu có thể châm-chước dùng được, vậy bây giờ Hội phải bắt đầu dựng nhà hội-quán, nếu dựng một từng thời mất chừng hai vạn rưỡi, dựng cả hai từng thời mất chừng bốn vạn, mà hiện nay Hội vốn chưa được đầy một vạn, bây giờ phải làm thế nào? Các hội-viên thảo-luận giờ lâu, ý-kiến phân-vân lắm; đại-khái thời một phần muốn kíp dựng cho thành nhà hội-quán ngay, và muốn làm cho to-tát, thiếu tiền thời hoặc đi vay, hoặc đi quyên, đó là ý-kiến ông Nguyễn Hữu-Thu; một phần thời muốn Hội có thể có được bao nhiêu tiền làm bấy nhiêu mà thôi, dẫu nhà hội-quán nhỏ cũng nên tùng-tiệm vậy, để tài-lực Hội mà làm việc khác có ích hơn, đó là ý kiến ông Nguyễn Tất-Tế. Lại có ông thời muốn làm ngay hai từng, có ông thời muốn hẵng làm một từng trước, bao giờ có tiền sẽ làm nốt từng trên. Các hội-viên nghị-luận mãi như thế mà không giải-quyết ra thế nào. Duy có cái vấn-đề cốt-yếu là làm thế nào cho Hội được thêm tiền ra, thời mãi đến sau mới xét đến. Cách cổ-động cho nhiều hội-viên để thêm tiền vào Hội thời lâu lắm; cách cho vay thời không tiện, vì Hội không có tư-cách vay nợ được, mà vay thời đứng tên ai và bao giờ trả; duy có cách lạc-quyên tùy tài-lực mỗi người dù là hội-viên hay không, có thể giúp được bao nhiêu nên giúp cho Hội chóng dựng được nhà hội-quán, cách ấy ông Bưởi và ông Thu xướng-suất lên, phần nhiều hội-viên đều tán-thành, bèn lập-tức lập một cái sổ quyên, chuyền đi khắp các hội-viên có mặt ở đấy, có trong nửa giờ đồng-hồ mà quyên được tới 7690$, ông nào quyên bao nhiêu kê tên như sau này, theo cái sổ quyên các ông đã ký tên do ông Chánh-Thủ-quĩ Hội giữ, các khoản tiền ấy trong hạn hai tháng ông Thủ-quĩ được quyền thâu-nhập vào công-quĩ Hội.

Ông Bạch Thái-Bưởi	2000 $
Nguyễn Hữu-Thu	1000
Hoàng Trọng-Phu	300
Phạm Văn-Thụ	300
Từ Đạm	300
Cộng	3.900 $

Đem sang	3,900 $
Ông Trần Ngọc-Điền	250
Đặng Đức Cường	200
Bùi Huy-Tín	200
Nguyễn Hữu-Cự	200
Trần Viết-Soạn	200
Choulet	200
Đào Hoằng Mai	200
Mai Toàn-Xuân	200
Trần Văn-Thông	100
Trần-Mỹ	100
Nguyễn Hữu-Đắc	100
Nguyễn Tôn-Khải	100
Phạm Gia-Thụy	100
Hoàng Thụy-Chi	100
Nguyễn An-Điệp	100
Phan Tất-Tạo	100
Tạ Duy-Tòng	100
Lê Văn-Phúc	100
Nguyễn Hữu-Đản	100
Hoàng Quang Bính	100
Phạm Gia-Nùng	60
Hoàng Gia-Luận	50
Phạm Mạnh-Xứng	50
Lê Hữu-Mai	50
Nguyễn Thừa-Đạt	50
Hoàng Hữu-Đôn	50
Nguyễn Tất-Tế	50
Lương Văn-Phúc	50
Bùi Thiện-Căn	30
Bùi Thiện-Cơ	30
Lê-Cẩn	30
Hợp-Hòa	30
Hoàng Huấn-Trung	30
Phạm Văn-Hanh	30
Phạm Đình-Công	30
Nguyễn Văn-Đồng	30
Bùi Đình-Thình	20
Lưu Văn-Điểm	20
Nguyễn Quí-Toản	20
Bạch Thái-Sơ	20
Chế Quang-Ấn	20
Docteur De Fenis de Lacombe	20
Nguyễn Huy-Hợi	20
Lê Đình-Tĩnh	20
Nguyễn Nghi	10
Lương Đình Vũ	10
Nguyễn Văn-Nguyên	10
Nguyễn Văn-Đào	10
Lê Vũ-Bình	10
Mạc Đình-Tư	10
Vũ Công-Thiệu	10
Ngạc Văn-Đồng	10
Hương Ký	10
Trần Quỳnh	10
Nguyễn Đức-Thúy	10
Phạm Duy-Tốn	10
Hà Duy-Thăng	10
Cộng	7.690 $

Hội-đồng giao cho tòa trị-sự kén chọn trong các kiểu thì lấy cái kiểu nào là xứng-đáng theo đó mà phát đấu-giá việc xây nhà hội-quán, việc ấy nên khởi-hành trong năm nay ; hoặc còn thiếu tiền thời nên mở lạc-quyên rộng trong cả các hội-viên hàng Hội, có nhiều ông hội-đồng hôm nay không có mặt, nếu biết sự lạc-quyên này thời chắc là cũng vui lòng giúp Hội.

Trước khi tan hội-đồng thời quan Chánh Hội-trưởng đứng lên cám ơn các ông hội-viên đã có bụng giúp kẻ ít người nhiều mà khoảnh-khắc nên một món to như vậy, đủ tỏ là các hội-viên đều có bụng mến việc công-ích ; sau lại nhắc đến cái chủ-nghĩa Hội là to rộng lắm, nhưng đại-khái lấy việc mở - mang cho quốc-dân ta được mau tiến-hóa làm mục-đích ; muốn đạt cái mục-đích ấy thời có nhiều cách lắm, như làm báo, làm sách, diễn-thuyết, diễn-kịch, cải-lương phong-tục, chấn-chỉnh công-nghệ, thương-nghiệp, v. v., những việc đó phải lần-lượt mỗi người tùy tài tùy sức giúp vào thời mới làm nổi được ; hiện nay Hội mới thành-lập chưa thể nhất-đán mà đương được hết cả các việc ấy, nhưng đã công-nhận báo *Nam-Phong* làm cái cơ-quan để nghị-luận những việc lợi-hại cho dân ta và mượn báo ấy để biên-tập những công-việc của Hội, thời các hội-viên ai có điều gì ích-lợi nên bàn-bạc cứ viết thành bài gửi cho báo ấy, hễ nhà báo xét chánh-đáng thời đăng cho quốc-dân được biết, thật là một sự công-ích không gì bằng.

Đến 5 giờ 1/2 thời hội-đồng tan.

Biên-bản hội-đồng xét cuộc thi kiểu nhà. — Ngày chủ-nhật 25 Avril, 8 giờ rưỡi sáng, hội-đồng của Hội Khai-trí lập ra để xét cuộc thi kiểu hội-quán, họp tại nhà Trung-ương Thư-viện Đông-dương (*Bibliothèque Centrale de l'Indochine*), đường Borgnis Desbordes, các kiểu nhà đã bày sẵn ở đấy từ sáng ngày thứ bảy. Các ông kê tên như sau có dự hội-đồng : Quan cai-trị Pech, đốc-lý thành-phố Hà-nội, làm tọa-chủ ; ông Parmentier và Batteur, giám-đốc và giáo-viên trường Viễn-đông Khảo-cổ ; ông Bussy và Lacollonge, kiến-chúc kỹ-sư ở sở Công-chánh ; ông Boudet, quản-lý nhà Trung-ương Thư-viện Đông-dương ; ông Hoàng Trọng-Phu, Thân Trọng-Huề, Trần Văn-Thông, Nguyễn Hữu-Thu, Choulet, Phạm Quỳnh, thay mặt hội-đồng trị-sự Hội Khai-trí ; ông De Massiac, thay nhà báo *Avenir du Tonkin*, ông Laveran thay nhà báo *Courrier d'Haiphong*, ông Révérony thay nhà báo *France-Indochine*. — Ông Phạm Quỳnh làm thư-ký.

Kiểu thì cả thảy có 15 cái, đánh số từ 1 đến 15, tên người thì hội-đồng không biết. Hội-đồng xét kỹ trong hơn một giờ đồng-hồ, loại ra mất quá nửa, duy chỉ giữ được năm cái, là số 4, 5, 9, 12 và 15 ; trong năm số ấy cũng không được cái nào là hoàn-toàn hợp-cách, quan chủ Hội-đồng Pech bàn không ban phần thưởng thứ nhất là phần thưởng 300$, cả hội-đồng đều ưng như thế. Duy các ông trị-sự hội Khai-trí nói rằng Hội đã để riêng ra một món 600 $ cả thảy để thưởng về cuộc thi này, nay hội-đồng đã định không nên ban phần thưởng thứ nhất cũng xin vâng, nhưng xin dùng hết cả số 600 $ ấy cho Hội khỏi mang tiếng. Theo lời bàn ấy hội-đồng bèn định đặt ra hai phần thưởng thứ nhì mỗi phần 200 $, một phần thứ ba 100 $ và hai phần phụ thứ tư mỗi phần 50 $, thế là vừa hết 600$. Xét kỹ các kiểu thời định ban cho số 4 và số 12 hai phần 200$, cho số 15 phần 100 $, cho số 9 và số 5 hai phần 50 $.

Xét kiểu xong thời xét đến sổ kế-toán (*devis*) đính theo mỗi kiểu, trong năm số trúng-tuyển thời bốn số 4, 9, 12 và 15 đều có kế-toán cả, duy số 5 thời không. Xét số kế-toán thời các khoản tính cũng phải chăng cả, không chênh nhau mấy, vậy các phần thưởng đã định như trên cứ y thế, duy có số 5 không làm kế-toán, thời đáng lẽ được một phần thưởng 50 $, nhưng hội-đồng định không ban thưởng, chỉ ban lời khen (*mention*) mà thôi.

Đoạn rồi mới mở các phong-bì đựng dấu hiệu và tên của các người trúng-tuyển, thời tuyên-bố ra những ông như sau này được phần thưởng và được lời khen.

Số 4 là ông Đỗ Văn-Y, họa-đồ ở sở Công-chánh, được một thưởng thứ nhì 200 $.

Số 12 là ông Nguyễn Văn-Oánh, họa-đồ ở sở Công-chánh, được một thưởng thứ nhì 200 $.

Số 15 là ông Nguyễn Duy-Đạt, họa-đồ ở sở Công-chánh, được thưởng thứ ba 100 $

Số 9 là ông Phương Đình-Hảo, họa-đồ ở sở Công-chánh, được một thưởng thứ tư 50 $.

Số 5 là ông Nguyễn Văn-Minh, họa-đồ ở sở Công-chánh, được lời khen (*mention*).

Mười một giờ 1/4 thì hội-đồng tan.

Biên-bản hội-đồng tòa trị-sự ngày 2 Mai 1920. — Ngày chủ-nhật 2 Mai 1920, 2 h. 1/2 chiều, tòa Trị-sự Hội Khai-trí họp hội-đồng ở nhà Hội Trí-trí.

Dự hội-đồng có những ông : Marty, Choulet, Hoàng Trọng-Phu, Thân Trọng-Huề, Trần Văn Thông, Nguyễn Hữu-Thu, Phạm Quỳnh, Lê Văn-Phúc, Phạm Duy-Tốn, Bùi Đình-Tá, Trần Trọng-Kim.

Ông Mai Du-Lân có giấy cáo.

Quan Phạm Văn-Thụ, tổng-đốc Bắc-ninh, có đến tham-dự hội-đồng.

Chương-trình hội-đồng định có hai việc : 1° chọn một cái kiểu nhà để phát đấu-giá dựng nhà hội-quán ; 2° xét số chi-thu về cuộc diễn-kịch ngày 25 Avril. Song khoản thứ hai đó chưa thể xét được vì sổ chưa tính xong và chiều ngày 2 Mai này lại diễn một lần thứ hai nữa, đợi để tính cả nhân thể ; vậy hội-đồng chỉ phải xét về một khoản kiểu nhà mà thôi.

Hội-đồng đem cả năm cái kiểu đã trúng-tuyển xét kỹ, thời ưng-thuận cái kiểu của ông Đỗ Văn-Y là dễ coi hơn cả, duy các phòng ông vẽ khi bé, và có một đôi chỗ nên sửa-đổi lại, hội-đồng định sẽ mời ông đến để nhờ chữa-sửa lại cho hợp cách. Khi nào chữa xong chỉnh-đốn thời sẽ cứ theo đó mà phát đấu-giá dựng nhà.

Hội-đồng lại định nên phát bán lập-tức những vật-liệu của nhà thư-viện cũ phố hàng Trống, và giao việc ấy cho một tiểu hội-đồng có 4 ông : Choulet, Thân Trọng-Huề, Phạm Quỳnh, Phạm Duy-Tốn.

Đoạn rồi, Hội-đồng nhận mấy ông hội-viên mới, bàn vài việc vặt, rồi đến 4 giờ 1/2 thời tan.

* * *

Hội-viên mới. — Hội-đồng tòa trị-sự ngày chủ-nhật 2 Mai 1920, có nhận mấy ông sau này đã có tên đăng báo vào Hội :

A *Vào chân chủ-trì*

1. — Ông Trần-Thúy, buôn-bán, hiệu Cát-Thành, Hà-nội.

2. — Trần Đình-Khải, chánh-tổng tổng Bình-hà, huyện Thanh-hà, Hải-dương,

B *Vào chân thường-hội-viên*

1. — Ông Lê Duy-Hội, điền-chủ ở làng Tiên-long, tổng Bảo-đức, tỉnh Bến-tre (Nam-kỳ)

1. — Ông Lưu Bá-Tiên, lý-trưởng làng Bình-đà, huyện Thanh-oai, Hà-đông.

* * *

Đơn xin vào Hội. — Trong tháng Avril, có những ông kê tên sau này xin vào Hội, trong hạn hai tháng trong các hội-viên ông nào có điều gì dị-nghị hoặc phản-đối về người nào xin viết thơ về cho Hội. Phàm những thơ dị-nghị hoặc phản-đối tối-yếu là phải ký tên rõ-ràng, nếu viết thơ nặc-danh thời Hội không xét đến.

A *Xin vào chân chủ-trì*

1. Ông Bùi Văn-Quí, médecin de l'Assistance à Yunnanfou, Chine

2. — Hà Dương-Quang, lại-mục Thuy-vi, Lao-Kay.

3. — Hoàng Huy-Tường, tổng-đốc hưu-trí, ngụ ở làng Hà-trì, tổng Thượng Thanh-oai, huyện Thanh-oai, Hà-đông.

4. — Huỳnh Mai-Liễu, chef de bureau à la Direction des Finances, Hanoi.

5. — Koch, commissaire de la Foire de Hanoi, Mairie, Hanoi.

6. — Lê Hữu-Tích, tri-huyện Kim-bảng, Hà-nam.

7. — Lê Hữu-Tiên, phó-tổng ở làng Yên-cư, tổng Xuân-dương, phủ Yên-khánh, tỉnh Ninh-bình.

8. — Mai Thạc, chánh-tổng tổng Vọng-lỗ, làng Trường-lũ, huyện Phụ-dực, tỉnh Thái-bình.

9. — Ngô Tiến-Cảnh, entrepreneur à Lạng, sơn.

10. — Nguyễn Hoàng-Thu, tri-huyện Hoành-bồ, Quảng-yên.

11. — Nguyễn Như-Bằng, làm ruộng ở làng Đạm-khê, tổng Lân-Khê, huyện Yên-mô, Ninh-bình.

12. — Nguyễn Triệu, chef de station radio-goniométrique, Ile la Cac-bà, par Hongay (đã có chân thường hội-viên, xin đổi sang chân chủ-trì).

13. — Nguyễn Văn-Đồng, tri-huyện Yên-dũng, Bắc-giang.

14 — Phạm Văn-Mẫn, an-sát honoraire, làng Bạch-mai, tổng Kim-liên, huyện Hoàn-long, tỉnh Hà-đông.

15. — Phó Bá-Thuận, trợ-tá huyện Bình-lục, Hà-nam.

19. — Trần Chấp-Trung, tổng-sư tổng Quảng-phúc, làng Quảng-phúc, huyện Yên-mô, tỉnh Ninh-bình.

20. — Vương Khả-Lãm, secrétaire des Douanes et Régies à Đò-lèn (gare).
(Đã có chân thường-hội-viên, xin đổi ra chủ-trì).

B. *Xin vào thường-hội-viên*

1. Ông Hoàng Đình - Liệu, thủ - khoa sung thừa-phái huyện Văn-giang, Bắc-ninh.
2. — Phan Bá-Cẩn, secrétaire de Travaux Publics, Huế.
3. — Phan Trọng-Thuân, thừa-phái tỉnh Bắc-ninh.
4. — Nguyễn Trọng-Nhiễm, thừa-phái tỉnh Bắc-ninh.
5. — Nguyễn Hữu-Tiến, tú-tài, làm việc ở Đông-kinh ấn-quán, Hanoi.
6. — Ta Duy-Tòng, cựu chánh-tổng, làng La-phù, phủ Hoài-đức, tỉnh Hà-đông.
7. — Trần Ngọc-Hồ, secrétaire des Douanes et Régies à Van-lý, Nam-định.
8. — Trịnh Ngọc-Chang, secrétaire des Douanes et Régies, à Văn-lý, Nam-định.

***

Các tin-tức vặt. — Trong tháng Mars, Ông R. A. Fontaine là quản-lý Công-ti Rượu Đông-dương có quyên giúp vào Hội ta 1000 $, 500 $ đứng tên riêng ông và 500 $ đứng tên Công-ti Rượu Tòa trị-sự đã viết thơ cám ơn ông và ghi tên ông vào chân tán-trợ Hội.

— Ông chủ-trì hội-viên Bùi Phụ-Kinh, tri-huyện Yên-mô, Ninh-bình, ngày 23 Avril 1920 có gửi lên 100 quan tiền tây, thay mặt cả nha-lại huyện ông, để quyên vào Hội « Kỷ-niệm Đông-dương », nhờ Hội ta chuyển - đạt cho. Tòa trị-sự định sẽ góp món tiền ấy vào với khoản thâu-nhập cuộc diễn-kịch, rồi nhờ Chánh-phủ gửi cả sang Đại-Pháp cho Hội « Kỷ-niệm ».

— Tòa trị-sự định các ông chủ-trì hội-viên được vào Hội từ năm ngoái mà chưa nộp tiền nhập-hội 20 $, xin kíp nộp ngay, Hội đương cần tiền về việc xây-dựng nhà hội-quán, hạn hai tháng kể từ ngày 1er Mai nếu không nộp thời tiện-thị xóa tên trong sổ hội-viên đi. — Lại định rằng theo Điều-lệ mới thời chủ-trì hội-viên có thể nộp mỗi năm 2 $ được, nhưng đó là kể những hội-viên vào Hội tự năm 1920 trở đi, còn những người vào trước thời phải nộp 20 $ một lúc như lệ cũ.

— Điều-lệ mới đã in xong, ông hội-viên nào muốn lấy xin viết thơ về cho ông Phạm Quỳnh, và đính theo một cái *timbre de 5 centimes*.

Cải-chánh

Bài « *Một cái thơ đáng đọc* » :

Trang 198 : *nước Pháp có đủ sức mà lấy cả tỉnh Tây.*
đọc : *nước Pháp có đủ sức mà lấy ba tỉnh phía tây.*

Trang 199 : *tâu xin Triều-đình định đạt.*
đọc : *tâu xin Triều-đình định đoạt.*

Ông Dupuis nói ngắn rằng . . . . .
đọc : *ông Dupuis nói ngang rằng . . . . . .*

Trang 204 : *có người nói ông là con nhà tướng mà lại tài dụng binh.*
đọc : *mà lại có tài dụng binh.*

Trang 205 : *có việc đợi mãi, không làm mới chịu làm.*
đọc : *không thể không làm được mới chịu làm.*